

WALTER TEVIS



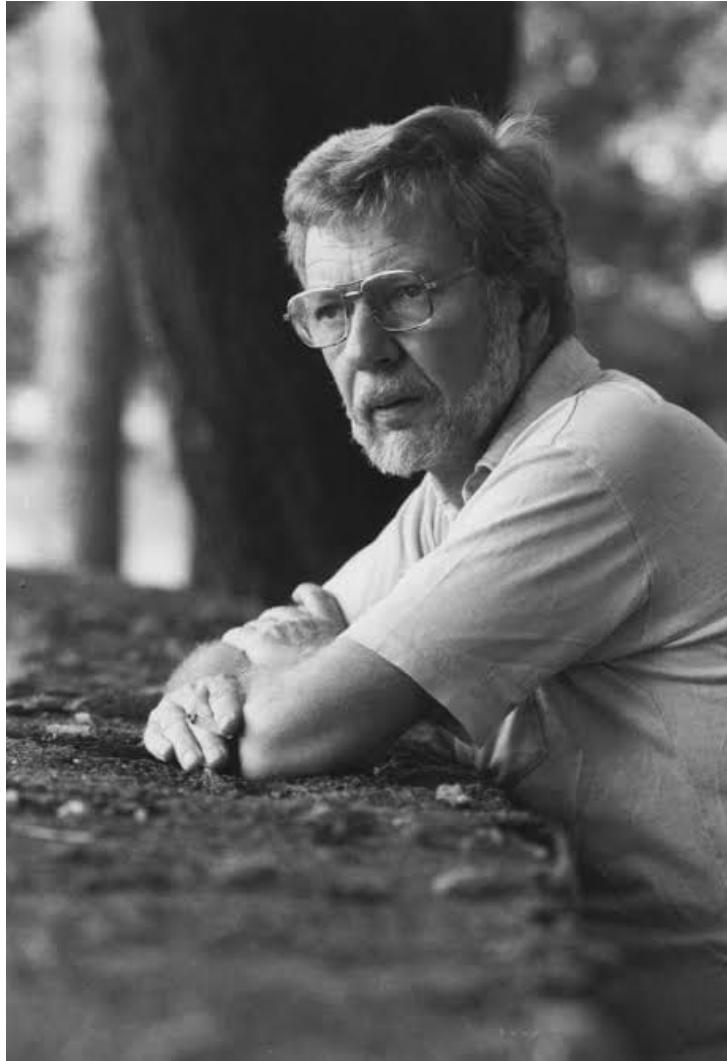
HẠ PHẠM

Người dịch: Thái Vi - Yên Chi



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Walter Tevis



(1928-1984)

Tiểu thuyết gia và nhà viết truyện ngắn nổi tiếng người Mỹ. Ông dành phần lớn cuộc đời giảng dạy tại Đại học Ohio trước khi chuyển đến New York để trở thành nhà văn toàn thời gian.

Ba tiểu thuyết của ông được dựng thành phim điện ảnh và đoạt nhiều giải thưởng là *Kẻ lừa đảo*, *Màu tiền* và *Hạ phàm*. Năm 2020, một tiểu thuyết khác của ông là *Gambit Hậu* được Netflix chuyển thể thành phim truyền hình ăn khách.

Các tác phẩm:

Kẻ lừa đảo
(1959)

Chim nhại
(1980)

Gambit Hậu
(1983)

Màu tiền
(1984)

*và con tàu đẹp để xa hoa bắt gặp
Lạ lòng sao, cậu trai rơi xuống từ trời cao,
Nhưng tàu vẫn lướt đi, thản nhiên trong yên ả.*

- W. H. Auden

Hạ phàm kể về Thomas Jerome Newton, một người ngoài hành tinh giả dạng con người hạ cánh xuống trái đất. Quê hương của y là hành tinh Anthea gần như đã bị hủy diệt bởi thảm họa hạt nhân. Bỏ lại vợ con cách xa hàng triệu dặm, Newton phải cố gắng hòa nhập vào xã hội loài người xa lạ, chịu đựng đau đớn do môi trường khắc nghiệt, tìm cách chế tạo một phi thuyền khổng lồ nhằm cứu lấy những sinh mạng cuối cùng của dân tộc y.

Hạ phàm (tựa gốc: **The Man Who Fell to Earth**) đã được chuyển thể thành phim điện ảnh năm 1976, có nam ca sĩ huyền thoại David Bowie đóng vai chính, và hai bản phim truyền hình vào các năm 1987 và 2022.

Một thiên khoa học giả tưởng tuyệt đẹp... Kể về một vị khách ngoài không gian nhưng lại nói lên những điều thâm thúy về chính chúng ta. - **The New York Times**.

Câu chuyện đủ thực tế để trở thành phép ẩn dụ cho nỗi cô đơn hiện sinh trong mỗi chúng ta. - **Nhà văn Norman Spinrad**.

Tevis đã viết với sức mạnh, kịch tính nhưng vẫn đầy chất thơ.
- **The Washington Post Book World**

THE MAN WHO FELL TO EARTH

Copyright © 1963, 1991, 2014 BY WALTER TEVIS

This edition arranged with SUSAN SCHULMAN LITERARY AGENCY,
LLC through BIG APPLE AGENCY, INC., LABUAN, MALAYSIA.

VIETNAMESE edition copyright 2022 Kim Dong Publishing House.

All rights reserved.

Xuất bản theo Hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa SUSAN
SCHULMAN LITERARY AGENCY, LLC và Nhà xuất bản Kim Đồng,
2021.

Bản quyền bản tiếng Việt thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2022.

WALTER TEVIS



Người dịch: Thái Vi - Yên Chi
Minh họa: Phúc Niên

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

eBook@amylee

tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ



1985:
Icarus hạ cánh

1985:

Icarus hạ cánh

1.

Sau khi đi bộ hai dặm, y gặp một thị trấn. Ở rìa ngoài là tấm biển đề Haneyville; Dân số 1.400. Một số lượng vừa vặn, ổn thỏa. Trời vẫn còn sớm. Để cuộc bộ hai dặm y đã chọn đi vào buổi sáng, vì trời sẽ mát mẻ hơn... và vì bây giờ chưa có ai xuống phố. Y đi qua mấy ô phố trong ánh sáng tù mù, xáo động vì sự lạ lẫm, căng thẳng và có phần hoảng hốt. Y cố không nghĩ tới điều y sắp thực hiện. Y đã nghĩ về điều đó đủ lắm rồi.

Trên con phố chính không lớn mấy, y tìm thấy thứ mình cần, tại một cửa hiệu nhỏ tên Hộp Châu Báu. Ở góc phố gần đó có một băng ghế gỗ xanh lục, y bước tới, ngồi xuống ghế, thân mình y ê ẩm vì chuyến đi bộ dài.

Vài phút sau y trông thấy một nhân loại.

Một người nữ, một người đàn bà bơ phờ trong bộ áo dài màu lam dị dạng, lê bước ngược lên phố về phía y. Y vội vã dời mắt, sững người. Cô ta trông không đúng lắm. Y cứ tưởng nhân loại sẽ cùng một kích cỡ với y, nhưng người này thấp hơn y hẳn một cái đầu. Sắc diện cô ta hồng hào hơn y đã hình dung, da sẫm hơn. Và vẻ ngoài, cái cảm giác toát ra, thật lạ lẫm... dù y đã biết trông thấy một nhân loại trực tiếp sẽ không giống như xem qua màn ảnh.

Phố xá dần đông người và toàn thể họ nhìn chung giống với nhân loại đầu tiên mà y gặp. Y nghe tiếng một người đàn ông nhận xét, trong lúc đi ngang qua, "... như tớ bảo đấy, người ta

chẳng còn làm ra thứ ô tô như thế nữa,” và mặc cho lời phát âm kì quặc, không rõ ràng như y những tưởng, y vẫn có thể hiểu được dễ dàng.

Có mấy người nhìn y chòng chọc, vài người trông đáng ngờ, nhưng không làm y nghi ngại. Y hi vọng sẽ không bị ai rầy rà và thấy vững dạ sau khi đã quan sát những người khác. Y cho rằng bộ quần áo y mặc sẽ giúp qua mắt họ.

Khi hiệu trang sức mở cửa, y chờ mười phút rồi mới bước vào. Sau quầy là một người đàn ông thấp, mập mạp, vận một cái áo màu trắng, cổ buộc ca vát, đang quét bụi trên các kệ. Ông ta ngừng tay, nhìn y một chốc, cái nhìn toát lên chút ít quái lạ, và nói, “Thưa ông?”

Y thấy mình quá cao, y thấy thật lúng túng. Đột nhiên y quá sức hãi hùng. Y mở miệng định nói. Chẳng nói được tiếng nào. Y cố gắng mỉm cười, mặt y cứng ngắc. Y cảm thấy, sâu bên trong mình, nỗi hoảng loạn đang trỗi dậy, trong một thoáng y nghĩ mình sắp ngất đi.

Người đàn ông nọ vẫn nhìn y chòng chọc, cái nhìn như cố định, bất biến. “Thưa ông?” Ông ta lặp lại.

Bằng một nỗ lực phi thường, y mới thốt lên. “Tôi... tôi muốn hỏi xem liệu ông có hứng thú với... chiếc nhẫn này không?” Không biết bao nhiêu lần y đã phác ra trong đầu câu hỏi vô hại ấy, rồi không ngừng lặp đi lặp lại với chính mình. Vậy mà giờ đây từng tiếng vang lên dị hợm trong tai y, như một tập hợp lố bịch những âm tiết vô nghĩa.

Người đàn ông nọ vẫn đang nhìn y chòng chọc. “Nhẫn thế nào?” Ông ta hỏi.

“Chậc.” Không biết nhờ đâu mà y vắn được một nụ cười. Y rút chiếc nhẫn vàng đeo ở bàn tay trái, đặt lên quầy, e ngại chạm phải tay ông ta. “Tôi... đang lái xe ngang qua thì xe hỏng. Xe đỗ ngoài đường lớn, cách đây vài dặm. Tôi hết nhẫn tiền, tôi nghĩ có khi bán được nhẫn. Chiếc nhẫn này khá được giá.”

Người đàn ông lật tới lật lui chiếc nhẫn bằng hai tay, sẫm soi với một vẻ ngờ vực. Cuối cùng ông ta hỏi, “Ở đâu ông có thứ này?”

Giọng điệu ông ta khiến cổ họng y thít lại, thở không ra. Có gì sai trật rồi chẳng? Màu sắc của vàng ư? Hay viên kim cương có vấn đề gì? Y gắng sức mỉm cười lần nữa. “Vợ tôi đưa đấy. Hồi mấy năm trước.”

Mặt ông ta vẫn sầm sẫm. “Làm sao tôi biết đây không phải đồ trộm cướp?”

“Ôi.” Y thấy như vừa được tha bổng. “Tên tôi khắc trên nhẫn.” Y lôi ví trong túi áo ra. “Và tôi có giấy tờ tùy thân.” Y rút cuốn hộ chiếu, đặt lên quầy.

Người đàn ông ngó chiếc nhẫn, đọc to, “T. J. Marie Newton tặng, Kỷ niệm, 1982,” và “Vàng 18 K.” Ông ta để chiếc nhẫn xuống, nhấc cuốn hộ chiếu lên, lật xem. “Người Anh à?”

“Phải. Tôi làm thông dịch cho Liên Hiệp Quốc. Lần đầu tiên tôi du ngoạn ở chốn này. Muốn xem thử xứ này ra sao.”

“Hừmm,” người đàn ông trầm ngâm, rồi lại xem cuốn hộ chiếu. “Tôi nghe ông nói giọng địa phương.” Xem tới chỗ ô dán ảnh ông

ta đọc: “Thomas Jerome Newton.” Và rồi, lại sẫm soi lần nữa. “Không có gì để hỏi thêm. Đây là ông, được rồi.”

Y lại mỉm cười, lần này nụ cười đã nhẹ nhõm hơn, thành thật hơn, dù y vẫn cảm thấy choáng váng, lạ lẫm... Luôn luôn tồn tại một sức nặng kinh khiếp nơi thân thể y, sức nặng được sản sinh bởi trọng lực nặng tựa chì của chốn này. Nhưng y vẫn xoay xở để nói được một cách tự nhiên: “Vậy thì, ông có hứng thú mua chiếc nhẫn này không?”

* * *

Y được trả sáu mươi đô la cho chiếc nhẫn, và y biết người ta gạt mình. Nhưng giờ đây thứ y có trong tay giá trị với y nhiều hơn là chiếc nhẫn, nhiều hơn là hàng trăm chiếc nhẫn giống vậy mà y giữ bên mình. Giờ đây y đã khởi sự được lòng tin ở chính mình, và y đã có tiền.

Y dùng một phần tiền mua nửa cân¹ thịt xông khói, sáu quả trứng, bánh mì, mấy củ khoai tây, một ít rau... Toàn bộ thực phẩm nặng cả thảy mười cân, chừng đó thì y mang vác nổi. Dăm ba kẻ tò mò ngó nghiêng y, nhưng không ai hỏi gì, mà y cũng không tình nguyện lên tiếng. Chẳng cần phải bận tâm, y sẽ không trở lại thị trấn thuộc bang Kentucky này nữa.

Khi rời thị trấn, y thấy đã khá khỏe, mặc cho vẫn còn đó sức nặng và cơn đau trong từng khớp xương và trên tấm lưng y, bởi lẽ y đã hoàn thành bước thứ nhất. Y đã khởi sự được, giờ đây y đã có trong tay món tiền Mĩ đầu tiên. Nhưng tới lúc đi khỏi thị trấn được một dặm đường, băng qua một cánh đồng trơ trụi, hướng về

phía những ngọn đồi thấp nơi y đã hạ trại, hết thấy đột nhiên ập xuống y bằng một đòn chấn kinh chí mạng... Sự lạ lẫm, nhận thức bị đe dọa, nỗi đau đớn và bồn chồn bên trong thân thể... Y ngã lăn ra đất và nằm đó, thể xác và tâm trí y gào thét phản kháng sự cuồng bạo đang trút xuống, sự cuồng bạo đến từ cái chốn ngoại lai, xa lạ và cách biệt nhất trong toàn thủy các nơi chốn này.

Y phát ốm: Phát ốm vì cuộc hành trình dài và hung hiểm mà y đã trải qua, phát ốm vì mọi thứ thuốc men... thuốc viên, thuốc tiêm, thuốc hít... phát ốm vì lo âu, vì dự đoán nguy cơ, và phát ốm tột độ vì gánh nặng kinh khiếp đến từ sức nặng của chính y. Nhiều năm qua y đã biết rằng khi thời cơ đến, khi sau cùng y sẽ hạ cánh để bắt tay thực hiện kế hoạch trường kì, phức tạp này, y sẽ cảm thấy điều gì đó như bây giờ đây. Nơi chốn này, bất kể y đã nghiên cứu nhiều đến đâu, bất kể y đã diễn tập phần mình bao nhiêu lần đi nữa, vẫn khiến y thấy xa lạ khủng khiếp, cảm giác ấy, mà giờ đây y đang nhận thức, là cảm giác bị chế ngự. Y nằm xuống cỏ và cảm thấy ốm nặng.

Y không phải nhân loại, nhưng rất giống nhân loại. Y cao gần hai mét, có những nhân loại thậm chí còn cao hơn, tóc y trắng như bị bệnh bạch tạng, nhưng da mặt y lại rám râm, hai mắt y xanh lơ. Thân hình y gầy gò một cách khác thường, các đường nét mảnh khảnh, các ngón tay y thon dài, làn da y nhờ nhờ, không có lông. Mặt y phẳng phất vẻ ma quái, cặp mắt to minh mẫn, ánh mắt trong trẻo như một đứa bé, mái tóc trắng, xoăn của y giờ đã mọc quá tai. Y trông như rất trẻ.

Tất nhiên cũng có những điểm khác biệt: Móng tay y, chẳng hạn, là móng giả, bởi lẽ y không có sẵn thứ ấy. Mỗi bàn chân y chỉ

có bốn ngón, y không có ruột thừa và không có răng khôn. Y không biết nấc là gì, bởi lẽ cơ hoành của y, cùng với phần còn lại của bộ máy hô hấp, cực kì vững chãi, đã tiến hóa cao độ. Lồng ngực y giãn nở được trên dưới năm tấc. Y nặng chẳng bao nhiêu, tầm bốn mươi một kí.

Dù vậy y có lông mi, lông mày, ngón cái tách với các ngón còn lại trên bàn tay, thị giác phối hợp hai mắt, và cả nghìn đặc điểm sinh lí của một nhân loại bình thường. Y không bao giờ nổi mụn cóc, nhưng có thể bị loét dạ dày, sỏi và sâu răng. Y là người, mà không, chính xác hơn, y là một người đàn ông. Hơn nữa, cũng như con người, y miễn cảm với tình yêu, nỗi sợ, với nỗi đau thể xác mãnh liệt và với nỗi sầu tủi.

Sau nửa giờ y thấy đỡ hơn. Bụng y vẫn nhộn nhạo, đầu nặng trĩu như không nhấc dậy nổi, nhưng y cảm giác được cơn khủng hoảng đầu tiên đã qua rồi, y bắt đầu nhìn thế giới xung quanh một cách công tâm hơn. Y ngồi dậy trên cánh đồng và phóng mắt tới tận bờ bên kia. Đó là một đồng cỏ đều hiu, nhếch nhác, với những khoảnh đất nhỏ mọc lên thứ cỏ úa, cỏ chổi, những khoảnh tuyết tan lóng lánh đang đông cứng trở lại. Không khí khoáng đãng và bầu trời âm u, qua đó ánh sáng khuếch tán ra dịu dịu, không làm nhói mắt y như thứ nắng mặt trời chói lòa của hai hôm trước. Phía bên kia những lùm cây trơ trụi, tối tăm bao quanh rìa cái ao là một ngôi nhà nhỏ với nhà kho. Xuyên qua đám cây, y có thể thấy được nước trong ao, cảnh tượng ấy khiến y nín thở vì choáng ngợp. Y đã thấy cảnh như vậy trước đó rồi, trong hai ngày trên địa cầu này, thế mà y vẫn không sao quen nổi. Lại là một thứ y đã biết trước nhưng vẫn chấn động khi nhìn tận mắt. Y biết, hiển nhiên, về những đại dương mênh mông, về những hồ,

những sông, y biết về những thứ ấy từ thuở bé thơ, nhưng hình ảnh nước ngập chiếc ao con ngoài đời thực vẫn khiến y rợn ngợp.

Rồi y bắt đầu nhận ra một cái gì đẹp đẽ trong sự xa lạ của cánh đồng này. Hoàn toàn khác biệt với những gì y đã được dạy dỗ, cũng như với rất nhiều điều của thế giới này, y vừa mới khám phá ra thôi... giờ đây y thấy thích thú với những kết cấu và màu sắc lạ lùng quanh y, với những mùi hương và cảnh trí mới lạ. Với cả những âm thanh, bởi lẽ tai y rất thính, y nghe được nhiều tiếng động thú vị và dị kì trong cỏ, đủ thứ tiếng lách cách, sột soạt của những con côn trùng đã sống sót qua tiết trời giá lạnh đầu tháng Mười Một, và thậm chí, giờ đây đầu kê sát đất, y nghe được những tiếng rì rầm mơ hồ, xa vắng của chính quả đất này.

Đột nhiên trong không trung vang lên tiếng đập cánh, những đôi cánh đen vút lên cao, rồi có tiếng rít thê thiết, một tá quạ bay bên trên, vút qua cánh đồng. Người con Anthea dõi mắt theo mãi tới khi lũ chim xa khuất, rồi y mỉm cười. Sau cùng, có lẽ nơi này sẽ là một thế giới đẹp đẽ...

* * *

Y hạ trại ở một vị trí rộng rãi và thoáng mát, mà y đã chọn rất cẩn thận... Một vùng mỏ than bỏ hoang ở phía Đông Kentucky. Chẳng có thứ gì trong vòng vài dặm quanh đó, trừ mặt đất trơ trụi, những khoảnh đất nhỏ mọc lên thứ cỏ chổi héo úa, và những mỏm đá đen đặc bở hóng. Gần một trong những mỏm đá nọ là túp lều quét hắc ín của y, khó mà thấy được trên nền đá. Túp lều ấy màu xám và được làm từ một chất gì như vải cotton sợi chéo.

Y gần như kiệt sức khi tới được đó, phải nghỉ cho lại sức vài phút trước khi mở bao tải lấy thức ăn. Y làm việc ấy cẩn thận, tay đeo đôi găng mỏng trước khi chạm vào những gói hàng, sau đó xếp chúng lên chiếc bàn gấp nhỏ. Từ bên dưới bàn y rút ra một mớ dụng cụ, đặt bên cạnh những thứ y đã mua ở Haneyville. Y nhìn một lúc mớ trứng, khoai tây, cần tây, củ cải, gạo, đậu, dôi và cà rốt. Y thoáng cười nhẹ, với chính y. Những thứ thức ăn này trông có vẻ vô hại.

Rồi y cầm lên một trong các dụng cụ nhỏ bằng kim loại, cắm một đầu vào củ khoai tây, và bắt đầu quá trình phân tích định tính...

Ba tiếng sau y ăn củ cà rốt, ăn sống, và ngoạm thử một miếng củ cải, thứ này khiến lưỡi y bỏng rát. Các thức ăn này ỏn... xa lạ cực độ, nhưng ỏn với y. Rồi y nhóm lửa và luộc trứng với khoai tây. Món dôi thì y đem vùi xuống đất... y phát hiện nó chứa các axit amin mà y không rõ. Nhưng không có gì gây hại cho y, trừ vi khuẩn vẫn thường trực trong các thức ăn khác. Đúng như họ đã đoán trước. Y thấy khoai tây ăn ngon, dù toàn là tinh bột.

Y thấy rất mệt. Dù vậy, trước khi ngã lưng nghỉ ngơi, y đi ra ngoài xem xét chỗ y đã phá hủy các thiết bị và động cơ của chiếc phi thuyền một người lái của mình cách đây hai ngày, tức là ngày đầu tiên y đáp xuống trái đất.

2.

Tiếng nhạc là bản *Ngũ tấu cho kèn clarinet và dàn nhạc dây cung La trưởng* của Mozart. Ngay trước nhịp allegretto² sau chót, Farnsworth đã điều chỉnh thanh âm trầm trên âm li và hơi tăng âm lượng lên. Rồi ông ta nặng nề gieo mình vào chiếc ghế bành bọc da. Ông thích nghe nhịp allegretto với những họa âm có âm trầm hùng hồn, những họa âm ấy cho tiếng kèn clarinet một sự cộng hưởng dường như có một hàm nghĩa gì. Ông ta nhìn chằm chằm bức màn cửa sổ, khung cửa trông xuống Đại lộ số Năm, đan những ngón tay mập mập vào nhau, và thưởng thức bản hòa nhạc.

Khi nhạc đã ngừng và cuốn băng tự động tắt, ông ta nhìn về phía ngưỡng cửa thông ra văn phòng bên ngoài, trông thấy chị hầu gái đang đứng đó, nhẩn nại, chờ chủ. Ông liếc sang chiếc đồng hồ bằng sứ trên bệ lò sưởi, cau mày. Rồi ông ta nhìn chị này và hỏi: “Sao thế?”

“Một ông Newton nào đó đến nhà, thưa ông.”

“Newton nào?” Ông ta không quen tên Newton giàu có nào cả. “Hắn muốn gì?”

“Ông ấy không bảo, thưa ông.” Nói đoạn chị ta khẽ nhướn một bên mày. “Ông ta có vẻ kì quặc, thưa ông. Và trông ông ấy là người... quyền thế.”

Ông ta nghĩ ngợi một chốc, rồi bảo: “Cho hắn vào.”

Chị hầu gái nói đúng, người đàn ông ấy thật kì quặc. Cao, gầy, tóc trắng, khung xương mảnh khảnh, thanh tú. Y có làn da trơn nhẵn, bộ mặt như một thằng bé con... nhưng đôi mắt rất lạ, như thể hai mắt yếu ớt, nhạy cảm quá độ, nhưng toát lên một vẻ già dặn, thông tuệ và mệt mỏi. Người đàn ông ấy mặc bộ com lê xám đậm đặt tiền. Y bước lại chỗ chiếc ghế và ngồi xuống một cách thận trọng, nới lỏng thân mình trên ghế như đang mang vác một trọng lượng kinh khiếp. Rồi y nhìn Farnsworth và mỉm cười. “Ông là Oliver Farnsworth?”

“Ông uống gì chứ, ông Newton?”

“Xin cho tôi cốc nước.”

Farnsworth thầm nhún vai và truyền đạt mệnh lệnh với chị hầu gái. Rồi, khi chị này đã rời đi, ông ta nhìn vị khách của mình và nghiêng người, một cử chỉ quen thuộc hàm ý, “Ta tiếp tục câu chuyện nào.”

Newton vẫn ngồi thẳng, hai bàn tay dài, mảnh khảnh đan vào nhau đặt trên chân và nói, “Ông rất thông thạo trong lĩnh vực bằng sáng chế, theo tôi được biết?” Giọng y có pha chút âm sắc địa phương và cách y phát âm quá chính xác, câu nệ. Farnsworth không thể nhận diện được đây là giọng vùng nào.

“Phải.” Farnsworth đáp, và rồi hơi cộc cằn. “Tôi làm việc giờ hành chính, thưa ông Newton.”

Newton dường như không nghe gì. Giọng y hòa nhã, trầm ấm. “Tôi hiểu, thực chất mà nói, ông là người giỏi nhất ở Hoa Kỳ trong lĩnh vực bằng sáng chế. Cũng như giá thuê ông rất đắt đỏ.”

“Phải. Tôi thạo việc.”

“Tốt lắm.” Người kia bảo. Y thò tay xuống một bên chiếc ghế đang ngồi và cầm lên chiếc cặp tài liệu.

“Vậy ông cần gì?” Farnsworth đưa mắt nhìn đồng hồ lần nữa.

“Tôi muốn bàn bạc vài chuyện với ông.” Người đàn ông cao ráo lấy ra một phong bì từ trong cặp.

“Nhưng giờ không phải khá muộn rồi ư?”

Newton mở phong bì, rút ra một xấp tiền giấy mỏng, được buộc bằng sợi dây thun. Y nhìn lên và mỉm cười hòa nhã. “Ông có thể vui lòng đến đây lấy không? Tôi đi lại rất khó khăn. Do chân tôi.”

Bực bội, Farnsworth nhắc mình khỏi ghế, đi về phía người đàn ông cao ráo, nhận lấy tiền, trở lại chỗ và ngồi xuống. Đó là một xấp những tờ tiền mệnh giá một nghìn đô.

“Có mười tờ.” Newton nói.

“Ông thật biết bày trò quỷ tha ma bắt quá đi.” Ông ta nhét xấp tiền vào túi áo choàng mặc nhà. “Thế tiền này để làm gì?”

“Để có được đêm nay.” Newton trả lời. “Ba giờ đồng hồ được ông tiếp đãi thân cận.”

“Nhưng Chúa ơi, tại sao lại là ban đêm chứ?”

Người kia nhún vai ra chiều thờ ơ. “Ồ, nhiều lí do. Một trong số đó là tính riêng tư.”

“Ông có thể khiến tôi chú ý với số tiền ít hơn mười nghìn đô la.”

“Phải. Nhưng tôi cũng muốn gây ấn tượng cho ông về... tầm quan trọng của cuộc nói chuyện giữa hai ta.”

“Chắc.” Farnsworth nhàn tản ngả lưng vào ghế. “Ta nói chuyện nào.”

Người đàn ông gầy gò dường như thư giãn hơn, nhưng y không tựa người ra sau. “Đầu tiên, ông kiếm được bao nhiêu tiền một năm, thưa ông Farnsworth?”

“Tôi không làm công ăn lương.”

“Vậy thì. Ông kiếm được bao nhiêu tiền năm vừa rồi?”

“Thôi được. Ông đã chi tiền cho cuộc nói chuyện này. Khoảng một trăm bốn mươi nghìn.”

“Tôi hiểu. Vậy là ông, nếu mọi chuyện vẫn thế, là một người giàu có?”

“Đúng vậy.”

“Nhưng ông có thích được thêm không?”

Chuyện trở nên khôi hài. Nghe như một chương trình truyền hình rẻ tiền. Nhưng người đàn ông kia đã chi tiền nên tốt hơn hết là vẫn tiếp tục thôi. Farnsworth rút một điều thuốc từ chiếc hộp bọc da và đáp: “Dĩ nhiên tôi muốn có nhiều hơn.”

Lần này Newton nghiêng về trước đôi chút. “Nhiều hơn rất nhiều chứ, ông Farnsworth?” Y nói, mỉm cười, bắt đầu tận hưởng tình thế hiện tại.

Hắn rồi, lại là một tình tiết hết như trên truyền hình, nhưng cũng là một lối truyền đạt dễ hiểu. “Có.” Farnsworth đáp, và hỏi thêm. “Ông hút thuốc chứ.” Ông chìa chiếc hộp về phía vị khách.

Làm lơ lời mời ấy, người đàn ông với mái tóc trắng đáp lại: “Tôi có thể khiến ông rất giàu, ông Farnsworth ạ, nếu ông chịu cống hiến cho tôi toàn bộ năm năm tới đây của ông.”

Farnsworth giữ vẻ mặt vô cảm, đưa tay châm thuốc trong lúc đầu óc làm việc tức tốc, tua đi tua lại toàn bộ cuộc trò chuyện lạ lùng này, bị đánh đổ với tình huống hiện tại, hoang mang với một khả năng mong manh rằng lời đề nghị của người đàn ông này là tỉnh trí. Nhưng người đàn ông ấy, dù quái lạ đi nữa, có tiền. Hay tốt hơn là cứ chiều theo y một lúc. Chị hầu gái bước vào, tay bưng khay bạc có cốc và đá.

Newton cẩn thận lấy cốc nước khỏi khay, rồi một tay cầm cốc, tay kia y rút từ trong túi ra một hộp aspirin, mở nắp bằng ngón cái, và thả một viên thuốc trong số đó vào nước. Viên thuốc tan ra, một thứ nước trắng đục. Y cầm chiếc cốc và ngắm nghía trong một thoáng, rồi bắt đầu nhấp từng chút một, chậm rãi tột độ.

Farnsworth là một luật sư, ông ta để mắt tới các chi tiết. Ông thấy ngay có gì đó dị kì về hộp aspirin. Một món đồ thông thường, rõ ràng chỉ là hộp aspirin hiệu Bayer; nhưng có gì đó không đúng. Có gì đó không đúng với cách Newton nhấp từng ngụm nước, chậm chậm, thận trọng không để sánh ra lấy một giọt... như thể thứ nước ấy rất đổi quý giá. Nước lại còn đục ngầu vì một viên aspirin, dường như không đúng lắm. Ông ta sẽ thử với một viên aspirin sau vậy, khi người đàn ông này rời đi, để xem sao.

Trước khi chị hầu gái rời phòng, Newton nhờ chị này mang chiếc cặp tài liệu của y cho Farnsworth. Khi chị ta đi rồi, y nhấp một một ngụm sau chót, hết mực kính cẩn, và đặt chiếc cốc vẫn

còn gần như đầy qua bên cạnh y trên bàn. “Có một số thứ trong cặp tài liệu xin nhờ ông đọc cho.”

Farnsworth mở túi, thấy một xấp dày giấy tờ và lấy ra, đặt vào lòng. Thứ giấy ấy, ông ta chú ý ngay lập tức, gây cảm giác khác thường. Cực mỏng, cứng cáp nhưng vẫn đàn hồi. Tờ trên cùng là các công thức hóa học được in rõ ràng bằng thứ mực màu lam. Ông ta lật nhanh các trang còn lại; các sơ đồ mạch điện, biểu đồ và bản vẽ giản lược thể hiện thứ gì như trang thiết bị nhà máy. Các dụng cụ và khuôn. Nhìn thoáng qua, một vài công thức có vẻ quen thuộc. Ông ta ngược lên. “Điện tử à?”

“Phải. Một phần. Ông rành về loại trang thiết bị này sao?”

Farnsworth không trả lời. Nếu người đàn ông kia biết chút gì về ông ta, y hẳn đã biết ông ta kinh qua nửa tá trận chiến với vai trò cầm đầu một nhóm gần bốn mươi luật sư, chiến đấu vì số phận của một trong các hãng sản xuất linh kiện điện tử lớn nhất thế giới. Ông ta bắt đầu xem các giấy tờ...

* * *

Newton ngồi thẳng trên ghế, nhìn Farnsworth, mái tóc trắng của y lóng lánh dưới ánh đèn chùm. Y đang mỉm cười, dầu toàn thân y đau nhức. Sau một lúc, y nhấc chiếc cốc lên và bắt đầu nhấp nước, ở chốn quê nhà của y, ròng rã suốt cuộc đời y, nước là thứ quý giá đứng trên mọi thứ. Y chậm rãi nhấp từng ngụm và quan sát Farnsworth đọc. Sự căng thẳng mà y cảm thấy trước đó, nỗi âu lo được y che đậy cẩn thận mà văn phòng tuyệt đối lạ lẫm này trong một thế giới vẫn còn xa lạ đã khơi gợi lên, nỗi hãi hùng

mà nhân loại béo tốt này, với phần hàm bạnh ra, làn da căng khít hộp sọ và hai mắt ti hí như mắt lợn đã gây cho y, giờ đây bắt đầu tan biến. Giờ đây y biết rằng y đã có được con người này, y đã đến đúng chỗ...

* * *

Hơn hai tiếng đồng hồ trôi qua Farnsworth mới ngẩng lên từ mớ giấy tờ. Suốt thời gian ấy ông ta uống hết ba cốc whiskey. Khóe mắt ông ta ửng hồng. Trông về phía Newton, hai mắt ông ta nhấp nháy, ban đầu không nhìn rõ được y, rồi tiêu cự dần trở lại, hai con mắt ti hí của ông ta mở to.

“Sao nào?” Newton hỏi, vẫn mỉm cười.

Người đàn ông mập mạp thở một hơi, rồi lắc lắc đầu như thể cố gắng làm tâm trí sáng tỏ lại. Khi ông ta lên tiếng, giọng ông ta mềm mỏng, do dự, thận trọng cực độ. “Tôi không hiểu được hết. Chỉ một vài thôi. Một vài. Tôi không hiểu lĩnh vực quang học... hay phim chụp ảnh.” Ông ta lại nhìn xuống mớ giấy tờ trong tay, như để chắc là chúng vẫn còn ở đó. “Tôi là luật sư, ông Newton ạ. Tôi là một luật sư.” Và rồi, đột nhiên, giọng ông ta nhiệt thành, run rẩy và hùng hồn, cơ thể phồng phập và hai con mắt ti hí toát lên vẻ sôi nổi, chuyên chú. “Nhưng tôi biết về điện tử. Và tôi biết về các loại phẩm màu. Tôi nghĩ tôi hiểu được thứ... thứ máy khuếch đại của ông và tôi nghĩ tôi hiểu được thứ máy truyền hình của ông, và...” Ông ta ngừng một chốc, mắt nhấp nháy. “Chúa ơi, tôi nghĩ những thứ ấy có thể sản xuất được theo cách ông phác thảo.” Ông

ta thở ra, chậm chậm. “Có vẻ thuyết phục, ông Newton ạ. Tôi nghĩ chúng sẽ hoạt động.”

Newton vẫn đang mỉm cười với ông ta. “Chúng sẽ hoạt động. Toàn bộ.”

Farnsworth rút ra một chiếc xì gà và châm lửa, tự trấn tĩnh. “Tôi sẽ phải kiểm tra lại. Các hợp kim, các mạch điện...” Và rồi, đột nhiên, tự ông ta ngắt ngang, hai ngón tay mũm mĩm quắp chặt lấy chiếc xì gà, “Chúa ơi, ông này, ông có biết toàn bộ những thứ ấy nghĩa là sao không? Ông có biết rằng ông có chín... chín bằng sáng chế *tiên phong* ở đây không?” Ông ta nhấc một tấm giấy lên bằng bàn tay múp míp, “Ở đây ta có máy phát thị tần và ở đây là vi mạch chỉnh lưu? Và... ông có biết như thế nghĩa là sao không?”

Biểu cảm của Newton vẫn không đổi. “Có. Tôi biết như thế nghĩa là sao.” Y trả lời.

Farnsworth chậm chậm rít một hơi xì gà. “Nếu mọi thứ đúng là vậy, ông Newton ạ,” ông ta nói giọng điềm tĩnh hơn, “nếu mọi thứ đúng là vậy thì ông có thể nắm trong tay công ty Vô tuyến Hoa Kỳ, hãng Eastman Kodak. Chúa ơi, ông có thể sở hữu tập đoàn DuPont. Ông biết mình có gì ở đây không?”

Newton chăm chú nhìn ông ta một lúc. “Tôi biết tôi có gì ở đây.” Y đáp.

* * *

Họ mất sáu tiếng đồng hồ lái xe tới biệt thự điền dã của Farnsworth. Newton cố gắng duy trì cuộc nói chuyện một quãng

thời gian, găng gượng trong góc ghế sau chiếc limousine, nhưng những cú tăng tốc nặng nhọc của chiếc xe khiến cơ thể y đau đớn tột độ, trong khi cơ thể ấy đã quá tải vì sức trì của lực hấp dẫn mà y biết sẽ mất nhiều năm để làm quen. Y buộc lòng phải nói với tay luật sư là y rất mệt mỏi và cần được nghỉ ngơi. Rồi y nhắm mắt lại, để phần lưng ghế tựa đỡ lấy trọng lượng của y càng nhiều càng tốt, và chịu đựng cơn đau. Không khí trong xe cũng quá nóng với y... Đây là mức nhiệt vào những ngày nóng bức nhất ở nơi quê nhà y.

Cuối cùng, khi họ vượt qua bên kia rìa thành phố, người tài xế mới lái vững vàng hơn, và những cú giật đau đớn vì hết thắng lại thả mới bắt đầu ngớt đi. Y liếc nhìn Farnsworth vài lần. Tay luật sư không hề chớp mắt. Ông ta ngồi đó, khuỷu tay chống lên đầu gối, vẫn lật tới lật lui những giấy tờ mà Newton đã đưa, hai con mắt ti hí của ông ta sáng ngời, sôi nổi.

Biệt thự này đồ sộ, nằm cách biệt trong rừng cây rộng lớn. Tòa nhà và cây cối trông ẩm ướt, lóe sáng lòa nhòa dưới ánh ban mai màu xám, trông rất giống ánh sáng vào buổi chính Ngọ ở Anthea. Khung cảnh này giúp đôi mắt nhạy cảm quá độ của y được khoan khoái. Y thích những cánh rừng, cái cảm giác u tịch của sự sống nơi ấy, và ánh lóng lánh của nước đọng lại... Cảm giác về sự lai láng của nước và vẻ màu mỡ tràn ngập địa cầu này, ngay cả những tiếng rả rích rền vang miên viễn của lũ trùng bọ cũng khiến y thích thú. Đây ắt là một nguồn hạnh phúc vô biên so với thế giới của chính y, với sự khô kiệt, trống rỗng, tịch liêu của những hoang mạc cô quạnh, mênh mông giữa các đô thị gần như bỏ hoang, chỉ còn mỗi một âm thanh là tiếng than van của ngọn gió lạnh lẽo,

ngọn gió vĩnh hằng cất lên tiếng kêu thống khổ của chính dân tộc y, một dân tộc đang hấp hối...

Một người hầu ngái ngủ trong bộ áo choàng tắm tiếp họ ở cửa. Farnsworth cho gã lui và ra lệnh mang cà phê lên, rồi gọi với theo, căn dặn gã chuẩn bị phòng cho khách cũng như ông ta sẽ không tiếp cuộc gọi nào trong ít nhất là ba ngày sắp tới. Rồi Farnsworth đưa y vào thư viện.

Thư viện lớn và thậm chí còn bài trí xa hoa hơn cả thư phòng ở căn hộ tại New York. Rõ ràng Farnsworth đã đọc các tạp chí hàng đầu về giới nhà giàu. Ở giữa phòng là một bức tượng trắng hình người đàn bà trần truồng nâng một cây đàn lia tinh xảo. Hai bức tường lấp đầy kệ sách, trên mặt tường thứ ba là một bức tranh lớn vẽ một hình tượng tôn giáo mà Newton nhận ra được là Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập tự giá bằng gỗ. Bộ mặt trong tranh khiến y thoáng giật mình... Cái vẽ gây trơ xương và đôi mắt lớn trừng trừng ấy có khi là bộ mặt của một cư dân Anthea.

Rồi y nhìn Farnsworth, người này dù mắt lơ đãng giờ đã bình tĩnh hơn, ngả lưng vào chiếc ghế bành, hai bàn tay nhỏ đan vào nhau đặt trên bụng, đang quan sát vị khách của mình. Mắt họ gặp nhau, lúng túng trong một thoáng, và tay luật sư lia mắt sang nơi khác.

Rồi rất nhanh, ông ta nhìn trở lại và nói nhẹ giọng: “Chắc, ông Newton, các kế hoạch của ông ra sao?”

Y mỉm cười. “Rất đơn giản. Tôi muốn kiếm được càng nhiều tiền càng tốt. Càng nhanh càng tốt.”

Mặt tay luật sư không hiện lên biểu cảm gì, nhưng giọng ông ta ra vẻ giễu cợt. “Sự đơn giản của ông thật là tao nhã, ông Newton ạ,” ông ta nói. “Vậy trong đầu ông đã hình dung ra bao nhiêu tiền?”

Newton lơ đãng ngắm nghía những đồ mỹ nghệ xa hoa trong phòng. “Chúng ta có thể kiếm được bao nhiêu trong vòng, chẳng hạn như, năm năm?”

Farnsworth nhìn y một lát rồi đứng lên. Ông ta bước đi phục phịch sang chỗ kệ sách và bắt đầu xoay mấy chiếc núm nhỏ ở đó cho tới khi những chiếc loa đặt khuất đâu đó trong phòng bắt đầu phát tiếng vĩ cầm. Newton không biết giai điệu này, một giai điệu nhẹ nhàng với nhiều thanh âm đan xen. Vừa điều chỉnh các thông số Farnsworth vừa nói, “Tùy thuộc vào hai điều.”

“Đó là?”

“Đầu tiên, ông muốn làm ăn ngay thẳng ở mức độ nào, hả ông Newton?”

Newton tập trung sự chú ý trở lại với Farnsworth. “Hoàn toàn ngay thẳng. Một cách hợp pháp.”

“Tôi hiểu.” Farnsworth có vẻ như không chỉnh được âm cao cho vừa ý. “Vậy thì, điều thứ hai, phần của tôi sẽ là bao nhiêu?”

“Mười phần trăm lãi ròng. Năm phần trăm cổ phần toàn bộ tập đoàn.”

Đột ngột, Farnsworth giật các ngón tay khỏi mấy nút điều khiển âm li. Ông ta chậm chậm quay trở lại chiếc ghế của mình.

Rồi ông ta cười mỉm. “Được rồi, ông Newton. Tôi nghĩ ta có thể đạt lãi ròng khoảng... ba trăm triệu đô la, trong vòng năm năm.”

Newton nghĩ ngợi một lát. Sau đó y nói: “Không đủ.”

Farnsworth nhìn y chòng chọc một lúc lâu, cặp lông mày của ông ta nhướn cao, đoạn ông ta hỏi: “Không đủ cho cái gì kia, thưa ông Newton?”

Hai mắt Newton đanh lại. “Cho một... dự án nghiên cứu. Một dự án tốn kém.”

“Tôi cam đoan với ông là đủ.”

“Giả sử, tôi có thể cung cấp cho ông qui trình tinh luyện dầu mỏ hiệu quả hơn bất kì qui trình nào đang được áp dụng tầm mười lăm phần trăm, thì liệu có thể nâng con số của ông lên năm trăm triệu chẳng?”

“Ông liệu... qui trình ấy có thể thiết lập trong vòng một năm không?”

Newton gật đầu. “Trong vòng một năm ta có thể sản xuất vượt Công ty Dầu Standard... và tiếp đó, tôi cho là, ta có thể cho công ty ấy thuê lại.”

Farnsworth nhìn chòng chọc y lần nữa. Cuối cùng ông ta cất lời: “Chúng ta sẽ lên kế hoạch cho các thứ giấy tờ vào ngày mai.”

“Tốt.” Newton nhắc mình khỏi ghé một cách cứng nhắc. “Ta có thể nói về các thỏa thuận chi tiết hơn lúc ấy. Thực chất chỉ có hai điều quan trọng cần lưu ý: Ta kiếm tiền một cách trung thực, và tôi yêu cầu được hạn chế liên lạc với bất kì ai, ngoại trừ ông.”

Phòng ngủ cho y ở tầng trên, trong một thoáng y nghĩ mình sẽ không thể leo lên cầu thang nổi. Nhưng rồi y cũng xoay xở được, từng bậc một, trong khi Farnsworth đi bên cạnh y, không nói năng gì. Rồi, sau khi ông ta đưa y đến phòng, tay luật sư nhìn y và nhận xét: “Ông là một người lạ lùng, thưa ông Newton. Ông có phiền không nếu tôi hỏi ông là người ở đâu?”

Câu hỏi ấy thành linh nháy xỏ ra, nhưng y vẫn giữ được bình thản. “Không hề chi.” Y đáp. “Tôi đến từ Kentucky, ông Farnsworth ạ.”

Hàng lông mày của tay luật sư nhướn lên rất khế. “Ra thế.” Ông ta bảo. Rồi Farnsworth xoay người và bước đi phục phịch về phía cuối hành lang, sàn lát đá hoa cương vang vọng tiếng bước chân...

Phòng dành cho y có trần cao và được bài trí công phu. Y trông thấy một máy truyền hình đặt âm tường, thiết kế để có thể nằm xem trên giường, y nhìn nó và mỉm cười mệt mỏi... Y sẽ phải bật lên xem một lúc nào đó, để so sánh khả năng thu hình của nó với kỹ thuật truyền hình ở Anthea. Và hẳn là xem lại một số chương trình cũng giúp y tiêu khiển. Y từng rất thích các phim cao bồi, dù các chương trình đó nhanh và các chương trình “giáo dục” ngày Chủ Nhật cung cấp cho đội ngũ của y hầu hết thông tin mà y đã thuộc lòng. Y không hề xem chương trình truyền hình nào trong... chuyến du hành mất bao lâu nhỉ... bốn tháng. Và y đã hiện diện trên hành tinh này được hai tháng... xoay tiền, nghiên cứu các vi khuẩn gây bệnh, nghiên cứu thực phẩm và nước uống, hoàn thiện khẩu âm, nghiên cứu báo chí, trang bị bản thân cho cuộc trò chuyện mang tính quyết định với Farnsworth.

Y hướng mắt ra ánh sáng ban mai giờ đây đã rực rỡ hơn ngoài cửa sổ, ra vòm trời xanh nhợt nhạt. Đâu đó trên bầu không kia, có lẽ chính chỗ mắt y đang hướng tới, là Anthea. Một nơi lạnh lẽo, đang hấp hối, nhưng là nơi mà y có thể hoài nhớ, một nơi có những người y yêu, những người mà y sẽ không được gặp trong một quãng thời gian đằng đẳng... Nhưng rồi y sẽ thấy lại họ.

Y khép màn cửa sổ, và rồi, chậm chậm thả lỏng cơ thể đau nhức, kiệt lực của y lên chiếc giường. Không biết nhờ đâu mà tất cả sự kích động dường như tan biến, và y thấy an nhiên, thanh thản. Y rơi vào giấc ngủ chỉ trong vòng vài phút.

Ánh nắng chiều đánh thức y, và dù ánh nắng chói lóa làm mắt y đau đớn... bởi lẽ tấm vải màn xuyên thấu... y tỉnh giấc, cảm thấy sảng khoái và thư thái. Có lẽ nhờ sự mềm mại của chiếc giường so với thứ giường trong các nhà trọ tối tăm mà y đã trọ lại, và có lẽ nhờ y thấy yên lòng bởi thắng lợi đêm qua. Y nằm trên giường, ngẫm nghĩ, trong vài phút và rồi ngồi dậy, đi vào phòng tắm. Ở đó người ta đặt sẵn dao cạo râu điện cho y, cùng với xà phòng, khăn mặt và khăn tắm. Y mỉm cười trước cảnh ấy, dân Anthea làm gì có râu. Y gạt vòi nước ở bồn rửa mặt và ngẫm nghĩ trong một lúc, mê mẩn như thường lệ với cảnh tượng nước tuôn chảy. Rồi y rửa mặt, không dùng xà phòng. vì thứ này khiến da y kích ứng... thay vào đó dùng một thứ kem từ chiếc lọ y mang theo trong chiếc cặp tài liệu. Rồi y uống những viên thuốc thường lệ, thay quần áo, và đi xuống cầu thang để bắt đầu công cuộc kiếm nửa tỉ đô la...

* * *

Tối đó, sau sáu tiếng đồng hồ bàn bạc và lên kế hoạch, y đứng một lúc lâu trên ban công phòng mình, tận hưởng bầu không khí mát mẻ và ngắm nhìn bầu trời đen thẳm. Các vì sao và hành tinh toát lên vẻ lạ lẫm, lung linh mờ ảo trong bầu khí quyển đậm đặc, và y thích thú quan sát chúng hiện diện ở những vị trí khác thường. Nhưng y biết rất ít về thiên văn, và không nhìn ra được hình dạng các chòm sao... trừ chòm Bắc Đẩu và một vài chòm phụ cận. Cuối cùng y trở vào phòng. Lòng y sẽ hân hoan biết mấy nếu xác định được ngôi sao nào là Anthea, nhưng việc ấy nằm ngoài khả năng của y...

3.

Vào một buổi chiều Xuân ấm áp hơn lệ thường, trong lúc leo lên căn hộ ở tầng bốn của mình, gã phát hiện một cuộn pháo súng trên chiếu nghỉ cầu thang ở tầng ba. Nhớ lại những tràng súng pháo ẩm ỉ hồi trưa nay ở hành lang, gã nhặt cuộn giấy lên, định giội xuống toa-lét khi về đến căn hộ của mình. Gã mất một chốc mới nhận diện được cuộn giấy nhỏ ấy, bởi lẽ nó có màu vàng tươi. Khi gã còn bé, các cuộn pháo súng luôn có màu đỏ, một màu đỏ gỉ sắt rất riêng, pháo súng và pháo đốt lúc nào cũng cùng một màu ấy, và những thứ pháo khác cũng vậy. Nhưng có vẻ giờ đây người ta làm ra pháo súng màu vàng, như làm ra những chiếc tủ lạnh hồng và những chiếc cốc vàng nhôm, và những đồ vật lạ kì đến phi lí tương tự. Gã tiếp tục đi lên cầu thang, người toát đầy mồ hôi, giờ đây gã vừa đi vừa nghĩ tới những quá trình hóa học phức tạp chỉ để làm ra những chiếc cốc vàng nhôm. Gã cho rằng những người tiền sử trong hang động uống nước bằng hai bàn tay chai cứng chụm lại có lẽ đã sống vô cùng yên ổn mà không cần toàn bộ kiến thức rắc rối về kĩ thuật hóa học - thứ kiến thức phức tạp, vô thần về hành vi ở cấp độ vi mô và các qui trình thương mại - những thứ mà, chính gã, Nathan Bryce, được trả tiền để nghiên cứu và công bố các thành quả nghiên cứu.

Lúc lên đến căn hộ của mình thì gã đã quên mất cuộn pháo súng. Có quá nhiều thứ khác để nghĩ ngợi. Vẫn luôn chễm chệ cùng một vị trí trong sáu tuần qua, ở một bên chiếc bàn gỗ sồi to lớn sút sạo của gã, là một chồng ngổn ngang tiểu luận của sinh viên,

mà nghiền ngẫm thứ ấy là một việc kinh khiếp. Kế bên chiếc bàn là một máy tản nhiệt chạy bằng hơi nước được sơn xám, cổ lỗ, một món đồ lạc hậu giữa thời đại của hệ thống sưởi điện, trên lớp vỏ sắt đáng kính của chiếc máy ấy chất một đồng lộn xộn, đầy vẻ khùng bố các quyển sổ ghi chép thí nghiệm của sinh viên. Những quyển sổ chất cao ngất ngưỡng đến độ bức tranh in Lasansky³ cỡ nhỏ, vốn treo cách xa chiếc máy tản nhiệt, cũng gần như bị chồng sổ che khuất. Chỉ có đôi mắt nhắm hờ còn hiện ra - đôi mắt, có lẽ, của một vị thần khoa học ngán ngẫm, sầm soi nhìn xuống những bài báo cáo thí nghiệm trong nỗi thống khổ câm lặng. Giáo sư Bryce, vốn là một người đàn ông có khuynh hướng cư xử thất thường và thích mai mỉa không giống ai, tưởng tượng ra cảnh ấy. Gã cũng để ý thấy bức tranh cỡ nhỏ - có hình một bộ mặt đàn ông để râu - là một trong số ít ỏi những món đồ đáng giá mà gã bắt gặp được trong ba năm sống tại thị trấn vùng Trung Tây này. Giờ đây nó đã mất hút phía sau công trình của các sinh viên mà gã, giáo sư Bryce, đang giảng dạy.

Trên phần mặt bàn thông thoáng, đã được dọn dẹp là chiếc máy đánh chữ, sừng sững như một vị thần hạ giới khác. Một vị thần hay yêu sách, nhỏ mọn, lỗ mãng vẫn đang giữ lấy trang thứ mười bảy một bài tiểu luận về ảnh hưởng của các bức xạ ion hóa lên nhựa polyester, một tiểu luận không được hoan nghênh, không được thừa nhận xứng đáng, một tiểu luận có lẽ sẽ mãi mãi dang dở. Bryce đưa mắt nhìn chòng chọc vào mớ hỗn độn ử ử ấy: Những tờ tiểu luận nằm rải rác như một thành phố xây bằng các lá bài bị bom oanh tạc rồi phơi ra một đồng đồ nát, những bài giải ngắn gọn đến kinh hãi kéo dài như vô tận cho các phương trình khử ô xi hóa và các qui trình điều chế công nghiệp ra các loại axit chẳng

có gì hay ho; tẻ ngắt tương đương tiểu luận nhạt nhẽo về các loại nhựa polyester. Hai mắt gã chăm chăm vào những thứ nọ, hai tay thì thọc vào túi áo khoác, hết ba mươi giây tròn, gã chìm trong nỗi thoải chí trầm kha. Rồi, vì không khí trong phòng nóng bức, gã cởi phắt áo khoác, ném lên chiếc trường kỉ bọc gấm dệt kim tuyến, thò tay vào dưới áo sơ mi gỡ bụng và bước vào nhà bếp, bắt đầu pha cà phê. Bồn rửa chén ngổn ngang các cốc chia vạch, bình cổ cong cẩu bẩn và các chai lọ linh kỉnh, cùng với mấy chiếc đĩa đựng phần ăn sáng, có đĩa còn hoen lại vết tròn đỏ trứng. Nhìn vào sự bừa bộn khó lòng chấp nhận ấy, gã cảm thấy trong một khoảnh khắc như muốn hét to lên tuyệt vọng, nhưng gã không làm gì. Gã chỉ đứng đó trong một phút và cất tiếng, khẽ khàng. “Bryce, mày đúng là một đồng hồ lớn khốn kiếp.” Rồi gã tìm thấy một chiếc cốc chia vạch còn tàm tạm sạch, súc cốc, trút bột cà phê vào và hứng nước nóng từ vòi, khuấy bằng một cái nhiệt kế phòng thí nghiệm và uống cạn cốc, mắt lia tới bức tranh lớn, đắt tiền, in lại họa phẩm *Icarus*⁴ rơi rụng của Brueghel⁵ đang treo ở mặt tường bên trên bệ lò sưởi màu trắng. Một tuyệt tác. Đó là họa phẩm mà gã từng say mê một thuở nhưng giờ đây đã thành ra quá vãng. Lạc thú mà bức tranh ấy mang đến cho gã giờ chỉ còn lại cái phần thuộc về tri thức - gã yêu thích màu sắc, hình dạng, những thứ mà một kẻ ái mộ nghệ thuật yêu thích - và gã biết rất rõ đó là một dấu hiệu nguy hại, hơn nữa cảm giác ấy phần nhiều có liên hệ với đồng tiểu luận đầy tai ương vây quanh chiếc bàn viết trong căn phòng bên cạnh. Uống xong phần cà phê, gã trích dẫn những dòng thơ của Auden⁶ về bức tranh ấy, bằng một giọng khe khẽ, thành kính, mà không bộc lộ bất kì nét mặt hoặc tình cảm riêng tư nào.

*...và con tàu đẹp để xa hoa bắt gặp
Lạ lòng sao, cậu trai rơi xuống từ trời cao,
Nhưng tàu vẫn lướt đi, thản nhiên trong yên ả.*

Gã đặt chiếc cốc chia vạch, không hề súc rửa, xuống bệ lò sưởi. Tiếp đó gã xắn tay áo, tháo cà vạt, và bắt đầu vắn nước nóng cho đầy bồn, ngắm nhìn lớp bọt xà phòng sủi tăm dưới áp lực của vòi nước như một sinh vật sống đa bào, như thứ mắt kép của một con côn trùng bạch tạng khổng lồ. Rồi gã đặt các chai lọ thủy tinh, xuyên qua lớp bọt, vào nước nóng bên dưới. Gã tìm được miếng bọt rửa chén và bắt đầu công việc. Gã phải bắt đầu từ đâu đó...

Bốn tiếng đồng hồ sau gã đã chấm được một chồng nhỏ tiểu luận và đưa tay mò mẫm trong túi tìm sợi dây thun để buộc lại thành xấp. Bấy giờ gã mới phát hiện ra cuộn pháo súng. Gã kéo cuộn giấy khỏi túi, giữ trong lòng bàn tay một chốc, rồi cười toe toét một cách ngốc nghếch. Đã ba mươi năm nay gã không hề bắn qua khẩu súng pháo nào... Không hề từ cái thuở xưa lơ xưa lắc, cái thuở thơ ngây mặt lấm tấm mụn, gã đã chuyển từ những khẩu súng pháo và tập *Vườn thơ cho em*⁷ sang bộ đồ thí nghiệm hóa học kèn còi, toát lên vẻ nghiêm túc mà ông của gã tặng như một sự khích lệ trực tiếp từ định mệnh. Đột nhiên gã ước ao có được một khẩu súng pháo, gã cảm thấy, ở đây, trong căn hộ trống vắng này, niềm mong mỏi được bắn những viên pháo súng, hết viên này đến viên khác. Và rồi gã nhớ ra, một lần nọ, có Chúa mới biết bao nhiêu năm về trước, gã đã tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu châm lửa đốt nguyên băng pháo súng... một ý tưởng lí thú, vượt lên lẽ thường. Nhưng gã chưa bao giờ thử cả. Chắc, còn lúc nào hay hơn lúc này. Gã đứng dậy, mỉm cười mệt mỏi và bước

vào nhà bếp. Gã đặt cuộn pháo súng lên một tấm lưới mỏng bằng đồng, đặt tấm đồng ấy lên một cái giá ba chân, đổ lên chút cồn từ cây đèn cồn, lăm bắm đầy mô phạm “Đốt cháy cường bức” rồi lấy ra một que gỗ, thắp lửa bằng chiếc bật lửa gã dùng hút thuốc, và thận trọng dí phần đầu que đang cháy vào băng pháo. Gã ngạc nhiên và thích thú với kết quả, gã cứ tưởng sẽ nghe thấy một tràng tiếng nổ lộp bộp không theo qui luật nào và trông thấy một làn khói xám, nhưng thay vào đó, cuộn pháo nháy nhót điên cuồng trên tấm lưới mỏng bằng kim loại và nổ lên những tiếng ùng ùng ào ào inh ỏi, đầy hỗn loạn, khiến cho gã khoái chí. Thật lạ lùng, không hề có khói bốc lên từ phần tàn dư đen sì. Gã cúi xuống ngửi đồng vụn nhỏ màu đen ấy. Không một mùi gì. Quái lạ. Chúa ơi, gã nghĩ, mọi thứ mới chóng vánh làm sao! Một tay hóa học gia ngu xuẩn đáng thương nào đó đã tìm ra chất thay thế cho thuốc súng rồi. Gã tự hỏi trong chốc lát đó là chất gì, rồi nhún vai bỏ qua. Có lẽ gã sẽ tìm hiểu chuyện đó vào lúc khác. Nhưng gã thấy nhớ mùi thuốc súng... một thứ mùi hăng hăng tuyệt diệu. Gã nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy giờ rưỡi. Bên ngoài các ô cửa sổ là ánh sáng chập choạng của buổi chiều Xuân. Đã quá giờ ăn tối. Gã bước vào phòng tắm, rửa tay và mặt, lắc đầu trước vẻ phờ phạc của chính mình đang hiện lên trong gương. Rồi gã nhặt chiếc áo khoác trên trường kỉ, mặc vào và bước ra khỏi nhà. Đầu óc lan man, gã vừa bước xuống vừa chăm chú nhìn các bậc thang, tìm xem còn cuộn pháo súng nào không, nhưng không thấy.

Sau khi ăn một chiếc bánh mì kẹp và uống một cốc cà phê, gã quyết định ra rạp xem phim. Gã đã có một ngày khó nhọc. Bốn tiếng đồng hồ làm việc trong phòng thí nghiệm, ba tiếng dạy học, bốn tiếng ngồi đọc các bài luận ngu ngốc. Gã tản bộ vào khu trung

tâm, hi vọng là có một phim khoa học viễn tưởng. Một phim với những con khủng long sống dây giẫm chân thành thịch quanh Manhattan, trong đầu chúng là bộ não kì thú nhỏ như não chim, hoặc những sinh vật Sao Hỏa ăn sâu bọ đến xâm lược địa cầu, phá hủy toàn bộ thế giới chết tiệt này (một sự thủ tiêu tốt đẹp) để chúng có thể ăn lũ trùng bọ. Nhưng không có phim nào theo kiểu ấy đang chiếu, gã đành chọn một phim nhạc kịch, mua bắp rang và một thanh kẹo trước khi đi vào phòng chiếu nhỏ hẹp, tối mù và tìm một chỗ ngồi cách biệt cạnh lối đi. Gã bắt đầu ăn bắp rang, cố gắng át trôi vị mù tạt rẻ tiền của chiếc bánh mì kẹp trong miệng. Màn hình đang chiếu một đoạn tin thời sự và gã xem đoạn tin ấy một cách uể oải, với đôi chút sợ sệt mà những thứ như vậy thường gây ra cho gã. Trong bản tin là hình ảnh các cuộc bạo loạn ở châu Phi. Người ta bạo loạn ở châu Phi bao nhiêu năm rồi? Có phải từ hồi đầu thập niên sáu mươi không? Rồi đến bài diễn văn của một tay chính trị gia Bồ Biển Vàng, đe dọa sẽ sử dụng “các vũ khí nhiệt hạch chiến lược” chống lại một vài “thành phần quá khích” đáng thương. Bryce vắn vẹo thân mình trong ghế, hổ thẹn vì nghề nghiệp của gã. Nhiều năm trước, là một sinh viên vừa tốt nghiệp với tương lai xán lạn, gã đã làm việc ít lâu cho đề án vũ khí nhiệt hạch đầu tiên. Giống như ông bạn già Oppenheimer⁸ tội nghiệp, gã đã nhen nhúm những mối hoài nghi sâu sắc kể cả vào lúc đó. Đoạn tin thời sự chuyển sang các địa điểm phóng tên lửa dọc sông Congo, rồi các dòng tên lửa có người lái ở Argentina, và cuối cùng là các xu hướng thời trang của New York, với kiểu áo trễ ngực cho nữ giới và kiểu quần xếp diềm cho cánh mày râu. Nhưng Bryce không tài nào gạt bỏ hình ảnh những người châu Phi ra khỏi đầu, những thanh niên da đen nghiêm nghị ấy là hậu duệ của những

tộc người da đen u tối, tay lấm chân bùn trong tạp chí Địa lí Quốc gia, những tờ tạp chí mà người ta lật nhanh giết thời giờ ở hàng hà sa số phòng mạch bác sĩ và phòng khách của những người quen đáng kính. Gã nhớ tới bộ ngực xệ của những người đàn bà, tới chiếc khăn choàng đỏ lúc nào cũng có mặt trong các tấm ảnh màu. Giờ đây hậu duệ của những con người ấy khoác lên mình bộ đồng phục và đến các trường đại học, uống martini, chế tạo bom nhiệt hạch của riêng họ.

Bộ phim nhạc kịch ập đến với những sắc thái thô thiển táo bạo, như thế, bằng sức mạnh của sự lòe loẹt, bộ phim ấy có thể xóa đi kí ức về đoạn phim thời sự vừa xong. Tên phim là *Chuyện về Shari Leslie*, một bộ phim tẻ nhạt, chí chóa. Bryce cố gắng để tâm trí chìm vào những màu sắc và cử động vô định trên màn hình nhưng không thể, và đành phải an ủi bản thân bằng cách trước tiên thưởng thức bộ ngực căng đầy và đôi chân dài của người đàn bà trẻ tuổi trong phim. Tự thân hình ảnh ấy đã đủ gây xao nhãng rồi, sự xao nhãng này lại còn là thứ đầy khốn khổ, dù lối bịch, với một người đàn ông trung niên góa vợ. Vận vẹo thân mình, chịu đựng dục cảm đang gào thét, gã hướng sự chú ý sang kĩ thuật quay, và lần đầu nhận ra chất lượng kĩ thuật của hình ảnh trong phim thật ấn tượng. Đường nét và hình ảnh, dù phóng lớn trên màn hình Dupliscopé to tướng, hiện ra sắc nét như một bức ảnh in theo kĩ thuật tiếp xúc. Gã chớp mắt, nhìn lên màn ảnh, rồi lau cặp kính bằng chiếc khăn mùi soa. Không nghi ngờ gì, hình ảnh hiện ra hoàn hảo. Gã có lổm bổm kiến thức về lĩnh vực quang hóa, chất lượng như vậy có vẻ bất khả thi, với những gì gã biết về qui trình in chuyển sắc và những loại phim màu tráng ba lớp nhũ tương. Gã ngạc nhiên nhận ra mình vừa huýt sáo khe khẽ, và cực kì hứng thú

xem phần còn lại của phim - chỉ thỉnh thoảng mắt tập trung khi một trong các bóng hồng loay hoay cởi chiếc nịt ngực - một mô típ gã không bao giờ quên nổi trong phim.

Sau đó, trên đường ra khỏi rạp chiếu bóng, gã dừng lại một chốc để quan sát các áp phích quảng cáo phim, xem thử người ta có đề cập gì tới kĩ thuật màu sắc không. Rất dễ nhìn thấy, giăng ngang những quảng cáo lòe loẹt là một tấm áp phích đề dòng chữ: Cảm thụ màu sắc tối tân với WORLDCOLOR. Tuy nhiên, chẳng có gì hơn nữa, trừ biểu tượng chữ R nằm trong vòng tròn nhỏ, đánh dấu “nhãn hiệu đã đăng kí bản quyền”, và dòng chữ in bé xíu bên dưới: “Bản quyền thuộc tập đoàn W. E.” Gã sục sạo trong đầu tổ hợp từ nào trùng với hai chữ viết tắt ấy, nhưng với bản tính đôi khi thất thường quái đản của tâm trí, gã chỉ toàn tìm ra những từ thật lố bịch, phi lí: Wan Eagles (Những con đại bàng bệnh hoạn), Wamsutta Enchiladas (Bánh ngô enchilada hiệu Wamsutta⁹), Wealthi Engineers (Những kĩ sư kéch xù), Worldly Eros (Dâm dục cõi thế). Gã nhún vai, tay thọc túi quần, gã bắt đầu đi xuôi xuống con phố đã về đêm, vào khu trung tâm nhấp nháy đèn neon của thị trấn đại học bé nhỏ này.

Bồn chồn, hơi cáu kỉnh, không muốn lúc này phải trở về nhà và lại cúi mũi vào những bài tiểu luận, gã đưa mắt tìm kiếm một trong các quán bia nơi sinh viên thường hẹn nhau. Gã tìm được tiệm rượu nhỏ tên là quán Henry, một chốn khiêm nhường trông có vẻ nghệ sĩ với những vại bia Đức trưng ở ô cửa kính phía trước. Gã từng vào quán này trước đây, nhưng chỉ vào các buổi sáng. Đó là một trong các thói hư tật xấu ít ỏi mà gã vẫn duy trì. Gã đã nhận ra, từ hồi tám năm trước, khi vợ gã qua đời (trong một bệnh viện sang trọng, với một khối u nặng ba cân Anh trong dạ dày),

rằng có những lí lẽ hiển nhiên để ủng hộ cho việc uống rượu vào buổi sáng. Gã đã khám phá ra, một cách khá tình cờ, rằng sẽ rất tuyệt, trong một buổi sáng u ám, xám xịt - một buổi sáng với tiết trời tù mù, ủ rũ - nếu được ngà ngà say nhưng vẫn còn minh mẫn, đó quả là một cái thú sâu tư. Nhưng cái thú ấy phải được bảo đảm bằng sự chính xác từng li từng tí của một nhà hóa học, những chuyện tồi tệ có thể xảy ra nếu xuất hiện dù chỉ một sai sót. Có những vách đá không tên mà từ đó ta có thể ngã nhào, và trong những ngày âm u người ta rất dễ rơi vào cơn sâu tối hay gặm nhấm những nỗi tang thương, như lũ chuột cần mẫn trong một góc của cơn say xỉn buổi sáng. Nhưng gã là con người khôn ngoan, và gã thành thạo với những chuyện này. Giống như morphine, tất cả tùy thuộc vào liều lượng thích đáng.

Gã kéo cánh cửa quán Henry và được chào đón bởi tiếng rền rĩ thiếu não của chiếc máy hát tự động chễm chệ ngay trung tâm quán, chiếc máy ấy rung bần bật với những tiếng bass và ánh đèn đỏ, như một trái tim bệnh tật và cuồng loạn. Gã bước đi, có đôi chút loạng choạng, giữa những dãy bàn nhựa, thường vắng khách và trông buồn tẻ vào các buổi sáng, giờ đây đông nghịt sinh viên. Một vài người đang thì thào đầy háo hức, nhiều người để râu và vận thứ quần áo rách rưới theo mốt. Trông như những kẻ theo chủ trương vô chính phủ toát ra điệu bộ màu mè, hoặc “lũ tay sai của một đế chế ngoại quốc” từ những bộ phim cũ, xưa lắc của thập niên ba mươi. Và đằng sau những bộ râu ấy có gì? Tao nhân mặc khách? Nhà cách mạng? Trong số đó có một sinh viên tham dự lớp Hóa hữu cơ của gã, cậu này đã viết nhiều bài cho các báo sinh viên, về tự do yêu đương và “cái xác phân hoại của giáo lí Công giáo, làm ô nhiễm suối nguồn đời sống”. Bryce gật đầu chào cậu

ta, cậu này đáp lại gã bằng đôi mắt trừng to, bối rối trên bộ mặt rậm râu, sừng sĩa. Các cậu trai đến từ những nông trại ở Nebraska và Iowa, hầu hết đều kí tên vào những đơn kiến nghị giải trừ vũ khí, đang thảo luận về Chủ nghĩa xã hội. Trong một thoáng gã thấy bút rút, như một người Bôn sê vích già nua mỗi mẹt mặc một chiếc áo khoác vải tweet ở giữa đám người giai cấp mới.

Gã tìm thấy một chỗ chật hẹp ở quầy bar và gọi một cốc bia với người đàn bà tóc hoa râm, cắt mái, trên mũi là cặp kính gọng đen. Gã chưa từng trông thấy bà ta trước đó, vào các buổi sáng gã được phục vụ bởi một người đàn ông già mắc chứng khó tiêu và lầm lì tên là Arthur. Ông ta là chồng của người đàn bà này chẳng? Gã mỉm cười lơ đãng với bà ta, nhận lấy cốc bia. Gã uống ực thật nhanh, cảm thấy khó chịu, muốn ra ngoài. Trên chiếc máy phát nhạc tự động, giờ ở đằng sau gã, là một đĩa hát bắt đầu phát một bài dân ca, với tiếng gảy đàn zither¹⁰ dây sắt. Ôi Chúa ơi, vác lên một kiện bông! Ôi chúa ơi... Ngồi kế gã ở quầy bar là một cô gái da trắng đang tán gẫu với một cô có đôi mắt buồn về “cấu trúc” của thi ca và hỏi ý cô bạn liệu bài thơ có “được” không, một thể loại trò chuyện khiến Bryce phải rùng mình. Lũ trẻ ranh này biết nhiều đến mức chết tiệt! Rồi gã nhớ lại những lời lẽ màu mè rỗng tuếch mà gã từng phát biểu, trong năm gã theo học chuyên ngành tiếng Anh, khi gã ở lứa tuổi hai mươi: “Các tầng bậc ý nghĩa”, “vấn đề ngữ nghĩa”, “tầng nghĩa tượng trưng”. Ôi chao, có hằng hà sa số thứ thay thế cho tri thức và sự thấu triệt... những ẩn dụ giả trá đầy rẫy khắp mọi nơi. Gã uống hết cốc bia và rồi, không biết tại sao, gọi thêm cốc khác, dù gã muốn rời đi, muốn thoát khỏi sự ầm ĩ và những trò làm bộ làm tịch. Chẳng phải gã đang bất công với những đứa trẻ này sao, tự biến mình thành một

tên khốn hợm hĩnh, tự cao tự đại? Những người trẻ tuổi lúc nào cũng dai dột, bị mờ mắt bởi cái gọi là diện mạo bên ngoài - mà chẳng phải phần còn lại của loài người cũng y hệt hay sao. Tốt hơn là chúng nên nuôi râu chứ đừng gia nhập hội này hội nọ hay mở mồm tranh biện. Sớm thôi, chúng sẽ được học đến phát ngáy về sự ngu xuẩn nhạt nhẽo của những thứ ấy khi rời trường, mặt mày nhẵn nhụi bốn ba tìm việc. Hay là gã cũng đã nhầm về chuyện này? Lúc nào cũng có khả năng rằng chúng - ít nhất là một vài trong số chúng - sẽ trở thành những Ezra Pound¹¹ đầy chính trực, không bao giờ cạo râu, thành ra những đảng viên đảng Xã hội, những người vô chính phủ hay những tay phát xít nói nheo nhéo sáng chói, và bỏ mạng ở những thành phố châu Âu hẻo lánh, những nhà thơ viết nên những thi phẩm thượng hạng, những họa gia vẽ nên những họa phẩm sâu sắc, những con người vô sản, chỉ có mỗi cái tên để xưng danh. Gã uống cạn cốc bia và tiếp tục một cốc khác. Trong lúc uống, tâm trí gã lóe qua hình ảnh tấm áp phích ở rạp chiếu bóng và cái từ to tướng, WORLDCOLOR, lúc này gã mới nghĩ ra chữ W trong tập đoàn W. E., có lẽ là chữ viết tắt của Worldcolor chẳng. Hoặc, có lẽ, là từ World (Thế giới). Và chữ E? Elimination? (Sự trừ khử) Exhibitionism? (Chủ nghĩa phô trương) Eroticism? (Chủ nghĩa khiêu dâm) Hoặc, gã nhếch mép ác nghiệt, đơn giản là Exit (Biệt thế)? Gã mỉm cười lịch duyệt với cô gái mặc chiếc áo khoác đỏ ngồi kế bên, cô này giờ đang nói về “chất liệu” của ngôn ngữ. Cô bé ắt hẳn chưa quá mười tám tuổi. Cô nhìn gã với vẻ hoài nghi, cặp mắt đen ánh lên nét nghiêm nghị. Và rồi gã cảm thấy một cơn đau nhói, cô ta thật là xinh đẹp. Gã ngừng cười, uống vội cốc bia cho hết, và rời đi. Khi gã đi ngang chiếc bàn ở lối ra, cậu sinh viên môn Hóa hữu cơ với bộ râu nói:

“Xin chào, giáo sư Bryce.” Giọng cậu ta rất phải phép. Bryce gật đầu với cậu chàng, lầm bầm trong miệng, và len lỏi tìm đường ra khỏi cửa, hòa vào buổi đêm ấm áp.

Đã mười một giờ, nhưng gã không muốn về nhà. Trong một thoáng gã nghĩ tới việc gọi Gelber, bằng hữu thân thiết duy nhất của gã trong khoa, nhưng rồi thôi. Gelber là một người biết cảm thông, nhưng dường như gã không có bất kì thứ gì để kể lể ngay lúc này. Gã không muốn nói về chính mình, về nỗi sợ hãi của mình, về dự vọng hèn mạt, về cuộc sống ngu dại và ghê tởm của gã. Gã tiếp tục bước đi.

Ngay trước lúc nửa đêm gã dừng chân ở một hiệu thuốc mở xuyên đêm, cửa hiệu vắng tanh, không có ai ngoài một người bán hàng luống tuổi ngồi phía sau quầy bán đồ ăn trưa làm bằng nhựa lóng lánh. Gã ngồi xuống, gọi cà phê và, sau khi cặp mắt đã quen với ánh sáng nhân tạo của những bóng đèn huỳnh quang, gã bắt đầu lơ đãng nhìn về phía quầy nhựa, đưa mắt đọc những nhãn dán trên các lọ aspirin, thiết bị máy ảnh, các gói dao cạo... Trong lúc gã đang nheo mắt nhìn, đầu gã đâm ra đau đống. Món bia, ánh sáng... Lọ kem rám da và những chiếc lược bỏ túi. Rồi mắt gã bắt gặp một thứ và dính chặt vào đó. *Worldcolor: Phim chụp ảnh 35 mm*, dòng chữ được in trên từng chiếc hộp vuông màu lam xếp thành dãy, kế bên những chiếc lược bỏ túi, bên dưới một tấm bìa trưng các đồ cắt móng. Thứ ấy khiến gã giật mình mà không biết vì sao. Người bán hàng đang đứng gần đó, bất thành linh Bryce bảo: “Làm ơn cho tôi xem qua thứ phim kia.”

Ông ta nheo mắt nhìn gã - ánh sáng cũng làm mắt ông ta khó chịu? - và bảo: “Phim gì kia?”

“Phim chụp ảnh màu ấy. Worldcolor.”

“Ồ. Tôi không...”

“Phải, tôi biết.” Gã ngạc nhiên thấy giọng mình nóng nảy. Gã không có thói quen ngắt lời người khác.

Ông già khẽ nhăn nhó, rồi lê chân qua và kéo xuống một hộp phim. Ông ta dần mạnh mơn đồ ấy xuống mặt quầy ngay phía trước Bryce, không nói một lời.

Bryce cầm chiếc hộp lên, nhìn vào chỗ nhãn hộp. Phía dưới những chữ cái in lớn là dòng chữ nhỏ: *Phim màu đã cân bằng, không tạo hạt.* Và bên dưới nữa là: *ASA: 200 tới 3000, tùy theo lựa chọn tráng.* Chúa ơi! Gã nghĩ, độ nhạy sáng không thể nào cao đến thế. Lại còn tùy chọn ư?

Gã ngẩng lên nhìn người bán hàng. “Bao nhiêu tiền thứ này?”

“Sáu đô la. Cho ba mươi sáu kiểu. Hai mươi đô la cho hai cuộn bảy mươi năm kiểu.”

Gã cầm chiếc hộp trong tay, thứ hộp ấy nhẹ bẫng. “Khá mắc đấy nhỉ?”

Người bán hàng nhăn mặt, cái lổm nhấm của một ông già thấy phiền hà. “Không mắc nếu ông tính cả tiền tráng phim.”

“Ồ, tôi hiểu rồi. Họ tráng phim luôn cho ta. Ta sẽ nhận một phong thư...” Gã ngưng ngang. Thật là một cuộc trò chuyện ngu ngốc. Ai đó phát minh ra một thứ phim mới. Gã quan tâm làm gì, gã có làm nghề chụp ảnh đâu.

Sau khi ngừng một chút, người bán hàng lại nói: “Không.” Và

rồi, ông ta xoay người ra hướng cửa. “Phim tự trắng.”

“Tự cái gì kia?”

“Tự trắng. Xem nào, ông có mua hay là không?”

Không trả lời, gã lật đi lật lại chiếc hộp trong tay. Ở mỗi đầu hộp được in đậm dòng chữ *Phim tự trắng* khiến gã phải sửng sốt. Tại sao mình chưa bao giờ nghe đến chuyện này trong các tạp chí chuyên ngành hóa học? Một qui trình mới...

“Có,” gã đáp, vẻ phân tâm, mắt nhìn vào nhãn hộp. Ở đáy hộp là dòng chữ in rõ nét *Tập đoàn W. E.* “Có, tôi mua.” Gã mò mẫm lấy ví ra, và đưa cho người đàn ông kia sáu tờ tiền nhàu nát. “Thứ này hoạt động ra sao?”

“Ông cho nó trở vào hộp.” Người đàn ông cầm tiền lên. Ông ta dường như đã nguôi lại, bớt phần nào hùng hổ.

“Cho trở vào hộp ư?”

“Cái hộp nhỏ đựng phim bên trong. Ông đặt phim trở lại khi nào chụp hết cuộn. Rồi ông nhấn một cái nút nhỏ ở đầu hộp. Có hướng dẫn đấy. Bên trong có hướng dẫn sử dụng. Ông nhấn cái nút nọ một lần, hoặc nhiều lần... tùy theo cái mà họ gọi là ‘độ nhạy sáng’. Toàn bộ phụ thuộc vào thứ đấy.”

“Ồ.” Gã đứng dậy, mặc cho cốc cà phê hăng còn uống dở, và thận trọng đặt chiếc hộp vào túi áo khoác. Trong lúc ra cửa, gã hỏi người bán hàng, “Thứ này được bán bao lâu rồi?”

“Phim này à? Khoảng hai, ba tuần. Hoạt động tốt. Chúng tôi bán được nhiều.”

Gã đi bộ một mạch về nhà, kinh ngạc về cuộn phim. Làm thế nào lại có thứ tuyệt vời và thuận tiện đến thế? Ngơ ngẩn, gã lôi chiếc hộp ra khỏi túi, lấy đầu ngón tay cái cạy mở vỏ hộp. Bên trong là một hộp kim loại màu lam, phần đầu có nắp vặn gắn một cái nút màu đỏ. Gã mở nắp. Bọc trong tờ hướng dẫn sử dụng là một cuộn phim 35 mm trông có vẻ bình thường. Bên dưới hộp đựng, dưới cái nút, là một tấm lưới nhỏ. Gã lấy ngón cái sờ thử. Có vẻ như thứ ấy được làm bằng sứ.

Về đến nhà, gã lục được một chiếc máy ảnh Argus kiểu cổ từ một ngăn tủ. Rồi, trước khi lắp phim vào máy, gã kéo tấm phim ra khỏi cuộn tầm một bộ, cho phơi sáng, sau đó xé toạc phần phim ấy. Gã sờ lên đó và thấy bề mặt trơn trượt, không có cảm giác trơn bóng thông thường của lớp nhũ tương gelatin. Gã lắp phần phim còn lại vào chiếc máy ảnh, chọn tốc độ màn trập nhanh, chụp tùy ý mấy kiểu ảnh chỗ bức tường, máy tản nhiệt, chồng tiểu luận trên bàn, chụp với ISO 800 trong ánh sáng mờ mờ. Chụp xong, gã tráng cuộn phim trong hộp đựng, nhấn nút tám lần và mở ra, vừa làm vừa ngửi chiếc hộp ấy. Từ đó tỏa ra một làn khí mỏng màu lam có mùi hăng hắc, không nhận ra được là mùi gì. Không có chất lỏng nào trong hộp đựng. Tráng phim bằng khí ư? Gã vội vàng lấy cuộn phim ra, kéo phim khỏi vỏ cuộn và giơ lên chỗ ánh sáng, gã trông thấy một dải phim trong mờ hoàn hảo, với chi tiết và màu sắc sống động như thật, tuyệt diệu. Gã huýt sáo to và thốt lên: “Mẹ kiếp.” Rồi gã cầm lên mảnh phim trống không, cùng dải phim trong mờ, và đi vào nhà bếp với hai thứ ấy. Gã bắt tay vào chuẩn bị các vật liệu để làm thí nghiệm phân tích nhanh, sắp xếp những hàng cốc chia vạch, lấy ra dụng cụ chuẩn độ. Gã phát hiện chính mình làm việc say sưa, sốt sắng, không có thì giờ để tự

hỏi điều gì đã khiến gã điên cuồng tò mò về món đồ ấy đến vậy. Có điều gì đó về thứ này quấy quả tâm trí gã, nhưng gã lơ đi... gã quá bận rộn...

* * *

Năm tiếng đồng hồ sau, vào lúc sáu giờ sáng, bên ngoài cửa sổ là bầu trời xám xịt và riu rít tiếng chim, gã ngả lưng xuống chiếc ghế trong bếp, mệt lử, tay cầm một mảnh phim. Gã vẫn chưa thử hết mọi cách với thứ phim ấy, nhưng gã đã thử đủ để biết rằng không có hóa chất nhiếp ảnh thông thường nào, không có thứ muối bạc nào trên tấm phim ấy cả. Gã ngồi xuống, mắt đỏ vằn, thất thần trong vài phút. Rồi gã đứng dậy, bước đi với sự mỗi mệt cực độ về phòng ngủ và gần như mê man ngã lên chiếc giường vẫn còn chưa trải. Trước khi chìm vào giấc ngủ, trên người còn nguyên quần áo, bên ngoài cửa sổ là tiếng chim ồn ã và vầng dương đang mọc trên nền trời, gã nói to, giọng cộc cằn và chua chát: “Ắt là một kĩ thuật hoàn toàn mới... ai đó đang đào bới kĩ thuật khoa học trong các tàn tích của dân Maya... hoặc đến từ một hành tinh nào khác...”

4.

Người ta đi lên đi xuống các vỉa hè, hòa vào những đám đông không ngừng chuyển động, thay đổi, trên mình mặc những trang phục mùa Xuân. Khắp chốn toàn các phụ nữ trẻ trung, đi giày cao gót nện lên đất kêu rầm rập (y có thể nghe được âm thanh ấy, thậm chí từ trong xe), nhiều người phục sức hào nhoáng, quần áo rực rỡ phi thường trong ánh ban mai chói chang. Y thích thú ngắm nghía khung cảnh đầy người và màu sắc ấy - dù những thứ nọ làm nhói đôi mắt vẫn nhạy cảm quá mức của y và bảo người tài xế lái chậm rãi xuống Đại lộ Công viên. Đó là một ngày đẹp trời, một trong những ngày thật sự quang đãng đầu tiên trong mùa Xuân thứ hai mà y đến trái đất này. Y mỉm cười, ngả lưng lên những tấm đệm tựa được thiết kế đặc biệt và chiếc xe đi vào khu trung tâm với một tốc độ chậm rãi, vững vàng. Người tài xế Arthur lái rất thiện nghệ, anh ta được chọn vì tay lái êm ả, có khả năng giữ vững tốc độ, tránh những cú giật đột ngột trong lúc xe chạy.

Họ rẽ ngoặt sang Đại lộ số Năm ở khu trung tâm, đỗ lại trước tòa nhà văn phòng cũ của Farnsworth, mà giờ đây ở một bên lối vào trung tâm biển đồng có các chữ đắp nổi khiên cung: *Tập đoàn World Enterprises*. Newton chỉnh lại cặp kính râm sang sắc độ tối hơn, để bảo vệ mắt y khỏi ánh nắng bên ngoài và thận trọng bước ra khỏi chiếc limousine. Y đứng ở vỉa hè, đuổi người, cảm nhận ánh mặt trời chiếu lên gương mặt y... ấm áp nhu hòa

với những nhân loại xung quanh y, nóng bức một cách dễ chịu với riêng y.

Arthur thò đầu ra khỏi cửa sổ xe và hỏi: “Tôi đợi ông chứ, thưa ông Newton?”

Y đuổi người lần nữa, tận hưởng ánh nắng, tận hưởng bầu không khí. Y đã không rời căn hộ của mình hơn một tháng nay. “Không. Tôi sẽ gọi cho anh, Arthur ạ. Nhưng tôi nghĩ là sẽ không cần tới anh cho đến tối, anh có thể ra rạp xem phim nếu thích.”

Y bước vào, đi dọc hành lang chính, qua những dãy thang máy, tới chỗ chiếc thang máy đặc biệt ở cuối sảnh, nơi một người phục vụ đang chờ y. Anh ta đứng nghiêm, bộ đồng phục thẳng thớm không chệ vào đâu được. Newton thầm mỉm cười, y có thể hình dung ra cảnh xôn xao, náo động do những mệnh lệnh mà ngày hôm trước hẳn vừa truyền xuống, sau khi y gọi điện và thông báo sẽ ghé qua vào buổi sáng hôm sau. Y đã không đến văn phòng trong ba tháng nay. Y hiếm khi rời khỏi căn hộ của mình. Anh chàng phục vụ thang máy, một cách căng thẳng và đã tập sẵn, nói với y: “Xin chào buổi sáng. Ông Newton.” Y mỉm cười với anh ta và bước vào trong.

Thang máy đưa y chậm rãi và êm ái lên tới tầng bảy, nơi trước kia là văn phòng luật của Farnsworth. Farnsworth đã đợi sẵn trước cửa. Tay luật sư ăn vận như một nhà độc tài trong bộ com lê bằng lụa xám, một viên đá quý đỏ rực lấp lánh trên ngón tay đeo nhẫn múp míp, móng tay được cắt tỉa hoàn hảo. “Trông ông khỏe khoắn đấy, ông Newton.” Ông ta vừa nói vừa bắt lấy bàn tay y đang chìa ra bằng một lối cẩn trọng, nhẹ nhàng. Farnsworth là

một kẻ tinh ý, ông ta đã chú ý ngay tức thì, mỗi lần bị người khác chạm vào một cách thô lỗ Newton đều co rụt lại.

“Cảm ơn, Oliver. Tôi đang cảm thấy đặc biệt khỏe khoắn.”

Farnsworth đưa y đi xuôi một hành lang, qua các văn phòng và vào một dãy phòng thông nhau với tấm biển đề “Tập đoàn W. E.” Họ đi ngang qua một nhóm thư kí, những người nọ tức thì yên lặng một cách kính cẩn khi trông thấy họ tới gần, và bước vào văn phòng của Farnsworth, với dòng chữ bằng đồng nhỏ đính trên cửa: O. V. Farnsworth, Chủ tịch.

Bên trong, văn phòng được bài trí y như trước, với những đồ nội thất kiểu Rococo¹² hỗn tạp, bị lấn át bởi chiếc bàn lớn được chạm khắc theo phong cách nghịch dị của Caffieri¹³. Căn phòng thì, vẫn luôn như thế, tràn ngập âm nhạc... lần này là một bản vĩ cầm. Thứ tiếng ấy thật chối tai với Newton, nhưng y không nói gì.

Một hầu gái mang trà vào, sau khi họ tán gẫu vài phút. Newton đã học cách thưởng thức trà, dù y chỉ uống được món trà âm ỉm. Rồi họ bắt đầu nói chuyện công việc, vị thế của họ ở các phiên tòa việc bố trí và tái bố trí các chức giám đốc, các công ty cổ phần mẹ, các giấy nhượng quyền, giấy phép và phí bản quyền phát minh, việc cấp vốn tài chính cho các nhà máy mới, các vụ thu mua lại những nhà máy cũ, các thị trường, chuyện giá cả, và sự biến động về mức độ hứng thú của công chúng với bảy mươi ba sản phẩm tiêu thụ mà họ đã cho ra đời. Ăng ten vô tuyến, linh kiện bán dẫn, phim chụp ảnh và máy dò bức xạ... cùng hơn ba trăm bằng sáng chế họ cho thuê, từ qui trình tinh lọc dầu tới một chất thay thế không độc hại cho thuốc súng dùng trong đồ chơi trẻ em. Newton thấy rất rõ sự kinh ngạc của Farnsworth, thậm chí

hơn hẳn bình thường, trước sự tinh thông của y với những lĩnh vực này, và y tự nhủ đáng ra y nên cố tình mắc những sai lầm ngớ ngẩn về các con số và chi tiết. Tuy vậy, y lấy làm khoái trá, thích thú dùng trí tuệ Anthea của y xử lý các vấn đề, dù y biết lòng kiêu hãnh phù phiếm và rẻ mạt là cội nguồn cho niềm hoan lạc ấy. Giống như thể một trong số những nhân loại này - y luôn nghĩ về họ như “những nhân loại này”, dù y đã đâm ra yêu mến và ngưỡng mộ họ - nhận thấy chính mình đang đương đầu với một bầu tinh tinh thảo vát và cảnh giác. Y mê mẩn họ và nhiễm thói say sưa hư danh mang tính gốc rễ của nhân loại. Y không thể chống cự được niềm vui giản đơn mỗi khi sử dụng trí tuệ ưu việt của mình và trông thấy sự kinh ngạc đến chết điếng của những nhân loại ấy. Dầu vậy, có thích thú chuyện này đến đâu đi nữa, y vẫn phải nhớ rằng những con người này nguy hiểm hơn lũ tinh tinh. Và đã hàng nghìn năm qua không nhân loại nào trông thấy một người Anthea không nguy trang.

Họ tiếp tục trò chuyện cho tới khi người hầu gái mang bữa trưa vào, gồm món bánh mì kẹp thịt gà xắt lát với một chai rượu Rhine cho Farnsworth; bánh qui yến mạch với một cốc nước cho Newton. Yến mạch, y đã phát hiện ra, là một trong những thực phẩm dễ tiêu hóa nhất cho hệ tiêu hóa đặc biệt của y, và y thường xuyên ăn món ấy. Họ bàn bạc tiếp về mô hình kinh doanh phức hợp bỏ vốn để mở rộng và đa dạng hóa các xí nghiệp. Newton dần trở nên hào hứng với phần này của trò chơi vì niềm vui thú mà nó mang lại. Y đã buộc phải học hỏi lĩnh vực này từ điểm xuất phát, có nhiều thứ về xã hội này và hành tinh này không thể nào học được bằng cách xem truyền hình, và y nhận thấy bản thân mình có thiên phú cho việc ấy, có lẽ được kế thừa từ các tổ tiên cổ đại

vào những ngày xa xưa, cường thịnh, cái thời kì vàng son của văn minh Anthea khởi thủy. Đó là thời kì trái đất này đang ở kỉ băng hà thứ hai... thời kì của chiến tranh và chủ nghĩa tư bản hà khắc. Y thích thú chơi đùa với những chiếc bàn tính và các con số tài chính, dù y không mấy hứng thú với thứ năng lực ấy và tính cả việc y đã gia nhập ván bài với cỗ bài được sắp xếp nghiêng về phía y: Mười nghìn năm thành tựu kĩ thuật điện tử, hóa học và quang học của Anthea. Nhưng y chưa bao giờ quên lãng một giây phút nào vì điều gì mà y đến trái đất này. Ý nghĩ ấy luôn ở cùng y, không thể nào lãng tránh, như cơn đau nhức mơ hồ tồn tại trong cơ bắp đã được rèn luyện tăng cường nhưng vẫn luôn kiệt lực của y, như sự xa lạ khôn kham, bất kể có trở nên quen thuộc đến đâu đi nữa, của hành tinh vô thường và khổng lồ này.

Y thích thú với Farnsworth. Y thích thú với dăm ba nhân loại mà y gặp. Y không quen biết một phụ nữ nào, bởi lẽ y sợ họ, vì những lí do mà chính y cũng không thể hiểu nổi. Y thấy ưu phiền, đôi lúc, rằng vì tính an toàn mà y không thể liếc nhìn tiếp cận những nhân loại ấy sâu hơn. Farnsworth dù là kẻ đam mê hưởng thụ, một người sắc sảo, một tay chơi đầy tham vọng trong ván bài tiền bạc, một nhân loại mà thỉnh thoảng y phải dè chừng, một nhân loại có lẽ là nguy hiểm, nhưng là một nhân loại với trí óc có nhiều điểm tinh tế và khó lòng nắm bắt. Ông ta đã không nhận khoản doanh thu khổng lồ - khoản doanh thu mà Newton đã tăng gấp ba cho ông ta - duy chỉ vì danh dự.

Khi đã giải thích đủ rõ với Farnsworth những gì cần thực hiện, y ngả lưng ra ghế trong chốc lát, nghỉ ngơi, và nói: “Oliver, giờ thì ta

bắt đầu... tích lũy được vốn rồi, có một thứ khác tôi muốn tiến hành. Tôi đã nói với ông trước đây, về một dự án nghiên cứu..."

Farnsworth không có vẻ gì ngạc nhiên. Mặt khác, có lẽ ông ta đã trông đợi một chủ đề quan trọng hơn cho cuộc viếng thăm này. "Vâng, thưa ông Newton?"

Y mỉm cười hòa nhã. "Là một loại nhiệm vụ khác, Oliver ạ. Và tôi e là một việc đắt đỏ. Tôi cho là ông sẽ phải làm một số việc để thiết lập... dự toán tài chính của dự án ấy, dù thế nào đi nữa." Y nhìn ra cửa sổ trong chốc lát, nhìn ra dãy cửa hiệu xám không trầm lắng của Đại lộ số Năm, và nhìn những hàng cây. "Đây là một việc phi lợi nhuận, và tôi nghĩ tốt nhất là ta thiết lập một viện nghiên cứu."

"Một viện nghiên cứu ư?" Tay luật sư mím môi.

"Phải." Y quay lưng lại với Farnsworth. "Phải, tôi nghĩ ta sẽ thực hiện sáp nhập ở Kentucky, với toàn bộ vốn mà tôi có thể gom được. Sẽ vào khoảng bốn mươi triệu đô la, tôi nghĩ thế... nếu ta có được hỗ trợ từ phía nhà băng."

Hai lông mày của Farnsworth nhướn cao. "Bốn mươi triệu. Ông không đáng giá được phân nửa số ấy, ông Newton ạ. Trong sáu tháng nữa thì có thể, nhưng chúng ta chỉ mới bắt đầu..."

"Phải. Tôi biết. Nhưng tôi định sẽ nhượng lại cổ phần của tôi ở Worldcolor cho hãng Eastman Kodak, toàn bộ. Ông có thể, dĩ nhiên, giữ cổ phần của ông, nếu ông muốn. Eastman sẽ tiếp quản mọi thứ hiệu quả, tôi hình dung thế. Họ có tiềm lực cao để tiếp nhận... và sở hữu điều kiện mà ta không cạnh tranh nổi trong thị trường phim chụp ảnh màu sau năm năm nữa."

Giờ thì Farnsworth đỏ ửng cả mặt. “Như vậy có khác gì bán quyền lợi trọn đời trong ngân khố Hoa Kỳ chứ?”

“Có thể lắm. Nhưng tôi cần tiền vốn, và chính ông cũng nhận thức được luôn tồn tại nguy cơ nhiều hơn về các tổ tụng chống độc quyền trong những bằng sáng chế này. Và Kodak có khả năng thâm nhập thị trường thế giới tốt hơn chúng ta. Thực chất, chúng ta đang giúp cho chính mình tránh khỏi vô số phiền hà.”

Farnsworth lắc đầu, có chút nguôi đi. “Nếu tôi có bằng sáng chế cho Kinh Thánh, tôi sẽ không bán cho nhà xuất bản Random House. Nhưng tôi cho là ông biết ông đang làm gì. Lúc nào ông cũng rất rõ ràng việc ấy.”

5.

Lúc này tại đại học Pendley State ở Pendley, Iowa, Nathan Bryce ghé qua văn phòng của người đứng đầu khoa mà gã giảng dạy. Đó là giáo sư Canutti với chức danh Cố vấn Điều phối Khoa, giống với chức danh của hầu hết các vị đứng đầu khoa thời nay, thời đại của sự chuyển đổi danh hiệu tuyệt luân đã biến các nhân viên bán hàng thành đại diện kinh doanh, các bảo vệ, gác cổng thành nhân viên quản lí. Cái lối đặt tên ấy mất lâu hơn đôi chút để tiếp cận các trường đại học. Nhưng nó đã tiếp cận thành công, và thời buổi này không còn các thư kí khoa nữa, chỉ còn các nhân viên giáo vụ và các phụ tá hành chính, không còn các thủ trưởng, chỉ còn các điều phối viên.

Giáo sư Canutti, có nước da căng bóng và đầu cắt húi cua, miệng ngậm tẩu thuốc, chào đón gã bằng nụ cười như trên tờ tiền hai chục đô. Ông ta vẫy tay với gã từ bên kia tấm thảm màu xanh trứng sáo, ra dấu mời gã ngồi vào chiếc ghế nhựa màu tím oải hương và nói, “Mừng được gặp cậu, Nate.”

Bryce co rúm lại rõ rệt trước tiếng “Nate” và nhìn xuống đồng hồ đeo tay như thể đang vội vã, “Có vài chuyện tôi lấy làm hiếu kì, thưa giáo sư Canutti.” Thực chất gã không hề vội vã... chỉ mong cuộc trò chuyện này chóng qua, giờ thì các kì thi đã kết thúc, gã chẳng có việc gì trong một tuần.

Canutti mỉm cười thân ái và Bryce thoát tiên, trong một thoáng, nguyên rửa chính mình vì đã ghé qua gặp thẳng ngốc mê

chơi golf này. Nhưng có lẽ Canutti biết gì đó hữu ích cho gã, với tư cách một nhà hóa học ông ta ít ra cũng không hề đần độn.

Bryce lôi từ túi áo ra một cái hộp, đặt lên bàn Canutti. “Anh có thấy loại phim mới này chưa?”

Canutti cầm thứ ấy lên bằng bàn tay lóng mìn, không vết chai, và ngắm nghía trong một chốc, vẻ mặt mịt mờ. “Wordcolor? Có, tôi đã dùng qua, Nate ạ.” Ông ta đặt thứ ấy xuống, vẻ dứt khoát. “Một loại phim tốt khiếp. Tự trắng.”

“Anh có biết nguyên tắc hoạt động của nó không?”

Canutti làm bộ hít một hơi từ tẩu thuốc, tẩu còn chưa đốt. “Không, Nate ạ. Tôi không thể nói là biết được. Như bất kì loại phim nào khác thôi, tôi đoán thế. Chỉ có đôi chút... công phu hơn.” Ông ta cười mỉm trước lối pha trò của mình.

“Không hề.” Bryce vươn tay ra nhắc chiếc hộp lên, gã lấy tay ước lượng cân nặng của hộp, nhìn vào bộ mặt nhạt nhẽo của Canutti. “Tôi đã cho vài thuốc thử lên và phải giật mình. Anh cũng biết rồi, những loại phim màu tốt nhất phủ ba lớp nhũ tương riêng biệt, mỗi lớp cho một màu cơ bản. Chậc, thứ này không hề phủ một lớp nhũ tương nào.”

Canutti nhướn cặp lông mày. *Mi nên ngạc nhiên đi, thằng ngu*, Bryce nghĩ thầm. Lấy chiếc tẩu khỏi miệng, Canutti lên tiếng, “Nghe như chuyện vô lí. Vậy thì chất nhạy sáng ở đâu?”

“Có vẽ trên lớp nền. Và dường như sử dụng muối bari... Chỉ có Chúa mới biết làm cách nào. Các tinh thể muối bari được phân tán ngẫu nhiên. Và,” gã hít vào một hơi, “thuốc tráng ảnh là chất khí... trong một ngăn nhỏ bên dưới nắp hộp đựng. Tôi đã thử tìm

xem có gì bên trong đó và chỉ chắc chắn được là có kali nitrat, một peroxide nào đó, và một chất gì, quỷ thần ạ, có tác dụng như coban. Tất cả đều có tính phóng xạ nhẹ, điều ấy có lẽ giải thích được gì đó, dù tôi không chắc đó là gì.”

Canutti trầm ngâm một lúc trước bài diễn thuyết ngắn của gã, như phép lịch sự đòi hỏi. Rồi ông ta nói, “Nghe khiếp đấy, Nate. Họ sản xuất ra thứ ấy ở đâu?”

“Có một nhà máy ở Kentucky. Nhưng họ thành lập công ty ở New York, tôi chỉ tra được đến thế. Không thấy cổ phần được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.”

Canutti lắng nghe, bày ra một vẻ mặt nghiêm nghị. Ất rồi, Bryce nghĩ, cái vẻ mặt mà ông ta dùng trong những dịp trọng thể, như khi gia nhập một câu lạc bộ golf mới. “Tôi hiểu. Chà, có mùi ngoắt ngoéo nhỉ?”

Ngoắt ngoéo? Cái từ quỷ tha ma bắt ấy nghĩa là sao? Dĩ nhiên là ngoắt ngoéo. Là vô lí. “Phải, ngoắt ngoéo. Tôi định hỏi anh việc ấy.” Gã phân vân một lúc, miễn cưỡng khi phải nhờ vả cái kẻ phô trương vênh váo này. “Tôi muốn tìm hiểu sâu hơn vụ này, xem thử thứ ấy hoạt động theo nguyên tắc quỷ quái nào. Liệu tôi có thể sử dụng một trong các phòng thí nghiệm lớn dưới tầng hầm... ít nhất là trong lúc nghỉ giữa kì. Và tôi có thể xin một sinh viên phụ tá, nếu có người nào xếp lịch được.”

Canutti đã đưa mình ra xa, ngả lưng vào chiếc ghế đệm bọc nhựa của ông ta ngay giữa cuộc trò chuyện, như thể Bryce dùng lực hữu hình đẩy ông ta lún xuống thứ đệm mút dợn sóng và mềm mại. “Các phòng thí nghiệm đều đang có người dùng, Nate ạ. Anh biết là lúc này chúng ta đang quá tải các đề án công nghiệp và

quân sự. Sao anh không viết thư cho công ty làm ra thứ phim ấy và thử nêu thắc mắc.”

Gã cố gắng giữ giọng nói đúng mực: “Tôi đã viết cho họ rồi. Họ không trả lời thư. Không ai biết gì về công ty ấy. Không thấy gì trong các tạp chí... thậm chí ngay cả trên tờ *Quang hóa Hoa Kỳ* cũng không.” Gã ngưng lại một lúc. “Xem nào, tất cả những gì tôi cần là một phòng thí nghiệm, giáo sư Canutti... Tôi có thể tiến hành mà không cần phụ tá.”

“Gọi tôi là Walt. Walt Canutti. Nhưng các phòng thí nghiệm hết chỗ rồi, Nate ạ. Điều phối viên Johnson sẽ cảm rằm không thôi nếu tôi...”

“Xem nào... Walt... Đây là nghiên cứu nền tảng. Johnson lúc nào cũng giảng ra rả về nghiên cứu nền tảng đấy thôi. Trụ cột của khoa học. Ở đây chúng ta dường như chỉ biết phát triển các qui trình sản xuất thuốc trừ sâu ít tốn kém hơn, và hoàn thiện các thứ bom hóa học.”

Canutti nhướn hàng lông mày, cơ thể múp míp của ông ta vẫn chìm trong lớp đệm mút. “Không nên quen thói nói về các đề án quân sự của chúng ta kiểu đó, Nate ạ. Nghiên cứu ứng dụng chiến thuật của chúng ta là...”

“Thôi được. Được rồi.” Gã gắng đè giọng xuống, ra sức làm cho giọng điệu mình nghe bình thường. “Hủy diệt nhân loại cũng là một vấn đề nền tảng, có lẽ thế. Cũng là một phần của mệnh hệ quốc gia. Nhưng thứ phim này...”

Canutti đỏ bừng mặt mũi vì lời mai mỉa ấy. “Xem nào, Nate. Thứ mà anh muốn là táy máy với một qui trình sản xuất thương

mại. Mà, hơn nữa, thứ gì hoạt động ổn chứng minh là nó ổn. Sao phải tức tối với nó? Thì thứ phim ấy có đôi chút khác thường. Cũng có gì lạ đâu.”

“Chúa ơi,” gã kêu lên, “thứ phim này còn hơn cả khác thường. Anh thấy đấy chứ. Anh là một nhà hóa học... một nhà hóa học giỏi hơn tôi. Anh không thấy là những phương pháp kỹ thuật dùng cho thứ này chỉ ra điều gì ư? Lạy Chúa, muối bari và thuốc tráng ảnh bằng chất khí!” Gã đột nhiên nhớ tới cuộn phim vẫn còn nằm trong tay, và siết chặt tay lại như đang nắm một con rắn, hoặc một thứ thánh tích. “Cứ như thể chúng ta... như thể chúng ta là những người tiền sử trong hang động, nách đầy bọ chét, gãi lấy gãi để, rồi một người trong cả bọn tìm thấy một... một cuộn pháo súng...” Thế rồi, trong chốc lát, gã thấy choáng váng như bị giáng một đòn ngay ngực và ngưng bật bài diễn văn trong một giây, gã nghĩ, ôi Chúa thánh linh... cuộn pháo súng ấy! “...Và ném thứ ấy vào lửa. Hãy nghĩ về truyền thống, truyền thống kỹ thuật, đã được áp dụng để tạo ra một cuộn giấy với những ô thuốc súng tí hon xếp thành hàng ngay ngắn, để ta nghe được những tiếng *pốp pốp pốp* be bé! Hoặc nếu anh đưa cho một người La Mã cổ đại một chiếc đồng hồ đeo tay, và y đã biết một chiếc đồng hồ mặt trời ra sao...” Gã không hoàn tất phép so sánh này, vì mãi nghĩ về cuộn pháo súng, làm thế nào nó lại nổ lên giòn giã đến vậy mà không hề phát ra chút mùi thuốc súng nào.

Canutti cười nhạt. “Chao ôi, Nate, anh rất có tài hùng biện. Nhưng tôi sẽ không tức tối đến thế chỉ vì một đội nghiên cứu mới nổi nào đó đã chế tạo ra thứ ấy.” Ông ta cố gắng nói giọng bông đùa, muốn xua đi mối mâu thuẫn. “Có khi là người ở tương lai đến

thăm viếng chúng ta. À không, chí ít thì họ đến bán cho ta phim máy ảnh đấy chứ.”

Bryce đứng dậy, siết chặt hộp phim trong tay. Gã nói khẽ. “Một đội nghiên cứu mới nổi, quỷ tha ma bắt! Theo tất cả những gì tôi biết, thứ phim này hoạt động mà không sử dụng bất kì kĩ thuật hóa học nào từ hơn một trăm năm lịch sử phát triển của nhiếp ảnh. Kĩ thuật của nó có khi đến từ ngoài hành tinh cũng nên. Hoặc có một thiên tài đang ẩn náu ở một xó nào đó của Kentucky, có khi kẻ đó dự định bán cho chúng ta những chiếc máy chuyển động vĩnh cửu vào tuần tới không chừng.” Bất thành linh, gã xoay người, chán ngấy vì cuộc trò chuyện và bắt đầu bước ra phía cửa.

Như người mẹ gọi với theo đứa con bỏ đi trong cơn dần dỗi, Canutti nói: “Tôi sẽ không bàn nhiều về chuyện ngoài hành tinh, Nate ạ. Dĩ nhiên, tôi hiểu ý anh...”

“Dĩ nhiên là anh hiểu.” Bryce vừa đáp vừa rời đi. Gã đi thẳng về nhà trên chuyến xe điện chiều, và bắt đầu tìm kiếm - hoặc, đúng hơn là, nghe ngóng và chờ đợi - lũ con trai với những khẩu súng pháo.

6.

Năm phút sau khi rời sân bay, y nhận ra mình đã mắc một sai lầm trầm trọng. Y không nên cố gắng đến vùng đất phương Nam xa xôi này giữa lúc mùa Hè, bất kể có cần kíp bao nhiêu đi nữa. Đáng ra y nên cử Farnsworth đi, cử một người nào đó, để lo việc mua bất động sản, để lo việc dàn xếp. Nhiệt độ vượt quá ba mươi hai độ và, vốn dĩ không thể thoát mồ hôi do cơ thể y được cấu tạo cho điều kiện nhiệt độ tầm bốn đến mười độ, y đau đớn đến nỗi gần lả đi trong băng ghế sau chiếc limousine đưa đón của sân bay. Chiếc xe ấy đưa y vào khu trung tâm Louisville, vừa đi vừa dần ép cơ thể vẫn còn nhạy cảm với trọng lực của y lên những tấm đệm ghế cứng ngắc.

Thế nhưng, với hơn hai năm trên trái đất và mười năm huấn luyện thể chất trước khi rời Anthea, y đã nén chịu được đau đớn và giữ cho bản thân tỉnh táo bằng sức mạnh của ý chí, một cách sắt đá, dù là sự tỉnh táo trong cơn hỗn loạn. Y đủ sức bước khỏi chiếc limousine, bước vào tiền sảnh khách sạn, từ tiền sảnh đi lên thang máy nhẹ nhõm khi nhận thấy chiếc thang máy ấy đi chậm, êm dịu - và đi vào phòng y ở tầng ba, nơi y ngã lên giường ngay lúc người khuân vác hành lí để y lại một mình. Sau một chốc y xoay xở mở được điều hòa không khí và chỉnh nhiệt độ cực lạnh. Rồi y thả người lại lên giường. Đó là một chiếc máy điều hòa loại tốt, được làm theo một tập hợp bằng sáng chế y đã cho công ty sản xuất chiếc máy ấy thuê. Rất nhanh, không khí trong phòng đã đủ mát mẻ với y, nhưng y vẫn để máy chạy, thậm chí biết ơn là công

hiến của y với ngành điện lạnh đã giúp cải tiến những chiếc hộp bé xíu xấu xí ấy không gây tiếng ồn, một thứ vốn dĩ hết sức thiết yếu với y.

Giờ là buổi trưa, sau một lúc y gọi phục vụ phòng và người ta đưa lên cho y một chai vang Chablis với ít pho mát. Y chỉ mới bắt đầu uống rượu gần đây, thích thú khi nhận thấy thứ này hình như có cùng tác dụng với y như với nhân loại trên trái đất. Rượu ngon, dù pho mát hơi dai. Y bật truyền hình, một sản phẩm cũng vận hành nhờ các bằng sáng chế của tập đoàn W. E., và ngả lưng xuống một chiếc ghế bành. Y đã quyết định nếu không thể làm gì hơn trong buổi trưa nóng bức này, thì hãy cho chính mình được giải khuây vậy.

Hơn một năm qua y không xem truyền hình, y thấy lạ lẫm khi xem lại thứ ấy ở đây, tại căn phòng khách sạn xa hoa và hiện đại một cách thô thiển này - rất giống những căn hộ nơi các tay thám tử trên truyền hình trú ngụ, với những chiếc đi văng, kệ sách chẳng bao giờ dùng tới, những bức họa trừu tượng và quầy bar riêng có mặt quầy bằng nhựa - tại đây ở Louisville, Kentucky. Y xem những nhân loại nhỏ bé, nam và nữ, chuyển động trên màn ảnh như đã xem trong rất nhiều năm tháng ở quê nhà, ở Anthea. Giờ đây y nghĩ về những tháng ngày ấy, nhấp ngậm rượu lạnh, nhấm nháp pho mát... Những thực phẩm ngoại lai, xa lạ. Trong lúc nhạc nền của một câu chuyện tình vang vọng khắp căn phòng mát mẻ và những giọng nói mơ hồ phát ra từ chiếc loa nhỏ dội vào hệ thính giác nhạy cảm, không giống với nhân loại của y, như những tiếng líu ríu từ yết hầu lạ lẫm, mà về bản chất quả là thế. Quá khác biệt với thứ tiếng rin rít trong ngôn ngữ mẹ đẻ của y, dù ngôn ngữ này nhiều thế hệ về trước đã phát triển từ một ngôn ngữ

khác nữa. Y cho phép chính mình nghĩ ngợi, lần đầu tiên trong nhiều tháng, về cuộc chuyện trò dịu dàng của những bằng hữu Anthea cố tri, về thú thức ăn thanh đạm, giòn xốp mà y đã ăn cả đời nơi quê nhà, về vợ và các con y. Có lẽ sự mát lạnh của căn phòng đã xoa dịu y sau chuyến đi giữa thời tiết mùa Hè đầy dằn vặt, có lẽ chất cồn, mà các gân mạch của y vẫn còn chưa quen thuộc, đã khiến y rơi vào một trạng thái tâm lí rất gần với nỗi hoài nhớ của nhân loại... đa cảm, vị kỉ và u uất. Y muốn, đột ngột, nghe được thanh âm của ngôn ngữ mẹ đẻ, nhìn thấy những màu sắc tươi sáng của đất đai Anthea, ngửi lấy mùi hoang mạc gai mũi, lắng nghe những âm trầm của âm nhạc Anthea, và trông thấy những bức tường mỏng như sa của các tòa nhà, bụi bặm của các thành phố nơi ấy. Và y thèm muốn vợ y, với dự vọng phảng phất trên cơ thể Anthea này... một nỗi đau dai dẳng, thầm kín. Bất thành linh, y nhìn lại căn phòng với những bức tường xám xịt nhạt nhòa và đồ nội thất thô thiển, y cảm thấy chán ghét, phát ngấy với nơi chốn xa lạ và thấp kém này, với nền văn hóa đầy nhục dục, vô căn, đầy những giọng lào khào, ồn ào này, một tập hợp của lũ linh trưởng chỉ biết đến mình, lúc nào cũng nôn nao, khôn lỏi... lỗ mãng, vô tâm, trong khi nền văn minh đang lung lay của họ, như cầu Luân Đôn và mọi chiếc cầu khác, đang dần đổ sụp, đổ sụp.

Y bắt đầu cảm nhận điều mà đôi lúc y cảm nhận trước kia, một sự nhọc nhằn trĩu nặng, một cơn mỏi mê trần thế, một nỗi lao khổ sâu sắc với thế giới đầy bận rộn, huyên náo, tàn hoại này và toàn thể những âm thanh rin rít của nó. Y thấy như thể mình sẵn sàng từ bỏ toàn bộ chuyện này, rằng thật ngu xuẩn, ngu xuẩn đến vô lí để khởi sự mọi thứ từ hơn hai mươi năm trước. Y nhìn quanh mình

lần nữa, rồi. Y đang làm gì ở đây... ở đây trên hành tinh lạ này, hành tinh thứ ba tính từ mặt trời, một trăm triệu dặm tính từ quê nhà y? Y đứng dậy tắt truyền hình rồi ngồi xuống, người chìm sâu vào ghế, và tiếp tục uống rượu, nghe hơi cồn bốc lên và giờ đây không quan tâm gì nữa.

Y đã xem các chương trình truyền hình của Mĩ, Anh và Nga trong mười lăm năm. Các đồng sự của y đã thu thập và xây dựng một thư viện khổng lồ các chương trình phát sóng được ghi lại vào thời điểm bốn mươi năm trước, khi người Mĩ bắt đầu phát sóng truyền hình liên tục. Y và các đồng sự đã giải mã được hầu hết những sự khác biệt vi tế của ngôn ngữ này từ những chương trình phát thanh FM. Y phải học tập hằng ngày, học ngôn ngữ, học kiểu cách cư xử, lịch sử và địa lí, mọi thứ có thể học được, cho tới khi bằng cách đối chiếu qua lại hết mọi khía cạnh, y ghi nhớ được ý nghĩa của những từ mịt mờ như “màu vàng”, “Waterloo” và “Cộng hòa Dân chủ”... Từ cuối cùng là một khái niệm không có bất kì thứ gì tương ứng ở Anthea. Và, trong khi y làm việc, học tập và trải qua những bài tập thể chất bất tận, trong khi y thống khổ vì đợi chờ nhiều năm, thì họ cân nhắc xem xét liệu có nên thực hiện cuộc du hành không. Có quá ít năng lượng, không có gì hơn pin mặt trời trong hoang mạc. Sẽ cần rất nhiều nhiên liệu để gửi đi dù chỉ một người Anthea băng qua khoảng không trống rỗng, có lẽ người ấy sẽ chết ở dọc đường, có lẽ sẽ được tiếp đón bởi một thế giới đã tàn diệt rồi, một thế giới mà có lẽ lúc ấy, không khác gì chính Anthea, chỉ còn những tàn vụn do bom nguyên tử, kết quả từ một cơn cuồng nộ kiểu linh trưởng. Nhưng rồi sau cùng họ báo với y, cuộc du hành sẽ được thực hiện, trên một trong những phi thuyền cũ kĩ khi ấy vẫn vùi mình dưới đất. Một năm trước khi khởi hành y được

thông báo rằng các kế hoạch cuối cùng đã xác định chắc chắn, rằng phi thuyền sẽ sẵn sàng khi các hành tinh di chuyển đến những vị trí phù hợp cho phi thuyền đi qua. Y đã không thể kiểm soát đôi tay run rẩy, khi y thuật lại với vợ mình quyết định nọ...

* * *

Y đợi trong phòng khách sạn, không hề nhích khỏi ghế, cho tới năm giờ chiều. Rồi y đứng dậy, gọi bên văn phòng bất động sản, thông báo với họ là y sẽ ghé qua lúc năm giờ rưỡi. Y rời căn phòng, để lại chai rượu đã vơi nửa trên quầy bar. Y hy vọng bảy giờ thời tiết sẽ bớt nóng, nhưng không.

Y đã chọn khách sạn này bởi lẽ nơi đây chỉ cách văn phòng mà y sẽ ghé qua ba ô phố, ở đó y sẽ thực hiện cuộc giao dịch bất động sản khổng lồ theo kế hoạch từ trước. Y có thể đi bộ với khoảng cách ấy, nhưng bầu không khí oi nóng u ám và nặng nề đến độ cực hình như tấm đệm ụp lên những con phố khiến y hoa mắt, luống cuống và lả cả người. Trong thoáng chốc, y nghĩ mình nên trở lại khách sạn và gọi người phụ trách bên bất động sản sang gặp y, nhưng y vẫn tiếp tục cất bước.

Và rồi, khi nhìn thấy tòa nhà, y nhận ra một thứ khiến y hãi hùng: Văn phòng y cần đến ở tầng mười chín. Y không ngờ có những tòa nhà cao tầng ở Kentucky, y không lường trước việc này. Đi bộ lên cầu thang là một chuyện tuyệt đối không thể. Mà y lại không biết gì về thang máy ở đây. Nếu y sử dụng một chiếc thang máy đi lên quá nhanh, hoặc quá xóc giật, sẽ thành ra tai họa với cơ thể hiện thời đã bị kéo căng vì trọng lực của y. Nhưng

thang máy ở đây trông có vẻ còn mới và ổn thỏa, và ít ra, tòa nhà có điều hòa. Y bước vào một chiếc thang máy, không có ai khác trừ người trực, một ông già lặng lẽ mặc bộ đồng phục lấm vết thuốc lá. Họ lại có thêm một hành khách khác, một phụ nữ ưa nhìn, thân hình đầy đặn, cô ta chạy vội vào, thở không ra hơi, ngay đúng phút chót. Người trực thang máy đóng lại cánh cửa bằng đồng. Newton nói “tầng mười chín, làm ơn” còn người phụ nữ nói khẽ “tầng mười hai” và ông già đặt tay một cách uể oải, có chút gì khinh khỉnh, lên tấm bảng điều khiển. Newton nhận ra ngay tức thì, trong bàng hoàng, rằng đây không phải là kiểu thang máy hiện đại có nút bấm, mà là một loại cũ được tân trang. Nhưng nhận thức ấy đến quá muộn màng, bởi lẽ trước khi y có thể lên tiếng ngăn lại, dạ dày y đã quặn xoắn và cơ bắp y căng ra đau đớn khi chiếc thang máy ấy giật mạnh, ngừng lại một thoáng, giật mạnh lần nữa và rồi phóng thẳng lên trên, trong khoảnh khắc nhân đôi trọng lượng vốn đã nhân ba của y. Và rồi mọi thứ dường như xảy ra cùng một lúc. Y trông thấy người phụ nữ nhìn y chòng chọc, y nghĩ ắt hẳn mũi mình đang đổ máu, máu tuôn xuống ngực áo sơ mi, y cúi xuống và thấy quả là như thế thật. Ngay lúc ấy y nghe thấy - hoặc cảm thấy, trong thân thể run lẩy bẩy của mình - một tiếng rạn giòn tan, và đôi chân y khuyu xuống, y ngã ra sàn thang máy, vịn vẹo một cách dị hợm, y trông thấy phía dưới thân mình, một chân y gãy gập thật đáng sợ và rồi y mất đi ý thức, tâm trí y rơi vào bóng tối sâu thẳm như thứ bóng tối hư không đã chia cách y khỏi chốn quê nhà...

* * *

Y đã từng bất tỉnh hai lần trong đời, một lần là kì huấn luyện trong máy quay li tâm ở quê nhà, và một lần là khi phi thuyền gia tốc để cất cánh. Cả hai lần ấy y đều tự mình hồi phục nhanh chóng, tỉnh lại trong tình trạng hỗn loạn và đau đớn. Lần này cũng vậy, y tỉnh dậy vì thân thể bị giầy vò đau đớn và lâm vào nỗi hãi hùng mù mịt khi không biết mình đang ở đâu. Y đang nằm ngửa, lưng đặt lên thứ gì đó bằng phẳng và mềm mại, đập vào mắt y là ánh đèn chói lóa. Y nheo mắt rồi co rúm lại, xoay đầu sang một bên. Y đang nằm trên một chiếc trường kỉ nào đó. Ở bên kia căn phòng, một phụ nữ đang đứng bên chiếc bàn viết, tay cầm điện thoại. Cô ta đang nhìn y. Y nhìn chằm chằm cô ta, và rồi y nhận ra người ấy... người phụ nữ trong thang máy.

Cô ta có vẻ ngập ngừng khi thấy y tỉnh lại, và dường như không biết phải làm gì với chiếc điện thoại mà cô đang nắm hờ trong tay. Cô thần thờ mỉm cười với y. “Ông ổn chứ, thưa ông?”

Giọng y nghe như giọng một ai khác, yếu ớt và khẽ khàng. “Tôi cho là thế. Tôi không biết...” Hai chân y duỗi thẳng ra phía trước. Y không dám thử cử động chân. Máu trên áo sơ mi y vẫn còn dính dính, nhưng giờ đã lạnh đi. Có lẽ y không bất tỉnh quá lâu. “Tôi cho là chân tôi bị thương rồi...”

Cô ta nhìn y nghiêm nghị, lắc đầu. “Àt là thế. Một chân ông cong gập lại như cọng dây kẽm cũ.”

Y vẫn nhìn cô ta, không biết nên nói gì, gắng gượng nghĩ xem phải làm gì. Y không thể nào đến một nhà thương, ở đó người ta sẽ làm kiểm tra. Các tia X...

“Tôi đã ra sức gọi bác sĩ cho ông trong năm phút qua.” Giọng cô ta khàn khàn và trông cô ta hoảng hốt. “Tôi đã gọi cho ba người và cả ba đều không nhắc máy.”

Y chớp mắt, cố gắng suy nghĩ cho rõ ràng. “Không!” Y kêu lên. “Không! Đừng gọi...”

“Đừng gọi bác sĩ ư? Nhưng ông phải được bác sĩ khám, thưa ông. Ông bị thương nặng lắm.” Cô ta trông nghi ngại, nhưng quá sợ hãi để dậm ra ngò vức.

“Không.” Y cố gắng nói thêm, nhưng bất thành linh bị áp đảo bởi cơn buồn nôn và trong lúc chật vật để giữ cho tỉnh táo, y nhận thấy mình nôn mửa sang phần bên kia trường kỉ, hai chân y đau đớn đến độ thét gào trước mỗi cử động. Rồi y lả đi, nằm xuống lại, mặt để ngửa. Nhưng ánh đèn vẫn quá chói chang, thiêu đốt mắt y thậm chí cả khi hai mí mắt khép lại - hai mí y mỏng manh, gần như trong suốt - và vừa rên rỉ y vừa vung tay lên che mắt.

Không biết vì sao, trận nôn mửa ấy dường như đã khiến người phụ nữ trấn tĩnh lại. Có lẽ vì hành động ấy là biểu hiện dễ thấy ở một con người bình thường. Giọng cô ta thả lỏng hơn. “Tôi có thể giúp gì cho ông? Tôi làm gì để giúp ông bây giờ?” Cô ta ngập ngừng. “Tôi có thể lấy cho ông cốc nước...”

“Không. Tôi không cần...” *Y phải làm gì đây?*

Đột nhiên, giọng cô ta vút lên, như thể suýt nữa lên cơn quẫn trí nhưng kìm lại được. “Ông đúng là phiền phức.”

“Tôi biết.” Y xoay mặt hướng về lưng trường kỉ, cố gắng tránh ánh đèn. “Cô có thể... có thể để tôi một mình không? Tôi sẽ khá hơn... nếu được nghỉ ngơi.”

Cô ta bật ra tiếng cười khẽ. “Làm thế nào được. Đây là một văn phòng, sẽ có đầy người vào buổi sáng. Người trực thang máy cho tôi chìa khóa.”

“Ồ.” Y phải làm gì đó với cơn đau, nếu không y sẽ khó lòng giữ tỉnh táo lâu được. “Nghe này cô, tôi có một chìa khóa phòng khách sạn trong túi đây, khách sạn Brown. Cách đây ba ô phố, cô đi xuống phố...”

“Tôi biết khách sạn Brown ở đâu.”

“Ồ. Tốt quá. Cô có thể nào cầm chìa khóa và lấy giúp tôi chiếc cặp đen từ hộp tủ trong phòng ngủ không? Và mang nó lại đây cho tôi? Tôi có... thuốc trong đó. Xin làm ơn.”

Cô ta im lặng.

“Tôi có thể trả công...”

“Tôi không lo chuyện ấy.”

Y quay đầu lại và mở mắt ra để nhìn cô ta trong một chốc. Bộ mặt to bè của cô ta cau lại, hai hàng lông mày nhăn tít như đang bày ra vẻ suy tư. Rồi cô bật cười, không nhìn y. “Tôi không biết liệu họ có để cho tôi bước vào khách sạn Brown không... Hoặc để tôi vào một trong các phòng ở đấy, làm như tôi là khách thuê vậy.”

“Sao lại không?” Đâu đó trong ngực y đau nhói khi y nói. Y cảm thấy như thể mình sẽ bất tỉnh một lần nữa, không lâu đâu. “Sao lại không cho cô vào?”

“Ông không để tâm nhiều đến chuyện áo quần, phải chứ, thưa ông? Ông có lẽ chẳng bao giờ phải lo lắng gì. Trên người tôi không

có gì hơn bộ áo quê mùa, tươi tắn. Và người ta có lẽ không chào đón nếu nghe mùi bốc từ người tôi.”

“Ồ!” Y đáp.

“Mùi rượu gin. Nhưng có lẽ tôi có thể...” Cô ta trầm ngâm.
“Không, không thể.”

Y lại người nghe nhũn ra, thân thể y như đang trôi lênh phênh. Y chớp mắt, ép chính mình phải kiên trì, cố gắng lờ đi sự yếu ớt, cơn đau. “Trong ví của tôi. Lấy mấy tờ hai mươi đô la. Đưa cho mấy người phục vụ món tiền ấy. Cô sẽ vào được.” Căn phòng đang quay mòng mòng quanh y, ánh đèn giờ đã mờ đi, dường như đang chuyển động, diễu qua mắt y một cách lơ mờ. “Xin làm ơn.”

Y cảm thấy cô ta lần tay vào túi mình, cảm thấy hơi thở nóng hổi của cô lướt qua mặt, sau một chốc, nghe cô thở gấp gáp. “Trời ơi!” Cô kêu lên, “Ông giàu sụ...! Không lẽ tôi lại bỏ trốn với món tiền này.”

“Đừng! Xin giúp tôi. Tôi có tiền. Tôi có thể...”

“Tôi sẽ không làm vậy.” Cô ta nói, vẻ ủ rũ. Và rồi, nét mặt cô tươi hơn. “Ông hãy gắng lên, thưa ông. Tôi sẽ trở lại đem thuốc cho ông, dù cho phải mua đứt cái khách sạn ấy. Ông cứ yên tâm.”

Y nghe thấy tiếng cô sập cửa lại sau lưng và chìm vào mê man...

Dường như chỉ một chốc sau cô ta đã trở lại căn phòng, thở hổn hển, và đặt chiếc cặp mở ra trên bàn.

Và rồi, sau khi y đã uống viên thuốc nhộng giảm đau và những thứ thuốc viên sẽ giúp chân y lành lại, người trực thang máy bước

vào với một người đàn ông, ông này giới thiệu mình là người quản lí tòa nhà và muốn Newton cam đoan với họ là y sẽ không kiện bất kì ai, rằng y thật sự thấy khỏe lại và mọi thứ sẽ ổn thỏa. Không, y không cần một chiếc xe cứu thương. Phải, y sẽ kí một giấy khước từ để giải trừ trách nhiệm cho ban quản lí tòa nhà. Giờ liệu họ có thể gọi một chiếc taxi cho y không? Y gần như lại ngất đi, dăm ba lần, trong suốt cuộc trò chuyện điên rồ này, và khi đã kết thúc y lại ngất đi lần nữa.

Y tỉnh dậy trong một chiếc taxi với người phụ nữ. Cô ta khẽ lay y. “Ông muốn đi đâu? Nhà ông ở đâu?”

Y nhìn chăm chăm cô ta. “Tôi... tôi thật tình không biết nữa.”

7.

Y ngẩng lên giữa lúc đang đọc sách, có đôi chút giật mình. Y không hề nhận thấy sự hiện diện của cô ta trong phòng. Cô thường xuyên như thế, xuất hiện một cách đột ngột, và giọng nói ào ào, nghiêm nghị của cô có thể khiến y phiền nhiễu. Nhưng cô là một phụ nữ tốt bụng và hoàn toàn không ngờ vực gì y. Trong bốn tuần, y dần yêu mến cô, như thể cô là một thứ thú cưng hữu dụng. Y chuyển chân sang một tư thế thoải mái hơn trước khi lên tiếng đáp. “Cô sẽ đi nhà thờ chiều nay phải không?” Y nghiêng vai, ngoái đầu nhìn cô ta. Có lẽ cô vừa mới bước vào, mang theo một chiếc túi nhựa màu đỏ, loại túi đựng hàng, cô ôm chiếc túi ấy trước bộ ngực lớn như đang ôm một đứa bé.

Cô ta cười toe toét với y, một nụ cười hơi ngốc nghếch, và y nhận ra rằng cô ắt hẳn đang có chút say, dù lúc này chỉ mới đầu giờ trưa. “Tôi định thế, thưa ông Newton. Tôi nghĩ có lẽ ông muốn đi nhà thờ.” Cô đặt chiếc túi lên bàn, kế bên chiếc máy điều hòa. Chiếc máy ấy y đã mua cho cô trong tuần đầu tiên y ở lại nhà cô. “Tôi mua cho ông ít rượu.”

Y xoay thẳng người lại, trước mặt y là một chiếc thùng gỗ nhỏ mỏng manh, phía trên dán những quyển truyện tranh cũ, thứ duy nhất mà cô ta đọc. Y thấy phiền hà. Cô ta mua rượu nghĩa là hẳn định uống say vào tối nay và dù kiểm soát được tủy lượng của mình, chuyện cô say xỉn luôn làm y e ngại. Cô vẫn hay nhận xét với vẻ ngạc nhiên đầy tinh nghịch về cân nặng nhẹ bồng và vóc người mảnh khảnh của y, cô rõ ràng vẫn không thể hình dung

được sự tổn hại cô có thể gây cho khung xương của y - một khung xương mỏng manh như của loài cầm điểu - nếu nhờ cô vấp trúng y, ngã đè lên y, hoặc thậm chí chỉ là cho y một cái tát mạnh. Cô có một thân hình đầy đặn, khỏe khoắn và nặng hơn y ít nhất năm chục cân. “Cô thật là có lòng khi mang rượu về, Betty Jo ạ. Rượu lạnh chứ?”

“Ừm, ừm. Lạnh khiếp đấy.” Cô lấy chai ra khỏi túi và y nghe thấy tiếng vỏ chai chạm leng keng vào những chai khác vẫn còn trong giỏ. Cô đưa tay sờ cái chai ấy với vẻ nghiền ngẫm. “Lần này tôi không mua ở hiệu Reichmann. Hôm nay tôi được nhận tiền trợ cấp và tôi mua rượu ngay khi ra khỏi tòa nhà sở phúc lợi. Có một hiệu nhỏ ngay đây tên là Goldie’s Quickie. Cả mớ tiền phúc lợi trút vào đó.” Cô lấy một chiếc cốc từ hàng cốc ở trên nóc giá sách kiểu cổ sơn đỏ, đặt cốc ấy lên bậu cửa sổ. Rồi, bằng một vẻ thần thờ, biếng nhác luôn hiện ra mỗi khi dính tới rượu chè, cô kéo một chai rượu gin khỏi túi, và bấy giờ đứng đó, một tay cầm chai rượu vang, tay kia cầm chai rượu gin, như thể không quyết định được nên đặt chai nào xuống trước. “Họ chất hết rượu trong tủ lạnh loại thường và rượu lạnh ngắt đi. Đáng ra tôi nên mua hãng hiệu Reichmann.” Cuối cùng cô ta đặt chai rượu vang xuống và mở chai rượu gin.

“Không sao. Hâm nóng cũng không lâu.”

“Tôi đặt chai này ở đây, bất kì lúc nào muốn uống ông cứ gọi tôi, được chứ?” Cô rót cho mình nửa cốc rượu gin rồi đi vào căn bếp nhỏ. Y nghe thấy cô ta khua lọ đường loảng xoảng, xọc muống vào thứ đường mà cô hay cho vào món rượu gin, rồi cô trở

lại rất nhanh, vừa đi vừa uống. “Chết tiệt, mình mê cái món gin!” Cô nói, giọng hài lòng.

“Chắc là tôi không đi nhà thờ được.”

Cô ta trông có vẻ chán nản thật sự. Cô bước sang và ngưỡng nghịu ngồi xuống chiếc ghế bọc vải hoa cũ kĩ đối diện y, một tay cô gắng kéo chiếc váy in họa tiết qua khỏi đầu gối, tay kia cầm chiếc cốc. “Tiếc thật. Nhà thờ ấy tốt lắm, toàn người sang quý. Ông sẽ không thấy lạ lắm ở đó.” Lần đầu tiên y để ý thấy tay cô ta đeo một chiếc nhẫn hột xoàn. Có lẽ cô mua nó bằng tiền của y. Y không thấy phật ý gì chuyện đó, hiển nhiên cô có được tiền ấy vì đã bỏ công săn sóc y. Mặc cho những thói quen và lối nói chuyện của cô, cô chăm nom người bệnh rất giỏi. Và cô không tọc mạch gì chuyện của y.

Không muốn nói thêm chuyện nhà thờ, y giữ im lặng trong khi cô ta ngả người thoải mái trên ghế và bắt đầu nghiêm túc uống món rượu gin của mình. Cô là kiểu con chiên nhiệt thành nhưng vô kỉ luật mà các phóng viên truyền hình sẽ gọi là ngoan đạo sâu sắc - cô khẳng khẳng rằng tôn giáo của cô là một nguồn sức mạnh lớn lao. Bao gồm việc thường xuyên tham dự các buổi giảng trưa Chủ Nhật về sức hút cá nhân và những buổi giảng chiều thứ Tư về con người thành đạt trong kinh doanh nhờ cầu nguyện. Đức tin của tôn giáo ấy dựa trên tín ngưỡng rằng bất kể chuyện gì xảy ra, mọi thứ rồi sẽ tốt đẹp, đạo lí ở đây là mỗi người phải tự quyết định cái gì là đúng đắn cho chính mình. Betty Jo có lẽ đã quyết định chọn rượu gin và tiền trợ cấp, như rất nhiều người khác.

Trong mấy tuần sống cùng người phụ nữ này, y đã học được rất nhiều về một khía cạnh của xã hội Mỹ mà những chương trình

truyền hình không hề cung cấp chút nào. Y được biết về sự thịnh vượng chung đang không ngừng lớn mạnh, như hoa của một cây cần sa khổng lồ, ương ngạnh đến khó tin, trong bốn mươi năm kể từ khi Đề nghị Thế chiến kết thúc, và y được biết làm thế nào sự thịnh vượng này được phân phối và bị dùng cạn bởi gần như toàn bộ tầng lớp trung lưu mà cứ mỗi năm trôi qua, bỏ thêm thời gian vào công việc ít sáng tạo hơn và kiếm về nhiều tiền hơn cho sự thịnh vượng ấy. Đó chính là tầng lớp trung lưu sống cực kì tiện nghi và ăn diện thừa mứa mà hầu hết các chương trình truyền hình xoay quanh, để rồi người ta dễ dàng hình thành ý niệm rằng tất cả dân Mỹ đều trẻ trung, rậm nắng, ánh mắt sắc sảo và đầy hoài bão. Nhờ gặp Betty Jo, y được biết rằng có một tầng lớp xã hội đông đảo bên dưới hoàn toàn không bị tác động bởi hình mẫu của tầng lớp trung lưu này, rằng có một đám đông khổng lồ, bàng quan hầu như không sở hữu bất kì tham vọng hay phẩm giá nào cả. Y đã đọc về lịch sử đủ để biết rằng những người như Betty Jo có lẽ từng là giai cấp công nhân bần cùng, nhưng giờ đây họ là giai cấp sung túc trong xã hội công nghiệp này, sống nhàn tản trong những tòa nhà do chính quyền xây dựng... Betty Jo thuê một căn hộ ba phòng trong khu nhà ở bằng gạch cũ kĩ, to lớn, giờ suýt soát một khu ổ chuột. Cô sống bằng những tấm séc từ cơ man các tổ chức phúc lợi: Phúc lợi Liên bang, Phúc lợi Quốc gia, Cứu tế Khẩn cấp, Trợ cấp Tình thương. Xã hội Mỹ giàu có quá dồi dào đến nỗi có thể chu cấp cho tám hay mười triệu thành viên trong tầng lớp của Betty Jo một đời sống an nhàn tồi tàn với đồ thùng và rượu gin nơi các đô thị, trong khi phần đông dân chúng thanh thoi phơi nắng để có bầu má rậm hồng hào ở những hồ bơi ngoại ô và chạy theo những xu hướng tân thời về quần áo, phương pháp

nuôi dạy trẻ, các món rượu pha chế và việc nội trợ, tham gia những trò chơi vô tận có yếu tố tôn giáo, phân tâm học và “cân bằng niềm vui cuộc sống”. Ngoại trừ Farnsworth, kẻ vẫn thuộc về một tầng lớp khác, hiếm hoi hơn, một tầng lớp giàu có thật sự, tất cả những người Newton đã gặp đều ở tầng lớp trung lưu này. Toàn bộ họ toát lên một vẻ tương đồng và nếu ta bắt gặp họ ở hoàn cảnh tự nhiên, khi bàn tay họ không chìa ra một cách thân ái hoặc bộ mặt không hiện lên vẻ giả dối thông thường đầy phô trương và ấu trĩ, họ sẽ có gì hơi buồn chồn, mất mát. Dường như Newton thấy rằng Betty Jo, với món rượu gin của cô, sự nhàn rỗi của cô, những con mèo của cô, và những đồ nội thất hàng thùng của cô, có phần tốt đẹp hơn tầng lớp xã hội ấy.

Cô từng tham gia một hội nhóm, với vài “người bạn gái” ở các căn hộ khác trong tòa nhà này. Những lúc ấy y nằm trong phòng ngủ, không thấy được gì, nhưng vẫn có thể nghe được họ hát những bài thánh ca quen thuộc như *Vàng đá muôn đời* và *Phúc âm muôn thuở*, uống rượu gin đến say mềm và đắm mình vào cảm xúc ủy mị, và y thấy dường như trong trạng thái sa ngã cảm xúc ấy họ mãn nguyện hơn nhiều so với niềm thỏa mãn mà tầng lớp trung lưu đạt được bằng những buổi tiệc nướng kiểu La Mã, hồ bơi chìm ngập rượu chè lúc nửa đêm và những cuộc làm tình chóng vánh. Nhưng ngay cả Betty Jo cũng không thật tâm với những bài thánh ca ngây ngô nọ, bởi lẽ sau khi những phụ nữ khác đã rời đi, trong trạng thái say mềm, về lại căn hộ ba phòng của họ, cô lại nằm lên giường, cạnh bên y, khúc khích kể với y sự ngớ ngẩn của lễ Rửa tội, của việc hát Thánh ca, của giáo lí Phục hưng mà gia đình cô, những người gốc Kentucky, đã dùng để dạy dỗ cô lớn lên và làm thế nào cô đã “trưởng thành và bỏ ngoài tai tất cả,

dù thỉnh thoảng cũng có chút gì đáng yêu khi hát lên những bài ca ấy”. Newton không đưa ra nhận xét gì, nhưng y không kiềm được thắc mắc. Y đã xem nhiều lần chương trình “Giờ phấn hưng xưa”¹⁴, bằng các cuốn băng cũ ở Anthea, và y đã xem một giờ phấn hưng “nay” ở nhà thờ “đã tiếp cận Thiên Chúa đầy sáng tạo,” mà trong đó người ta chỉ dùng một cây phong cầm điện chơi các bản waltz của Strauss¹⁵ và các đoạn trong khúc mở đầu vở *Thị nhân và nông dân*¹⁶. Y không chắc liệu những người này có hoàn toàn tỉnh táo trong quá trình dựng nên thứ hiện thân lạ lùng ấy không, một thứ mà ở Anthea hoàn toàn không có - tuy thế đó là thứ mà những cư dân Anthea, trong những chuyến viếng thăm xa xưa tới hành tinh này, ắt đã gây nên - thứ hệ thống đặc thù của những khởi đề và lời hứa hẹn được gọi là tôn giáo. Dẫu vậy, y không hiểu quan niệm ấy cho lắm. Dân Anthea tin rằng, chắc chắn, có các vị thần trong vũ trụ này, hoặc những tạo vật có thể gọi là các vị thần, nhưng đó không phải là việc quan trọng gì với họ, không quan trọng như nó thật sự quan trọng với hầu hết nhân loại. Tuy vậy, niềm tin lâu đời của nhân loại vào tội lỗi và cứu chuộc có ý nghĩa với y. Và y, như toàn thể dân Anthea, hoàn toàn quen thuộc với cảm giác tội lỗi và mong muốn chuộc lỗi. Nhưng giờ đây nhân loại dường như đang xây lên những công trình yếu ớt, lung lay của thứ niềm tin nửa vời và tính ủy mị để thay vào chỗ những tôn giáo của họ, và y không biết phải hiểu sao về chuyện đó, y thật sự không thể hiểu tại sao Betty Jo lại quá bận tâm đến thứ sức mạnh tưởng tượng mà cô nhận được qua những bài giảng hằng tuần từ ngôi nhà thờ giả trá của cô, một thứ sức mạnh có vẻ ít chắc chắn hơn và rắc rối hơn sức mạnh mà cô nhận được từ món rượu gin của mình.

Sau một lúc y hỏi xin cô ta một cốc rượu vang. Cô sốt sắng làm việc ấy cho y, đưa cho y chiếc cốc rượu nhỏ bằng pha lê mà cô đã đặc biệt mua cho riêng y và rót rượu ra từ chai một cách điệu nghệ. Y uống cạn khá nhanh. Y đã học được cách thưởng thức chất cồn một cách đáng kể, trong suốt quá trình hồi phục ở đây.

“Chậc!” Y nói, khi cô đang rót cốc thứ hai cho mình, “Tôi hi vọng sẽ có thể rời đi vào tuần sau.”

Cô ngập ngừng một chốc, sau đó rót cho xong chỗ rượu. “Sao thế hả, Tommy?” Đôi lúc say cô gọi y là Tommy. “Có gì đâu mà vội vã.”

8.

C húa ơi, y thật khác biệt. Cao, gầy, đôi mắt to như mắt một chú chim, mặt khác y có thể di chuyển xung quanh thậm chí với một chân bị gãy, như loài mèo vầy. Lúc nào cũng thấy y uống thuốc và chẳng bao giờ cạo râu. Y dường như cũng không hề ngủ. Đôi lúc cô trở dậy vào ban đêm, thức giấc vì cổ họng khát khô và đầu óc quay cuồng bởi món rượu gin những lần cô uống cho xả láng. Những lúc này y sẽ ở trong phòng khách, chân gác lên đầu đó, đọc sách, hoặc lắng nghe chiếc máy hát bằng vàng bé nhỏ mà một ông béo tốt đã mang đến cho y từ New York, hoặc chỉ ngồi trong ghế, hai tay chống cằm, nhìn chăm chăm bức tường với đôi môi mím chặt và tâm trí y chỉ có Chúa mới biết đã ở tận đâu rồi. Cô sẽ cố gắng di chuyển khế khàng vào những lúc như vậy, để không làm phiền y, nhưng y luôn nghe thấy cô bất kể cô nhẹ nhàng tới đâu đi nữa và cô có thể thấy là y giật mình. Nhưng y sẽ luôn mỉm cười với cô và đôi lúc nói một hai từ. Một lần nọ, trong tuần thứ hai ở đây, y dường như quá đổi lạc lõng và cô đơn, y ngồi đó, nhìn chòng chọc vào tường như cố gắng tìm kiếm thứ gì nơi ấy mà y có thể tâm sự được, với cái chân cong gập, y trông như một chú chim bé bỏng rơi xuống từ tổ chim, thân thể gần như tan nát. Y đáng thương đến độ cô muốn đưa tay ôm lấy đầu y và vuốt ve, âu yếm y như một người mẹ. Nhưng cô không làm vậy, cô biết y không thích bị người khác chạm vào. Và y quá ư mỏng manh, có khi cô sẽ làm y bị thương. Cô sẽ không bao giờ quên được cơ thể y nhẹ hẫng ra sao khi lần đầu cô dìu y ra khỏi thang

máy, trên áo sơ mi y đầy máu và chân y cong như một sợi dây kẽm gập lại.

Cô đã chải tóc xong, và bắt đầu đánh son. Lần đầu tiên cô dùng một loại phấn mắt và son màu bạc mà các cô gái trẻ vẫn dùng, và khi đã hoàn tất cô ngắm chính mình trong gương với đôi chút hân hoan. Ở tuổi bốn mươi cô cũng gọi là có nhan sắc, nếu che đi quầng thâm quanh mắt vốn là sản phẩm của món rượu gin và đường. Đêm nay cô che đi thứ nọ bằng bộ đồ trang điểm mua cho mục đích ấy.

Sau khi ngắm gương mặt mình một lát cô chuyển sang thay đồ, tròng vào chiếc nịt ngực và quần lót màu vàng mỏng dính mà cô mua chiều nay, rồi tới chiếc quần đỏ thẫm và chiếc áo cánh cùng màu. Điểm trang thêm đôi khuyên tai lòe loẹt và cuối cùng là bộ tóc lốm đốm sợi bạc, giờ cô trông như ai đó khác và đứng trước gương, lần đầu cô nhận thức được chính mình. Cô phải xuẩn ngốc đến mức nào, để ăn diện như thế này? Nhưng, trong tiềm thức, trong thứ sổ ghi chép mật mù hiếm khi được xem xét ấy, nơi ghi lại những chai rượu gin được đánh số một cách tàn bạo và những kí ức không vui về người chồng nhờ trời đã quá cố, cô hoàn toàn biết rõ mình làm những chuyện này vì đâu. Nhưng tâm trí cô không lồi ý nghĩ ấy lên bề mặt để xem xét kĩ càng. Cô giải việc lảng tránh này. Trong một phút cô cảm thấy quen thuộc hơn với diện mạo mới mẻ, gợi cảm theo lối thành thực này. Một tay cô với lấy chiếc cốc uống rượu gin của mình trên nóc chạn, tay còn lại vuốt cho phẳng chiếc quần đỏ thẫm bó sát. Cô đẩy mở cửa và bước vào phòng, chỗ Tommy đang ngồi.

Y đang nghe điện thoại và cô thấy được gương mặt của ông luật sư, Farnsworth, trên màn hình nhỏ. Họ thường nói chuyện ba hoặc bốn tiếng một ngày, có lần Farnsworth đến đây cùng một đội những người đàn ông trẻ đầy vẻ nghiêm nghị và cả ngày trời họ bàn bạc, tranh luận trong phòng khách nhà cô, phớt lờ cô như thể cô không khác gì một món đồ nội thất. Trừ Tommy, bởi lẽ y lịch thiệp, tử tế và đã dịu dàng cảm ơn khi cô mang cho những người ấy món cà phê và mời họ rượu gin.

Cô ngồi trên trường kỉ trong lúc y nói chuyện với Farnsworth và cầm lên một cuốn truyện tranh cũ, uể oải lướt qua mấy trang bắt mắt trong lúc uống cho xong cốc rượu. Nhưng cuốn truyện khiến cô buồn chán, và Tommy vẫn còn nói chuyện về dự án nghiên cứu nào đó mà họ đang tiến hành ở khu vực phía Nam, việc bán các cổ phần này nọ. Cô đặt cuốn sách xuống, uống cạn cốc, cầm lên một trong những quyển sách của y đặt ở một đầu bàn. Hàng trăm quyển sách được gửi tới đây cho y và căn phòng dần chất đầy sách. Cuốn sách ấy hóa ra là một quyển thơ và cô vội vã đặt xuống lại, cầm lên một quyển khác. Cuốn này tên là *Các động cơ nhiệt hạch* với đầy đặc chữ với số. Cô bắt đầu lại thấy mình thật ngu xuẩn, trên người mặc những thứ quần áo này. Cô đứng dậy và dứt khoát rót hai cốc rượu gin, để một cốc trên nóc chiếc truyền hình và cầm một cốc trở lại trường kỉ. Dù cảm thấy mình ngu xuẩn, cô vẫn tự động bày ra dáng ngồi khêu gợi như các ngôi sao điện ảnh, hững hờ duỗi ra cặp chân nặng nề. Nhìn qua miệng cốc, cô ngắm nghía y, trông thấy vầng sáng của chiếc đèn tỏa lên mái tóc trắng và làn da gần như trong suốt, hơi sẫm, mỏng manh của y, và bàn tay như tay phụ nữ, thanh nhã của y đặt hờ trên bàn. Vào khoảnh khắc ấy cô bắt đầu xem xét lại một cách có ý

thức điều cô toan tính, và dưới ánh sáng dịu dịu, với món rượu gin làm ấm bụng, cô bắt đầu cảm thấy trời dậy niềm phấn khích xấu xa với cái ý tưởng cô sắp sửa ve vãn thân thể mong manh, lạ kì ấy. Cô nhìn y và thả trí tưởng tượng lang thang vào ý nghĩ nọ, cô biết rằng niềm hưng phấn đặc biệt này đến từ sự xa lạ của y - từ vẻ phi giới tính, phi nhân loại, lạ lẫm của y. Có lẽ cô giống như những người đàn bà thích làm tình với những sinh vật dị dạng hoặc tàn khuyết. Ôi chao, y đúng với cả hai ý nọ - và giờ đây cô không còn bận tâm, không còn ngượng ngùng, với chiếc quần bó sát và với món rượu gin trong bụng. Nếu cô có thể khiến y hứng tình... nếu y biết hứng tình... cô sẽ lấy làm tự hào về bản thân. Và nếu không, dù sao đi nữa, y cũng là một người đàn ông đáng mến và hẳn y sẽ không phật ý. Bấy giờ cô thấy lòng mình nhanh chóng dâng trào một tình thương chan chứa với y, khi đã uống xong cốc rượu cô cảm thấy, lần đầu tiên trong nhiều năm qua, một cảm xúc tựa như tình yêu, cùng với dự vọng đã khơi dậy trong cô cả ngày dài - từ buổi sáng nay khi cô mặc chiếc váy in họa tiết cũ ra ngoài và mua đồ lót với khuyên tai, đồ trang điểm và quần bó, mà chính cô không hề nhận ra mục đích cuối cùng của kế hoạch mơ hồ ấy vốn dĩ đã len lỏi vào tâm trí mình.

Cô lấy thêm cốc rượu nữa, tự nhủ rằng nên thả lỏng bản thân. Nhưng cô dần căng thẳng lên trong lúc chờ đợi. Giờ y đang nói về ai đó tên Bryce và Farnsworth cho biết Bryce muốn được gặp y, muốn đến làm việc cho họ, nhưng trước tiên muốn gặp qua Tommy, và Tommy đáp chuyện đó là không thể và Farnsworth bảo họ rất cần số nhân lực mà Bryce sẽ đảm nhận huấn luyện. Cô bắt đầu mất kiên nhẫn. Ai buồn quan tâm về ông Bryce ấy? Nhưng rồi, đột nhiên, Tommy kết thúc cuộc trò chuyện, gác máy.

Sau khi giữ im lặng trong một lúc, quan sát cô, y mỉm cười tư lự. “Chỗ ở mới của tôi đã sẵn sàng, ở khu vực phía Nam. Cô có muốn đến đó với tôi không? Và làm quản gia cho tôi?”

Chao ôi, thật là đột ngột đến sững sờ. Cô chớp mắt với y. “Quản gia ư?”

“Phải. Căn nhà sẽ sẵn sàng vào thứ Bảy, nhưng sẽ phải bố trí đồ nội thất, những việc kiểu như vậy cần có người thu xếp. Tôi cần ai đó đỡ đần. Và...” Y mỉm cười, đứng dậy với cây gậy và khập khiễng đi về phía cô. “Cô biết là tôi ghét gặp người lạ. Cô có thể thay mặt cho tôi.” Y đứng thẳng, nhìn xuống cô.

Cô chớp mắt với y. “Em rót cho ông một cốc rượu. Đằng chỗ truyền hình.” Lời mời của y thật khó tin. Cô đã biết về căn nhà ấy từ khi mấy người ở công ty bất động sản ghé qua vào tuần thứ hai. Một dinh thự cổ to lớn mà y mua lại, cùng với chín trăm mẫu đất, ở phía Đông một dãy núi.

Y nhắc chiếc cốc lên, ngửi và hỏi: “Rượu gin à?”

“Em cho là ông phải thử món này. Khá ngon. Ngọt đấy.”

“Không,” y trả lời. “Không. Nhưng tôi sẽ rất vui nếu được uống chút rượu vang với cô.”

“Chắc rồi, Tommy.” Cô đứng dậy, lảo đảo đôi chút, đi vào bếp để lấy chai vang Sauterne cùng chiếc cốc pha lê của y. “Ông không cần em đâu.” Cô nói với ra từ nhà bếp.

Giọng y nghiêm trang. “Sao lại không, tôi cần cô. Betty Jo ạ.”

Cô bước lại vào phòng, đứng gần y khi cô đưa cho y cốc rượu. Y quả là một người đàn ông tử tế. Cô thấy gần như hổ thẹn vì bản

thân định dụ dỗ y, trong khi y không khác gì một đứa bé. Cô không thể kiềm được cái ý nghĩ buồn cười trong men rượu, rằng y hẳn hoàn toàn không biết gì về những chuyện như thế. Khi còn bé y ắt là kiểu trẻ con đi tè vào chiếc chậu bằng bạc và bỏ chạy nếu có cô bé nào chạm tới y. Hay có lẽ y là người giới tính khác, những người lúc nào cũng ngồi đọc sách và có diện mạo trông giống y... Nhưng y không nói chuyện theo kiểu những người ấy. Cô thích nghe y nói chuyện. Giờ trông y có vẻ mệt mỏi. Nhưng lúc nào y trông chẳng mệt mỏi.

Y ngồi xuống chiếc ghế bành một cách khó khăn và đặt cây gậy chống bên cạnh. Cô ngồi trên trường kỉ và rồi ngã người về phía sau, mặt hướng về phía y. Y đang nhìn cô nhưng ánh mắt hầu như không chứa bóng dáng cô. Mỗi lần y rơi vào trạng thái ấy cô đều thấy rùng mình. “Em mặc quần áo mới.” Cô nói.

“À, ra vậy.”

“Phải, vậy đấy.” Cô cười then thùng. “Quần tốn sáu trăm đô, còn áo thì năm mươi, em mua khuyên tai với cả đồ lót màu vàng.” Cô nhắc một chân lên để khoe chiếc quần đỏ rực và đưa tay gỡ đầu gối qua lớp vải. “Với số tiền ông cho, em có thể ăn mặc như một ngôi sao điện ảnh nếu thích. Em có thể đi sửa mặt, ông biết đấy, giảm cân và mọi thứ khác.” Cô sờ đôi khuyên tai một chốc, trầm ngâm, kéo nhẹ và lấy ngón tay cái vân vê món đồ bằng vàng trơn nhẵn ấy, thích thú khi dái tai nhói lên đau nhè nhẹ. “Nhưng em không biết nữa. Em quen sống luộm thuộm lâu nay. Kể từ khi em và Barney nhận tiền phúc lợi, bảo hiểm y tế và kiểu vậy, em đã buông thả mình và chết tiệt, nếu ông ở tình cảnh ấy thì cũng sẽ như vậy.”

Y không nói gì trong một chốc và họ ngồi đó im lặng trong lúc cô nốc cạn cốc rượu. Cuối cùng y lên tiếng. “Cô sẽ đi cùng tôi sang nhà mới chứ?”

Cô đuổi người và ngáp, bắt đầu thấy lơ đãng. “Ông chắc là ông thật sự cần em chứ?”

Trong một thoáng y nhìn cô, chớp mắt và mặt y hiện lên biểu cảm cô chưa từng thấy trước đây, như thể y đang nài xin cô. “Có, tôi cần cô,” y nói. “Tôi không quen bao nhiêu người...”

“Chắc rồi. Em sẽ đi.” Cô ra dấu, vẻ rã rời. “Dù thế nào đi nữa, em sẽ là một đứa ngu xuẩn chết tiệt nếu không đi với ông, vì em đoán ông sẽ trả em gấp đôi số tiền em xứng đáng nhận.”

“Tốt lắm.” Mặt y giãn ra đôi chút và y lại thả mình trong ghế, tay cầm lên một quyển sách.

Trước khi y kịp bắt đầu đọc sách thì cô nhớ lại các dự định của mình, mà giờ đây đã thành ra nguội lạnh. Sau một thoáng do dự đầy khó khăn, cô quyết định thử một lần cuối. Dù cô thấy buồn ngủ và không thật sự đặt lòng dạ vào đó. “Ông lập gia đình chưa, Tommy?” Đó hẳn là một câu hỏi rất rõ ràng.

Nếu có bất kì ý nghĩ nào về việc cô đang toan tính, y cũng không mảy may để lộ. “Phải, tôi có gia đình rồi,” y nói, tao nhã đặt quyển sách xuống đùi và nhìn qua chỗ cô.

Ngượng ngùng, cô phân bua, “Em chỉ tò mò chút thôi.” Và rồi, “Bà nhà trông thế nào? Vợ ông ấy?”

“Ồ, cô ấy trông giống tôi, hẳn là thế. Cao và gầy.”

Không biết vì sao, sự hổ thẹn của cô biến thành bức tức. Cô nốc cạn cốc rượu và nói. “Em cũng từng gầy”, gần như với vẻ bất cần. Rồi, chán ngán, cô đứng lên và đi về phía cửa phòng ngủ. Toàn bộ chuyện này dù sao đi nữa cũng thật là đại đột. Và có lẽ y là người giới tính khác... dù sao thì đã có gia đình không hề chứng minh được gì. Dù sao thì y rất khác thường. Một người đàn ông giàu có, tử tế, nhưng kì dị như một thứ sữa có màu xanh lục. Vẫn còn tức tối cô nói, “Chúc ông ngủ ngon” và đi về phòng, sau đó bắt đầu cởi lần lượt từng thứ y phục đắt tiền. Rồi cô ngồi ở rìa giường một chốc, trong bộ áo ngủ và ngẫm nghĩ. Cô thấy thoải mái hơn nhiều khi đã cởi những thứ y phục bó sát ra và cuối cùng khi nằm xuống, tâm trí cô giờ đây trống rỗng. Cô không khó khăn gì để rơi vào giấc ngủ sâu, nhẹ nhàng chìm trong những mộng mị yên ả.

9.

Họ bay qua những dãy núi, nhưng chiếc máy bay nhỏ di chuyển rất ổn định. Người phi công có tay lái cực kì vững vàng, đến độ không hề thấy những cú trời sập lên xuống, gần như không có cảm giác chuyển động. Họ bay qua hạt Harlan của bang Kentucky, một đô thị xám ngắt buồn tẻ nằm rải rác trên những sườn đồi thấp quanh các dãy núi, rồi qua những cánh đồng hoang vu, mênh mông và sà xuống một thung lũng. Bryce, trong tay là một cốc whisky, ngắm nhìn ánh sáng lập lờ xa xa của một hồ nước, mặt hồ tĩnh lặng lấp lánh như một đồng xu mới cồng đẹp đẽ. Rồi họ sà xuống thấp hơn nữa, không còn nhìn thấy hồ nước, và hạ cánh trên một đường băng bê tông mới xây rộng rãi trên phần đất thung lũng bằng phẳng, giữa những bụi đậu chổi và lớp đất sét đỏ được xới tung, như một biểu đồ Euclid trập trùng được một vị thần có thiên tư hình học vẽ lên đó bằng thứ phấn màu xám.

Bryce bước ra khỏi máy bay, đi vào tiếng ầm ầm cao độ của máy móc xây dựng, vào đám đông hỗn độn những người đàn ông mặc áo sơ mi ka ki, mặt đỏ au vì nhiệt độ nóng bức của mùa Hè, gào lên cộc cằn với nhau, trong công cuộc xây dựng những tòa nhà mà gã không nhận diện được là gì. Có những nhà xưởng để máy, một kiểu lán trại xếp thành dãy, xây trên nền xi măng rộng lớn. Trong chốc lát, rời khỏi sự yên tĩnh và mát mẻ của chiếc máy bay được lắp điều hòa, êm ái - chiếc máy bay tư nhân của Thomas Jerome Newton, được cử đến Louisville đón gã - gã thấy

hoang mang, choáng váng bởi sức nóng và tiếng ồn, bởi toàn thể hoạt động sôi sục mà gã chưa được sáng tỏ này.

Một người đàn ông trẻ, diện mạo thô kệch như trong các quảng cáo thuốc lá, bước ra chỗ gã. Người đàn ông ấy đội mũ cối, tay áo xắn cao, để lộ ngón ngón những cơ bắp trẻ trung, rám nắng, anh ta giống hệt một người hùng như các anh hùng được khắc họa trong thứ tiểu thuyết cho các cậu con trai, chính thứ tiểu thuyết mà với Bryce gần như chìm vào quên lãng ấy, vào thuở niên thiếu tràn đầy khát vọng mà giờ đây chỉ còn lơ mờ trong kí ức, đã khiến gã tận tụy hiến dâng đời mình cho sự nghiệp kĩ thuật. Một kĩ sư hóa học, một con người của khoa học và của hành động. Gã không cười lại với người đàn ông trẻ tuổi, mà mãi nghĩ về vòng bụng của mình, về bộ tóc hoa râm, và về vị rượu whiskey trong miệng, nhưng gã gật đầu tỏ ý đã thấy.

Người đàn ông chìa tay ra. “Ông là giáo sư Bryce?”

Gã bắt lấy cái bàn tay nọ, cứ tưởng sẽ nhận được một cú siết chặt tay màu mè và hài lòng khi được nhận một cái bắt tay hòa nhã. “Không còn là giáo sư nữa. Nhưng tôi đúng là Bryce.”

“Hay. Hay lắm. Tôi là Hopkins. Foreman.” Lối cư xử thân thiện của người đàn ông này thật giống với loài chó, như đang xin xỏ sự tán thành. “Ông nghĩ sao về tất cả mọi thứ ở đây, tiến sĩ Bryce?” Anh ta ra dấu về phía những tòa nhà đang xây lên. Ngay phía bên kia nữa là một tòa tháp cao, hình như là một tháp ăng ten để phát một thứ sóng gì đó.

Bryce hắng giọng. “Tôi không biết nữa.” Gã bắt đầu thắc mắc về thứ người ta đang tiến hành ở đây, nhưng cuối cùng cho rằng việc mình tỏ vẻ không biết sẽ thành ra lúng túng. Tại sao cái tay

ngốc béo phì ấy, cái tay Farnsworth ấy, không cho gã biết gã được thuê để làm gì? “Ông Newton có mong ngóng tôi không?” Gã hỏi to, không nhìn người đàn ông.

“Chắc rồi. Chắc rồi.” Đột nhiên tỏ vẻ năng nổ, người đàn ông trẻ kéo gã đi một vòng, tới phía bên kia chiếc máy bay. Ở đó có một chiếc xe nhỏ, đậu sẵn trên một đường ray đơn lấp lóe ánh nắng, chạy uốn lượn vào giữa những ngọn đồi bên sườn thung lũng như một nét chì mỏng màu bạc, mà trước đó bị che khuất. Hopkins đẩy cửa ra sau, bên trong là nội thất bọc da bóng láng và không gian tối mờ dễ chịu. “Xe này sẽ đưa ông lên nhà trong năm phút.”

“Nhà nào? Cách đây bao xa?”

“Khoảng bốn dặm. Tôi sẽ gọi báo trước và Brinnarde sẽ đón ông. Brinnarde là thư kí của ông Newton, ông ấy có lẽ sẽ là người tiếp ông.”

Bryce phân vân trước khi vào xe. “Tôi sẽ không gặp ông Newton sao?” Ý nghĩ ấy khiến gã thất vọng, sau hai năm vừa qua, gã vẫn không gặp được con người đã sáng chế ra Worldcolor, điều hành các nhà máy lọc dầu lớn nhất Texas, phát triển truyền hình 3D, âm bản phim có thể tái sử dụng, kĩ thuật tự tinh chỉnh trong qui trình in chuyển màu... Con người có thể xem là thiên tài sáng chế độc nhất vô nhị trên thế giới hoặc là một sinh vật ngoài hành tinh.

Người đàn ông trẻ cau mày. “Tôi e là không. Tôi đã ở đây sáu tháng và tôi chưa bao giờ gặp mặt ông ấy, chỉ trông thấy ông ấy ngồi sau cửa sổ chiếc xe mà ông sắp bước lên đây. Khoảng một lần một tuần ông ấy xuống dưới này bằng xe đó, để thị sát, tôi đoán vậy. Nhưng ông ấy không bao giờ ra khỏi xe, và bên trong

thì quá tối đến độ không thấy rõ mặt, chỉ thấy bóng ông ấy nhìn ra ngoài mà thôi.”

Bryce bước vào, yên vị trong xe. “Ông ấy không bao giờ ra ngoài sao?” Gã hất cằm về phía chiếc máy bay, ở đó một nhóm thợ cơ khí, đột ngột hiện ra từ đâu không biết, đang bắt đầu kiểm tra động cơ. “Để bay... đi đâu đó?”

Hopkins nhe răng cười, một cách ngớ ngẩn, Bryce thấy thế. “Chỉ ban đêm thôi, và ta không thể thấy ông ấy lúc đó. Dù vậy, ông ấy là một người cao ráo và gầy gò. Người phi công kể với tôi như vậy, nhưng chỉ vậy không hơn. Tay phi công ấy không phải kẻ thích tán chuyện cho lắm.”

“Tôi hiểu.” Gã chạm lên chiếc nút ở cửa và cửa trượt đóng lại, không tiếng động. Trong lúc cửa đóng, Hopkins nói: “Chúc ông may mắn!” Gã vội đáp “Cảm ơn anh” nhưng không biết giọng gã có bị cánh cửa đóng lại ngắt mất không.

Giống chiếc máy bay, chiếc xe được cách âm và rất mát mẻ. Cũng giống chiếc máy bay, xe bắt đầu chuyển động và gia tốc khẽ như không, tốc độ gia tăng êm ái đến nỗi gần như không cảm giác được xe chuyển động. Gã tăng độ trong suốt của cửa sổ bằng cách xoay chiếc núm bạc nhỏ rồi là dành cho mục đích này và ngắm những lán trại xây dựng bằng nhôm toát lên vẻ mỏng manh, và những tốp công nhân... Một cảnh tượng bất thường và đẹp mắt, gã nghĩ bụng, trong thời đại của những phân xưởng tự động và những ngày làm việc sáu tiếng đồng hồ. Những người đàn ông trông có vẻ hăm hở, làm việc nhiệt tình, mồ hôi tuôn chảy dưới ánh nắng Kentucky. Đầu gã nảy ra ý nghĩ rằng họ ắt phải được trả công rất hậu hĩnh để tới chốn hoang vu này, xa xôi cách

trở với những bãi golf, những sông bạc lớn và những thú giải khuây khác của dân lao động. Gã trông thấy một người đàn ông trẻ - rất nhiều trong số họ có vẻ trẻ - ngồi trên nóc chiếc xe xúc đất to tướng, cười toe toét thích chí xúc một đồng bùn đất lớn. Trong một chốc Bryce thấy ghen tị với anh ta vì công việc ấy và vì sự quả quyết mù quáng, non trẻ của anh ta, để mà ung dung tự tại dưới mặt trời nóng bức.

Một chốc sau xe đưa gã rời xa công trường xây dựng và len lỏi qua những ngọn đồi rậm rạp cành lá. Giờ đây xe di chuyển quá nhanh đến độ cây cối trong tầm gần hóa thành vệt nhòe trộn lẫn giữa ánh nắng và đám lá xanh, giữa ánh sáng và bóng râm. Gã ngả lưng lên những tấm đệm êm ái phi thường, cố gắng thả lỏng. Nhưng gã quá phấn khích, quá hồi hộp trước sự việc diễn ra chóng vánh và toàn thể nổi kích động gây nên bởi một nơi chốn mới mẻ, xa lạ. Quá sung sướng, khi giờ đây được rời xa Iowa, rời xa những sinh viên đại học, những tay trí thức mặt râu, những kẻ như Canutti. Gã nhìn ra hướng cửa sổ, ngắm nghía khung cảnh vụt qua càng lúc càng nhanh của ánh sáng, bóng tối, ánh sáng, những bóng râm tối sẫm và xanh nhạt, và rồi, đột nhiên phía trước gã, khi chiếc xe lướt lên một sườn dốc, gã trông thấy hồ nước sáng lên lấp lòe, trải dài trong thung lũng như một tấm kim loại màu xám xanh kì thú, một chiếc đĩa khổng lồ chìm trong cảnh tịch mịch. Ngay bên kia hồ nước nhô lên, trong bóng núi, một dinh thự cổ xưa to lớn, màu trắng với cổng vòm có hàng cột trắng và những cửa sổ lớn có cánh chớp, lặng lẽ tọa lạc bên bờ hồ mênh mông, một cách vững vàng, ngay chân một ngọn núi. Rồi ngôi nhà và hồ nước, nhìn từ xa, biến mất sau một ngọn đồi khác khi đường ray sà xuống dưới, và gã nhận ra chiếc xe đang bắt đầu giảm tốc. Một

phút sau ngôi nhà và hồ nước lại hiện ra, chiếc xe nghiêng mình duyên dáng theo khúc cong của đường ray, nhẹ nhàng lướt dọc bờ hồ và gã trông thấy một người đàn ông đứng ở bên nhà, đợi gã. Chiếc xe dừng lại một cách êm ái và Bryce hít vào một hơi sâu, chạm vào tay nắm cửa, nhìn cánh cửa khung gỗ trượt mở không tiếng động rồi bước ra ngoài, vào trong bóng núi và mùi hương của những cây bách, trong tiếng nước khẽ khàng gần như không nghe thấy vỗ vào bờ hồ. Người đàn ông kia nhỏ thó, da ngăm, với đôi mắt linh động và bộ ria mép. Anh ta bước lên phía trước, mỉm cười lịch sự. “Tiến sĩ Bryce?” Anh ta nói giọng Pháp.

Đột nhiên cảm thấy hồ hởi, gã trả lời: “*Monsieur Brinnarde?*” (Ngài Brinnarde?) đoạn chìa tay cho người đàn ông nọ. “*Enchanté.*” (Hân hạnh được gặp.)

Người đàn ông bắt lấy tay gã, cặp lông mày khẽ nhướn. “*Soyez le bienvenu, Monsieur le Docteur. Monsieur Newton vous attend. Alors...*” (Chào mừng ông, thưa ngài tiến sĩ. Ông Newton đang đợi ngài. Vậy...)

Bryce như ngừng thở. “Ngài Newton sẽ tiếp tôi ư?”

“Phải. Tôi sẽ dẫn đường cho ngài.”

Bên trong ngôi nhà, ba con mèo chào đón gã, con nào con nấy nhìn chăm chăm gã từ dưới sàn nhà nơi chúng đang đùa nghịch. Chúng có vẻ là lũ mèo hoang thông thường nhưng được nuôi béo tốt và ra điều khinh miệt trước sự xuất hiện của gã. Gã không thích lũ mèo. Người đàn ông Pháp lặng lẽ dẫn đường cho gã qua phòng khách và lên một cầu thang được trải thảm dày. Có những tranh ảnh trên các bức tường... các họa phẩm hoạt cảnh trông có vẻ đắt tiền, kì dị mà gã không nhận ra được tác giả là ai. Cầu

thang rất rộng rãi, uốn lượn. Gã chú ý thấy nó được lắp một thứ ghế chạy động cơ, lúc này đang gấp lại, có thể chạy lên chạy xuống dọc lan can. Lẽ nào Newton là người tàn tật? Trong nhà như thể không có ai khác ngoài hai người họ, và lũ mèo. Gã liếc lại phía sau, chúng vẫn nhìn gã chăm chăm, mắt mở to, đầy thọc mạch và xấc xược.

Ở trên đầu cầu thang là một hành lang và cuối hành lang là một cánh cửa, hiển nhiên dẫn vào phòng Newton. Cửa mở và một người đàn bà có da có thịt với đôi mắt ảm đạm bước ra, trên người đeo tạp dề. Cô ta bước lại chỗ họ, chớp mắt với gã và cất tiếng. “Chắc ông đây là giáo sư Bryce.” Giọng cô niềm nở và ào ào, nghe trầm thấp, mang khẩu âm của những vùng hẻo lánh.

Gã gật đầu và cô ta dẫn gã đến cửa. Gã bước vào một mình, bất thần nhận thấy chính mình đang thở nhanh và hai chân chao đảo.

Căn phòng rộng lớn và không khí trong phòng lạnh lẽo. Ánh sáng nhờ nhờ tỏa ra từ một ô cửa sổ lớn, một cửa sổ lồi hơi đục trông xuống hồ. Đồ nội thất được bài trí khắp nơi, theo một bố cục màu sắc khó hiểu - những chiếc trường kỷ nặng nề, một chiếc bàn ăn, mấy chiếc bàn viết, tất cả hiện lên với những sắc xanh lam và xám và thứ màu cam xỉn khi mắt gã đã quen với ánh sáng lờ mờ ngả vàng. Hai bức tranh đối diện gã trên mặt tường phía sau, một bức là tranh khắc hình một con chim lớn, một con diệc hoặc sếu Mĩ, bức còn lại là một họa phẩm trừu tượng táo bạo sáng tác bởi ai đó như là Klee¹⁷. Có lẽ là tranh của Klee. Hai họa phẩm không hề hợp nhau. Ở góc phòng là một lồng chim lớn, với một con vẹt có lông hai sắc đỏ và tía, hình như đang ngủ. Và giờ đây bước

chậm rãi về phía gã, chống gậy, là một người đàn ông cao, gầy, với những đường nét mơ hồ. “Giáo sư Bryce?” Giọng ông ta trong, pha ít khẩu âm, nghe lọt tai.

“Vâng. Ông là... ông Newton?”

“Phải. Ta ngồi xuống và nói chuyện một lúc chứ?”

Gã ngồi xuống và họ trò chuyện trong vài phút. Newton vui vẻ, mềm mỏng, cung cách có đôi chút cẩn trọng quá mức, nhưng không phải kiểu ra vẻ phách lối hay hợm hĩnh. Ông ta có phẩm giá một cách tự nhiên, và thảo luận về bức tranh mà Bryce nhắc đến - đó quả là tranh của Klee - đầy thích thú và trí tuệ. Giữa lúc nói, ông ta đứng dậy một lúc để chỉ vào một chi tiết trên tranh và lần đầu tiên Bryce nhìn rõ được gương mặt người đàn ông ấy. Đó là một bộ mặt thanh tú, những đường nét duyên dáng, gần như nữ tính, với nét mặt lạ lùng. Ngay lập tức cái ý nghĩ, cái ý nghĩ ngớ ngẩn mà gã đã đùa cợt trong suốt một năm trời, trỗi lên mạnh mẽ trong đầu gã. Trong một chốc, ngắm nhìn người đàn ông cao ráo, lạ lùng ấy giơ ngón tay thon dài về phía bức họa theo lối nghịch dị, với đường nét hỗn loạn trong ánh sáng tù mù, ý nghĩ ấy dường như không còn ngớ ngẩn một chút nào nữa. Tuy nhiên, đó đúng là một chuyện ngớ ngẩn, và khi Newton quay lại với gã, mỉm cười, và nói: “Tôi nghĩ hai ta nên uống chút gì, giáo sư Bryce ạ”, ảo tưởng ấy tan biến hoàn toàn và lí trí đã trở lại với Bryce. Trên đời có những kẻ với bề ngoài dị hợm hơn người đàn ông này và trước đây cũng từng có những nhà phát minh sáng chói.

“Tôi rất vui nếu được uống với ông,” gã nói rồi thêm, “Tôi biết ông là người bận rộn.”

“Không ông ạ.” Newton mỉm cười ung dung, bước về phía cửa. “Ít ra là hôm nay thì không. Ông muốn uống gì?”

“Rượu scotch. Nếu ông có món đó.” Nhưng gã ngưng ngang. Gã cho là Newton sẽ có món này. “Rượu scotch và nước lọc.”

Thay vì nhấn nút hoặc rung chuông - trong ngôi nhà này rung chuông sẽ không phải chuyện gì lạ Newton chỉ mở cửa và gọi với ra: “Betty Jo.” Khi cô lên tiếng đáp, y nói: “Mang cho giáo sư Bryce rượu scotch, với nước lọc và đá. Cho tôi rượu đẳng và món rượu gin của tôi.” Rồi y đóng cửa và trở lại ghế. “Chỉ dạo gần đây tôi mới ưa món rượu gin.” Y nói. Bryce âm thầm rùng mình khi nghĩ tới món rượu gin uống cùng rượu đẳng.

“Chắc, giáo sư Bryce, ông nghĩ sao về công trường của chúng tôi ở đây? Tôi cho là ông đã trông thấy mọi... hoạt động khi ông xuống máy bay?”

Gã dựa vào ghế, thả lỏng, cảm thấy thoải mái hơn hẳn lúc nãy. Newton có vẻ rất lịch thiệp, tỏ ra hứng thú một cách thật tâm để nghe gã phát biểu. “Phải. Trông rất hay. Nhưng nói thật với ông là tôi không biết ông đang xây thứ gì.”

Newton nhìn gã chăm chăm trong một thoáng, rồi bật cười. “Oliver không nói với ông sao, ở New York ấy?”

Bryce lắc đầu.

“Oliver có thể rất kín tiếng. Tôi hiển nhiên không hề muốn ông ấy phải kín tiếng đến vậy.” Y mỉm cười, lần đầu tiên. Bryce ngờ ngợ băn khoăn với nụ cười này, dù gã không biết được chính xác điều gì khiến mình băn khoăn. “Có lẽ đó là lí do ông yêu cầu gặp tôi?”

Hiển nhiên gã không quá đặt nặng việc ấy. “Có lẽ vậy.” Bryce nói. “Nhưng tôi cũng có các lí do khác nữa.”

“Vâng.” Newton định nói gì đó, nhưng ngưng lại khi cánh cửa mở ra và Betty Jo bước vào, mang theo các thứ chai lọ trên một chiếc khay. Bryce quan sát cô ta ở cự li gần. Đó là một người đàn bà trung niên, có chút hương sắc, loại đàn bà mà ta nghĩ sẽ gặp ở một sân khấu kịch chiều hoặc một câu lạc bộ bài cầu¹⁸. Dẫu vậy, mặt cô ta không vô hồn, ngu tối, mà có một vẻ gì nồng hậu, đôi chút hóm hỉnh hoặc tinh nghịch, quanh đôi mắt cô và trên đôi môi căng mọng. Nhưng cô trông có phần lạc lõng với vai trò người hầu duy nhất hiện diện trong cơ ngơi của vị triệu phú này. Cô chẳng nói gì, chỉ đặt các thức uống xuống, và khi cô đi ngang qua gã trên đường trở ra, gã kinh ngạc vì ngửi thấy hỗn hợp mùi không lẫn đi đâu được trộn giữa rượu và nước hoa trên người cô.

Rượu scotch được khai mới, và gã pha cho chính mình một cốc rượu với đôi chút thích thú và ngạc nhiên. Đây là cách các nhà khoa học triệu phú làm việc chẳng? Cứ việc yêu cầu đem rượu lên và một người hầu chớm say sẽ mang vào một phần năm ga-lông rượu? Chắc là đúng vậy rồi. Hai người họ rót rượu trong im lặng và rồi, sau cốc đầu tiên, Newton thành linh nói: “Đó là một phi thuyền thám hiểm không gian.”

Bryce chớp mắt, không hiểu được người đàn ông ấy nói gì. “Sao cơ?”

“Thứ chúng ta đang xây dựng ở đây là một phi thuyền thám hiểm không gian.”

“Ồ?” Gã ngạc nhiên, nhưng không nhiều nhận máy. Tàu thám hiểm không gian, không người lái, kiểu này hoặc kiểu kia thường thấy... Ngay cả khối Cuba cũng đã chế tạo một chiếc cách đây vài tháng.

“Vậy ông sẽ cần tôi thực hiện phần kim khí cho khung tàu?”

“Không.” Newton chậm rãi nhấm nháp món rượu của y, và nhìn ra cửa sổ như thể đang nghĩ ngợi về thứ gì khác. “Phần khung đã lên kế hoạch ổn thỏa rồi. Tôi muốn ông nghiên cứu các hệ thống chứa nhiên liệu... để tìm các vật liệu có thể chứa một số loại hóa chất, như các chất đốt, chất thải và những thứ tương tự.” Y quay lại với Bryce, mỉm cười lần nữa, và Bryce nhận ra nụ cười này khiến gã ngờ ngợ băn khoăn bởi nó toát lên chút gì mỗi một thật khó hiểu. “Tôi e là tôi biết rất ít về vật liệu... Nhiệt học, tính chịu axit và các ứng lực. Oliver đã nhận xét ông là một trong những người xuất sắc nhất ở lĩnh vực này.”

“Farnsworth có lẽ đánh giá tôi quá cao, nhưng tôi cũng xem như thông thạo việc này.”

Chủ đề trò chuyện dường như đã kết thúc và họ im lặng trong chốc lát. Từ khoảnh khắc Newton đề cập đến chiếc tàu thám hiểm vũ trụ thì mỗi ngời vực cũ liền trở lại, hiển nhiên thôi. Nhưng cùng với mỗi ngời vực ấy là sự bác bỏ cũng hiển nhiên. Nếu Newton, vì một sự phi lý điên rồ nào đó, đến từ một hành tinh khác, ông ta và đồng loại hẳn sẽ không chế tạo phi thuyền vũ trụ làm gì. Họ tất đã có sẵn thứ ấy rồi. Gã tự cười chính mình, tự nhạo bài diễn thuyết ở trình độ tiểu thuyết khoa học viễn tưởng rẻ tiền trong đầu gã. Nếu Newton đến từ Sao Hỏa hoặc Sao Kim, có lẽ ông ta nên, và có quyền, mang đến trái đất những vũ khí bắn tia hồng ngoại để rán

chín New York hoặc lên kế hoạch nghiền nát Chicago, hoặc bắt các cô gái trẻ tới những căn cứ ngầm dưới đất để thực hiện những nghi thức hiến tế siêu nhiên. Betty Jo ư? Giờ đây gã thấy mình thật giàu trí tưởng tượng, với món rượu whisky và tình trạng kiệt sức, gã gần như muốn cười to vào ý nghĩ ấy: Betty Jo, trên một tấm áp phích phim, với Newton đội mũ bảo hộ bằng nhựa, uy hiếp cô ta bằng một khẩu súng bắn tia, một khẩu súng bạc, kênh càn với những khe bức xạ nhiệt công kênh bắn ra những tia sáng hình zíc zắc. Newton vẫn đang lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Y đã uống xong cốc rượu gin thứ nhất và đang rót cho bản thân một cốc khác. Một cư dân Sao Hỏa chìm trong rượu chè ư? Một sinh vật ngoài hành tinh uống rượu gin và rượu đẳng ư?

Trước đó Newton đã lên tiếng bất chợt, nhưng không hề khiếm nhã, và một lần nữa y quay đầu, thỉnh linh hỏi. “Sao ông lại muốn gặp tôi hả ông Bryce?” Giọng y không phải kiểu hạch sách, mà chỉ là hiếu kì.

Câu hỏi này khiến gã bất ngờ, và gã ngập ngừng, tự rót lấy một cốc rượu khác để khỏa lấp sự ngập ngừng ấy. Rồi gã nói. “Tôi lấy làm ấn tượng với thành tựu của ông. Các thứ phim chụp ảnh... màu, tia X... và những sáng kiến trong các đồ điện tử của ông. Tôi nghĩ đó là... những ý tưởng độc đáo nhất mà tôi được thấy trong những năm qua.”

“Cảm ơn ông.” Lúc này Newton dường như hứng thú hơn. “Tôi cứ nghĩ rất ít ai biết rằng tôi... phụ trách những thứ ấy.”

Có gì đó trong cái lối nói chuyện thản nhiên, chán chường của Newton khiến gã thấy hơi hổ thẹn về bản thân, hổ thẹn về sự tọc mạch đã khiến gã lần theo dấu vết của tập đoàn W. E. tới

Farnsworth, và bắt ép Farnsworth sắp xếp cuộc gặp riêng này. Gã thấy mình như một đứa trẻ cố gắng gây chú ý với một người cha nuông chiều con và thất bại, thay vào đó chỉ làm phiền nhiễu và gây mỗi mệt cho người đàn ông nọ. Trong một chốc gã nghĩ có lẽ mặt mình đã đỏ lên vì thẹn và thấy may mắn là quả nếu vậy thì nhờ trời cũng khó thấy vì ánh sáng ảm đạm trong phòng.

“Tôi... tôi luôn ngưỡng mộ một bộ óc cừ khôi.” Không biết vì lẽ gì gã đâm ra ngưỡng mộ và gã biết, trong lúc thầm nguyên rửa chính mình, gã đang nói chuyện không khác gì một cậu học trò. Nhưng khi Newton trả lời với vẻ khiêm cung và lễ độ, Bryce bị sửng sốt vì lúng túng nhận ra ngay lập tức, rằng người đàn ông kia có lẽ đã ngà say. Gã nghe y nói những lời lẽ mơ hồ, lãnh đạm, xa vắng, trông thấy đôi mắt to của y hiện lên vẻ xao nhãng, mất tập trung, và nhận ra rằng Newton, gần như không thấy rõ được, hoặc là rất say - say một cách điềm tĩnh, bình thản - hoặc là rất đau ốm. Và đột nhiên gã thấy lòng mình dâng lên một sự triu mến nhiệt thành với người đàn ông gầy gò, cô độc này. Chính gã cũng say rồi hay sao? Liệu Newton có phải cũng là một kẻ chuyên tìm đến men rượu, trong sự tĩnh lặng của buổi sáng, liệu y có đang tìm kiếm... tìm kiếm lí do nào đó khả dĩ để một người tỉnh trí trong một thế giới mất trí thôi say xỉn vào buổi sáng không? Hay đó chỉ là một trong những phút lảo lạc sa đọa của thiên tài, một ý niệm trừu tượng lẻ loi và rồ dại, luồng khí độc trên bầu trời của bậc kì tài điện tử?

“Oliver đã thu xếp với ông chuyện lương rồi chứ? Ông có hài lòng không?”

“Chuyện đó được thu xếp hết sức ổn thỏa.” Gã đứng dậy, nhận ra rằng câu hỏi của Newton đã khép lại buổi gặp mặt. “Tôi hết sức mãn nguyện với mức lương.” Và rồi, trước khi xin phép rời đi, gã nói: “Không biết tôi có thể hỏi ông một điều sau chót không, thưa ông Newton?”

Newton hầu như không nghe gã nói gì, y vẫn còn nhìn ra cửa sổ, những ngón tay mảnh dẻ của y nắm hờ lấy chiếc cốc rỗng, gương mặt y toát lên vẻ hòa nhã, không thấy nếp nhăn nào, vậy mà vẫn rất già nua. “Tất nhiên rồi, giáo sư Bryce.” Y nói, giọng khẽ khàng, gần như là thì thầm.

Gã lại cảm thấy thật lúng túng. Người đàn ông này ôn hòa đến mức vô lí. Gã hắng giọng và chú ý thấy, bên kia phòng, con vẹt đã tỉnh, nó nhìn gã chòng chọc với một vẻ tọc mạch như lũ mèo trước đó. Gã thấy choáng váng và giờ đây biết chắc rằng mình đang đỏ mặt. Gã lắp bắp, “Cũng không có gì thực sự quan trọng, tôi cho là thế. Tôi sẽ... tôi sẽ hỏi ông lần khác vậy.”

Newton nhìn gã như thể y không nghe gã nói gì, và vẫn đang chờ nghe. Y nói: “Nhất định rồi. Lần khác.”

Bryce xin lượng thứ, rời phòng và bước đi, mắt nheo lại, sang không gian rực rỡ ánh sáng. Khi gã xuống lầu trở lại thì lũ mèo đã mất hút.

10.

Suốt vài tháng tiếp theo Bryce bận rộn hơn bao giờ hết trong đời mình. Từ khoảnh khắc Brinnarde đưa gã rời dinh thự to lớn tới các phòng thí nghiệm nghiên cứu, xa xa phía bên kia hồ nước, bằng sự sốt sắng và nhiệt tình mà nhìn chung hoàn toàn xa lạ với mình, gã đã lao vào vô số những công việc mà Newton định sẵn. Các hợp kim chờ gã chọn lựa và phát triển, những thí nghiệm bất tận cần được tiến hành, những tiêu chuẩn lí tưởng đến siêu thực về độ chịu nhiệt và chịu axit phải đáp ứng trong các thứ chất dẻo, kim loại, nhựa resin và gốm sứ. Công việc này phù hợp lí tưởng với chuyên môn của gã, và gã đã điều chỉnh bản thân để quen việc thật chóng vánh. Gã quản lí một đội mười bốn người, một công xưởng bằng nhôm khổng lồ, bên trong là một phòng thí nghiệm cho gã tiến hành công việc, một ngân sách gần như vô hạn, một ngôi nhà riêng nhỏ có bốn phòng và được tự do bay tới Louisville, Chicago, hoặc New York, điều gã chưa từng trải nghiệm trước đây. Dĩ nhiên là có những mối bực bội và những chuyện lộn xộn, đặc biệt là trong việc cung cấp kịp thời những vật liệu và dụng cụ cần thiết, đôi khi là những ác cảm vật vãnh giữa các trợ lí của gã. Dù vậy những chuyện trái ý này không bao giờ đủ lớn để trì hoãn công việc, chỉ là vài rắc rối nho nhỏ thường tình. Gã cảm thấy nếu không hạnh phúc thì cũng quá bận rộn để mà bất hạnh. Gã miệt mài, say sưa, theo một lối mà gã chưa bao giờ biết đến khi là giảng viên. Gã nhận thức rằng phần lớn đời gã phụ thuộc vào công việc của gã. Gã biết rằng bản thân đã cắt đứt hoàn toàn

với việc giảng dạy, như gã đã cắt đứt nhiều năm trước đây với công việc trong bộ máy chính quyền. Rõ là gã bắt buộc phải tin tưởng vào công việc hiện tại. Gã đã quá già để thất bại lần nữa, để tiếp tục chìm vào nỗi thất vọng, gã sẽ không bao giờ có thể hồi phục nữa. Trong một chuỗi các sự kiện, bắt đầu với cuộn pháo súng và dựa trên một mối ngờ vực đậm mùi tiểu thuyết khoa học viễn tưởng ngớ ngẩn, gã đã may mắn vớ được một công việc mà nhiều người ao ước. Gã hay thấy chính mình làm việc tới tận đêm khuya, chìm đắm trong công việc và không còn uống rượu vào các buổi sáng. Có những thời hạn cần phải đáp ứng, những thiết kế phải sẵn sàng để đưa vào chế tạo theo lịch, và gã không lo âu về những thứ này. Gã luôn đi trước thời hạn đề ra. Thỉnh thoảng, khi nghĩ rằng công việc gã đang làm là nghiên cứu ứng dụng chứ không thật sự là nghiên cứu nền tảng, gã có chút gì băn khoăn. Thế nhưng giờ đây gã đã có đôi chút già cỗi, đôi chút vỡ mộng để lo âu về những thứ gọi là thanh danh, liêm chính. Có lẽ chỉ tồn tại một câu hỏi đạo đức thật sự là liệu công sức nghiên cứu của gã có đổ vào một thứ vũ khí mới, một phương tiện mới để hủy diệt con người hoặc tàn phá các đô thị hay không. Và câu trả lời cho điều đó là không. Họ đang xây dựng một phương tiện để mang các thiết bị bay quanh thái dương hệ, và rằng thứ ấy, nếu không đáng giá gì, ít ra cũng vô hại.

Một phần công việc thường nhật của gã là rà soát xem công việc tiến triển đến đâu so với hồ sơ thông số kỹ thuật của Newton mà gã nhận từ Brinnarde. Những tài liệu này, mà trong đầu gã gọi là “bản đặc tả của bậc thầy hàn chì”, bao gồm một lượng lớn các bản thông số kỹ thuật cho hàng trăm bộ phận nhỏ của qui trình đông lạnh, kiểm soát nhiên liệu và các hệ thống định hướng.

Chúng đòi hỏi những con số đo lường chính xác về tính dẫn nhiệt, điện trở, tính bền vững hóa học, khối lượng, nhiệt độ cháy, và những thứ tương tự. Việc của Bryce là tìm kiếm vật liệu tối ưu, hoặc nếu không thì tìm kiếm lựa chọn tốt thứ hai. Đa phần việc này khá dễ dàng, quá đơn giản đến độ gã không kiếm được thách thức về sự ngờ nghệch ở mảng vật liệu của Newton. Tuy nhiên, vài trường hợp thì bản thông số kỹ thuật không tương thích với bất kỳ chất nào. Gã buộc phải thảo luận với các kỹ sư phụ trách dự án và xoay xở cho ra giải pháp thỏa hiệp tốt nhất. Sau đó giải pháp được chuyển cho Brinnarde và Newton sẽ quyết định. Các kỹ sư phụ trách dự án kể với gã là họ đã gặp loại vấn đề này trong suốt sáu tháng tiến hành dự án. Newton là một thiên tài về thiết kế, toàn bộ mô hình này là thứ tinh vi nhất họ từng thấy và bao gồm cả nghìn sáng kiến khiến người ta sửng sốt. Thế nhưng nó cũng phát sinh hàng trăm giải pháp thỏa hiệp và việc xây dựng con tàu vũ trụ sẽ không thể khởi sự trong một năm nữa. Toàn bộ dự án được lên kế hoạch để hoàn thành trong vòng sáu năm, tới năm 1990, và mọi người dường như nghi ngại về tiến độ. Nhưng sự phỏng đoán nọ không khiến Bryce bận tâm nhiều nhận gì lắm. Mặc cho sự khả nghi trong cuộc trò chuyện giữa gã với Newton, gã cực kỳ tự tin về tài năng khoa học của con người lạ lùng ấy.

Thế rồi, vào một buổi tối mát mẻ ba tháng sau khi đặt chân đến Kentucky, Bryce có một khám phá. Đó là lúc gần nửa đêm và gã ở một mình trong văn phòng riêng tại một đầu của tòa nhà thí nghiệm. Gã đang mệt mỏi kiểm tra một loạt các bản thông số kỹ thuật, không mặn mà gì việc về nhà bởi lẽ buổi tối thật dễ chịu. Gã thích sự tĩnh lặng ở phòng thí nghiệm. Gã đang lơ đãng nhìn vào một trong các bản thông số của Newton. Đó là một lược đồ về

hệ thống làm mát để loại trừ sự hồi nhiệt. Gã đang lần theo mối liên hệ giữa các bộ phận thì một sự lạ lùng mờ mịt về các phép đo lường và ước tính bắt đầu ngờ ngợ quấy nhiễu gã. Trong vài phút gã lấy răng nhay phần đuôi cây bút chì, thoát tiên nhìn vào những biểu đồ được bố trí gọn gàng rồi nhìn ra cửa sổ đối diện hồ nước. Các con số không có gì sai nhưng có gì đó về chúng khiến gã phải để ý. Gã đã nhận thấy điều đó trước đây, trong tiềm thức, nhưng luôn không thể chỉ ra được chỗ nào không hợp lí. Bên ngoài, vầng trăng khuyết hiện rõ, lơ lửng soi bóng xuống mặt hồ đen ngòm và những loài trùng bọ ẩn mình rả rích xa vắng. Mọi thứ toát lên vẻ lạ lẫm như một khung cảnh trên cung trăng. Gã nhìn lại tờ giấy trên bàn làm việc phía trước mình. Nhóm số trung tâm là một cấp số của các giá trị nhiệt trong một chuỗi không theo qui luật. Những bản thông số kĩ thuật thử nghiệm của Newton cho một hệ thống ống. Có điều gì đó về chuỗi số này khiến gã bận tâm, nó trông như một dãy số logarit, dù không phải. Nhưng rồi, nó là gì? Tại sao Newton dùng hệ số đặc biệt này cho các giá trị mà không phải những hệ số khác? Chắc là ngẫu nhiên. Dù sao thì cũng không tính được con số chính xác. Chỉ có những điều kiện giả định, tùy theo Bryce để tìm ra những giá trị thực cho vật liệu sẽ đáp ứng gần nhất những bản thông số kĩ thuật này. Gã nhìn chăm chăm vào những con số trên giấy như đang bị thôi miên cho tới khi các con số như chập lại và hòa lẫn trước mắt gã rồi mất đi mọi ý nghĩa, chỉ còn lại những hình dạng. Gã chớp mắt và rồi, với một nỗ lực đầy ý chí, quay đi, một lần nữa nhìn ra cửa sổ, vào màn đêm Kentucky. Mặt trăng đã thay đổi vị trí, giờ đây ẩn hiện sau những ngọn đồi xa khỏi hồ nước. Bên kia mặt hồ đen ngòm, một ánh sáng yếu ớt phát ra từ tầng hai của tòa dinh thự,

có lẽ từ thư phòng của Newton, và bên trên kia, những ngôi sao, hằng hà sa số những chấm li ti lấp lờ, rắc đầy nền trời đen như những đốm bột huỳnh quang. Đột nhiên, không có duyên cớ gì rõ ràng, một con ếch ương bắt đầu kêu ồm ộp bên ngoài cửa sổ khiến Bryce giật mình. Con vật ấy đang ngồi xồm trên mặt đất ẩm ướt đầu đó, mấy phút liền ngân nga những tiếng trầm thấp đầy chủ ý mà không cần được đáp lại, không cần được hưởng ứng. Gã mừng tượng cơ thể một phần là bò sát của nó co rúm lại, các chi xếp dưới hàm trong đám cỏ ẩm sương, mát lạnh. Tiếng kêu dường như trong một chốc ngân qua mặt hồ, có âm điệu, và rồi thành linh ngừng bật, bỏ lại hai tai Bryce hãy còn chưa thỏa mãn, chờ đợi nhịp cuối cùng không bao giờ cất lên. Nhưng lũ trùng bọ đã trở lại trong đàn hợp xướng và gã chán nản quay về tờ giấy trước mặt. Chính lúc này gã trông thấy một cách dễ dàng, trong một giây thấu suốt ngắn ngủi, đôi mắt gã lần theo những con số quen thuộc trong vô thức đã khiến gã bận lòng. Chúng nằm trong dãy số logarit, ắt phải là như vậy. Nhưng không phải dãy số logarit thông thường, không phải cơ số mười, hoặc hai, hoặc số pi... mà trong một dãy số nào đó chưa từng được biết. Gã nhắc cây thước loga trên bàn lên và nổi chán nản tan biến, gã bắt đầu những phép chia thừa và sai...

Sau một tiếng đồng hồ gã đứng dậy, duỗi vai và rời văn phòng, đi bộ xuyên qua đám cỏ ướt tới bờ hồ. Mặt trăng đã ló dạng lần nữa, gã ngắm bóng trăng phản chiếu trên mặt nước trong chốc lát rồi nhìn về phía cửa sổ phòng Newton. Gã nói thành tiếng một cách khẽ khàng câu hỏi đã thành hình trong trí óc hai mươi phút rồi: “Có nhân loại nào tính được chuỗi logarit với cơ số hai mươi?” Ánh sáng nơi cửa sổ phòng Newton, nhợt nhạt còn hơn cả ánh

trắng, như đang vô hồn nhìn lại gã, và dưới chân gã nước khẽ vỗ vào bờ, trong một nhịp điệu vô thức mơ hồ, đều đều, yên ả và xa xưa như trái đất này.

1988:

Rumplestiltskin

1.

Thu sang, những dãy núi quanh hồ hóa thành màu đỏ, cam, vàng, hòa với sắc nâu. Bầu trời lạnh lẽo hơn, nước hồ cũng xanh hơn, in bóng đó đây sắc màu của những tán cây trên núi. Khi gió thổi qua truyền đi gợn sóng lăn tăn, ánh đỏ và vàng lấp lánh trên mặt nước, những chiếc lá lại thi nhau trút xuống.

Từ ngưỡng cửa phòng thí nghiệm, Bryce thường đứng đó trầm tư dõi mắt sang bên kia hồ, nhìn về phía dãy núi, nơi ngôi nhà của T.J. Newton tọa lạc. Ngôi nhà ấy nằm cách tổ hợp công trình bằng nhôm và gỗ ép xây theo hình vòng cung, bao gồm cả phòng thí nghiệm này, chừng hơn một dặm. Phía bên kia vòng cung, khi mặt trời tỏa nắng rực rỡ, phần thân bóng bẩy của Con Tàu - hay Dự Án, hoặc Phương Tiện, bất kể nó được gọi là gì đi nữa - sáng lên lấp lánh. Đôi lúc, khối kim loại ánh bạc ấy khơi lên trong lòng Bryce một cảm xúc gần giống như tự hào; nhưng có lúc gã chỉ thấy trông nó thật kì quặc, chẳng khác nào bức tranh minh họa trong cuốn sách thiếu nhi về đề tài vũ trụ. Đôi lúc nó lại khiến gã sợ hãi. Gã có thể đứng đây, trên ngưỡng cửa này, nhìn thẳng qua mặt nước tới tận bờ hồ xa tít không người phía bên kia và ngắm nghía sự tương phản kì lạ của hai công trình ở hai đầu của khung cảnh như gã đã từng và vẫn thường làm. Phía bên phải là dinh thự cổ mang phong cách Victoria với những ô cửa sổ lỗi, ốp ván gỗ trắng, những cây cột sừng sững vô dụng trên ba hàng hiên. Ngôi nhà được xây với thừa niềm kiêu hãnh nhưng thiếu thẩm mỹ của một nhà tư bản ngành thuốc lá, than hoặc gỗ nào đó, con người

vô danh đã qua đời từ hơn một thế kỉ trước; còn bên trái là công trình vị lai, mộc mạc và chân phương nhất: Tàu không gian. Một con tàu không gian ngự tại miền quê Kentucky, xung quanh là những dãy núi đang ngập tràn sắc Thu, thuộc về người đàn ông sống trong một dinh thự cùng một nữ quản gia thích rượu chè, một thư kí người Pháp, bầu bạn với đám vẹt, những bức tranh và đàn mèo. Ngăn cách giữa con tàu và ngôi nhà ấy là hồ nước, là những dãy núi. Là chính Bryce, và bầu trời.

Vào một buổi sáng tháng Mười Một, khi vẽ nghiêm túc xen lẫn nét trẻ trung của một trong những trợ lí phòng thí nghiệm khiến Bryce chột dạ lên chút chán nản xưa cũ đối với công việc nghiên cứu khoa học và những người trẻ tuổi trong ngành này, gã đến bên ngưỡng cửa và dành ra vài phút ngắm nhìn khung cảnh quen thuộc. Đột ngột, gã quyết định đi dạo. Trước đây, gã chưa bao giờ có ý đi dạo quanh hồ. Chẳng có lí do gì để không đi dạo cả.

Thời tiết bên ngoài khá lạnh, trong thoáng chốc, Bryce đã định quay về phòng thí nghiệm lấy áo khoác. Nhưng mặt trời đang tỏa nắng ấm áp, cái nắng ôn hòa của buổi sáng tháng Mười Một, và bằng cách đi men theo bờ hồ, tránh bóng cây, gã cảm thấy khá dễ chịu. Gã đi về phía dinh thự, tránh xa công trường và con tàu không gian. Gã mặc chiếc áo sơ mi dạ mỏng kẻ ca rô đã bạc màu, món quà mà người vợ quá cố tặng gã từ mười năm trước. Đi được một dặm, gã buộc phải xắn tay áo lên đến khuỷu, do sức nóng từ cơ thể, tấm áo bắt đầu làm gã ngứa ngáy. Dưới ánh mặt trời, hai cẳng tay gầy guộc, trắng trẻo và lông lá của gã trông nhợt nhạt khủng khiếp, cánh tay của một lão già. Mặt đất dưới chân gã toàn là sỏi, điểm xuyết những bụi cỏ đỏ đây. Trên đường đi, gã nhác thấy mấy con sóc và một con thỏ. Gã còn thấy một con cá tung

mình lên khỏi mặt hồ. Gã đi qua vài tòa nhà và một xưởng cơ khí, vài người vẫy chào. Một người gọi tên gã nhưng gã không nhận ra. Bryce chỉ mỉm cười đáp lễ và vẫy chào. Gã bước chậm lại, để mặc cho tâm trí miên man trôi vô định. Một lần gã dừng lại, nhặt lấy vài viên đá dẹt để lia trên mặt hồ nhưng chỉ có thể khiến một viên nảy lên được một lần. Những viên khác ném không chính xác nên chìm ngấm ngay khi vừa chạm xuống nước. Gã lắc đầu nhìn chúng, cảm thấy ngu ngốc. Trên cao, một đàn chim hải cẩu cánh bay qua bầu trời không tiếng động. Gã lại tiếp tục lên đường.

Gần trưa, gã đi ngang qua ngôi nhà bê ngoài có vẻ cửa đóng then cài im im, nằm cách bờ hồ vài trăm bước chân. Gã ngược nhìn ô cửa sổ lồi ở tầng trên một lúc, nhưng chẳng thấy gì ngoài bầu trời in trên tấm kính. Đến lúc vầng mặt trời tháng Mười Một gần như thẳng đứng như thường thấy vào thời điểm này trong năm, gã đang dạo bước ở bờ hồ bên kia, nơi không có người cư ngụ. Cỏ và cỏ dại ở đây mọc dày hơn, ngoài ra còn cả cây bụi, các hoàng anh và vài khúc gỗ mục. Gã chợt nghĩ ở đây biết đâu có rắn, loài động vật gã không ưa, nhưng rồi gạt ý nghĩ ấy đi. Gã nhắc thấy một con thằn lằn nằm bất động trên tảng đá, cặp mắt trong như thủy tinh. Bryce bỗng thấy bụng dạ cồn cào vì đói và băn khoăn tự hỏi nên làm gì đây. Khi đã thấm mệt, gã ngồi xuống khúc gỗ ở mép nước, cởi bớt cúc áo, dùng mùi soa lau gáy, rồi dăm dăm nhìn ra hồ. Trong giây lát, gã tưởng như mình là triết gia Henry Thoreau, ý nghĩ ấy khiến gã mỉm cười. Phần lớn con người sống đời tuyệt vọng trong câm lặng. Gã ngoái nhìn ngôi nhà giờ chỉ còn thấp thoáng sau rặng cây. Có người đang tiến về phía gã nhưng vẫn còn ở khá xa. Bryce chớp mắt dưới ánh nắng chói chang, chăm chú nhìn một lát, rồi dần dần nhận ra người đó là

T.J. Newton. Gã tì cùi chỏ lên hai đầu gối và chờ đợi. Cảm giác hồi hộp dậy lên trong gã.

Trên cánh tay Newton có đeo một chiếc giỏ nhỏ. Y mặc áo sơ mi cộc tay màu trắng và quần âu màu xám nhạt. Y bước chậm rãi, thân hình cao ráo vươn thẳng, nhưng từng động tác vẫn toát lên nét duyên dáng, uyển chuyển. Cách đi đứng của y có điều gì đó lạ lẫm không thể chỉ rõ, gợi cho Bryce nhớ đến người đồng tính đầu tiên gã từng gặp, từ cái hồi còn quá trẻ và chưa biết đến khái niệm đồng tính. Dáng đi của Newton không giống thế, nhưng cũng không giống với bất cứ ai khác. Bước chân y vừa nhẹ bằng lại vừa trĩu nặng.

Khi đã đến gần trong tầm nghe, Newton nói: “Tôi có mang theo chút pho mát và rượu vang đây.” Y đeo cặp kính râm tối màu.

“Tốt quá.” Bryce đứng dậy. “Ông trông thấy tôi lúc tôi đi ngang qua nhà à?”

“Phải.” Khúc gỗ gã ngồi có dạng bán nguyệt và tương đối dài. Newton ngồi ở đầu bên kia, đặt chiếc giỏ dưới chân. Y rút ra một chai rượu và cái mở nút rồi chìa về phía Bryce. “Ông mở nhé?”

“Tôi sẽ cố.” Bryce đón lấy cái chai, nhận thấy cánh tay Newton cũng gầy guộc, trắng trẻo y như mình, nhưng không có lông. Ngón tay y rất dài và thon với những khớp nhỏ nhất gã từng thấy. Đôi tay ấy khẽ run rẩy khi Newton đưa chai rượu cho gã.

Đó là rượu vang Beaujolais. Bryce kẹp cái chai ướm lạnh giữa hai đầu gối và bắt đầu hì hục mở nút. Việc này gã khá thành thạo chứ không dở tệ như lia sỏi trên mặt nước. Gã rút chiếc nút ra với một tiếng bốp gọn lỏn đã tai ngay lần thử đầu tiên. Newton tiến

lại gần, tay cầm hai chiếc cốc thủy tinh - không phải ly mà là cốc - và giơ ra để gã rót. “Cứ rót thoải mái đi,” y nói, cúi nhìn gã và mỉm cười. Vậy là gã rót gần đầy hai cốc. Giọng nói của Newton thật êm ái, chất thổ âm phẳng phất nghe khá tự nhiên.

Rượu ngon tuyệt, mát và thơm trong cổ họng khô khốc của Bryce. Nó lập tức sưởi ấm dạ dày gã với chút khoái cảm tuyệt diệu xưa cũ, thứ khoái cảm ở cả thể xác lẫn tinh thần đã khiến rất nhiều đàn ông không ngừng theo đuổi, chính gã cũng lậm vào trong nhiều năm. Pho mát cheddar cứng, loại lâu năm và hơi bong tróc. Hai người lặng lẽ thưởng thức rượu và nhấm nháp pho mát trong vài phút. Họ ngồi dưới bóng râm, Bryce hạ tay áo xuống. Giờ không phải đi bộ nữa, gã lại thấy mát mẻ như trước. Gã tự hỏi sao Newton mặc bộ quần áo mỏng manh thế kia mà dường như lại không thấy lạnh. Trông y giống kiểu người ngồi bên đồng lửa, quấn một chiếc khăn choàng - nhân vật mà George Arliss¹⁹ từng thủ vai trong các bộ phim cũ: Gầy gò, xanh xao, máu lạnh. Nhưng ai biết được y là người như thế nào? Y có thể là một bá tước mang một phần dòng máu ngoại quốc trong bộ phim hài của Anh hoặc một Hamlet già; một nhà khoa học mất trí đang ủ mưu làm nổ tung thế giới; hay một Cortés²⁰ khiêm nhường, lặng lẽ xây thành trì bằng sức lao động của dân địa phương. Ví dụ về Cortés gợi gã nhớ lại một ý tưởng cũ chưa bao giờ thực sự lãng quên, rằng Newton có thể là người ngoài hành tinh. Lúc này đây, gần như điều gì cũng có thể là sự thật. Chẳng có gì nực cười khi cho rằng gã, Nathan Bryce, có thể đang uống rượu và ăn pho mát với một người Sao Hỏa. Tại sao không? Cortés đã chinh phạt Mexico với đội quân chỉ gồm bốn trăm người, liệu một người đàn ông Sao Hỏa có thể làm điều đó một mình? Việc này có vẻ khả thi, gã nghĩ

thể trong lúc ngồi đây, rượu ngon trong dạ và nắng vàng trên mặt. Newton ngồi kế bên, nhỏ nhỏ ăn pho mát và nhấp rượu, tấm lưng thẳng tắp. Khi nhìn nghiêng, y có nét gì đó hao hao Ichabod Crane²¹. Làm sao gã dám chắc rằng nếu Newton đến từ Sao Hỏa thật thì y là người Sao Hỏa duy nhất trên Trái Đất? Tại sao trước đây gã không nghĩ đến điều này nhỉ? Tại sao không phải là bốn trăm người Sao Hỏa, hay bốn nghìn người? Gã quan sát Newton một lần nữa, y bắt gặp ánh mắt của gã và mỉm cười nghiêm nghị. Người Sao Hỏa ư? Y có lẽ là người Litva, hoặc đến từ Massachusetts thì đúng hơn.

Cảm thấy mình đã ngà ngà say - bao lâu rồi gã mới lại say rượu vào buổi trưa như thế này? Gã nhìn Newton bằng ánh mắt dò xét và hỏi: “Ông có phải là người Litva không?”

“Không.” Newton đang dõi mắt ngắm hồ nước, không ngoái lại khi nghe Bryce hỏi. Thế rồi y đột ngột nói: “Toàn bộ cái hồ này thuộc về tôi đấy. Tôi đã mua nó.”

“Tuyệt thật.” Bryce uống nốt cốc rượu của mình. Rượu trong chai cũng đã cạn.

“Một lượng nước khổng lồ.” Newton nói rồi quay sang gã. “Ông nghĩ là bao nhiêu?”

“Bao nhiêu nước ấy à?”

“Vâng.” Newton lơ đãng bẻ một mẩu pho mát và đưa lên miệng.

“Trời ạ. Làm sao tôi biết được. Năm triệu ga-lông chẳng? Hay mười triệu?” Bryce bật cười. “Đến áng chừng lượng axit sunfuric trong một cái bình mà tôi còn làm không nổi nữa.” Gã nhìn ra mặt

hồ. “Hai mươi triệu ga-lông chẳng? Hừ, tôi cần gì phải biết điều đó chứ. Tôi là chuyên gia kỹ thuật cơ mà.” Rồi gã chợt nhớ lại tiếng tăm của Newton. “Nhưng ông thì khác. Ông biết mọi số liệu khoa học. Một số có thể không liên quan đến khoa học.”

“Làm gì có chuyện đó. Tôi chỉ là một... nhà phát minh. Nếu quả thực là như thế.” Newton ăn nốt miếng pho mát. “Tôi nghĩ tôi giống chuyên gia hơn ông đấy.”

“Trong lĩnh vực gì?”

Hồi lâu Newton không đáp. Rồi y nói: “Điều đó thật khó trả lời.” Y lại mỉm cười thần bí: “Ông có thích rượu gin nguyên chất không?”

“Không hẳn. Cũng có thể.”

“Tôi có một chai đây.” Newton cúi xuống cái giỏ dưới chân và lấy ra một chai rượu. Bryce bất ngờ phá lên cười. Gã không sao nhìn được - Ichabod Crane với một chai gin 750 ml trong giỏ đồ ăn trưa. Newton rót đầy một cốc cho gã, và một cốc cho mình. Đột nhiên y nói, tay vẫn cầm chai rượu: “Tôi uống nhiều quá rồi.”

“Ai cũng thế cả mà.” Bryce ném thử cốc rượu. Gã không thích gin và luôn cảm thấy nó có vị như nước hoa. Tuy vậy, gã vẫn uống. Máy khi có dịp được uống với ông chủ cơ chứ? Và có bao nhiêu ông chủ giống như Ichabod Crane - Hamlet - Cortés, vừa chân ướt chân ráo từ Sao Hỏa tới đây, chuẩn bị dùng tàu không gian để chinh phạt thế giới khi Thu sang? Lưng Bryce mỗi nhừ, gã từ từ trượt xuống bãi cỏ, dựa người vào khúc gỗ, chân chĩa về phía hồ nước. Ba mươi triệu ga-lông chẳng? Gã nhấp một ngụm gin nữa rồi lôi từ trong túi ra bao thuốc lá bẹp dí, mời Newton một

điều. Newton vẫn đang yên vị trên khúc gỗ, từ chỗ ngồi thấp hơn bên dưới, Bryce thấy y dường như càng cao lớn, xa cách hơn bao giờ hết.

“Tôi từng có lần hút thuốc, cách đây khoảng một năm.” Newton nói. “Nó làm tôi ốm nặng.”

“Thế à?” Bryce rút một điều thuốc trong bao. “Vậy ông có muốn tôi bỏ điều này đi không?”

“Có.” Newton cúi nhìn ông. “Ông nghĩ, sắp tới liệu có xảy ra chiến tranh không?”

Bryce trầm ngâm nhìn điều thuốc rồi búng về phía hồ. Điều thuốc nổi lênh bênh trên mặt nước. “Chẳng phải giờ đang có ba cuộc chiến nổ ra rồi đó sao? Hay là bốn?”

“Ba. Ý tôi muốn nói tới chiến tranh liên quan đến các loại vũ khí hủy diệt. Hiện nay có chín quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân, ít nhất mười hai quốc gia sở hữu vũ khí sinh học. Theo ông, liệu bọn họ có dùng đến chúng không?”

Bryce nhấp một ngụm gin lớn. “Có thể. Chắc chắn rồi. Tôi cũng chẳng biết tại sao đến giờ chuyện đó vẫn chưa xảy ra nữa. Chẳng biết tại sao đến giờ chúng ta còn chưa uống đến chết. Hay yêu nhau đến chết.” Phương Tiện nằm bên kia hồ, đối diện với họ, nhưng rừng cây đã chắn mất tầm nhìn. Bryce giơ chiếc cốc về phía ấy và hỏi: “Thứ đó sau này có được dùng làm vũ khí không? Nếu có, thì ai sẽ cần đến?”

“Đó không phải vũ khí. Không hẳn thế.” Newton lúc này chắc là đã say rồi. “Tôi sẽ không nói cho ông biết nó dùng để làm gì.” Rồi y hỏi: “Còn bao lâu nữa?”

“Bao lâu nữa cái gì?” Bryce cũng cảm thấy đầu óc lâng lâng. Tốt thôi. Quả là buổi chiều tuyệt vời để uống say. Đã lâu lắm rồi gã mới tìm lại được cảm giác này.

“Bao lâu nữa thì cuộc đại chiến nổ ra? Cuộc chiến hủy diệt vạn vật ấy?”

“Tại sao lại không hủy diệt vạn vật chứ?” Bryce uống cạn cốc và vờ tay về phía cái giỏ để lấy chai rượu. “Biết đâu vạn vật cần bị hủy diệt.” Tay cầm cái chai, gã ngược nhìn Newton nhưng không thấy được khuôn mặt y do sắp bóng mặt trời. “Ông tới từ Sao Hỏa à?”

“Không. Theo ông, liệu có đến mười năm không? Tôi được dạy rằng ít nhất phải mất mười năm.”

“Ai lại đi dạy những thứ như thế chứ?” Gã rót cho mình một cốc đầy. “Chắc chỉ năm năm.”

“Như thế chưa đủ lâu.”

“Đủ lâu để làm gì?” Lúc này Bryce thấy vị của gin không còn quá tệ nữa, dầu rượu trong cốc đã ấm lên rồi.

“Chưa đủ lâu.” Newton cúi xuống nhìn gã bằng ánh mắt buồn bã. “Nhưng cũng có thể ông nhầm.”

“Thôi được rồi, vậy thì ba năm. Ông đến từ Sao Kim à? Hay Sao Mộc? Hay Philadelphia?”

“Không.” Y nhún vai. “Tên tôi là Rumplestiltskin.”

“Rumplestiltskin gì cơ?”

Newton cúi xuống, cầm lấy chai gin từ tay Bryce và rót cho mình một cốc nữa. “Liệu có thể nào cuộc chiến sẽ không xảy ra?”

“Có thể. Nhưng cái gì ngăn được chuyện đó, hả ông Rumpelstiltskin? Bản năng cao cả của con người à? Loài *elf*²² thường sống trong hang động, ông có sống trong hang như vậy không, khi không thăm thú đó đây?”

“*Troll*²³ mới sống trong hang động. *Elf* thì sống ở khắp nơi. Chúng có khả năng thích nghi ngay cả với những môi trường sống cực kỳ khắc nghiệt, như nơi này chẳng hạn.” Newton xua bàn tay run rẩy về phía hồ nước, làm rượu rót ra áo sơ mi. “Tôi là một *elf*, Tiến sĩ Bryce ạ, tôi sống cô độc ở mọi nơi. Cô độc tuyệt đối ở khắp mọi nơi.” Y dăm dăm nhìn ra hồ.

Một đàn vịt lớn vừa đáp xuống mặt hồ cách họ nửa dặm, có lẽ những vị khách di trú đã sức cùng lực kiệt bèn dừng lại nghỉ chân trên đường tới phương Nam xa xôi. Trông chúng hết như những trái bóng bay tí hon bập bênh nổi trên mặt nước và cứ thế trôi đi, như thể không đủ sức tự bơi. “Nếu đến từ Sao Hỏa thì ông đúng là cô độc thật.” Bryce nói, chăm chú quan sát đàn vịt. Nếu đúng thế, Newton hẳn cũng giống như chú vịt lẻ loi trên mặt hồ, một vị khách sức cùng lực kiệt.

“Không nhất thiết phải như vậy.”

“Không nhất thiết gì cơ?”

“Phải đến từ Sao Hỏa ấy. Tôi nghĩ ông chắc hẳn cũng thường cảm thấy cô độc, Tiến sĩ Bryce ạ. Thấy mình như một kẻ lạc loài. Nhưng ông có đến từ Sao Hỏa không?”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Hay là từ Philadelphia?”

Bryce bật cười. “Portsmouth, Ohio. Nơi đó cách xa chỗ này còn hơn cả Sao Hỏa ấy chứ.” Thế rồi, không một dấu hiệu báo trước, đàn vịt trên hồ bất chợt kêu lên những tiếng quàng quạc rối loạn. Thành linh, chúng cất cánh bay đi, mới đầu còn chưa theo hàng ngũ gì cả, sau đó tự sắp xếp thành một đội hình tàm tạm. Bryce nhìn đàn chim mất hút về phía rặng núi xa, càng lúc càng lên cao. Gã mơ màng nghĩ đến quá trình di trú của chim chóc, côn trùng và những loài động vật nhỏ, tất cả cùng nhau vượt qua những chặng đường xa xưa để tìm về mái nhà cũ, đến với cái chết mới đang chờ đợi chúng. Đàn vịt kia khơi lên trong gã một liên tưởng không dễ chịu gì lắm về phi đội tên lửa mà gã từng trông thấy trong ảnh bìa tạp chí cách đây nhiều năm. Một lần nữa nó khiến Bryce nghĩ đến thiết bị mà gã đang giúp người đàn ông bên cạnh mình xây dựng, con tàu đẹp đẽ mang hình hài tên lửa được cho là một phương tiện giúp ông ta khám phá, thí nghiệm, chụp ảnh... mà không hiểu sao lúc này đây, trong tâm trạng lâng lâng ngất ngư men rượu say dưới cái nắng chiều, gã không mảy may tin tưởng chút nào.

Newton lão đảo đứng dậy và nói, “Chúng ta đi bộ về nhà thôi nhé. Rồi tôi bảo Brinnarde lái xe đưa ông về nếu ông đồng ý.”

“Đồng ý.” Bryce đứng dậy, phỉu sạch lá bám trên quần áo và uống nốt cốc rượu gin. “Tôi say quá rồi, già quá rồi, không tự đi bộ về được.”

Hai người cùng nhau đi trong yên lặng, bước chân có chút loạng choạng. Nhưng khi gần đến nhà, Newton cất tiếng: “Tôi hi vọng là mười năm.”

“Tại sao lại mười năm?” Bryce hỏi. “Đến lúc ấy, vũ khí sẽ càng trở nên tinh vi. Chúng sẽ phá tan mọi thứ. Tất cả tan tành mây khói. Thậm chí ngay cả người Litva cũng tham chiến. Hoặc người Philadelphia.”

Newton cúi nhìn gã bằng ánh mắt kì lạ, Bryce thoáng có cảm giác bất an. “Nếu chúng ta có mười năm, biết đâu cuộc chiến sẽ không xảy ra. Biết đâu mọi chuyện sẽ không thể xảy ra.” Y nói.

“Điều gì ngăn được chuyện đó chứ? Đạo đức con người chắc? Hay là Chúa tái lâm?” Không hiểu sao gã không dám nhìn vào mắt Newton.

Lần đầu tiên Newton bật cười, tiếng cười khẽ khàng, vui vẻ. “Biết đâu Chúa sẽ tái lâm thật. Biết đâu đích thân Đấng Christ sẽ xuất hiện. Trong mười năm nữa.”

“Nếu có, tốt nhất ngài ấy nên lựa chọn đường đi nước bước cho cẩn thận.” Bryce đáp.

“Tôi nghĩ ngài ấy sẽ vẫn nhớ những chuyện xảy ra với mình lần trước.” Newton nói.

Brinnarde ra tận nơi đón họ. Thấy thế Bryce nhẹ cả người, vì gã bắt đầu cảm thấy đầu óc quay cuồng dưới cái nắng.

Gã nhờ Brinnarde đưa mình về thẳng nhà, không ghé qua phòng thí nghiệm. Trong lúc lái xe, Brinnarde dường như đã hỏi rất nhiều điều, tất cả đều được Bryce trả lời một cách mơ hồ. Lúc gã về đến nhà thì đã năm giờ chiều. Gã vào bếp, như mọi khi vẫn trông chẳng khác nào bãi chiến trường. Trên tường treo bức tranh *Icarus rơi rụng* mà gã mang về từ Iowa, trong bồn là bát đĩa ăn sáng chưa rửa. Bryce lấy từ trong tủ lạnh ra một cái đùi gà lạnh

ngắt và cứ thế ăn, mệt mỗi lão đảo đi về giường rồi nhanh chóng chìm vào giấc ngủ, cái đùi gà ăn dở vớt lẫn lóc trên tủ đầu giường. Giấc ngủ ngập tràn mộng mị, tất cả đều hỗn loạn, nhiều giấc mơ liên quan đến những đàn chim trong đội hình rời rạc bay lượn trên bầu trời xanh giá lạnh...

Bryce thức dậy lúc bốn giờ sáng, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo đầu đang nằm trong bóng tối, miệng có vị khó chịu, đầu đau nhức nhối và vùng cổ đẫm mồ hôi vì chiếc cổ áo dày. Chân gã cảm giác như sưng lên do đi lại quá nhiều, cổ khát khô. Gã ngồi ở mép giường, nhìn chăm chăm vào mặt số phát sáng của chiếc đồng hồ trong vài phút, rút rề đưa tay bật ngọn đèn đầu giường, nhắm mắt lại trước khi tiếng công tắc vang lên. Bryce đứng dậy, chớp mắt trong lúc băng qua phòng để vào phòng tắm, vặn vòi cho nước lạnh chảy đầy bồn, dùng cốc đánh răng hứng hai ly nước và uống cạn. Gã tắt vòi, bật đèn lên, và bắt đầu cởi cúc chiếc áo sơ mi ca rô ngọt ngào. Trong gương, gã trông thấy mảng da thịt trắng bóc bên dưới phần cổ chữ U của chiếc áo lót, rồi nhìn đi chỗ khác. Gã nhúng tay vào nước và cứ ngâm như thế một lúc, để cho cái lạnh kích thích máu huyết lưu thông ở cổ tay. Tiếp đến, gã vốc lấy nước dội vào gáy và lên mặt. Bryce lau người thật mạnh bằng chiếc khăn bông thô cứng, sau đó đánh răng, xua đi dư vị khó chịu trong miệng. Gã chải đầu, vào phòng ngủ tìm một chiếc áo sơ mi sạch sẽ - lần này là chiếc áo màu xanh da trời, nhưng không có bèo nhún ở đằng trước như kiểu áo cánh đàn ông thường diện.

Trong lúc làm tất cả những công việc ấy, tâm trí gã cứ vang lên câu nói quen thuộc: *Xì tiền ra rồi tha hồ chọn.*

Bryce chuẩn bị bữa sáng trong bếp, hòa một viên cà phê uống liền vào tách nước nóng và làm cho mình món trứng ốp la, thêm vào đó thật nhiều nấm thái lát đóng hộp. Gã khéo léo gấp đôi quả trứng bằng chiếc thìa lật, xúc ra đĩa khi lòng đỏ còn ướt, đặt lên cái bàn nhựa cùng với tách cà phê và ngồi đó chậm rãi ăn, để cho cái dạ dày chứa đầy rượu gin bao bọc lấy chỗ thức ăn mềm một cách nhẹ nhàng nhất. Thức ăn tạm yên vị trong bụng và gã cảm thấy thoáng chút hài lòng vì không bị nôn dù chẳng ăn gì kể từ bữa sáng hôm qua ngoài rượu vang, pho mát và rượu gin nguyên chất. Gã rùng mình. Có lẽ ít nhất gã cũng nên dùng một vài viên PT mà người ta thường ăn những lúc không muốn bày vẽ nấu bữa tối đầy đủ. PT là protein tảo - quả là kinh khủng khi nghĩ đến việc phải nạp cái thứ váng gợn ghiếc vét từ ao hồ ấy vào người thay vì gan và hành tây. Nhưng có lẽ gã nên cân nhắc dùng chúng, bởi dân số ngày càng đông và những cơn bão bụi châu Á đã đẩy lũ Phát xít trở lại Trung Quốc, trở lại “thế giới tự do” của những kẻ độc tài, mị dân và chạy theo chủ nghĩa khoái lạc - điều đó khiến cho gan, hành tây, thịt bò và khoai tây ngày càng khó kiếm. Chỉ hai mươi năm nữa thôi, tất cả chúng ta sẽ ăn váng ao, dầu cá và carbohydrate trong bình chứa Erlenmeyer, gã vừa nghĩ vừa ăn nốt món trứng ốp la. Khi không còn đất nuôi gà, người ta sẽ cất trứng trong viện bảo tàng. Biết đâu sau này Bảo tàng Smithsonian sẽ có món trứng ốp la được bảo quản bằng nhựa. Bryce nhâm nhi tách cà phê trong đó có một phần là cà phê tổng hợp, ngẫm nghĩ về câu châm ngôn của các nhà sinh vật học, rằng con gà là phương thức để quả trứng tái sinh chính nó. Điều này khiến gã nghĩ, một ý nghĩ có phần u ám, rằng một nhà sinh vật học trẻ tuổi nào đó với mái tóc húi cua và chiếc quần dài dính bèo nhún có thể

tìm ra cách khác hiệu quả hơn phương pháp tái sinh tự nhiên của quả trứng, loại bỏ hoàn toàn con gà. Nhưng nghĩ lại thì chắc gì đó là một anh chàng trẻ tuổi nào đó; T.J. Newton nhiều khả năng sẽ là người phát minh ra trứng navel - tương tự như loại cam navel đột biến - bọc trong lớp nhựa tươi sáng và được Tập đoàn World Enterprises đưa ra thị trường. Loại trứng có khả năng tự sinh sản, chỉ việc thả xuống ao là nó sẽ phát triển giống như chuỗi vòng cổ bằng hạt nhựa, mỗi ngày đẻ ra một quả trứng mới. Nhưng để xong, quả trứng ấy sẽ chẳng biết kêu cục tác vẻ mãn nguyện, cũng như không bao giờ có thể nở ra một con gà trống bantam với dáng vẻ kiêu hãnh tuyệt đẹp, hay một con gà chọi, hay một cô gà mái ngốc nghếch cho con trẻ tha hồ đuổi bắt. Hoặc một bữa tối với món gà rán.

Uống xong tách cà phê, Bryce ngẩng lên và trông thấy *Icarus rơi rụng*, giờ đây gã biết ý nghĩa bức tranh đang dần hé lộ. Gã đặt tách xuống và nói lớn: “Đừng chơi đấu trí nữa, Bryce. Xì tiền ra rồi tha hồ chọn: Sao Hỏa hay Massachusetts?” Và, ánh mắt vẫn dán vào chân tay của chàng trai từ trên trời rơi xuống đại dương trong bức tranh yên bình ngự trên tường, gã thầm nghĩ, *là bạn hay là thù?* Gã tiếp tục nhìn bức tranh đăm đăm. *Kẻ hủy diệt hay đáng cứu rỗi?* Những lời Newton nói vẫn vang vọng trong đầu gã. “Biết đâu Chúa sẽ tái lâm thật.” Nhưng Icarus đã thất bại, bị mặt trời thiêu đốt và chết đuối dưới biển khơi, trong khi Daedalus, người bay không quá cao, đã trốn thoát khỏi hòn đảo cô độc. Tuy nhiên, ông ta làm vậy không phải để cứu thế giới. Thậm chí có khi là để phá hủy nó, vì ông ta phát minh ra cách bay lượn, và sự hủy diệt khi nó đến, sẽ đến từ không trung. Gã thầm nghĩ, Ánh sáng hạ thế từ không trung. Bệnh tật giáng xuống con. Cái chết giáng

xuống con. Lạy Chúa, xin Người rủ lòng thương. Gã lắc đầu, cố giữ cho tâm trí không suy nghĩ vẩn vơ. Vấn đề bây giờ là Sao Hỏa hoặc Massachusetts, mọi thứ khác chỉ là thứ yếu. Bây giờ gã đã biết được những gì? Gã biết giọng nói của Newton, dáng vẻ, cách đi đứng của y. Gã biết những sản phẩm do trí tuệ y tạo nên, tất cả ngấm cho thấy đó là thứ công nghệ còn xa lạ hơn cả mô hình thiên văn Ptolemy. Gã biết những phép toán logarit phi thường đó, biết Newton ngà ngà say trong cả hai lần gặp gã, điều đó có thể cho thấy nỗi cô đơn đến cùng cực mà một người ngoài hành tinh có thể trải qua, hoặc cho thấy người đó không có khả năng chống chịu trước những tác động đến từ nền văn hóa anh ta sa vào. Nhưng say rượu ư, đó lại là một đặc điểm rất “người”, và nó đã triệt tiêu lí lẽ phản biện gã đặt ra. Người ngoài hành tinh chịu tác động của rượu theo cách giống như con người, điều đó chẳng phải khó tin lắm sao? Nhưng Newton chắc chắn phải là người - hoặc gần giống người. Các chất hóa học trong máu y hẳn phải giống như máu con người, y cũng có thể say rượu kia mà. Có điều, mọi thứ vẫn hợp lí hơn nếu gã đến từ Massachusetts. Hoặc Litva. Nhưng tại sao không thể là một người Sao Hỏa say rượu chứ? Chính Đấng Christ cũng uống rượu và ngài được phái xuống từ trời cao - một người biết uống rượu, dân Phariseu kể lại như thế. Một người biết uống rượu đến từ ngoài không gian. Tại sao đầu óc gã cứ không ngừng rời xa điểm cốt yếu như vậy? Cortés đã được ban rượu tequila, có lẽ thế, và ông ta cũng là một Đấng tái lâm: Vị thần mắt xanh Quetzalcoatl đến để cứu rỗi những người nông dân Nam Mỹ khỏi người Aztec. Trong mười năm ư? Logarit cơ số mười hai. Và còn gì nữa? Còn điều gì nữa?

2.

Đôi khi y có cảm giác mình như sắp hóa điên theo cách thường thấy ở con người, dẫu rằng về mặt lý thuyết, điều đó chẳng bao giờ có thể xảy đến với một người Anthea. Y không hiểu chuyện gì đã và đang diễn ra với mình. Họ đã giúp y chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với những khó khăn phi thường trong sứ mệnh của y, và y được chọn để thực thi sứ mệnh ấy bởi có sức mạnh thể chất và khả năng thích nghi. Ngay từ đầu, y biết mình có thể thất bại theo nhiều cách khác nhau, rằng toàn bộ việc này là một sự mạo hiểm quá lớn, kế hoạch ngông cuồng của một chủng tộc đã lâm vào đường cùng, và y đã chuẩn bị tinh thần đón nhận thất bại. Nhưng y lại không chuẩn bị cho những gì thực sự xảy đến. Kế hoạch diễn ra rất suôn sẻ - việc kinh doanh đem lại một số tiền khổng lồ, việc khởi sự đóng con tàu hầu như không gặp khó khăn gì, không một ai nhìn ra bản chất thật sự của y (dù y tin rằng nhiều người đã và vẫn còn nghi ngờ), cơ hội thành công giờ đã nằm trong tầm tay. Thế mà y, một người Anthea, sinh vật siêu việt thuộc một chủng tộc siêu việt, lại đang dần đánh mất khả năng kiểm soát, trở thành một kẻ suy đồi, một bợm rượu, sinh vật lạc lối và ngu ngốc, kẻ phản bội, và có thể là một kẻ bội ước.

Có đôi lúc y đổ lỗi cho Betty Jo vì điều đó, vì sự yếu đuối của chính y khi đối diện với thế giới này. Cách nghĩ ấy cho thấy y càng ngày càng giống một con người biết chừng nào! Y trách cô khiến y dần đồng hóa với nhân loại, trở nên bị ám ảnh bởi những tội lỗi mơ hồ và những mối nghi hoặc thậm chí còn mơ hồ hơn thế. Cô

dạy y uống rượu gin; cô cho y thấy một khía cạnh của con người, mạnh mẽ và tự tại, ưa khoái lạc và thiếu suy nghĩ, khía cạnh mà quá trình mười lăm năm nghiên cứu qua truyền hình không giúp y nhìn thấu. Cô cho y thấy thứ men say mơ màng của sức sống mà người Anthea, dầu có kinh qua cuộc đời bất tận và sở hữu trí thông minh tuyệt đỉnh, có thể sẽ chẳng bao giờ biết đến hoặc mơ về. Y thấy mình giống như một người được vây quanh bởi những con vật khá dễ mến, ngốc nghếch và tương đối thông minh, để rồi dần dần phát hiện ra những khái niệm và mối quan hệ của chúng phức tạp hơn so với những gì anh ta được học. Và người đó có thể sẽ hiểu ra rằng, một trí tuệ thông minh khi nhìn nhận hoặc đánh giá về một hoặc nhiều khía cạnh cũng có thể thấy, những con vật xung quanh anh ta, những kẻ ăn đâu phá đấy, có lẽ còn hạnh phúc và khôn ngoan hơn chính bản thân anh ta.

Hay chỉ đơn giản là một người sống chung với động vật trong thời gian dài sẽ thành ra giống động vật hơn con người? Nhưng cách nghĩ này không công bằng, không đúng. Y và loài người có chung một tổ tiên gần gũi hơn so với mối quan hệ thông thường giữa các họ động vật có vú và sinh vật có lông nói chung. Cả y và con người đều là những sinh vật biết suy nghĩ, khá lý trí, có khả năng tư duy thấu đáo, biết dự đoán, mang trong mình những cảm xúc được gọi tên một cách chung chung là tình yêu, thương hại, sùng kính. Và, y nhận ra một đặc điểm nữa, đó là cả hai chủng tộc đều có khả năng say rượu.

Người Anthea không quá xa lạ với rượu, mặc dù đường và chất béo chỉ đóng một vai trò rất nhỏ trong hệ sinh thái của thế giới ấy. Có một loại quả mọng vị ngọt đôi khi được dùng để làm ra một loại rượu nhẹ, tất nhiên rượu nguyên chất có thể được tổng hợp

một cách tương đối dễ dàng, và thi thoảng cũng có người Anthea uống say. Nhưng ở đó không có thói quen uống rượu đều đặn, không có thứ gì gọi là người Anthea nghiện rượu. Cả đời y chưa bao giờ nghe nói bất kì ai ở Anthea uống rượu theo cách giống như y ở Trái Đất: Giờ thì đều đặn, ngày nào cũng uống.

Y không say rượu theo kiểu của con người, hoặc ít nhất y nghĩ rằng không giống thế. Y không bao giờ muốn uống đến mất cả tri giác, đến mức cuồng hoan, hoặc cảm giác như sánh vai cùng thánh thần. Y chỉ muốn được giải tỏa, dầu giải tỏa điều gì thì y cũng không rõ. Y không phải chịu cảm giác váng vất sau cơn say, bất kể uống bao nhiêu đi chăng nữa. Phần lớn thời gian y sống trong cô độc. Có lẽ khó mà không uống cho được.

Sau khi cử Brinnarde chở Bryce về, y bước vào phòng khách chưa bao giờ được sử dụng trong nhà và lặng thinh đứng đó khoảng một phút, tận hưởng không khí mát mẻ cùng sự âm u tĩnh lặng của căn phòng. Một con trong đàn mèo uể oải đứng dậy khỏi sofa, vươn vai duỗi mình, tiến đến bên y và bắt đầu dụi vào chân y, kêu gừ gừ. Y âu yếm nhìn nó. Tới giờ y đã trở thành người yêu mèo. Ở chúng có nét gì đó khiến y nhớ đến Anthea, mặc dù xứ sở của y không có loài vật nào giống như thế. Nhưng loài mèo dường như cũng chẳng thuộc về thế giới này.

Betty Jo đi từ bếp vào phòng khách, vẫn mặc nguyên chiếc tạp dề. Cô lặng lẽ nhìn y giây lát bằng ánh mắt dịu dàng, rồi gọi: “Tommy?”

“Có chuyện gì vậy?”

“Tommy này, ông Farnsworth ở New York gọi điện cho anh

đấy. Những hai lần.”

Y nhún vai. “Giờ thì hầu như ngày nào ông ta chẳng gọi, đúng không?”

“Đúng.” Cô khẽ mỉm cười. “Dù sao, ông ta nói có chuyện quan trọng và muốn anh gọi lại cho ông ta càng sớm càng tốt.”

Y biết rõ Farnsworth đang gặp vài vấn đề, nhưng chuyện đó phải để sau. Giờ y chưa có lòng dạ nào xử lí. Y xem đồng hồ đeo tay. Đã gần năm giờ rồi. “Cô dặn Brinnarde liên lạc với ông ta lúc tám giờ. Nếu Oliver lại gọi đến thì cứ bảo tôi đang bận, tám giờ tôi sẽ gọi trao đổi với ông ta.”

“Được rồi.” Cô ngần ngừ chốc lát rồi hỏi: “Anh có muốn tôi ngồi cùng không? Và nói chuyện với nhau một chút?”

Y nhận thấy nét mặt cô, nét mặt chan chứa hi vọng mà y biết điều đó có nghĩa là cô cần y làm người bầu bạn cũng như y cần cô. Họ đã trở thành những người đồng hành kì lạ của nhau! Vậy nhưng, dù biết cô cũng cô đơn như y, có chung cảm giác lạc lõng giống y, đến giờ phút này y vẫn cảm thấy không thể trao cho cô quyền được ngồi với mình trong im lặng. Y cố mỉm cười thân ái hết mức. “Xin lỗi, Betty Jo. Tôi cần chút thời gian riêng.” Nụ cười máy móc ấy ngày càng trở nên khó khăn biết bao!

“Được thôi, Tommy.” Cô nói, rồi quay người đi quá nhanh. “Tôi vào bếp đây.” Đi đến ngưỡng cửa, cô ngoái lại nhìn y. “Khi nào muốn dùng bữa tối thì anh gọi nhé, để tôi mang lên.”

“Ừ.” Y bước đến cầu thang và quyết định lên lầu bằng chiếc ghế leo cầu thang nhỏ đã mấy tuần nay y không dùng. Cảm giác mệt mỏi rã rời bắt đầu kéo đến. Khi y ngồi xuống, một con mèo nhảy

tốt lên lòng y, và bằng một cái rùng mình lạ lẫm, y gạt phắt nó ra. Con mèo đáp xuống sàn không một tiếng động, rũ người một cái rồi ung dung bỏ đi, không thèm quay lại nhìn y. Thấy vậy y nhủ thầm: Phải chăng mi mới là giống loài thông minh trên hành tinh này. Mà có khi đúng là thế thật, y nghĩ, với nụ cười có phần chua chát.

Có lần, cách đây hơn một năm, y nói với Farnsworth rằng y bắt đầu quan tâm tới âm nhạc. Điều này chỉ đúng một phần, vì những giai điệu và hệ thống âm sắc trong âm nhạc của con người luôn khiến y cảm thấy có chút khó chịu. Tuy nhiên, y dần quan tâm đến khía cạnh lịch sử của âm nhạc, bởi y có niềm hứng thú của một sử gia đối với gần như tất cả các lĩnh vực trong văn hóa dân gian và nghệ thuật của con người - niềm yêu thích được vun đắp bằng nhiều năm nghiên cứu qua truyền hình và tiếp nối bằng những đêm dài miệt mài đọc sách khi ở Trái Đất. Không lâu sau lần đề cập tình cờ đó của y, Farnsworth đã giới thiệu hệ thống loa bát âm với độ chính xác tuyệt vời - trong đó có vài cấu phần được sản xuất dựa theo sáng chế của Tập đoàn World Enterprises - cùng các thiết bị cần thiết khác như bộ khuếch đại, bộ nguồn và những thứ tương tự. Ba người đàn ông có bằng thạc sĩ kỹ thuật điện đã lắp ghép hệ thống loa trong thư phòng cho y. Việc đó đúng là phiền phức, nhưng y không muốn làm tổn thương lòng thành của Farnsworth. Họ bố trí tất cả các nút điều khiển trên một tấm bảng bằng đồng thau - dù y thích dùng chất liệu khác đỡ khô khan hơn, như gốm hoặc sứ được trang trí tinh xảo chẳng hạn - tấm bảng ấy được đặt ở một đầu của tủ sách. Farnsworth cũng tặng y một máy phát nhạc tự động gồm năm trăm bản thu âm, tất cả đều được ghi trên những trái cầu nhỏ bằng thép mà Tập đoàn World

Enterprises giữ bằng sáng chế và nhờ đó công ty đã kiếm được ít nhất hai mươi triệu đô la. Khi ta nhấn nút, một trái cầu có kích thước bằng hạt đậu được thả vào vị trí trong đầu máy. Cấu trúc phân tử của nó được quét bằng một máy quét siêu nhỏ với tốc độ chậm, và các vết khắc trên đó được chuyển đổi thành âm thanh của dàn nhạc, ban nhạc, nghệ sĩ guitar, hoặc tiếng hát. Newton hầu như không bao giờ chơi nhạc. Y đã thử nghe một số bản giao hưởng và tứ tấu trước sự nài nỉ của Farnsworth, nhưng chúng hầu như chẳng đem lại cho y cảm giác gì. Thật kì lạ khi y không thấy được ý nghĩa của âm nhạc. Một số loại hình nghệ thuật khác, dù bị truyền hình Chủ Nhật (loại truyền hình buồn tẻ và giả tạo nhất) xem thường và hiểu sai, vẫn có thể khiến y xúc động sâu sắc - nhất là điêu khắc và hội họa. Có lẽ y nhìn nhận nhiều thứ theo cách con người thường nhìn, nhưng không nghe được theo cách họ thường nghe.

Khi y bước vào phòng, tâm trí vẫn miên man nghĩ đến lũ mèo và con người, một thôi thúc bất ngờ trời dậy khiến y quyết định bật nhạc lên. Y nhấn nút chơi bản giao hưởng của Haydn mà Farnsworth khuyên nghe thử. Vài giây sau âm thanh vang lên, nghe như một thứ quân nhạc đầy chi li, tiểu tiết, y không thấy được một qui luật lô-gic hay thẩm mỹ nào trong đó. Cảm giác cứ như một người Mỹ nghe nhạc Trung Quốc. Y lấy chai rượu gin trên kệ, rót cho mình một ly và uống luôn không pha, cố gắng dõi theo bản nhạc. Y đang định ngồi xuống sofa thì đột nhiên tiếng gõ cửa vang lên. Giật mình, y đánh rơi chiếc ly. Nó vỡ tan dưới chân y. Lần đầu tiên trong đời, y hét lớn: “Chuyện quái quỷ gì nữa đây?” Y đã trở nên giống với con người đến mức nào rồi?

Giọng nói sợ sệt của Betty Jo vang lên sau cánh cửa: “Ông Farnsworth vừa gọi lại cho anh, Tommy ạ. Ông ta cứ nằng nặc đòi gặp. Ông ta bắt tôi đi nói với anh...”

Giọng y đã dịu xuống nhưng cơn giận vẫn còn đó. “Cô từ chối ông ta đi. Cứ bảo sang ngày mai tôi mới có thể tiếp khách được. Giờ tôi không muốn nói chuyện với ai hết.”

Một phút trôi qua trong câm lặng. Y dăm dăm nhìn mảnh thủy tinh vỡ dưới sàn, rồi lấy chân đá mấy mảnh khác to hơn xuống dưới gầm sô pha. Sau đó giọng Betty Jo vang lên: “Tôi biết rồi, Tommy. Tôi sẽ báo lại với ông ấy.” Cô ngập ngừng. “Giờ anh nghỉ ngơi đi nhé, Tommy. Được chứ?”

“Được, tôi biết rồi.” Y đáp.

Y nghe thấy tiếng chân cô đi xa dần ngoài cửa. Y tiến đến chỗ tủ sách. Chẳng còn chiếc ly nào nữa. Y đang định gọi Betty Jo thì ngừng lại, thay vào đó cầm lấy cái chai gần như đầy nguyên, mở nắp ra, rồi cứ thế đưa lên miệng uống. Y tắt nhạc Haydn đi, y làm sao hiểu nổi thứ nhạc này kia chứ, và chuyển sang bộ sưu tập dân ca, những ca khúc của người da đen, nhạc của người Gullah²⁴. Ít ra trong ca từ của những bài hát đó còn có đôi điều y có thể hiểu được.

Một giọng trầm ấm và uể oải vang lên trong loa:

Cứ mỗi khi tôi ghé nhà dì Lulu

Chú chó già lại lao tới táp tôi

Cứ lần nào tôi qua thăm dì Sally

Cậu chó bun lại đớp tôi một nhát...

Y nở nụ cười trầm tư, lời bài hát ấy dường như đã chạm tới điều gì đó trong y. Y ngồi xuống sofa, tay vẫn cầm chiếc chai. Y nghĩ đến Nathan Bryce và cuộc trò chuyện giữa họ hồi chiều.

Ngay từ buổi gặp đầu tiên y đã có cảm giác Bryce nghi ngờ mình. Việc vị chuyên gia hóa học ấy một mực yêu cầu phỏng vấn y đã phần nào cho thấy điều đó. Y đã điều tra rất kỹ càng để có thể chắc chắn rằng Bryce không đại diện cho bất cứ ai ngoài chính bản thân gã, rằng gã không làm việc cho FBI giống như ít nhất là hai trong số các công nhân ở công trường chế tạo tên lửa, và cũng không làm cho bất cứ cơ quan công quyền nào. Thế nhưng, nếu Bryce bằng cách nào đó đã nảy sinh mối ngờ vực đối với y và những mục đích của y - như Farnsworth và có lẽ là vài người khác nữa chắc chắn đang nghi ngờ - thì tại sao y, Newton, lại phải tốn bao công sức để có được cuộc chuyện trò thân mật với gã vào buổi chiều như thế? Và tại sao y lại ngấm phát đi những thông điệp cho thấy bản chất của y, nói về nào là chiến tranh, nào là cuộc Tái lâm, rồi còn tự xưng là Rumpelstiltskin - thần lùn độc ác không rõ từ đâu xuất hiện, xe rơm thành vàng và cứu mạng nàng công chúa bằng những tri thức chưa ai từng nghe nói, kẻ lạ mặt với mục đích tối thượng là cướp đi đứa con nhỏ của công chúa? Cách duy nhất để đánh bại Rumpelstiltskin là lật tẩy danh tính của hắn, gọi đúng tên hắn.

Có đôi khi tôi thấy mình như em bé không mẹ

Có đôi lúc tôi thấy mình như đứa trẻ mồ côi

Vinh quang thay, Hallelujah!

Một ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu y, tại sao Rumpelstiltskin lại trao cho công chúa cơ hội giành phần thắng trong giao kèo với hắn? Tại sao hắn lại trì hoãn, cho nàng ta ba ngày suy nghĩ để tìm ra tên hắn? Liệu có đơn giản chỉ là do hắn tự tin thái quá, vì trên đời làm gì có ai tưởng tượng hoặc đoán ra được một cái tên như thế? Hay thực ra hắn muốn người ta tìm ra hắn, tóm được hắn, tước đi mục đích của những trò lừa lọc và ma thuật của hắn? Về phần y, Thomas Jerome Newton, người nắm trong tay những trò lừa lọc và những ma thuật còn to tát hơn bất cứ phù thủy hay tiểu tiên nào trong truyện cổ tích, những câu chuyện y đều đã đọc qua, giờ đây liệu y có muốn người ta tìm ra, tóm được y không?

Người đàn ông ấy tìm đến nhà tôi

Người nói người không thích tôi

Người tới đây, đứng trước cửa nhà tôi

Thà Người nói người không thương tôi.

“Tại sao mình lại muốn người ta tìm ra mình chứ?” Newton thầm nghĩ với chai rượu trong tay. Y nhìn chăm chăm nhãn chai, một cảm giác lạ lùng, chói choáng trời dậy. Tiếng nhạc đột ngột kết thúc. Một thoáng tĩnh lặng trôi qua trong lúc trái cầu khác lăn vào vị trí. Y uống một hơi rượu dài mãnh liệt. Thế rồi từ dàn loa, tiếng nhạc giao hưởng bùng nổ, dội thẳng vào tai y.

Y uể oải đứng dậy và chớp mắt. Y cảm thấy sức lực cạn kiệt, dường như y chưa từng mệt đến thế kể từ cái ngày cách đây đã nhiều năm, khi y đổ bệnh nằm lăn ra trên cánh đồng tơ trời tháng Mười Một, nỗi sợ hãi và cô độc bủa vây. Y tiến lại bảng điều

khiển để tắt nhạc. Rồi y tới chỗ điều khiển ti vi và bật lên, biết đâu có bộ phim Viễn Tây nào đó...

Trên màn hình, hình ảnh con diệc cỡ lớn trên khoảng tường phía xa bắt đầu tan biến. Thay vào đó là cái đầu của một người đàn ông điển trai, cặp mắt ánh lên vẻ nghiêm túc giả tạo thường thấy ở đám chính khách, những kẻ chữa bệnh bằng đức tin và những người truyền giáo. Cặp môi mấp máy trong câm lặng, còn đôi mắt vẫn dăm dăm nhìn.

Newton cho tăng âm lượng. Cái đầu giờ đã có thể cất tiếng nói: "... Hoa Kỳ với tư cách là một quốc gia tự do và độc lập, chúng ta phải sẵn sàng vượt qua thử thách như những người đàn ông, sau lưng chúng ta là thế giới tự do, phải sẵn sàng đối mặt với những thách thức, hi vọng và nỗi sợ của thế giới. Chúng ta phải nhớ rằng, cho dù những thành phần thiếu hiểu biết có tìm cách xuyên tạc đến đâu đi nữa, Hoa Kỳ không phải là cường quốc hạng hai. Chúng ta phải nhớ rằng, tự do sẽ chiến thắng, ta phải..."

Đột nhiên Newton nhận ra người đàn ông đang phát biểu chính là tổng thống Hoa Kỳ, và ông ta dùng những lời lẽ khoa trương để nói về sự vô vọng. Y xoay công tắc. Khung cảnh phòng ngủ hiện ra trên màn hình. Một đôi nam nữ mặc đồ ngủ đang nói với nhau những lời bông đùa khêu gợi nhằm chán. Y lại xoay công tắc, hi vọng tìm được một bộ phim Viễn Tây. Y thích phim Viễn Tây. Nhưng xuất hiện trên ti vi là một chương trình tuyên truyền do chính phủ tài trợ, nói về những đức tính quý báu và sức mạnh của người Mỹ. Nào là hình ảnh về những nhà thờ trắng ở New England, những người làm việc ở nông trại - trong mỗi nhóm luôn có một người da đen tươi cười - và những cây phong. Các chương trình

kiểu này gần đây dường như ngày càng phổ biến, và giống như rất nhiều tạp chí nổi tiếng, ngày càng chạy theo chủ nghĩa sô-vanh rõ rệt. Hơn bao giờ hết họ tin vào lời nói dối tuyệt diệu rằng Mỹ là quốc gia của những thị trấn nhỏ kính Chúa, những thành phố năng suất, những người nông dân khỏe mạnh, những bác sĩ nhân từ, những bà nội trợ hoang mang, những triệu phú giàu lòng từ thiện.

“Chúa ơi!” Y nói to. “Chúa ơi, các người đúng là một đám tín đồ tự thán, sợ sệt của chủ nghĩa khoái lạc. Quân dối trá! Lũ sô-vanh! Hạng ngu dốt!”

Y lại xoay công tắc và cảnh hộp đêm xuất hiện trên màn hình với nhạc nền du dương êm ái. Y để chương trình tiếp tục phát, quan sát chuyển động của đám người trên sàn nhảy, đàn ông và phụ nữ ăn vận như những con công, ôm ấp nhau trong vòng tay giữa tiếng nhạc.

Vậy mình là gì, y thầm nghĩ, nếu không phải một tín đồ tự thán, sợ sệt của chủ nghĩa khoái lạc? Y uống hết chai rượu gin rồi liếc xuống đôi tay đang cầm cái chai, quan sát bộ móng giả óng ánh như những đồng xu mờ đục dưới ánh sáng lập lòe từ màn hình tivi. Y cứ nhìn mãi trong vài phút, như thể đây là lần đầu tiên thấy chúng.

Sau đó y đứng dậy, run rẩy bước tới chỗ tủ quần áo. Y lấy từ trên kệ xuống một cái hộp có kích thước tương đương hộp đựng giày. Mặt trong của tủ có gắn một tấm gương soi toàn thân. Y nhìn mình trong gương, ngắm nghía vóc dáng cao gầy trong giây lát. Rồi y trở lại sô pha và đặt chiếc hộp lên bàn cà phê ốp đá cẩm thạch trước mặt. Y lấy từ trong hộp ra một chai nhựa nhỏ. Trên

bàn có chiếc gạt tàn rỗng hình cái tô làm bằng sứ Trung Quốc, món quà của Farnsworth. Y đổ dung dịch trong chai vào gạt tàn, đặt chai xuống, nhúng đầu ngón của cả hai tay vào trong tô, như thể đó là tô nước rửa tay trong lúc dùng bữa. Y cứ ngâm như thế chừng một phút rồi bỏ ra và vỗ mạnh hai tay vào nhau. Những chiếc móng rơi xuống mặt bàn đá cẩm thạch, phát ra tiếng leng keng nho nhỏ. Các ngón tay y lúc này đã nhẵn nhụi, đầu ngón linh hoạt nhưng hơi đau.

Từ ti vi vọng đến tiếng nhạc Jazz với nhịp điệu ồn ào, dai dẳng.

Y đứng dậy, tiến tới cửa phòng và khóa lại. Sau đó, y quay lại chỗ cái hộp trên bàn, lấy từ bên trong ra một viên gì đó gần giống bông gòn, và nhúng nó vào tô dung dịch trong giây lát. Y nhận thấy tay mình đang run rẩy. Y cũng biết rằng mình đang say hơn bao giờ hết. Nhưng dường như vẫn chưa đủ.

Y đến trước gương và áp cái viên ẩm ướt ấy lên mỗi bên tai cho đến khi hai dải tai nhân tạo rơi ra. Y cởi áo sơ mi, bóc đi hai núm vú giả và đám lông trên ngực theo cách tương tự. Lông và núm vú được gắn vào một miếng mỏng xốp, khi gỡ cả hai bong ra cùng lúc. Y đặt chúng lên bàn cà phê. Quay lại gương, y bắt đầu nói bằng ngôn ngữ của mình, mới đầu chỉ khe khẽ nhưng sau đó lớn dần. Để át đi tiếng nhạc Jazz từ ti vi, y đọc một bài thơ do chính mình viết khi còn trẻ. Âm thanh phát ra từ lưỡi y nghe không mấy rõ ràng. Hoặc y đã quá say, hoặc đã mất khả năng nói những âm gió trong tiếng Anthea. Tiếp đó, với hơi thở nặng nhọc, y lấy từ trong hộp ra một dụng cụ nhỏ giống như chiếc nhíp, rồi đứng trước gương, y cẩn thận gỡ bỏ lớp màng nhựa mỏng có màu trên

mỗi bên mắt. Vừa chập vật đọc thơ, y vừa chớp cặp mắt có đôi đồng tử mở ra theo chiều dọc, giống như mắt mèo.

Y nhìn mình trong gương một lúc lâu, rồi bắt đầu khóc. Y không nức nở, nhưng những giọt lệ, giống hệt như nước mắt con người, ầng ậng dâng lên rồi lăn dài trên đôi gò má nhỏ. Nước mắt y cứ thế rơi trong tuyệt vọng.

Sau đó, y đồng dục nói với chính mình bằng tiếng Anh: “Mi là ai? Mi thuộc về nơi nào?”

Cơ thể y trong gương nhìn chằm chằm đáp lại; nhưng y không còn nhận ra nó nữa. Đó là một thân xác xa lạ, và đáng sợ.

Y lấy cho mình một chai rượu khác. Tiếng nhạc đã kết thúc. Một phát thanh viên nói: “... Phòng khiêu vũ của khách sạn Seelbach tại trung tâm thành phố Louisville, trực tiếp gửi đến bạn thông qua Worldcolor: Các thước phim và dung dịch tráng rửa dành cho những điều tốt đẹp nhất trong nhiếp ảnh...”

Ánh mắt Newton không hướng về phía ti vi. Y đang mở rượu. Một giọng phụ nữ cất lên: “Để lưu giữ kỷ niệm về những ngày lễ sắp tới, những dấu ấn trẻ thơ, những bữa tiệc gia đình truyền thống vào Lễ Tạ ơn và Giáng Sinh, còn gì tuyệt vời hơn những bức ảnh màu Worldcolor, rạng ngời một sức sống...”

Còn ở đây, trên chiếc sofa, Thomas Jerome Newton nằm đó, uống rượu, chai gin đã mở nắp, những ngón tay không móng run rẩy, đôi mắt mèo đờ đẫn đăm đăm nhìn lên trần nhà trong nỗi đau khổ cùng cực...

3.

Vào buổi sáng Chủ Nhật năm ngày sau cuộc trò chuyện chìm trong men rượu với Newton, Bryce ở nhà, cố đọc một cuốn tiểu thuyết trinh thám. Gã ngồi bên máy sưởi điện trong phòng khách nhỏ tiền chế, mặc bộ đồ ngủ bằng vải dạ mỏng màu xanh lá cây, nhâm nhi tách cà phê đen thứ ba. Sáng nay, gã cảm thấy tâm trạng tốt hơn so với dạo gần đây. Mọi quan tâm của gã đối với danh tính của Newton không còn khiến gã trăn trở như mấy ngày trước nữa. Nó vẫn là câu hỏi trọng yếu trong tâm trí gã, nhưng gã đã quyết định đưa ra một kế sách tạm thời - nếu như thận trọng chờ đợi có thể được coi là một kế sách - và cố gắng loại bỏ vấn đề ấy, nếu không phải trong suy nghĩ thì ít nhất cũng là việc dò xét không ngừng. Cuốn tiểu thuyết trinh thám tuy có tẻ nhạt nhưng “mua vui cũng được một vài trống canh”. Bên ngoài, trời đã chuyển rét buốt. Gã thư thái ngồi bên chiếc lò sưởi sắp hoàn thành, cảm thấy không đi đâu mà vội. Trên bức tường phía bên trái gã treo bức tranh *Icarus rơi rụng*. Gã đã chuyển nó từ nhà bếp sang phòng khách cách đây hai ngày.

Đọc được nửa chừng cuốn sách thì gã nghe thấy tiếng gõ nhẹ vang lên ở cửa chính. Gã đứng dậy, trong lòng có chút bức dọc, tự hỏi kẻ quái quỷ nào lại đến tìm mình vào một buổi sáng Chủ Nhật chứ. Các nhân viên của gã giữ mối giao thiệp tương đối tốt, nhưng gã thì tuyệt đối tránh, mà bạn bè gã cũng không có nhiều. Chẳng ai thân thiết đến mức ghé nhà gã vào sáng Chủ Nhật

trước giờ ăn trưa. Gã tới phòng ngủ, lấy chiếc áo choàng mặc lên rồi ra mở cửa.

Đứng đó dưới bầu trời buổi sáng xám xịt, run rẩy trong chiếc áo khoác bằng ni lông mỏng, là cô quản gia nhà Newton.

Cô mỉm cười với gã và nói: “Tiến sĩ Bryce?”

“Vâng?” Gã không nhớ ra nổi tên cô là gì, dù Newton từng nói với gã một lần rồi. Có rất nhiều tin đồn xung quanh Newton và người phụ nữ này. “Mời cô vào nhà cho ấm.” Gã nói.

“Cảm ơn ông.” Cô nhanh chóng bước vào nhưng có vẻ hồi lối, đóng cửa lại sau lưng. “Anh Newton cử tôi tới gặp ông.”

“Thế sao?” Gã dẫn cô tới chỗ chiếc máy sưởi điện. “Cô nên kiểm chiếc áo khoác dày hơn.”

Mặt cô dường như đỏ lên, hoặc cũng có thể chỉ là đôi má ửng hồng vì lạnh. “Tôi không mấy khi đi đâu.”

Gã giúp cô cởi áo khoác, rồi cô cúi xuống gần máy sưởi và hơ tay cho ấm. Bryce ngồi xuống, trầm ngâm quan sát cô, chờ cô trình bày lí do đến đây. Cô không phải không có nét quyến rũ: Cặp môi đầy đặn, mái tóc đen óng, dáng người đầy đà trong chiếc đầm trơn màu xanh da trời. Cô hẳn cũng ở tầm tuổi gã, và cũng như gã, cô thích mặc trang phục kiểu cũ. Cô không trang điểm, nhưng với sắc da đang hồng lên vì lạnh, cô cũng chẳng cần son phấn. Cô có bộ ngực nở nang giống như những người phụ nữ nông thôn trong các bộ phim tuyên truyền của Nga, mang diện mạo lẽ ra rất hoàn hảo của một bà mẹ vĩ đại, táo tợn, trừ cặp mắt rụt rè, khiêm nhường cùng giọng nói và cung cách quê kệch. Ống tay áo ngắn để lộ ra một lớp lông đen mềm mại, thưa thớt và dễ nhìn. Gã

thích điều đó, và thích cả cách cô để lông mày tự nhiên, không tỉa tốt.

Cô đột ngột thẳng người lên, mỉm cười với ông vẻ tự nhiên hơn, và nói: “Cái này không giống như sưởi bằng củi.”

Trong thoáng chốc, gã không hiểu ý cô muốn nói gì. Thế rồi, hắt hàm về phía cái máy sưởi phát ra ánh sáng đỏ rực, gã đáp: “Ừ, đúng là không giống.” Sau đó gã nói thêm: “Cô ngồi đi.”

Cô ngồi xuống ghế đối diện với ông, ngả người ra sau và gác chân lên cái đôn. “Mùi cũng không giống lò củi.” Trông cô có vẻ trầm tư. “Ngày trước tôi sống ở nông trại, đến giờ tôi vẫn còn nhớ lò củi vào buổi sáng trong lúc loăng quăng mặc đồ. Tôi phơi quần áo trên bệ lò cho ấm, rồi đứng quay lưng về phía đồng lửa để sưởi. Tôi vẫn nhớ mùi lửa cháy, nhưng chẳng được ngửi mùi lò củi trong... Trời ạ, đã hai mươi năm rồi.”

“Tôi cũng thế.” Gã nói.

“Mọi thứ không còn giữ được mùi hương tuyệt vời như xưa. Ngay cả cà phê cũng thế, với cách làm như hiện nay. Hầu hết các thứ bây giờ chẳng còn mùi gì nữa.”

“Cô muốn một tách không? Cà phê ấy?”

“Có.” Cô nói. “Tôi đi lấy nhé?”

“Để tôi.” gã đứng dậy, uống nốt tách cà phê của mình. “Đằng nào tôi cũng phải pha thêm.”

Gã vào bếp, pha hai tách cà phê, dùng loại cà phê viên gần như đang độc chiếm thị trường vì chẳng còn loại nào khác để mua kể từ khi Mỹ chấm dứt quan hệ với Brazil. Gã đặt hai cái tách lên

khay và mang vào phòng khách, cô đón lấy tách của mình và mỉm cười tươi. Trông cô có vẻ rất thoải mái, hết như một cô chó già nền tính, chẳng chất chứa niềm kiêu hãnh hay thứ triết lí nào có thể làm sứt mẻ sự ung dung tự tại của bản thân.

Gã ngồi xuống, nhấp một ngụm cà phê. “Cô nói phải. Mọi thứ không còn giữ được mùi hương như xưa. Hoặc cũng có thể chúng ta già quá rồi nên trí nhớ không còn chính xác nữa.”

Nụ cười vẫn nở trên môi cô. Sau đó cô nói: “Anh ấy muốn hỏi ông có đồng ý đi Chicago với anh ấy không. Vào tháng sau.”

“Ông Newton ấy à?”

“Ừm. Có cuộc họp nào đó. Anh ấy bảo chắc ông cũng biết.”

“Họp ư?” Gã trầm ngâm uống cà phê một lúc. “À. Hiệp hội Kỹ sư Hóa học. Sao ông ấy lại muốn tham dự nhỉ?”

“Chịu. Anh ấy bảo tôi nhắc ông là nếu ông muốn đi cùng thì chiều nay anh ấy sẽ sang trao đổi với ông. Hôm nay ông không làm việc chứ?”

“Không. Không. Tôi không làm việc vào Chủ Nhật.” Giọng gã vẫn giữ nguyên vẻ bình thản, nhưng tâm trí bắt đầu suy nghĩ rất lung. Đây quả là một cơ hội bất ngờ. Cách đây hai hôm gã đã tạm vạch ra một kế hoạch, và nếu Newton chắc chắn ghé nhà. .. “Tôi rất vui lòng được trao đổi với ông ấy.” Sau đó gã hỏi thêm: “Ông ấy có bảo mấy giờ qua không?”

“Không, anh ấy không nói.” Cô uống nốt chỗ cà phê và đặt tách xuống sàn bên cạnh ghế ngồi. Cô quả là tự nhiên như ở nhà, gã nghĩ thầm, nhưng không lấy làm phiền lòng vì điều đó. Cung cách

thân tình ấy không có chút gì giả tạo, không phải lối hành xử kiểu gượng ép của những người như Giáo sư Canutti và đám đồng nghiệp tóc húi cua hồi còn ở Iowa.

“Dạo gần đây anh ấy chẳng nói gì mấy.” Giọng cô phảng phất nét căng thẳng khi thốt ra câu ấy. “Thực ra, giờ tôi hầu như không gặp được anh ấy nữa.” Trong giọng cô còn có vẻ gì đó nghiêm trọng, và Bryce tự hỏi liệu giữa hai người bọn họ có thể xảy ra chuyện gì được. Rồi gã đột nhiên nghĩ rằng việc cô tới đây cũng là một cơ hội trời cho, cơ hội chưa chắc đến lần thứ hai.

“Ông ấy bệnh à?” Nếu gã có thể gợi chuyện để cô nói...

“Theo tôi biết thì không phải. Anh ấy lạ lắm. Tâm trạng cứ ứ đọng.” Cô dăm dăm nhìn cái máy sưởi đỏ rực trước mặt chứ không nhìn gã. “Thỉnh thoảng anh ấy nói chuyện với gã người Pháp tên là Brinnarde đó, lúc khác anh ấy lại nói với tôi. Có khi anh ấy ở lì trong phòng. Suốt nhiều ngày. Hoặc anh ấy uống rượu, nhưng khó mà nói chắc được.”

“Brinnarde làm những gì? Việc của anh ta là gì?”

“Tôi không biết.” Cô liếc gã một cái thật nhanh rồi lại nhìn máy sưởi. “Tôi nghĩ anh ta là vệ sĩ.” Cô quay sang gã, gương mặt toát lên vẻ âu lo. “Ông biết không, ông Bryce, anh ta mang cả súng trên người. Và ông cũng thấy cách anh ta di chuyển, đi đứng rồi đấy. Rất nhanh nhẹn.” Cô lắc lắc đầu hết như một bà mẹ. “Tôi không tin anh ta, và tôi nghĩ anh Newton cũng nên thế.”

“Có rất nhiều người giàu thuê vệ sĩ. Vả lại, Brinnarde hình như cũng là một thư kí hay gì đó đúng không?”

Cô bật ra tiếng cười ngắn chua chát. “Anh Newton chả bao giờ thư từ gì với ai.”

“Ừ, chắc vậy.”

Thế rồi, mắt vẫn dán vào máy sưởi, cô rụt rè nói: “Cho tôi xin chút rượu được không?”

“Được chứ.” Gã đứng dậy hơi nhanh quá. “Gin nhé?”

Cô ngước lên nhìn ông. “Vâng, cho tôi gin.” Ở cô toát lên nét gì đó u buồn, và Bryce đột ngột nhận ra cô hẳn đang rất cô đơn, gần như không có ai để tâm sự. Gã cảm thấy thương hại cô, một người phụ nữ quê mùa, lạc lối và lỗi thời, nhưng đồng thời cũng phần khích khi nhận ra rằng lúc này cô là đối tượng lí tưởng để khai thác thông tin. Gã có thể dẫn dắt cô bằng một chút rượu gin, để cô nhìn ngắm máy sưởi một lúc, đợi cô mở lời. Gã mỉm cười, cảm thấy mình thật xảo quyệt.

Lúc gã đang ở trong bếp lấy chai rượu gin từ hàng kệ phía trên bồn rửa, cô gọi vọng vào từ phòng khách: “Ông cho thêm vào đó chút đường được không?”

“Đường á?” Thế thì lại hơi kì quặc.

“Vâng. Khoảng ba thìa gì đó.”

“Được.” Gã nói và lắc đầu, sau đó tiếp: “Cô tên gì tôi quên mất rồi.”

Giọng cô vẫn có vẻ căng thẳng như thể đang cố kiềm chế để không run rẩy hoặc bật khóc. “Tôi là Betty Jo, thưa ông. Betty Jo Mosher.”

Cái cách cô trả lời dường như chứa đựng một chút tự trọng rất tinh tế khiến gã thấy ngượng vì không nhớ tên cô. Gã cho đường vào cốc rồi rót rượu gin, càng thêm xấu hổ vì những gì mình sắp làm: Rắp tâm lợi dụng cô. “Cô là dân Kentucky à?” Gã hỏi một cách nhã nhặn hết mức, rót gần đầy cốc và khuấy lên.

“Vâng. Tôi sống gần Irvine. Cách Irvine khoảng bảy dặm. Nó nằm ở phía Bắc của vùng này.”

Gã mang cốc rượu tới và cô đón lấy với vẻ biết ơn nhưng vẫn cố tỏ ra dè dặt, một cử chỉ vừa dễ thương vừa buồn cười. Gã bắt đầu cảm thấy thích người phụ nữ này. “Cha mẹ cô vẫn còn cả chứ?” Gã chợt nhớ ra mình đang cần khai thác thông tin về Newton chứ không phải về cô. Tại sao đầu óc gã lúc nào cũng xao nhãng, xa rời điểm mấu chốt thế nhỉ?

“Mẹ tôi mất rồi.” Cô nhấp một ngụm gin, đưa đầy trong miệng như thể thăm dò, rồi nuốt xuống và chớp mắt. “Đúng là tôi rất thích gin. Cha tôi bán lại nông trại cho chính quyền để họ làm trung tâm thủy... thủy...”

“Trung tâm thủy canh?”

“Đúng rồi. Ở đó người ta sản xuất ra thực phẩm dỏ tẹ bằng cách dùng bồn nước. Dù sao thì cha tôi bây giờ sống dựa vào trợ cấp, ở tí tện Chicago trong một khu phát triển, cũng giống như tôi hồi còn ở Louisville, trước khi tôi gặp Tommy.”

“Tommy?”

Cô mỉm cười chua chát. “Anh Newton. Đôi lúc tôi gọi anh ấy là Tommy. Tôi từng nghĩ anh ấy thích cái tên đó.”

Gã hít một hơi, quay mặt đi chỗ khác và hỏi, “Cô gặp anh ta khi nào?”

Cô nhấp một ngụm gin nữa, thưởng thức vị rượu trong giây lát rồi mới nuốt. Sau đó cô khẽ cười. “Khi ở trong thang máy. Lúc đó tôi ở Louisville, bắt thang máy đi lên phòng nhận trợ cấp của hạt, và gặp Tommy trong đó. Trời ạ, trông anh ấy kì quặc hết sức. Tôi nhận thấy ngay lập tức. Thế rồi anh ấy bị gãy chân trong thang máy.”

“Gãy chân?”

“Vâng. Nghe rất ngớ ngẩn, nhưng đúng là thế đấy. Cái thang máy chắc là quá sức chịu đựng của anh ấy. Giá mà ông mà biết anh ấy nhẹ hều...”

“Nhẹ đến mức nào?”

“Nhẹ lắm. Dùng một tay cũng có thể nhấc bổng anh ấy lên được. Xương anh ấy chắc yếu ớt như xương chim. Thực sự anh ấy kì quặc lắm. Tính tình rất tốt, rất thông minh, lại giàu có, còn rất kiên trì nữa. Nhưng ông Bryce ạ...”

“Sao?”

“Ông Bryce ạ, tôi nghĩ hình như anh ấy bệnh, bệnh rất nặng. Hình như cơ thể anh ấy có bệnh, Chúa ơi, giá mà ông thấy chỗ thuốc anh ấy uống vào! Và tâm tư anh ấy... lo nghĩ nhiều chuyện lắm. Tôi muốn giúp, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu. Anh ấy còn không để cho bác sĩ lại gần mình.” Cô uống nốt chỗ rượu và nhồi người về phía trước như thể đang nhỏ to buôn chuyện. Nhưng gương mặt cô lại toát lên vẻ đau buồn quá đỗi chân thành, không phải kiểu giả vờ để có cơ tĩ tê. “Ông Bryce ạ, hình như anh ấy

chẳng bao giờ ngủ hay sao ấy. Tôi ở cùng nhà với anh ấy gần một năm rồi mà chưa từng thấy anh ấy ngủ. Anh ấy thật không phải người.”

Tâm trí Bryce mở ra như một ống kính. Một cảm giác lạnh buốt từ gáy lan xuống vai, chạy dọc sống lưng gã.

“Cô uống thêm gin không?” Gã hỏi. Thế rồi, với một cảm giác nửa như đang cười, nửa như nức nở, gã nói thêm: “Tôi uống cùng cô...”

Cô uống thêm hai cốc rượu rồi ra về. Cô không tiết lộ với ông thêm nhiều điều cho lắm về Newton, có thể là vì gã không muốn hỏi han nữa. Gã không cảm thấy cần phải hỏi. Nhưng khi rời đi, bước chân chẳng chút loạng choạng vì cô có tửu lượng tốt không kém những tay thủy thủ, cô nói trong lúc mặc lại áo khoác, “Ông Bryce ạ, tôi chỉ là một người đàn bà dốt nát, ngờ nghệch, nhưng tôi rất biết ơn vì được nói chuyện với ông.”

“Tôi cũng rất vui,” gã nói. “Bất cứ lúc nào muốn, cô cứ qua chơi.”

Cô chớp mắt nhìn gã. “Như thế được ư?”

Thực ra gã không có ý đó, nhưng bây giờ gã nói một cách nghiêm túc, “Tôi muốn cô trở lại đây. Tôi cũng không có nhiều bạn để chuyện trò.”

“Cảm ơn ông.” cô đáp, khi bước ra ngoài trời trong chiều đông, cô nói thêm: “VẬY là ba người chúng ta giống nhau nhỉ?”

Gã không biết mình còn bao nhiêu thời gian trước khi Newton tới đây, nhưng biết rằng gã phải hành động thật nhanh nếu muốn

chuẩn bị xong mọi thứ cho kịp giờ. Gã cảm thấy vô cùng phần khích xen lẫn hồi hộp, và trong lúc thay đồ, gã không ngừng lẩm nhẩm: “Không thể là Massachusetts, mà phải là Sao Hỏa. Chắc chắn là Sao Hỏa...” Gã có muốn câu trả lời là Sao Hỏa không?

Thay đồ xong, gã mặc áo khoác và tới phòng thí nghiệm cách đó năm phút đi bộ. Trời đang đổ tuyết, bầu không khí giá buốt thu hút sự chú ý của gã trong chốc lát, giúp gã tạm quên đi những ý nghĩ đang quay cuồng trong tâm trí, quên đi câu đố sắp sửa tìm ra đáp án cuối cùng, nếu như gã có thể bố trí máy móc một cách chính xác và kịp thời.

Ba trợ lí của gã đang có mặt tại phòng thí nghiệm. Gã trao đổi với họ vài câu nhát gừng, không đáp lại những lời bình phẩm về thời tiết. Gã cảm nhận được nỗi hiếu kì toát ra từ họ khi gã bắt đầu tháo chiếc máy nhỏ trong phòng thí nghiệm kim loại, chiếc máy dùng để chụp và phân tích X-quang, nhưng gã vờ như không để ý đến những cái nhướn mày của đồng nghiệp. Việc đó chẳng mất nhiều thời gian, gã chỉ cần tháo ốc vít cố định máy chụp và máy phát tia âm cực loại nhỏ ra khỏi giá đỡ. Gã có thể dễ dàng tự mình mang hai thứ đó về. Gã kiểm tra để chắc chắn trong máy chụp đã có đủ phim X-quang tốc độ cao của Tập đoàn World Enterprises, sau đó gã ra về, một tay cầm máy chụp, tay kia cầm ống tia âm cực. Trước khi đóng cửa, gã nói với ba người: “Này, hay là chiều nay các anh về nghỉ đi?”

Trông họ có phần ngơ ngác, rồi một người nói: “Vâng, được ạ, thưa Tiến sĩ Bryce.” và nhìn hai người kia.

“Thế nhé.” Gã đóng cửa lại và ra về.

Bên cạnh lò sưởi giả trong phòng khách của Bryce là một cửa thông khí của hệ thống điều hòa, hiện không được sử dụng. Sau hai mươi phút loay hoay cộng thêm vài câu rửa sả, gã đã lắp được máy chụp vào phía sau lưới chắn, với ống kính mở rộng. May mắn thay, tấm phim của Tập đoàn World Enterprises, cũng như rất nhiều sáng chế của Newton, đã được cải tiến đáng kể về mặt kĩ thuật so với đời trước, hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng khả kiến. Chỉ tia X mới có thể khiến phim bắt sáng.

Cái ống trong máy phát cũng là một thiết bị của World Enterprises. Nó hoạt động như một loại đèn chớp, tạo ra một chùm tia X hội tụ tức thì, cực kì hữu ích cho việc nghiên cứu các rung động tốc độ cao. Và có lẽ nó thậm chí còn hữu ích hơn cho ý định Bryce đang ấp ủ. Gã lắp nó vào ngăn kéo đựng bánh mì trong nhà bếp, nhắm sao cho nó hướng về phía máy chụp có ống kính mở, ngăn cách bởi bức tường. Sau đó, gã cầm dây điện từ phía trước ngăn kéo và cắm vào ổ cắm phía trên bồn rửa. Ngăn kéo hơi hé mở để gã có thể thò tay vào và bật công tắc ở cạnh bên của máy biến áp nhỏ cung cấp điện cho cái ống.

Gã trở lại phòng khách, cẩn thận đặt chiếc ghế êm ái nhất của mình chắn trực tiếp giữa máy chụp và ống tia âm cực. Sau đó, gã ngồi xuống một chiếc ghế khác và đợi Thomas Jerome Newton.

4.

Khoảng thời gian chờ đợi ấy dài đằng đẵng. Bryce bắt đầu thấy đói bụng, gã cố ăn tạm chiếc bánh mì kẹp nhưng cuối cùng đành bỏ dở. Gã đi qua đi lại trong phòng, cầm cuốn tiểu thuyết trình thám lên nhưng không sao tập trung đọc tiếp được. Cứ chốc chốc gã lại chạy vào bếp để kiểm tra vị trí đặt ống tia âm cực giấu trong ngăn kéo đựng bánh mì. Gã chợt nảy ra ý định bất ngờ, muốn xem thiết bị ấy liệu có hoạt động chính xác hay không, thế là gã bật công tắc, chờ cho máy khởi động, rồi nhấn nút phát chùm tia vô hình. Chùm tia sẽ chiếu xuyên qua tường, qua chiếc ghế, qua ống kính máy chụp và khiến tấm phim đặt trên giá đỡ ở trong bắt sáng. Nhưng vừa nhấn xong cái nút, gã lập tức thẫn buông một tràng rửa sả chính mình, chỉ vì táy máy mà gã đã làm tấm phim bị phơi sáng.

Loay hoay mất hai mươi phút gã mới gỡ được tấm lưới chắn trước cửa thông khí và lấy máy chụp ra. Sau đó gã phải tháo tấm phim giờ đã chuyển sang màu hơi nâu vì bị phơi sáng theo đúng cách thức hoạt động của máy, thay bằng tấm khác có sẵn bên trong máy chụp. Thế rồi vừa toát mồ hôi hột vì lo sợ Newton có thể gõ cửa bất cứ lúc nào, gã vừa đặt lại máy chụp vào bên trong cửa thông khí, kiểm tra ống kính của máy, thận trọng xoay máy về phía cái ghế bằng đôi tay run rẩy, và lắp tấm lưới lại như cũ. Gã kiểm tra kĩ sao cho ống kính khớp với lỗ hồng trên lưới để không bị kim loại cản trở.

Tay áo đã xắn, Bryce đang rửa tay thì có tiếng gõ vang lên ở cửa chính. Gã bắt mình phải đi thật chậm rãi, cầm theo chiếc khăn lau ra mở cửa.

Đang đứng dưới trời tuyết, đeo kính râm và khoác tấm áo khoác mỏng là T. J. Newton. Y khẽ mỉm cười, nụ cười có nét gần như châm biếm, và khác với Betty Jo, trông y như không mấy may biết lạnh. Sao Hỏa, Bryce nghĩ thầm trong lúc nhường lối cho y vào, Sao Hỏa là hành tinh giá lạnh.

“Chào ông.” Newton lên tiếng. “Hi vọng tôi không chen ngang đúng lúc ông đang bận.”

Bryce cố giữ giọng bình tĩnh và ngạc nhiên khi thấy mình có thể làm được như thế. “Không hề. Tôi có bận gì đâu. Anh ngồi đi.” Gã ra hiệu về phía cái ghế kê trước cửa thông khí, trong lúc đó tâm trí gã chợt nghĩ đến Damocles và chiếc ngai với thanh gươm treo lơ lửng bên trên.

“Thôi, cảm ơn ông.” Newton đáp. “Tôi đã ngồi cả buổi sáng nay rồi.” Y cởi áo khoác và vắt lên lưng ghế. Bên trong, y vẫn mặc sơ mi cộc tay như mọi khi. Phần ống tay áo nhô lên khiến cánh tay y trông chẳng khác gì cái cán gấn vào tẩu thuốc.

“Để tôi mời anh một ly.” Nếu có rượu, biết đâu y sẽ chịu ngồi.

“Không cần đâu, cảm ơn ông. Tôi đang... cố tránh xa con ma men.” Newton bước tới chỗ bức tường bên kia, ngắm nghía bức tranh Bryce treo trên đó. Y đứng lặng hồi lâu, còn Bryce ra ghế ngồi. Rồi y nói: “Bức tranh thật tinh tế, Tiến sĩ Bryce ạ. Tác phẩm của Brueghel phải không?”

“Phải.” Dĩ nhiên nó là của Brueghel. Điều đó ai mà không biết. Sao Newton không chịu ngồi nhỉ? Bryce bắt đầu bẻ khớp ngón tay rồi ngừng lại. Newton lơ đãng phủi mấy giọt nước do tuyết tan đọng trên mái tóc. Y mà cao thêm chút nữa thì đốt ngón tay đã chạm phải trần nhà khi làm cử chỉ ấy.

“Nó tên là gì?” Newton hỏi. “Bức tranh ấy?”

Điều này y phải biết chứ, bức tranh khá nổi tiếng mà.

“*Icarus rơi rụng*. Người rơi xuống biển là Icarus.”

Newton tiếp tục ngắm nghía. “Thật là một bức tranh tuyệt mỹ.” Y nói. “Phong cảnh trong tranh rất giống với nơi này. Có núi, có tuyết, và có nước.” Y quay sang nhìn Bryce. “Nhưng dĩ nhiên, trong tranh có một người đang cày ruộng, và mặt trời nằm ở vị trí thấp hơn. Hẳn là lúc chiều tà...”

Đang sẵn tâm trạng bực bội và vẫn còn hồi hộp, Bryce hỏi với giọng hơi xẵng: “Sao không phải sớm hơn?”

Newton nở nụ cười thật lạ. Đôi mắt y dường như đang hướng vào thứ gì đó xa xăm. “Khó mà là buổi sáng được, đúng không?”

Bryce không đáp. Nhưng dĩ nhiên, Newton nói đúng. Mặt trời đang ở chính ngọ lúc Icarus bắt đầu rơi. Cú rơi ấy hẳn là khá lâu. Trong tranh, vầng dương chỉ còn lấp ló phân nửa nơi chân trời, còn Icarus, căng chân và đầu gối vẫy vùng trên mặt nước, vùng nước sắp sửa khiến cậu chết chìm vì sự dai dột mà không hay, được khắc họa trong giây phút sau cú rơi. Cậu hẳn đã rơi xuống từ ban trưa.

Newton lên tiếng, cắt ngang dòng suy tư của Bryce. “Betty Jo có nói ông đồng ý đi Chicago cùng tôi.”

“Phải. Nhưng tôi muốn biết, ông đi Chicago để làm gì?”

Newton làm một cử chỉ rất đổi kì lạ, không giống y chút nào: Y nhún vai, hai lòng bàn tay ngửa lên. Chắc hẳn y học được điều đó từ Brinnarde. Rồi y đáp: “À, tôi cần thêm một số chuyên gia hóa học. Tôi nghĩ đó là cách tốt để tuyển người.”

“Vậy tôi thì sao?”

“Ông là một chuyên gia hóa học. Hay đúng hơn là kĩ sư hóa học.”

Bryce ngần ngừ trước khi lên tiếng. Điều gã sắp nói ra hẳn là rất sỗ sàng, nhưng Newton dường như không ngại nghe lời thẳng thắn. “Ông đã có rất nhiều nhân sự rồi, Newton ạ.” Gã bật ra tiếng cười gượng gạo. “Tôi phải cạnh tranh với cả một đội ngũ hết sức hùng hậu mới có cơ hội được gặp ông đấy.”

“Phải.” Newton đáp. Y quay đi và lại nhìn bức tranh giấy lát, rồi nói: “Có lẽ điều tôi thực sự muốn là... một kì nghỉ. Một chuyến thăm thú vùng đất mới.”

“Ông chưa đến Chicago bao giờ ư?”

“Chưa, e rằng tôi giống như một kẻ ẩn dật sống trên thế giới này.”

Bryce suýt nữa đỏ bừng mặt trước lời nhận xét ấy. Gã quay sang phía chiếc máy sưởi và nói: “Chicago mùa Giáng Sinh có lẽ không phải là nơi thích hợp nhất cho một kì nghỉ.”

“Tôi không ngại thời tiết giá lạnh.” Newton nói. “Ông thì sao?”

Bryce cười, vẻ lo lắng. “Tôi chắc không miễn nhiễm với cái lạnh được như ông đâu. Nhưng tôi vẫn có thể chịu được.”

“Vậy thì tốt.” Y bước tới chỗ cái ghế, cầm lấy áo khoác và mặc lên. “Tôi rất mừng khi có ông đi cùng.”

Bryce cuống cả lên khi thấy người đàn ông kia, mà có thật ông ta là người không, chuẩn bị ra về. Rất có thể gã sẽ không bao giờ có được cơ hội như thế này nữa. “Đợi một chút.” Gã yếu ớt nói. “Tôi cần... cần đi lấy cho mình một ly.”

Newton không nói gì. Bryce rời khỏi phòng khách và vào bếp. Lúc đi qua ngưỡng cửa, gã ngoái lại xem Newton có còn đứng sau cái ghế ấy nữa không. Tim gã chùng xuống: Y đã quay lại chỗ bức tranh, một lần nữa đứng đó đăm đăm ngắm nhìn với vẻ trầm mặc. Y hơi cúi vì đầu cao hơn bức tranh ít nhất phải ba mươi xăng-ti-mét.

Bryce rót cho mình một cốc Scotch đúp và châm thêm nước lọc ở vòi vào. Gã không thích uống rượu với đá viên. Gã nhấp một hơi, cứ thế đứng bên bồn rửa, thầm nguyện rửa thứ vận rủi đã khiến Newton đứng mãi.

Thế rồi, lúc quay lại phòng khách, gã thấy Newton đã ngồi xuống.

Y quay đầu sang bên để có thể nhìn vào Bryce. “Có lẽ tôi nên ở lại.” Y nói. “Chúng ta cần bàn bạc kế hoạch cho chuyến đi.”

“Được thôi.” Bryce nói. “Có lẽ cũng nên thế.” Gã đứng như trời trồng giây lát, rồi vội vã tiếp lời, “Tôi... quên cho đá. Vào cốc rượu.

Xin phép nhé.” Gã lại quay vào bếp.

Bàn tay Bryce run rẩy khi gã thò vào trong ngăn kéo đựng bánh mì và bật công tắc. Tranh thủ lúc máy khởi động, gã bước tới tủ lạnh và lấy đá viên trong ngăn đựng. Giờ là một trong số những lần hiếm hoi trong đời gã cảm thấy trân trọng vì công nghệ đã được cải tiến, tạ ơn Chúa khi gã không cần phải đánh vật để lấy những viên đá kẹt cứng trong khay nữa. Gã cho hai viên vào cốc, khiến rượu sánh ra chút ít lên vạt áo. Rồi gã quay lại chỗ ngăn kéo, hít một hơi dài, và nhấn nút.

Trong thoáng chốc, một âm thanh u u vang lên gần như không nghe rõ tiếng, rồi căn phòng lại chìm vào tĩnh lặng.

Gã tắt công tắc và quay lại phòng khách. Newton vẫn ngồi trên ghế, giờ đang chăm chú nhìn máy sưởi. Trong giây lát, Bryce không thể rời mắt khỏi cửa thông khí điều hòa với cái máy chụp giấu phía sau, tấm phim giờ đã phơi sáng.

Gã lắc lắc đầu, cố xua đi cảm giác âu lo đang ngự trị. Thật ngớ ngẩn nếu bây giờ lại tự lật tẩy chính mình khi mọi việc đã xong. Và gã chợt nhận ra mình chẳng khác gì một tay tráo trở - một kẻ phản bội.

Newton nói: “Có lẽ chúng ta sẽ bay đi Chicago.”

Gã không sao ngăn được và hỏi với giọng châm biếm. “Bay như Icarus ư?”

Newton bật cười. “Như Daedalus thì hơn, hi vọng thế. Tôi không thích thú gì việc chết đuối đâu.”

Giờ đến lượt Bryce đứng dậy. Gã không muốn ngồi đó và buộc phải đối diện với Newton. “Ta đi bằng máy bay của ông à?”

“Phải. Tôi đang tính chúng ta lên đường vào buổi sáng Giáng Sinh. Đây là nếu Brinnarde có thể thu xếp được chỗ hạ cánh ở sân bay Chicago vào thời gian đó. Tôi sợ hôm ấy sẽ đông.”

Bryce uống đã gần hết cốc rượu, gã uống chóng vánh hơn hẳn so với mọi khi. “Vào đúng Giáng Sinh thì cũng chưa chắc.” Gã nói. “Thực ra đây có lẽ là thời kì trung gian giữa hai đợt cao điểm.” Sau đó gã hỏi, dẫu chẳng rõ vì lý do gì: “Cô Betty Jo có đi cùng không?”

Newton ngần ngừ rồi đáp: “Không, chỉ có ông và tôi thôi.”

Gã cảm thấy mình hơi vô lí, y như cái hôm bọn họ vừa uống rượu gin vừa trò chuyện bên bờ hồ. “Thế cô ấy không nhớ anh à?” Gã hỏi. Tất nhiên, đó hoàn toàn không phải việc của gã.

“Chắc là có.” Newton dường như không lấy làm phật ý khi nghe câu hỏi này. “Và chắc tôi cũng sẽ nhớ cô ấy, Tiến sĩ Bryce ạ. Nhưng cô ấy sẽ không đi cùng.” Y nhìn máy sưởi thêm một lát trong im lặng. “Sáng ngày Giáng Sinh, ông có thể sẵn sàng lên đường lúc tám giờ được không? Tôi sẽ cử Brinnarde đến tận nhà đón ông nếu ông muốn.”

“Được thôi.” Gã ngửa cổ uống nốt chỗ rượu Scotch. “Chúng ta ở đó bao lâu?”

“Ít nhất khoảng hai, ba ngày.” Newton đứng dậy và mặc lại áo khoác. Bryce thấy lòng nhẹ nhõm hẳn, gã bắt đầu lo sợ mình không thể giữ bình tĩnh được nữa. Tắm phim chụp...

“Tôi nghĩ ông sẽ cần đến vài chiếc áo sơ mi sạch sẽ.” Gã nghe thấy Newton nói. “Chi phí chuyến đi đã có tôi lo.”

“Tại sao không chứ?” Bryce cười, giọng có chút hồi hộp. “Ông là triệu phú kia mà.”

“Đúng vậy.” Newton đáp và kéo khóa áo khoác. Bryce vẫn ngồi trên ghế, khi ngẩng lên, gã thấy Newton, với dáng người gầy gò và nước da rám nắng, đứng sừng sững trước mình hết như một pho tượng. “Đúng vậy. Tôi là triệu phú mà.”

Nói xong gã ra về, khom lưng bước qua ngưỡng cửa, nhẹ nhàng rời đi dưới trời tuyết...

Ngón tay run rẩy vì phấn khích, còn tâm trí lấy làm hồ thẹn trước sự phấn khích thái quá ấy, Bryce gỡ tấm lưới chắn ở cửa thông khí, tháo chiếc máy chụp, đặt lên sô pha và lấy tấm phim ra. Sau đó gã mặc áo khoác, cẩn thận cất tấm phim vào túi và cầm cúi đi xuyên qua lớp tuyết giờ đã đóng khá dày dưới mặt đất để tới phòng thí nghiệm. Gã phải cố kiềm chế để không co cẳng chạy.

Phòng thí nghiệm không có một ai, tạ ơn Chúa vì lúc trước gã đã xua mấy người trợ lí ra về. Gã tới thẳng phòng tráng phim và máy chiếu, chẳng buồn dừng lại để bật máy sưởi dù phòng thí nghiệm lạnh tê tái. Gã cứ mặc nguyên áo khoác trên người.

Khi nhắc tấm phim âm bản ra khỏi thùng tráng rửa đầy khí, hai tay Bryce run đến mức gần như không đặt nổi tấm phim vào trong máy, nhưng cuối cùng gã cũng làm được.

Thế rồi, khi gã bật công tắc máy chiếu và dõi mắt về phía màn hình trên bức tường đằng xa, đôi tay gã bỗng ngừng run, hơi thở

nghe lại trong cổ họng. Gã cứ thế nhìn chăm chăm đến cả phút. Sau đó, gã thành linh quay người, đi từ phòng máy chiếu sang phòng thí nghiệm, căn phòng vừa dài rộng thênh thang không một bóng người, vừa lạnh buốt. Gã huýt sáo qua kẽ răng, không hiểu sao giai điệu được chọn lại là: *Nếu bạn hiểu rõ Susie như tôi...*

Một mình trong phòng thí nghiệm, gã phá lên cười, tiếng cười khê chứ không to. “Vâng!” Gã nói, âm thanh đập vào bức tường phía cuối phòng và dội lại, nghe có phần trống rỗng, vang vọng qua dãy kệ đựng ống nghiệm, đèn Bunsen, dụng cụ thủy tinh, chén nung, lò nung, và các loại máy móc xét nghiệm. Gã nói. “Vâng, thưa ngài Rumpelstiltskin.”

Trước khi rút tấm phim ra khỏi máy chiếu, một lần nữa gã nhìn chăm chăm vào hình ảnh trên tường, in dấu đường nét mờ của một chiếc ghế bành, một cấu trúc xương phi thường của một cơ thể phi thường: Không xương ức, không xương cụt, không xương sườn cụt, đốt sống cổ dạng sụn, hai xương vai vừa nhọn vừa nhỏ xíu, xương sườn thứ hai và thứ ba hợp nhất. Lạy Chúa, gã nghĩ thầm, lạy Chúa tôi! Sao Kim, Sao Thiên Vương, Sao Mộc, Sao Hải Vương, hay Sao Hỏa. Lạy Chúa tôi!

Và gã trông thấy, ở góc dưới của tấm phim là hình ảnh nhỏ xíu gần như không thể nhận thấy của mấy từ “W. E. Corp.” Ý nghĩa của chúng, điều gã đã biết kể từ khi đi tìm nguồn gốc của tấm phim màu cách đây hơn một năm, bất ngờ ùa về cùng một loạt hàm ý đáng sợ chứa đựng trong nó: Tập đoàn World Enterprises.

5.

Hai người hầu như không nói gì mấy trong suốt chuyến bay. Bryce cố đọc vài tập tài liệu quảng bá về các nghiên cứu trong lĩnh vực luyện kim, nhưng gã thấy mình không ngừng cựa quậy, đầu óc nghĩ ngợi mông lung. Chốc chốc gã lại đưa mắt nhìn qua bên kia khoang máy bay chật hẹp nơi Newton đang ngồi với vẻ trầm tĩnh, một tay cầm cốc nước, tay kia cầm cuốn sách. Đó là cuốn *Tuyển tập thơ Wallace Stevens*. Gương mặt Newton toát lên nét thanh thản, dường như y đang đắm chìm vào trang sách. Các bức tường quanh họ được tô điểm bằng những bức ảnh màu cỡ lớn của các loài thủy cầm như sếu, hồng hạc, diệc và vịt. Một lần khác, cũng trên chiếc máy bay này trong chuyến thăm đầu tiên tới địa điểm thi công dự án, Bryce đã trầm trồ trước những bức ảnh ấy, tán dương gu thẩm mỹ đã đặt chúng ở đó, nhưng giờ đây chúng chỉ gây cho gã cảm giác bất an, có vẻ gì đó gần như hiểm ác. Newton vừa uống nước vừa đọc sách, một đôi lần quay sang mỉm cười với Bryce nhưng không nói gì. Qua ô cửa sổ nhỏ phía sau y, gã nhắc thấy khoảng trời hình chữ nhật xám xịt, âm u.

Hành trình tới Chicago kéo dài gần một giờ đồng hồ, và thêm mười phút nữa để máy bay hạ cánh. Cả hai bước xuống, hòa vào khung cảnh hỗn loạn của những chiếc xe tải xám không rõ chỗ gì, đám đông với vẻ mặt cương nghị, và lớp tuyết như những khối thủy tinh, thô ráp gồ ghề, tan ra rồi lại đóng băng, đen đúa bản thủ. Con gió chẳng khác nào chiếc túi đựng đầy những cây kim nhỏ xíu đang tấp vào mặt Bryce. Gã rứt cảm vào trong khăn

quàng, dựng cổ áo khoác, kéo mũ cho kín hơn. Trong lúc đó, gã quay sang nhìn Newton. Dường như ngay cả y cũng bị ảnh hưởng bởi gió lạnh, vì y đã rút tay vào túi, mặt nhăn lại. Bryce trang bị cho mình chiếc áo khoác dày sụ, còn Newton mặc áo khoác vải tuyết và quần dạ. Thật lạ khi thấy y ăn vận như thế. Không hiểu y mà đội mũ thì trông sẽ thế nào nhỉ, Bryce nghĩ thầm. Có lẽ một người đến từ Sao Hỏa sẽ hợp với mũ quả dưa.

Một chiếc xe tải với phần đầu to cộ kéo máy bay ra khỏi bãi đỗ. Chiếc máy bay phản lực nhỏ bé duyên dáng theo sau cái xe tải với vẻ rầu rĩ, như thể đang khó chịu vì cảnh ê chề khi phải ở trên mặt đất. Ai đó chúc nhau “Giáng Sinh vui vẻ!” và Bryce chợt giật mình nhận ra, hôm nay đúng là Giáng Sinh. Newton đi lướt qua gã, nét mặt đăm chiêu. Gã bắt đầu đi theo y, chầm chậm bước từng bước thận trọng trên mặt đất với những hố đầy băng, chẳng khác gì khối đá xám bắn thiu dưới chân gã, mặt đất y hệt bề mặt Mặt Trăng.

Nhà ga đến vừa nóng bức, ngọt ngào, vừa đông đúc và ồn ào. Sừng sững giữa phòng chờ là một cây thông Giáng Sinh khổng lồ xoay tròn làm bằng nhựa và được tô điểm lớp tuyết nhựa, nhũ băng cũng bằng nhựa, và những ngọn đèn nhấp nháy đầy vẻ xấu xa. Bài hát *Giáng Sinh trắng*, được thể hiện bởi giọng ca ngọt lịm của một dàn hợp xướng vô hình kết hợp cùng tiếng chuông ngân và tiếng đàn organ điện tử, thỉnh thoảng lại vang lên trong không gian huyền ảo. Tôi đang mơ về một Giáng Sinh trắng... Một ca khúc xưa cũ mang đậm không khí lễ hội. Từ những đường ống ẩn đâu đó thoang thoảng tỏa ra mùi gỗ thông, hoặc dầu thông, loại thường được dùng ở các nhà vệ sinh công cộng. Đám phụ nữ ồn ào mặc áo lông thú đứng túm năm tùm ba, những người đàn ông

bằng qua phòng với vẻ quả quyết, tay xách cặp táp, cầm theo bưu phẩm hoặc camera. Một gã say đang ngồi sùm sụp trên chiếc ghế bành giả da, mặt mũi đỏ ửng. Cách Bryce không xa, một em bé nói với một em bé khác, vẻ hết sức nghiêm nghị: “Cậu cũng thế.” Bryce không nghe rõ em bé kia đáp lại câu gì. *Chúc bạn những tháng ngày tươi vui, chúc bạn những mùa Giáng Sinh ngập tràn sắc trắng!*

“Xe của chúng ta chắc đang chờ ở phía trước tòa nhà này.” Newton nói. Giọng y có điều gì đó cho thấy y như đang bị đau.

Bryce gật đầu. Hai người lặng lẽ len lỏi qua đám đông, bước ra khỏi cửa chính. Bầu không khí lạnh lẽo bên ngoài đúng là một sự giải thoát.

Xe hơi đang chờ họ cùng với một tài xế mặc đồng phục. Khi đã yên vị trong xe, Bryce hỏi: “Ông thấy Chicago thế nào?” Newton nhìn gã giầy lát rồi đáp: “Tôi quên mất ở đây đông đúc biết bao.” Và rồi, với nụ cười gượng gạo, y trích dẫn câu thơ của Dante. “*Nào tôi biết đâu thần chết cướp đi nhiều sinh mạng nhường ấy.*” Bryce nhủ thầm: Ông mà là Dante bước đi giữa những kẻ chịu cảnh đọa đày, và có thể đúng là thế thật, thì tôi đây là Virgil.

Sau khi dùng bữa trưa trong phòng khách sạn, họ bắt thang máy xuống sảnh, nơi các vị đại biểu đang loanh quanh đi lại, cố làm bộ trình trọng, vui vẻ, thoải mái lắm. Khu sảnh được bài trí với nội thất làm bằng nhôm và gỗ gụ theo phong cách hiện đại Nhật Bản đang lên ngôi thay cho phong cách trang nhã. Hai người dành vài giờ trò chuyện với những người Bryce quen biết tương đối rõ mà phần lớn trong số đó gã không ưa, tìm được ba người có vẻ quan tâm và muốn tới làm việc cho Newton. Hai bên thống

nhất hẹn gặp. Newton hầu như rất ít nói. Y chỉ gật đầu và mỉm cười khi được giới thiệu, thi thoảng bàn luận đôi câu. Sự có mặt của y đã thu hút sự chú ý của nhiều người khi tên tuổi y bắt đầu lan truyền, nhưng y dường như không nhận thấy. Bryce có cảm giác rõ ràng tâm trạng Newton đang khá căng thẳng nhưng gương mặt thì vẫn giữ nguyên vẻ bình thản như thường.

Hai người được mời dự bữa tiệc cocktail tại một phòng hạng sang, sự kiện do một công ty trong ngành kỹ thuật tổ chức và được khấu trừ thuế. Newton thay mặt cả hai đồng ý tham dự. Người đàn ông mặt chồn đã ngỏ lời có vẻ rất vui mừng, ông ta ngược nhìn Newton, người cao hơn hẳn một cái đầu, và nói: “Đó quả là một vinh dự lớn lao, thưa ông Newton. Thật vinh dự khi có cơ hội được nói chuyện với ông.”

“Cảm ơn ông.” Newton đáp với nụ cười quen thuộc. Sau khi người đàn ông nọ rời đi, y quay sang nói với Bryce: “Giờ tôi định ra ngoài đi dạo. Ông có muốn đi cùng không?”

Bryce gật đầu, cảm thấy nhẹ nhõm cả người. “Để tôi lấy áo khoác.”

Trên đường ra thang máy, gã đi qua chỗ ba người đàn ông đang tụ tập, cả ba đều mặc com lê sang trọng, lớn tiếng nói chuyện ra vẻ ta đây. Lúc đi ngang qua, Bryce nghe thấy một gã bình luận: “Đâu chỉ ở Washington. Chà, đừng nói là anh không nhìn thấy tương lai gì trong những cuộc chiến tranh hóa học. Mảnh đất đó đang cần đến những con người mới.”

Hôm nay là Giáng Sinh mà nhiều cửa hàng vẫn mở cửa. Phố xá tấp nập người qua kẻ lại. Ánh mắt bọn họ hầu hết đều hướng thẳng về phía trước, mặt mũi nghiêm nghị. Giờ đây trông Newton

có vẻ bất an. Y phản ứng trước sự hiện diện của những người xung quanh như thể họ là một làn sóng hay một trường năng lượng có thể sờ thấy được, tỏa ra từ cả ngàn chiếc nam châm điện, đang sắp sửa nhấn chìm y. Dường như phải cố gắng lắm y mới có thể tiếp tục dẫn bước.

Họ ghé vài cửa hàng, bị ánh đèn sáng lóa trên cao và hơi nóng ngọt ngào bủa vây. “Tôi tính mua tặng Betty Jo một món quà.” Newton nói. Cuối cùng, họ dừng chân tại một cửa hàng trang sức, y chọn một chiếc đồng hồ treo tường nhỏ làm bằng vàng và đá cẩm thạch trắng. Bryce mang giúp y về khách sạn, món quà được gói trong chiếc hộp bọc giấy màu rực rỡ.

“Ông nghĩ liệu cô ấy có thích không?” Newton hỏi.

Bryce nhún vai. “Tất nhiên là có.”

Ngoài trời, tuyết bắt đầu rơi...

* * *

Những cuộc gặp gỡ diễn ra liên miên suốt cả buổi chiều và buổi tối, nhưng Newton không đề cập gì đến chúng, và Bryce cảm thấy nhẹ nhõm vì gã không cần phải tham dự cuộc gặp nào. Xưa nay gã vốn không xem trọng mấy thứ ngớ ngẩn kiểu ấy: Những buổi thảo luận về các “thách thức” và “ý tưởng khả thi.” Họ dành thời gian còn lại của buổi chiều để phỏng vấn ba ứng viên đã thể hiện mong muốn được đầu quân cho Tập đoàn World Enterprises. Hai người trong số đó nhận lời làm việc bắt đầu từ mùa Xuân, cũng đúng thôi, cứ xem mức lương Newton đồng ý trả cho họ. Một trong số họ chuyên về chất làm mát cho động cơ phương tiện;

người còn lại, một thanh niên rất thông minh, dễ mến, sẽ làm việc dưới quyền của Bryce. Anh ta là chuyên gia trong lĩnh vực ăn mòn. Newton tỏ vẻ khá hài lòng khi chiêu mộ được hai nhân sự mới, nhưng có một điều rõ ràng là y không thực sự quan tâm. Trong suốt các cuộc phỏng vấn, y có vẻ xao nhãng, mơ màng, và Bryce buộc phải đảm nhiệm vai trò người đặt câu hỏi chính. Khi tất cả kết thúc, Newton có vẻ nhẹ nhõm hơn. Nhưng rất khó nói chính xác y cảm thấy thế nào về bất cứ chuyện gì. Sẽ thật thú vị nếu được biết điều gì đang diễn ra trong tâm trí lạ lùng, khác biệt đó, và điều gì đang ẩn chứa trong nụ cười vô thức kia - nụ cười nhẹ nhàng, khôn ngoan, và hoài tiếc.

Bữa tiệc cocktail được tổ chức ở tầng cao nhất. Hai người đi qua một đoạn hành lang ngắn và bước vào căn phòng rộng rãi trải thảm màu xanh dương với những vị khách đang khẽ khàng trò chuyện, phần lớn là đàn ông. Căn phòng có một bức tường được làm hoàn toàn bằng kính, ánh đèn từ thành phố bên dưới lan tỏa khắp tấm kính, như thể một sơ đồ cấu trúc phân tử phức tạp được ai đó vẽ nên. Nội thất toàn bộ đều mang phong cách thời vua Louis XV, là thứ mà Bryce thích. Những bức họa trên tường cũng thật đẹp. Một bản tấu pháp²⁵ kiểu Baroque đầu đó vang lên qua dàn loa, tiếng nhạc tuy khẽ nhưng nghe khá rõ. Bryce không biết bản nhạc này nhưng vẫn thấy hay. Tác phẩm của Bach ư? Hay của Vivaldi? Gã thích căn phòng này và cảm thấy sẵn lòng chịu đựng bữa tiệc hơn một chút, vì dù sao cũng đã đến đây rồi. Dầu thế, vẫn có điều gì đó thật khác thường trong bức tường kính in bóng ánh đèn lấp lánh của thành phố Chicago kia.

Một người đàn ông tách ra khỏi nhóm họ và bước tới chào họ với nụ cười dễ mến. Bryce giật mình nhận ra đây chính là người đã

bình luận về chiến tranh hóa học lúc ở dưới sảnh. Anh ta mặc bộ com lê đen được cắt may hoàn hảo, và có vẻ đã ngấm hơi men. “Chào mừng đến với nơi ẩn nấu khỏi chốn ngoại ô.” Anh ta nói và chìa tay ra. “Tôi là Fred Benedict. Quầy bar nằm ở trong kia kìa.” Anh ta hất hàm ra vẻ bí mật về phía một ngưỡng cửa.

Bryce bắt tay anh ta, cảm thấy hơi khó chịu trước cái bắt tay đã được tính toán kỹ sao cho đủ chặt, sau đó giới thiệu tên mình và Newton.

Benedict tỏ ra hết sức ấn tượng. “Thomas Newton!” Anh ta thốt lên. “Lạy Chúa. Tôi đã hi vọng ông sẽ đến. Ông biết đấy, ông vốn có tiếng là một...” Anh ta dường như có chút xấu hổ, “Ẩn sĩ.” Anh ta bật cười. Newton cúi nhìn anh ta vẫn với nụ cười bình thản ấy. Benedict tiếp tục ba hoa, vẻ lúng túng ngượng ngùng ban nãy đã tan biến. “Thomas J. Newton, ông có biết việc ông thực sự tồn tại là điều khó tin đến thế nào không? Công ty tôi đăng kí thuê bảy qui trình của ông, hay đúng hơn là của World, thế mà hình ảnh duy nhất tôi có thể hình dung về ông là ông giống như một cỗ máy tính vậy.”

“Có thể tôi đúng là một cỗ máy biết tính toán,” Newton nói. “Anh làm cho bên nào, anh Benedict?”

Trong giây lát, Benedict trông như thể anh ta sợ rằng mình đang bị chế nhạo. Bryce thì nghĩ, có khi thế thật.

“Tôi làm cho Futures Unlimited. Chủ yếu trong lĩnh vực liên quan đến chiến tranh hóa học, tuy cũng làm một số sản phẩm về nhựa, như các loại hộp nhựa chẳng hạn.” Anh ta hơi cúi gập

người, cố tỏ ra hài hước. “Chính là chủ nhân của bữa tiệc này đây.”

Newton đáp: “Cảm ơn.” Y dậm bước về phía ngưỡng cửa dẫn đến quầy bar. “Các anh có căn phòng đẹp quá.”

“Vâng. Và mọi thứ ở đây đều được khấu trừ thuế.” Thấy Newton bắt đầu rời đi, anh ta nói: “Để tôi lấy đồ uống cho ông, ông Newton. Tôi muốn giới thiệu với ông vài vị khách.” Anh ta trông như thể không biết nên làm gì với người đàn ông cao ngều kì quặc này, nhưng lại không muốn để ông ta đi mất.

“Không cần đâu, anh Benedict.” Newton nói. “Lát nữa chúng tôi sẽ quay lại.”

Benedict có vẻ không vui nhưng cũng không dám phản đối.

Vừa bước vào căn phòng có quầy bar, Bryce nói: “Tôi không ngờ ông nổi tiếng đến thế. Khi tôi tìm cách liên hệ với ông cách đây một năm, không một ai từng nghe nói đến ông.”

“Chẳng có bí mật nào giấu được mãi.” Newton nói, nụ cười không còn nở trên môi.

Căn phòng bên trong này nhỏ hơn phòng ngoài, nhưng trang nhã không kém. Trên quầy bar bóng loáng có treo bức họa *Bữa trưa trên thảm cỏ* của Manet. Người pha chế có mái tóc bạc trắng, tuổi đã cao, thậm chí trông ông ta còn lịch duyệt hơn cả các nhà khoa học và doanh nhân trong căn phòng kia. Ngồi ở quầy bar, Bryce mới nhận thấy vẻ xuề xòa của bộ com lê xám gã mua ở một trung tâm thương mại cách đây bốn năm. Gã cũng biết áo sơ mi của mình đã sờn cổ, tay áo thì quá dài.

Gã gọi một ly martini, còn Newton gọi nước lọc không đá. Trong lúc người pha chế chuẩn bị đồ uống, Bryce đưa mắt nhìn quanh phòng và nói: “Anh biết không, đôi lúc tôi nghĩ, khi học xong tiến sĩ, lẽ ra tôi nên tìm một công việc ở công ty giống như họ.” Gã bật ra tiếng cười khô khốc. “Nếu thế, giờ có khi tôi kiếm được tám mươi ngàn một năm, và cuộc sống của tôi sẽ giống như thế kia.” Gã xua tay về phía căn phòng, để ánh mắt nán lại chốc lát trên người một phụ nữ trung niên ăn vận tuyệt đẹp, vóc dáng được giữ gìn rất kỹ, khuôn mặt toát lên mùi tiền và khoái lạc. Cặp mắt đánh phấn xanh lá cây, cái miệng đầy nhục cảm. “Biết đâu tôi có thể phát triển một loại nhựa mới cho búp bê kewpie, hoặc các chất bôi trơn cho động cơ xuống máy...”

“Hoặc khí độc?” Newton nhận lấy ly nước, giờ y đang mở một chiếc hộp nhỏ bằng bạc, lấy ra một viên thuốc.

“Tại sao không?” Gã cầm lấy ly martini, cẩn thận để không làm sánh ra. “Phải có người làm thứ đó chứ.” Gã nhấp một ngụm. Loại rượu này chất quá khiến cổ họng và lưỡi gã bỏng rát, đẩy giọng gã cao lên hẳn một tông. “Chẳng phải người ta nói khí độc là thứ cần thiết để ngăn chặn chiến tranh hay sao? Điều đó đã được chứng minh.”

“Thật à?” Newton hỏi. “Chẳng phải ông đã từng làm công việc liên quan đến bom hạt nhân trước khi chuyển sang giảng dạy?”

“Đúng thế. Sao ông biết?”

Newton mỉm cười, không phải kiểu cười vô thức mà là nụ cười chân thật tỏa ra niềm vui thích. “Tôi đã cho người điều tra về ông.”

Gã nhấp một ngụm rượu lớn. “Để làm gì? Để xem tôi có trung thành không à?”

“Ừm... tò mò thôi.” Y im lặng một giây rồi hỏi: “Tại sao ông lại nghiên cứu về bom?”

Bryce ngẫm nghĩ một lúc. Sau đó gã phá lên cười trước hoàn cảnh lúc này của bản thân: Ngồi ở một quầy bar, lợi dụng một người Sao Hỏa làm cha xứng tội. Nhưng như thế có vẻ cũng phù hợp. “Lúc đầu tôi không hề biết là công việc sẽ liên quan đến bom. Hồi ấy tôi vẫn tin tưởng vào khoa học thuần túy. Vẫn ước mơ vươn tới các vì sao. Khám phá những bí mật của nguyên tử. Đó là hi vọng duy nhất của nhân loại trong thế giới đảo điên này.” Gã uống cạn ly martini.

“Giờ ông không còn tin vào những điều ấy nữa ư?”

“Không.”

Phòng ngoài đã chuyển sang chơi một bản madrigal²⁶ mà gã lơ mờ nhận ra. Giai điệu thanh nhã, phức tạp, ẩn chứa nét ngây ngô giả tạo mà gã thường cảm thấy khi nghe nhạc đa âm cũ. Nhưng có thật là giả tạo không? Chẳng phải trên đời tồn tại cả nghệ thuật ngây ngô lẫn nghệ thuật phức tạp? Và nghệ thuật tha hóa nữa? Điều đó chẳng phải cũng đúng với các ngành khoa học? Hóa học có thể tha hóa hơn thực vật học không? Nhưng không. Vấn đề nằm ở cách sử dụng, ở mục đích...

“Có lẽ tôi cũng nghĩ giống ông.” Newton nói.

“Có lẽ tôi sẽ uống một ly martini nữa.” Bryce nói. Một ly martini ngon lành và, không nghi ngờ gì, tha hóa. Đâu đó trong tâm trí gã chợt vang lên mấy từ: Ôi, một kẻ thiếu đức tin. Gã cười một mình

và đưa mắt nhìn Newton. Y ngồi đó, tấm lưng thẳng tắp, nhấm nháp ly nước của mình.

Ly martini thứ hai không còn làm hòng gã bỗng rất như lần đầu. Rồi gã gọi ly thứ ba. Dù sao, tiền là do cái gã chiến tranh hóa học kia trả mà. Hay là những người đóng thuế? Tất cả tùy thuộc vào cách nhìn. Rốt cuộc, người ta đều phải trả giá cho mọi thứ. Massachusetts và Sao Hỏa. Bất cứ ai ở bất cứ đâu cũng đều phải trả giá.

“Ta quay lại căn phòng kia đi.” Gã nói, cầm theo ly martini mới gọi, hớp một cách cẩn thận cho khỏi rớt ra. Gã nhận thấy măng-sét áo sơ mi đã thò hẳn ra khỏi ống tay áo khoác, hết như một cái vòng rộng ngoác, lồi thoi.

Khi bước qua ngưỡng cửa vào căn phòng lớn, cả hai bị chặn lại bởi một người đàn ông thấp bé, mập mạp, đang nói chuyện với vẻ hơi kích động vì men rượu. Bryce vội quay đi, hi vọng người đó không nhận ra mình. Ông ta là Walter Canutti, công tác tại Đại học Pendley ở Pendley, Iowa.

“Bryce!” Canutti kêu lên. “Trời đất quỷ thần ơi! Nathan Bryce!”

“Xin chào, Giáo sư Canutti.” Gã lúng túng chuyển ly martini sang tay trái, và họ bắt tay nhau. Mặt Canutti đỏ bừng, rõ ràng ông ta đã khá say. Ông ta mặc chiếc áo khoác lụa màu xanh lá cây, sơ mi màu nâu với những lớp bèo nhún nhỏ kín đáo ở cổ áo. Bộ trang phục quá trẻ trung, chẳng hợp với ông ta chút nào. Nếu không xét đến khuôn mặt hồng hào, mềm mại, trông ông ta giống như một con ma-nơ-canh trên bìa tạp chí thời trang nam giới.

Bryce cố giữ cho cảm giác kinh tởm không lộ ra qua giọng nói. “Rất vui được gặp lại anh!”

Canutti nhìn Newton vẻ dò hỏi, bởi vậy Bryce chẳng còn cách nào khác ngoài giới thiệu bọn họ với nhau. Gã lắp bắp nói ra hai cái tên, tức điên vì sự vụng về của chính mình.

Canutti thậm chí còn bị ấn tượng sâu sắc hơn cả gã Benedict ban nãy khi nghe tên Newton. Ông ta bắt tay Newton một cách nồng nhiệt bằng cả hai tay, miệng tuôn một tràng: “Vâng. Vâng, dĩ nhiên rồi. World Enterprises. Tập đoàn qui mô nhất kể từ sau General Dynamics.” Ông ta tâng bốc y lên mây như thể đang nhằm nhe kiếm một hợp đồng nghiên cứu béo bở về cho Pendley. Bryce luôn cảm thấy kinh hãi khi chứng kiến cảnh các vị giáo sư xun xoe nịnh bợ đám doanh nhân, chính những người bị họ đem ra chế giễu trong các cuộc tán gẫu riêng tư, bất cứ khi nào đánh hơi thấy cơ hội hốt được một hợp đồng nghiên cứu nào đó.

Newton ậm ừ và mỉm cười, cuối cùng Canutti cũng chịu buông tay y, cố khoe ra nụ cười toe toét làm bộ trẻ trung và nói: “Chà!” Sau đó ông ta khoác tay lên vai Bryce. “Chà, những chuyện quá khứ đã là dĩ vãng rồi, Nate nhỉ.” Thành linh, một ý nghĩ dường như bất chợt nảy ra trong đầu Canutti, và Bryce thầm nhẩn mặt vì lo sợ. Canutti hết nhìn Bryce lại nhìn Newton, và hỏi: “Ô, giờ anh làm việc cho World Enterprises à, Nate?”

Gã không đáp, thừa biết điều gì sắp đến.

Rồi Newton nói: “Tiến sĩ Bryce đã làm việc với chúng tôi được hơn một năm.”

“Ái chà...” Mặt Canutti đổ lựng lên bên trên cái cổ áo diêm dúa. “Ái chà! Làm cho World Enterprises cơ đấy!” Một vẻ khoái trá không thể kiềm chế lan ra trên khuôn mặt bầu bĩnh của ông ta, và Bryce, uống cạn ly martini của mình trong một ngụm, cảm thấy như chỉ muốn tung một cước vào bộ mặt đó. Nụ cười toe toét trở thành tiếng cười khùng khục xen lẫn tiếng ợ hơi, rồi Canutti quay sang Newton và nói: “Tuyệt quá đi mất. Tôi phải cho ông biết điều này mới được, ông Newton.” Ông ta lại cười khùng khục. “Tôi tin chắc rằng Nate sẽ không bận tâm, vì mọi chuyện giờ đã qua cả rồi. Nhưng ông biết không, ông Newton, khi Nate rời bỏ chúng tôi ở Pendley, anh ta lo lắng đến mất ăn mất ngủ về một vài trong số những việc mà có lẽ anh ta sắp giúp ông thực hiện ở World.”

“Thật sao?” Newton nói để lấp chỗ trống.

“Nhưng mấu chốt là ở chỗ...” Canutti loạng quạng vươn ra, đặt tay lên vai Bryce. Bryce cảm thấy như muốn cắn đứt cái tay kia đi, nhưng gã vẫn lắng nghe với vẻ hứng thú trước những gì gã biết sắp sửa xảy đến.

“Mấu chốt là ở chỗ anh bạn Nate già của chúng ta cho rằng ông đang đưa vào sản xuất tất cả những thứ được ông tạo ra bằng tà thuật voodoo gì đó. Phải thế không, Nate?”

“Phải.” Bryce đáp. “Voodoo.”

Canutti phá lên cười. “Nate là một trong những chuyên gia hàng đầu của lĩnh vực này, tôi tin ông cũng biết điều đó, ông Newton. Nhưng có lẽ đầu óc anh ta không được bình thường. Anh ta cho rằng những tấm phim màu được ông sáng chế ra trên Sao Hỏa.”

“Ồ?” Newton nói.

“Đúng vậy. Sao Hỏa hoặc nơi nào đó. Ngoài hành tinh, anh ta nói thế đấy.” Canutti siết vai Bryce, tỏ ra mình không hề có ác ý. “Tôi cá là khi gặp ông, anh ta hi vọng được thấy một người có ba cái đầu. Hoặc một đồng xúc tu.”

Newton mỉm cười lịch thiệp. “Thú vị thật.” Rồi y quay sang Bryce và nói: “Xin lỗi vì đã làm ông thất vọng.”

Bryce nhìn đi chỗ khác, đáp: “Không, có thất vọng gì đâu.” Đôi tay gã run rẩy, gã đặt ly xuống bàn, cố nhét hai tay vào túi áo khoác.

Canutti lại tiếp tục ba hoa, lần này là về bài báo mà ông ta đọc được, viết về World Enterprises và những đóng góp của tập đoàn vào tổng sản phẩm quốc dân. Bryce đột ngột cắt ngang. “Xin lỗi. Tôi xin phép đi lấy thêm đồ uống.” Nói rồi gã quay người, vội vã trở lại căn phòng có quầy bar mà không nhìn ai trong hai người kia.

Nhưng khi có được ly rượu, gã lại không muốn uống nữa. Quầy bar đã trở nên ngột ngạt, tù túng trong mắt gã. Người pha chế không còn vẻ lịch duyệt nữa mà chỉ giống như một chân sai vặt giả tạo. Tiếng nhạc từ căn phòng lớn, giờ là một bản motet²⁷, nghe thật bồn chồn và chói tai. Quầy bar quá đông người, tiếng nói chuyện quá ồn ào. Gã đưa mắt nhìn quanh như thể đang trong cơn cùng quẫn. Đám đàn ông đồm dáng, tự mãn còn đám đàn bà thì chẳng khác gì lũ ác quỷ. Thấy kệ, gã thầm nghĩ, thấy kệ tất cả. Gã lết người khỏi quầy bar, bỏ lại ly đồ uống vẫn còn nguyên, và quay lại phòng chính với những bước chân đầy cả quyết.

Newton đang đợi gã, một mình.

Bryce nhìn thẳng vào mắt y, cố không giật mình. “Canutti đâu?” Gã hỏi.

“Tôi bảo ông ta rằng chúng ta chuẩn bị ra về.” Y nhún vai, cử chỉ khó tin và đặc chất Pháp mà Bryce từng trông thấy. “Ông ta là một kẻ thật khó ưa, phải không?”

Bryce tiếp tục ngược nhìn y giây lát, nhìn đôi mắt khó dò của y. Rồi ông nói: “Ta rời khỏi đây thôi.”

Hai người sánh vai lặng lẽ rời đi, không ai nói gì, đi qua hành lang dài trải thảm dày để về phòng. Bryce mở khóa cửa, và sau khi đóng nó lại sau lưng, gã nói bằng giọng khẽ khàng, bình tĩnh, “Hừm, có đúng thế không?”

Newton ngồi trên mép giường, nở nụ cười mệt mỏi và đáp: “Dĩ nhiên là đúng.”

Giờ thì chẳng còn gì để nói. Bryce thấy mình lảm bảm: “Lạy Chúa tôi. Lạy Chúa tôi.” Gã tới ngồi vào chiếc ghế bành, mắt nhìn chăm chăm xuống chân. “Lạy Chúa tôi.”

Gã ngồi như thế một lúc dường như khá lâu, cứ nhìn hai bàn chân. Điều đó gã đã biết, nhưng biết là một chuyện, cú sốc khi nghe sự thật được thừa nhận lại là chuyện khác.

Thế rồi Newton lên tiếng: “Ông có muốn uống gì không?”

Gã ngẩng lên và thốt nhiên bật cười. “Trời ạ, có.”

Newton với lấy chiếc điện thoại đặt bên giường và gọi phục vụ. Y bảo họ mang lên hai chai gin và vermouth cùng với đá viên. Khi

cúp máy, y nói: “Nhậu tới bến đi, Tiến sĩ Bryce. Mấy khi có dịp.”

Hai người không ai nói gì cho tới khi nhân viên hành lí lên phòng, mang theo chiếc xe đẩy cùng với rượu, đá, và một bình martini. Trên khay là một đĩa hành củ ngâm, vỏ chanh và ô-liu xanh. Ngoài ra còn có một đĩa đựng các loại hạt cứng. Khi cậu nhân viên rời đi, Newton nói: “Ông pha đồ uống được không? Tôi uống gin nguyên chất.” Y vẫn ngồi trên mép giường.

“Được thôi.” Bryce đứng dậy, cảm thấy đầu mình nhẹ bẫng. “Là Sao Hỏa phải không?”

Giọng Newton nghe thật lạ. Hay chỉ là gã đang say nên thấy thế? “Phải hay không thì khác gì nhau?”

“Khác chứ. Ông có đến từ... hệ mặt trời này không?”

“Có. Theo như tôi biết thì chẳng còn hệ nào nữa.”

“Không còn hệ mặt trời nào nữa ư?”

Newton đón lấy cốc gin Bryce đưa và giơ lên, vẻ dò xét. “Chỉ có các mặt trời thôi, chứ không có hành tinh. Hay theo như tôi biết thì không.”

Bryce khuấy một ly martini. Giờ tay gã đã hoàn toàn vững vàng. Gã đã vượt qua thử thách có thể là khó khăn nhất. Gã cảm thấy như chẳng còn gì có thể tác động tới gã, khiến gã chấn động được nữa. “Ông ở đây bao lâu rồi?” Gã hỏi, vừa khuấy vừa lắng nghe tiếng đá va lạnh canh vào thành bình.

“Ông khuấy bấy nhiêu còn chưa đủ ư?” Newton nói. “Nên uống đi thôi.” Y hớp một ngụm từ ly của mình. “Tôi sống ở Trái Đất của các ông được năm năm rồi.”

Bryce ngừng khuấy, đổ rượu vào ly. Thế rồi, cảm thấy như được cởi tấm lòng, gã thả vào đó ba trái ô-liu. Martini sánh ra một ít lên tấm vải lanh trắng phủ trên xe đẩy, làm ướt mắt vài chỗ. “Ông có định ở lại đây không?” Gã hỏi. Nghe như thể gã đang ngồi trong một quán cà phê ở Paris và hỏi thăm một du khách khác. Newton nên đeo một chiếc máy ảnh trên cổ mới phải.

“Có, tôi định ở lại đây.”

Giờ đã yên vị trên ghế, Bryce thấy mình vờ vẫn nhìn quanh phòng. Căn phòng khá ổn, với bốn bức tường sơn màu xanh lá cây nhạt treo những bức tranh vô hại.

Gã lại hướng ánh mắt vào Newton. Thomas Jerome Newton, đến từ Sao Hỏa. Sao Hỏa, hoặc một nơi nào đó. “Ông có phải là người không?” Gã hỏi.

Cốc rượu của Newton đã vơi đi phân nửa. “Điều đó còn tùy thuộc vào khái niệm.” Y đáp. “Tuy thế, tôi có đủ *tính người*.”

Gã định hỏi *đủ* để làm gì? nhưng lại thôi. Gã nên chuyển sang thắc mắc quan trọng thứ hai thì hơn, sau khi đã hỏi câu đầu tiên. “Ông tới đây nhằm mục đích gì? Ông đang dự tính điều gì?”

Newton đứng dậy, rút thêm gin vào cốc của mình, bước tới ghế bành và ngồi xuống. Y quay sang nhìn Bryce, rón rén cầm chiếc cốc trong đôi tay thon dài. “Tôi cũng chưa chắc chính tôi đã biết mình đang dự tính điều gì.” Y đáp.

“Chưa chắc chính ông đã biết ư?” Bryce nói.

Newton đặt cốc lên chiếc bàn cạnh giường và bắt đầu cởi giày. “Lúc đầu, tôi cứ nghĩ tôi biết mục đích mình đến Trái Đất. Nhưng

dần dần, trong hai năm đầu tiên, tôi thực sự rất bận, bận tối mắt. Một năm trở lại đây tôi đã có thêm thời gian để suy nghĩ. Thậm chí có khi quá nhiều thời gian là khác.” Y đặt hai chiếc giày ngay ngắn cạnh nhau bên dưới giường. Sau đó y nằm lên tấm trải giường, duỗi đôi chân dài và dựa lưng vào gối.

Với tư thế này, trông y đúng là khá giống con người. “Ông chế tạo con tàu đó nhằm mục đích gì? Nó là tàu chứ không chỉ là thiết bị thám hiểm, đúng không?”

“Nó là tàu. Hay đúng hơn là, một chiếc phà.”

Bryce đã cảm thấy choáng váng kể từ lúc nói chuyện với Canutti. Tất cả cứ như không thật. Nhưng bây giờ gã đã dần tỉnh táo trở lại, và nhà khoa học trong gã bắt đầu thể hiện uy quyền của mình. Gã đặt ly xuống, quyết định không uống thêm nữa. Điều quan trọng là giữ được cái đầu tỉnh táo. Nhưng đôi tay gã lại run khi đặt ly xuống.

“Vậy là ông dự định đưa thêm nhiều... đồng bào của mình tới đây? Bằng chiếc phà đó?”

“Phải.”

“Ở đây, còn ai như ông nữa không?”

“Chỉ có mình tôi thôi.”

“Nhưng sao lại chế tạo con tàu tại Trái Đất? Chắc hẳn ở chỗ ông phải có nhiều chứ. Chính ông tới đây bằng tàu mà.”

“Đúng vậy. Nhưng nó là tàu một người lái. Vấn đề nằm ở nhiên liệu. Lượng nhiên liệu chỉ đủ cho một người trong chúng tôi ra đi, và chỉ đủ cho hành trình một chiều mà thôi.”

“Nhiên liệu nguyên tử ư? Urani hay là gì?”

“Vâng. Dĩ nhiên rồi. Nhưng nó đã gần như cạn kiệt. Cả dầu mỏ, than đá, hay thủy điện cũng vậy.” Y mỉm cười. “Có thể có đến hàng trăm con tàu còn ưu việt hơn nhiều so với con tàu chúng ta đang chế tạo tại Kentucky, nhưng chẳng có cách nào đưa chúng tới đây. Tất cả đều không được sử dụng trong hơn năm trăm năm Trái Đất. Con tàu tôi dùng để tới đây thậm chí còn chẳng phải loại tàu du hành liên hành tinh. Nó vốn được thiết kế để làm tàu cứu nạn khẩn cấp, kiểu như xuồng cứu sinh. Tôi đã phá hỏng động cơ và hệ thống điều khiển sau khi hạ cánh, bỏ lại xác tàu trên một cánh đồng. Tôi từng đọc được trên báo rằng có người nông dân thu phí năm mươi xu với những ai muốn xem nó. Ông ta dựng lều che xác tàu và bán đồ uống nhẹ. Chúc ông ta làm ăn phát đạt.”

“Việc đó chẳng phải tiềm ẩn nguy cơ sao?”

“Nguy cơ tôi bị FBI hay ai đó phát hiện ư? Tôi không nghĩ vậy. Cùng lắm chỉ là vài chương trình truyền hình Chủ Nhật vớ vẩn về những cuộc xâm lăng từ ngoài vũ trụ có thể xảy ra thôi. Nhưng còn khối thứ kì dị đáng ngạc nhiên để thu hút độc giả báo Chủ Nhật hơn là cái xác tàu không gian được tìm thấy trên cánh đồng ở Kentucky. Tôi không nghĩ có vị quan chức nào nhìn nhận tin tức đó một cách nghiêm túc.”

Bryce chăm chú quan sát y. “Cái gọi là ‘những cuộc xâm lăng từ ngoài vũ trụ’ thực sự là vớ vẩn sao?”

Newton cời cúc cổ áo sơ mi. “Tôi nghĩ thế.”

“Vậy chúng tộc các anh tới đây làm gì? Để tham quan chắc?”

Newton bật cười. “Không hẳn. Biết đâu chúng tôi có thể giúp được các ông.”

“Giúp thế nào?” Không hiểu sao gã không thích cái cách y nói ra câu ấy. “Các ông giúp được gì cho chúng tôi?”

“Chúng tôi có thể cứu các ông khỏi hủy diệt chính mình, nếu chúng tôi hành động kịp thời.” Trước khi Bryce lên tiếng, y tiếp: “Ông hãy chịu khó nghe tôi nói. Tôi không nghĩ ông biết rằng việc được nói ra khiến tôi vui đến thế nào đâu, sau bao năm trời im lặng.” Y không cầm lại cốc rượu kể từ lúc nằm xuống giường. Hai tay y gấp lại đặt trên bụng, và vừa nhìn Bryce bằng ánh mắt hiền từ, y vừa nói: “Chúng tôi cũng phải trải qua nhiều cuộc chiến, ông biết đấy. Con số đó còn lớn hơn nhiều so với ở đây, và khó khăn lắm chúng tôi mới có thể sống sót. Vật liệu phóng xạ cũng bị tiêu tốn phần nhiều vào đó, vào những trái bom. Chẳng tộc chúng tôi đã từng rất hùng mạnh, cực kì hùng mạnh, nhưng thời kì đó đã chấm dứt từ lâu. Giờ thì chúng tôi đang sống kiếp lay lắt.” Y cúi nhìn đôi tay mình như thể thăm dò. “Thật lạ là hầu hết những tác phẩm văn học giả tưởng các ông viết về sự sống trên hành tinh khác đều cho rằng mỗi hành tinh chỉ tồn tại duy nhất một chủng tộc thông minh, một chế độ xã hội, một ngôn ngữ, một chính quyền. Ở Anthea - hành tinh của chúng tôi là Anthea, dù đó không phải cái tên xuất hiện trong các sách thiên văn ở đây - chúng tôi từng có ba giống loài thông minh, và bảy chính quyền lớn. Giờ thì chỉ còn lại một giống loài nhỏ nhoi tồn tại, đó là giống loài của tôi. Chúng tôi là những kẻ sống sót qua năm cuộc chiến với vũ khí phóng xạ. Số lượng đồng bào tôi cũng không còn đông như trước nữa. Nhưng chúng tôi có hiểu biết rất sâu sắc về chiến tranh. Và

về cả khoa học công nghệ.” Ánh mắt Newton vẫn dán vào hai bàn tay, tông giọng trở nên đều đều như thể y đang đọc một bài diễn văn đã chuẩn bị từ trước. “Tôi ở đây đã được năm năm, và tôi sở hữu số tài sản trị giá hơn ba trăm triệu đô la. Năm năm nữa, con số đó sẽ tăng lên gấp đôi. Mà đây mới chỉ là khởi đầu. Nếu kế hoạch diễn ra suôn sẻ, cuối cùng, tại mỗi quốc gia lớn trên hành tinh này sẽ có một tập đoàn tầm cỡ World Enterprises. Sau đó chúng tôi sẽ tham gia vào chính trường. Và quân đội. Chúng tôi có hiểu biết về vũ khí và các biện pháp phòng vệ. Hệ thống của các ông vẫn còn thô sơ lắm. Chẳng hạn, chúng tôi có thể vô hiệu hóa radar - một điều rất cần thiết khi tôi cho tàu hạ cánh xuống đây, và càng cần thiết hơn khi chiếc phà chở đồng bào tôi quay lại. Chúng tôi còn có thể tạo ra hệ thống năng lượng có khả năng ngăn chặn kích hoạt bất cứ vũ khí hạt nhân nào của các ông trong bán kính năm dặm.”

“Như thế là đủ rồi chứ?”

“Tôi không biết. Nhưng các tộc trưởng của tôi không ngốc, họ dường như cho rằng việc đó khả thi. Miễn sao chúng tôi nắm giữ các thiết bị và tri thức trong tầm kiểm soát của mình, xây dựng nền kinh tế của quốc gia nhỏ bé ở nơi này, mua thực phẩm thặng dư thiết yếu ở nơi khác, mở ra nền công nghiệp ở đây, chuyển giao vũ khí cho một quốc gia và trao biện pháp phòng vệ cho quốc gia khác để chống lại nó...”

“Nhưng, trời đất, các ông đâu phải là thần thánh.”

“Đúng thế. Nhưng thần thánh của các ông đã bao giờ dang tay cứu giúp các ông chưa?”

“Tôi không biết. Chưa, dĩ nhiên là chưa.” Bryce châm một điếu thuốc lá. Gã phải làm đi làm lại đến ba lần, tay gã không thể giữ yên. Gã hít một hơi thật sâu, cố gắng bình tĩnh lại. Gã có cảm giác mình giống như một cậu sinh viên năm thứ hai đang tranh luận về số phận của nhân loại. Nhưng đây không hẳn là cuộc tranh luận về triết học trừu tượng. “Chẳng phải nhân loại được quyền tự lựa chọn hình thái hủy diệt của chính mình sao?” Gã hỏi.

Newton im lặng giây lát rồi mới nói. “Ông thực sự tin rằng nhân loại có cái quyền đó ư?”

Bryce dụi điếu thuốc hút dở vào chiếc gạt tàn bên cạnh. “Có. Hoặc không. Tôi không biết nữa. Chẳng phải tồn tại một thứ gọi là số phận của nhân loại sao? Quyền được hạnh phúc đủ đầy, được sống cuộc đời của riêng mình, chịu trách nhiệm cho những việc mình làm?” Khi nói ra những điều này, Bryce chợt nghĩ, Newton là mối liên hệ duy nhất với - gì nhỉ? - Anthea. Nếu Newton bị tiêu diệt, kế hoạch đó cũng đổ bể, tất cả sẽ chấm dứt. Mà Newton thì yếu ớt, vô cùng yếu ớt. Ý nghĩ ấy khiến gã hứng thú trong chốc lát. Gã, Bryce, có cơ hội đóng vai người hùng của những người hùng, kẻ có thể cứu cả thế giới này với một cú đấm ra trò. Điều này lẽ ra hết sức khôi hài, nhưng thực tế thì không.

“Có thể có cái gọi là số phận của nhân loại thật.” Newton nói. “Nhưng tôi nghĩ nó cũng tương tự số phận của loài bồ câu viễn khách thôi. Hoặc số phận của những sinh vật mình to nhỏ, hình như gọi là khủng long.”

Câu này nghe có phần ngạo mạn. “Chưa chắc chúng tôi sẽ tuyệt chủng. Các bên đang đàm phán giải trừ vũ khí. Đâu phải ai trong chúng tôi cũng là kẻ mất trí.”

“Nhưng phần lớn là như thế. Bấy nhiêu là đủ rồi. Chỉ cần vài kẻ mất trí ở vào đúng chỗ của mình. Giả sử hồi đó gã Hitler của các ông nắm trong tay bom nhiệt hạch và tên lửa liên lục địa. Nếu vậy, hẳn sẽ dùng chúng mà không cần quan tâm đến hậu quả chứ? Khi kết cục đến gần, hẳn đâu còn gì để mất.”

“Làm sao tôi biết được dân Anthea các ông sẽ không giống như Hitler?”

Newton quay mặt đi. “Đó là một khả năng, nhưng khả năng đó không cao.”

“Xã hội của ông có phải là xã hội dân chủ?”

“Ở Anthea chúng tôi không có cái gì gọi là xã hội dân chủ, mà cũng chẳng tồn tại thể chế dân chủ. Nhưng chúng tôi không có ý định thống trị loài người các ông, ngay cả khi có thể.”

“Vậy thì gọi là gì, nếu ông có kế hoạch để cho một nhóm người Anthea thao túng con người và chính quyền ở khắp mọi nơi trên Trái Đất?”

“Ta có thể gọi theo cách như ông vừa nói: Thao túng, hoặc dẫn dắt. Mà chắc gì đã thành công. Rất có thể kế hoạch đó sẽ không thành. Các ông có thể sẽ phá hủy thế giới này trước, hoặc truy lùng chúng tôi và khởi động một cuộc săn phù thủy, chúng tôi mong manh và yếu ớt, ông biết mà. Hoặc giả, cho dù chúng tôi thâm tóm được quyền lực cực lớn đi chăng nữa, chúng tôi cũng đâu thể kiểm soát được mọi sự. Nhưng chúng tôi có thể làm giảm nguy cơ xuất hiện những kẻ như Hitler, có thể bảo vệ các thành phố trọng yếu khỏi bị tàn phá. Chừng đó, vẫn hơn những gì các ông có thể làm đấy.”

“Và các ông làm tất cả những việc đó chỉ là để giúp đỡ chúng tôi?” Bryce nghe thấy hàm ý mỉa mai trong giọng nói của mình, gã hy vọng Newton không nhận ra. Nếu Newton có biết đi chẳng nữa, gã cũng không thể hiện điều gì ra mặt.

“Đương nhiên không phải. Chúng tôi tới đây là để cứu chính mình. Nhưng, chúng tôi không muốn người Anh-điêng thiêu rụi biệt khu của mình sau khi ổn định cuộc sống tại đó.” Y mỉm cười.

“Các ông cứu chính mình khỏi điều gì?”

“Khỏi sự diệt vong. Chúng tôi gần như không còn nước, không còn năng lượng, không còn tài nguyên thiên nhiên. Năng lượng mặt trời thì quá yếu, vì chúng tôi ở cách mặt trời quá xa, nguồn thực phẩm dự trữ vẫn dồi dào nhưng cũng bắt đầu cạn dần. Giờ chỉ còn chưa đầy ba trăm người Anthea còn sống.”

“Chưa đầy ba trăm? Trời đất, các ông đúng là đã khiến mình gần như tuyệt diệt!”

“Quả vậy. Và tôi cho rằng, chẳng bao lâu nữa các ông cũng sẽ chịu chung số phận nếu chúng tôi không tới.”

“Có lẽ các ông nên tới. Có lẽ thế.” Bryce cảm thấy cổ họng căng ra. “Nhưng nếu chẳng may có điều gì đó... xảy đến với ông trước khi con tàu hoàn thiện. Như vậy chẳng phải tất cả sẽ chấm hết hay sao?”

“Phải. Tất cả sẽ chấm hết.”

“Không còn nhiên liệu cho một con tàu nữa ư?”

“Không.”

Bryce nói, cảm thấy thật căng thẳng: “Điều gì ngăn được tôi chặn đứng việc này - cuộc xâm lăng, hay âm mưu thao túng này? Tôi có nên giết ông không? Ông rất yếu ớt, tôi biết. Tôi nghĩ xương của ông chắc chẳng khác gì xương chim, theo như những gì Betty Jo đã nói.”

Gương mặt Newton hoàn toàn không nao núng. “Ông có muốn ngăn chặn không? Điều ông nói cũng không sai đâu, ông có thể vật cổ tôi dễ như vật cổ gà. Ông muốn thế không? Giờ ông đã biết tên tôi là Rumpelstiltskin, ông có muốn đuổi tôi khỏi cung điện không?”

“Tôi không biết.” Gã cup mắt nhìn xuống sàn.

Giọng Newton nghe thật nhẹ nhàng: “Những Rumpelstiltskin thực sự đã se được rơm thành vàng.”

Bryce ngẩng đầu, cơn giận đột ngột bùng lên. “Phải. Và hẳn cũng tìm cách bắt đi đứa con của công chúa.”

“Tất nhiên.” Newton nói. “Nhưng nếu hẳn không se rơm thành vàng thì công chúa cũng mất mạng. Và sẽ chẳng có đứa con nào hết.”

“Thôi được.” Bryce nói. “Tôi sẽ không vật cổ anh để cứu thế giới nữa vậy.”

“Ông biết không, bây giờ tôi gần như ước gì ông có thể làm điều đó. Như thế, mọi việc với tôi sẽ đơn giản hơn nhiều.” Y ngừng lại giây lát. “Nhưng ông không thể.”

“Tại sao không?”

“Tôi đến thế giới của ông đâu phải không có sự chuẩn bị cho tình huống bị phát hiện. Dù tôi không lường trước được việc sẽ nói với bất cứ ai những gì tôi đã nói với ông. Tuy thế, vẫn còn rất nhiều điều tôi không lường trước.” Y lại cúi nhìn đôi tay mình, dường như đang xem xét bộ móng. “Bất luận thế nào, tôi có mang theo một loại vũ khí. Tôi luôn giữ thứ đó bên mình.”

“Vũ khí của người Anthea ư?”

“Phải. Một loại vũ khí rất hiệu quả. Ông sẽ không kịp băng qua phòng để tới chỗ tôi đâu.”

Bryce hít một hơi gấp gáp. “Thứ đó vận hành ra sao?”

Newton cười toe. “Thiên cơ bất khả lộ.” Y nói. “Biết đâu tôi sẽ phải dùng với ông thì sao.”

Cách nói của Newton có điều gì đó, không phải nét châm biếm hay sự ác ý vờ vịt trong tuyên bố ấy mà ở giọng điệu có chút lạ lùng của y, đã nhắc cho Bryce nhớ rằng dù thế nào gã cũng đang nói chuyện với một kẻ không phải là con người. Lớp vỏ bọc nhân tính đã qua mài giũa mà Newton khoác lên mình có thể đơn giản chỉ là thế, một vỏ bọc mong manh. Ẩn dưới vỏ bọc đó dù là gì đi nữa, những gì cốt yếu thuộc về Newton hay bản chất riêng của chủng tộc Anthea, đều là thứ mà Bryce hay bất cứ ai trên Trái Đất này cũng không thể tiếp cận. Những cảm nhận hay suy nghĩ thực sự của Newton có thể là điều vượt quá khả năng nhận thức của gã, hoàn toàn không thể biết.

“Bất luận vũ khí đó của ông là gì,” giờ gã lựa lời cẩn thận hơn, “tôi cũng hy vọng ông không phải dùng đến nó.” Gã lại đưa mắt nhìn quanh, nhìn căn phòng rộng rãi, khay đồ uống gần như chưa

động đến, cuối cùng trở lại với Newton đang nằm ngả trên giường. “Lạy Chúa. Thật khó tin. Ngồi trong căn phòng này, khó mà tin được rằng tôi đang trò chuyện với một người đến từ hành tinh khác.”

“Đúng.” Newton đáp. “Đó cũng là điều tôi đã nghĩ. Tôi cũng đang trò chuyện với một người đến từ hành tinh khác đấy chứ.”

Bryce đứng dậy vươn vai, rồi gãi bước tới cửa sổ, vén rèm nhìn xuống con phố bên dưới. Ánh đèn pha ô tô chiếu rọi khắp nơi, hầu như chẳng hề di chuyển. Ngay đối diện với khách sạn, một tấm biển quảng cáo khổng lồ được chiếu sáng với hình ông già Noel đang uống Coca-Cola. Những cụm đèn nhấp nháy khiến cặp mắt ông long lanh, Coca cũng lấp lánh sáng. Bryce nghe thấy tiếng chuông hòa âm của bài *Adeste Fideles* văng vẳng đâu đây.

Gã quay lại nhìn Newton, người vẫn yên vị ở chỗ cũ. “Tại sao ông lại nói với tôi những điều này? Ông đâu nhất thiết phải làm vậy.”

“Tôi muốn thế.” Y mỉm cười. “Suốt một năm qua tôi vẫn chưa thực sự chắc chắn về những mục đích của mình, tôi chưa rõ vì sao tôi lại muốn nói ra với ông. Người Anthea đâu phải cái gì cũng biết. Dù sao, ông biết tôi là ai rồi mà.”

“Ý ông là những điều Canutti đã nói? Đó có thể chỉ là mấy câu phán bừa để chọc tức tôi thôi. Có thể chẳng mang hàm ý sâu xa gì đâu.”

“Ý tôi không phải là về những gì Giáo sư Canutti nói. Dù tôi thấy phản ứng của ông lúc đó thật tức cười. Tôi cứ sợ ông sẽ lên

cơn đột quỵ khi ông ta thốt ra hai từ ‘Sao Hỏa’. Nhưng việc ông ta nói ra điều đó chỉ tác động đến ông, chứ không phải tôi.”

“Tại sao ông thì không?”

“Chà, Tiến sĩ Bryce ạ, giữa tôi và ông có vô vàn điểm khác biệt mà ông khó lòng biết được. Một trong số đó là, thị lực của tôi tinh nhạy hơn ông nhiều, dải tần số khả kiến cũng cao hơn đáng kể. Nghĩa là tôi không nhìn thấy được cái màu mà ông gọi là màu đỏ. Nhưng tôi có thể nhìn thấy tia X.”

Bryce há miệng định nói, rồi lại thôi.

“Khi tôi thấy ánh đèn chớp lóe lên, không khó để nhận ra việc ông đã làm.” Y nhìn Bryce bằng ánh mắt dò hỏi. “Hình ảnh thu được trông thế nào?”

Bryce cảm thấy mình thật ngốc, y như cậu học trò vừa sa bẫy. “Hình ảnh... rất phi thường.”

Newton gật đầu. “Tôi có thể hình dung. Ông mà thấy được các cơ quan nội tạng của tôi thì ông cũng sẽ kinh ngạc lắm. Có lần tôi đến thăm bảo tàng lịch sử tự nhiên ở New York. Đó là nơi rất thú vị đối với một... một du khách. Trong lúc tham quan, tôi chợt nghĩ mình chính là tiêu bản độc nhất vô nhị ở đây. Tôi tưởng tượng mình bị ngâm giấm trong một cái lọ, dán nhãn đề mấy chữ ‘Sinh vật ngoài hành tinh hình người’. Thế là tôi chuẩn vội.”

Bryce không kìm được, phá lên cười. Còn Newton, sau khi đã thú nhận tất cả, dường như y có vẻ cởi mở hơn, và ngược đời thay, có vẻ càng “người” hơn, dù y đã khẳng định mình không phải người. Gương mặt y giàu biểu cảm hơn, cung cách y thoải mái hơn hẳn so với những gì Bryce từng thấy. Nhưng đâu đó vẫn thấp

thoáng bóng dáng một Newton khác, một Newton mang dòng máu Anthea thuần túy, xa lạ, không thể chạm tới. “Ông có kế hoạch trở lại quê hương không?” Bryce hỏi. “Bằng con tàu đó ấy?”

“Không. Việc đó không cần thiết. Con tàu sẽ được điều khiển từ chính Anthea. E rằng tôi phải sống kiếp lưu vong ở đây mãi mãi.”

“Anh có nhớ... đồng bào của mình không?”

“Tôi nhớ.”

Bryce quay về ghế ngồi. “Nhưng chẳng bao lâu nữa anh sẽ gặp lại họ mà?”

Newton ngần ngừ. “Có thể.”

“Sao lại có thể? Ông sợ có bất trắc gì ư?”

“Ý tôi không phải thế. Lúc này tôi đã bảo với ông là tôi chưa hoàn toàn chắc chắn về dự tính của mình.”

Bryce bối rối nhìn y. “Tôi chưa hiểu.”

“Hừm.” Newton khẽ cười. “Lâu nay tôi đã cân nhắc về việc bỏ ngang kế hoạch, không gửi con tàu đi đâu hết, thậm chí không hoàn tất việc thi công. Chỉ cần một lệnh ban ra là xong.”

“Vì Chúa, tại sao chứ?”

“À, kế hoạch đó kể cũng khôn ngoan, dù là hạ sách. Nhưng chúng tôi còn lựa chọn nào khác?” Newton nhìn gã nhưng dường như không thấy gã. “Tuy vậy, lâu nay tôi bắt đầu cảm thấy nghi ngờ về việc rút cuộc kế hoạch đó có đáng hay không. Văn hóa của các ông, xã hội của các ông ở đây, vẫn còn nhiều điều mà chúng tôi ở Anthea chưa biết. Ông biết không, Tiến sĩ Bryce.” Y đổi tư

thế, rướn người lại gần Bryce hơn. “Có đôi khi tôi nghĩ trong vòng vài năm nữa thôi tôi sẽ hóa điên mất. Tôi không dám chắc đồng bào của tôi sẽ trụ được ở thế giới này. Chúng tôi đã sống quá lâu trong tháp ngà.”

“Nhưng các ông có thể sống tách biệt khỏi thế giới. Ông có tiền, có thể ở lại với đồng loại, thiết lập xã hội của riêng mình.” Gã đang làm gì thế này, lại đi bênh vực... kế hoạch xâm lăng của dân Anthea sao? Dù mới đây thôi nó còn khiến gã sợ hãi và choáng váng? “Các ông có thể xây dựng thành phố của riêng mình, ở Kentucky.”

“Rồi ngồi chờ bom rơi xuống đầu ư? Chúng tôi thà ở lại Anthea còn hơn. Ít nhất ở đó chúng tôi sẽ được sống thêm năm mươi năm nữa. Chứ nếu ở đây, sẽ chẳng có biệt khu dành cho những kẻ quái dị. Chúng tôi phải chia nhau ra, tản mát khắp nơi trên thế giới, gài mình vào những vị trí có tầm ảnh hưởng. Nếu không, sẽ thật đại đột khi kéo nhau đến đây.”

“Dù làm gì đi nữa, các ông vẫn sẽ phải đối mặt với hiểm họa khôn lường. Chẳng lẽ ông không thể mạo hiểm tin vào việc con người chúng tôi sẽ tự giải quyết được vấn đề của mình, nếu ông sợ phải tiếp xúc mật thiết với chúng tôi?” Gã mỉm cười chua chát. “Các ông cứ việc làm khách thôi.”

“Tiến sĩ Bryce này,” Newton nói, nụ cười đã tắt trên gương mặt y, “dân Anthea chúng tôi thông tuệ hơn các ông gấp nhiều lần. Tin tôi đi, chúng tôi khôn ngoan hơn nhiều so với những gì các ông có thể tưởng tượng đấy. Và chúng tôi có niềm tin xác tín rằng, cùng lắm chỉ ba mươi năm nữa thôi, thế giới của các ông sẽ bị nghiền nát dưới sức mạnh nguyên tử, nếu cứ để cho các ông tự tung tự

tác.” Y nói tiếp bằng giọng nghiêm nghị. “Thú thật với ông, chúng tôi vô cùng đau xót khi phải chứng kiến những việc các ông sắp làm với thế giới tươi đẹp, màu mỡ này. Chúng tôi đã hủy hoại thế giới của mình từ lâu, nhưng ngay từ đầu chúng tôi đâu được hưởng nhiều lợi thế như các ông ở đây.” Giọng y dường như trở nên kích động, thái độ cũng căng thẳng hơn. “Các ông có nhận thấy rằng mình sẽ không chỉ tàn phá nền văn minh, hay những gì ít ỏi còn sót lại của nó, cướp đi sinh mạng phần lớn đồng loại của mình, mà hơn thế nữa các ông còn đầu độc cả đàn cá dưới sông, bầy sóc trên cây, rồi chim chóc, đất đai, và nguồn nước? Có nhiều khi, trong mắt chúng tôi, các ông chẳng khác gì bầy vượn chạy rông trong viện bảo tàng, cầm dao rạch tan nát những bức họa, dùng búa phá tanh bành những bức tượng.”

Một lúc lâu Bryce không nói gì. Sau đó gã lên tiếng: “Nhưng chính con người đã vẽ nên những bức tranh, làm nên những bức tượng.”

“Chỉ số ít thôi.” Newton đáp. “Chỉ một vài người trong số đó.” Y thình lình đứng phắt dậy: “Tôi nghĩ trải nghiệm ở Chicago với tôi như thế là đủ rồi. Ông có muốn về nhà không?”

“Bây giờ sao?” Bryce xem đồng hồ đeo tay. Trời đất ơi, hai rưỡi sáng. Giáng Sinh đã qua rồi.

“Thế ông nghĩ đêm nay ông có ngủ được nữa không?” Newton nói.

Gã nhún vai. “Chắc là không.” Sau đó, nhớ lại điều Betty Jo đã nói, gã hỏi: “Ông không bao giờ ngủ à?”

“Đôi lúc cũng có, nhưng không thường xuyên.” Y ngồi xuống bên chiếc điện thoại. “Tôi phải đánh thức phi công dậy. Và chúng ta cần có xe chở ra sân bay...”

Gọi xe quả là khó khăn, mãi tới bốn giờ họ mới đến được sân bay. Lúc đó Bryce bắt đầu cảm thấy đầu óc quay cuồng, hai tai hơi ù. Newton không mấy may tỏ ra mệt mỏi. Gương mặt y, vẫn như mọi khi, chẳng có biểu hiện nào cho biết y đang nghĩ gì.

Có một chút rắc rối và chậm trễ trong thủ tục xin phép cất cánh, nên đến lúc máy bay có thể khởi hành và bay qua hồ Michigan, hừng đông đã bắt đầu ửng lên một màu hồng nhạt.

Khi họ về đến Kentucky thì trời đã sáng, mở ra một ngày Đông quang đãng. Lúc chuẩn bị hạ cánh, thứ đầu tiên họ trông thấy là phần thân sáng lóa của con tàu, chiếc phà của Newton, trông chẳng khác nào một tượng đài bóng bẩy dưới ánh mặt trời sớm mai. Thế rồi, khi chuẩn bị đáp xuống, họ bắt gặp một điều bất ngờ. Phía cuối đường băng, duyên dáng đậu bên cạnh nhà để máy bay của Newton là một chiếc máy bay trắng thuần dài tuyệt đẹp, lớn gấp đôi máy bay của họ. Trên cánh chiếc máy bay kia có phù hiệu của Không lực Hoa Kỳ. “Chà, không biết vị khách nào ghé thăm chúng ta thế nhỉ.” Newton nói.

Hai người phải cuốc bộ qua chỗ chiếc máy bay trắng trên đường ra xe điện một ray, và khi đi qua, Bryce không thể không trầm trồ trước vẻ đẹp của nó: Tỷ lệ cân xứng tuyệt vời, những đường nét thật thanh thoát. “Giá mà mọi thứ chúng tôi tạo ra đều đẹp để đến nhường kia,” gã cảm thán.

Newton cũng đang ngắm cái máy bay. “Nhưng các ông không làm thế.” Y nói.

Ngồi trong chiếc xe, cả hai không ai nói gì. Tay chân Bryce đang cần được ngủ nghỉ lắm, nhưng tâm trí gã lại đang đầy rẫy những hình ảnh sắc nét loang loáng vụt qua, những ý tưởng, và những suy nghĩ còn dang dở.

Gã đáng lẽ đã định về thẳng nhà, nhưng khi Newton mời gã ở lại dùng bữa sáng, gã cũng nhận lời. Như thế sẽ dễ dàng hơn là phải lục tìm đồ ăn ở nhà.

Betty Jo đã dậy, cô mặc chiếc kimono màu cam, đầu choàng khăn babushka lụa. Mặt cô đầy vẻ lo âu, mắt đỏ hoe sưng húp. Khi mở cửa, cô nói: “Có mấy người tìm đến đây, thưa anh Newton. Tôi không biết...” Cô ngập ngừng bỏ lửng câu nói. Hai người đi lướt qua cô để vào phòng khách. Ngồi trên ghế là năm người đàn ông, bọn họ vội vàng đứng dậy khi Newton và Bryce xuất hiện.

Brinnarde ngồi ở chính giữa nhóm. Ba người đàn ông khác mặc com lê, người thứ tư mặc đồng phục màu xanh lam, rõ ràng là phi công của chiếc máy bay Không lực. Brinnarde giới thiệu bọn họ với cung cách dứt khoát, trung dung. Khi xong xuôi, Newton vẫn đứng nguyên đó, hỏi: “Các vị đợi có lâu không?”

“Không.” Brinnarde đáp, “Không lâu. Thực ra, chúng tôi đã khiến các ông bị trì hoãn ở sân bay Chicago cho tới khi chúng tôi tới được đây. Thời gian được tính toán rất chính xác. Tôi hi vọng các ông không gặp quá nhiều rắc rối khi bị giữ lại ở Chicago.”

Nét mặt Newton hoàn toàn vô cảm. “Ông làm điều đó bằng cách nào?”

“Chà, thưa ông Newton, tôi là người của Cục Điều tra Liên bang. Còn đây là các đồng nghiệp của tôi.” Brinnarde nói.

Giọng Newton có chút do dự. “Thú vị thật. Chắc hẳn điều đó có nghĩa anh là một... gián điệp?”

“Chắc vậy. Bất luận thế nào, ông Newton, tôi được lệnh bắt giữ và áp giải ông.”

Newton chậm chậm hít một hơi thật sâu theo cách rất người. “Anh bắt tôi vì tội gì?”

Brinnarde mỉm cười lịch sự. “Ông bị buộc tội đột nhập bất hợp pháp. Chúng tôi tin rằng ông là người ngoài hành tinh, thưa ông Newton.”

Newton im lặng đứng đó một lúc lâu. Rồi y nói: “Tôi xin phép ăn sáng trước khi đi, có được không?”

Brinnarde ngần ngừ, sau đó anh ta mỉm cười vẻ thân ái không ngờ. “Tôi không thấy có lí do gì để từ chối, thưa ông.” Anh ta nói. “Có lẽ chính chúng tôi cũng cần ăn. Bọn họ đã phải dậy từ bốn giờ sáng, ở Louisville, để tới đây bắt ông.”

Betty Jo làm món trứng bác và pha cà phê cho họ. Trong lúc ăn, Newton bình thản hỏi liệu y có được gọi cho luật sư của mình không.

“Tôi e rằng không.” Brinnarde đáp.

“Chẳng phải hiến pháp có qui định về quyền đó sao?”

“Phải.” Brinnarde đặt tách cà phê của mình xuống. “Nhưng ông không được hưởng quyền hiến định nào hết. Như tôi đã nói, chúng

tôi tin rằng ông không phải là một công dân Mỹ.”

6.

Newton đặt sách xuống. Vài phút nữa bác sĩ sẽ đến, dù sao thì y cũng không muốn đọc. Trong hai tuần bị giam giữ y hầu như chẳng làm gì khác ngoài việc đọc sách. Đây là không kể những khi y bị thẩm vấn hay kiểm tra bởi các bác sĩ: Những nhà sinh lí học, nhân chủng học, tâm thần học... hoặc bởi những người đàn ông mặc gi-lê nghiêm nghị, chắc họ là viên chức chính phủ, dù khi y hỏi thì họ chẳng bao giờ nói mình là ai. Y đã đọc đi đọc lại những tác phẩm của Spinoza, Hegel, Spengler, Keats, kinh Tân Ước và hiện đang đọc một số sách mới về ngôn ngữ học. Họ mang cho y bất cứ thứ gì mà y yêu cầu cực kì nhanh chóng và lịch sự. Y cũng có một máy quay đĩa hát hiếm khi dùng, một thư viện điện ảnh, một cái ti vi hãng World Enterprises và một quầy bar, nhưng không có cửa sổ để ngắm nhìn Washington. Họ bảo rằng y đang ở một nơi gần thành phố đó, mặc dù họ không nói cụ thể là gần như thế nào. Y thường xem ti vi vào buổi tối, một phần vì hoài niệm, thỉnh thoảng bởi tò mò. Đôi khi tên của y được nhắc tới trong các chương trình thời sự. Rõ ràng không có chuyện một người với khối tài sản như y lại có thể bị chính phủ bắt giữ một cách im hơi lặng tiếng được. Nhưng các thông tin liên quan đến y luôn mơ hồ, đến từ những nguồn không rõ tên và sử dụng các từ như “mập mờ”, “khả nghi.” Đồn rằng y là một “người ngoại quốc chưa đăng kí” nhưng không có nguồn tin chính phủ nào chỉ rõ y là người nước nào, theo ý họ. Một nhà bình luận truyền hình nổi tiếng dí dỏm mà sâu cay đã châm biếm: “Từ tất cả những thông tin mà

Washington cung cấp, có thể kết luận rằng ông Newton, hiện đang bị bắt giữ và giám sát, là một du khách đến từ Ngoại Mông hoặc từ hành tinh khác.”

Y cũng nhận ra cấp trên của y ở Anthea sẽ thu lại những chương trình phát sóng này. Cứ nghĩ đến việc họ sẽ kinh hoảng như thế nào khi biết tình hình của y, sẽ tò mò ra sao để tìm hiểu chuyện gì đang thực sự xảy ra làm y thấy hơi buồn cười.

Bản thân y cũng không biết chuyện gì đang thực sự xảy ra. Rõ ràng chính phủ đang rất nghi ngờ y, họ có lí do để làm vậy, cứ thử tính những thông tin mà Brinnarde đã cung cấp cho họ trong suốt một năm rưỡi làm trợ lí mà xem. Brinnarde, người từng là cánh tay phải của y trong dự án, chắc chắn đã cài kha khá gián điệp vào mọi chỗ trong tập đoàn, giúp chính phủ nắm đáng kể thông tin về các hoạt động của y và về chính dự án. Nhưng cũng có những thứ y đã giữ bí mật với Brinnarde, nhiều khả năng họ còn chưa biết. Tuy nhiên, vẫn không thể xác định được họ định làm gì. Đôi khi y tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu y nói với họ: “Thực ra tôi đến từ hành tinh khác và tôi muốn xâm chiếm Trái Đất.” Phản ứng của họ hẳn sẽ rất thú vị. Có lẽ trừ phản ứng họ tin là thật.

Thỉnh thoảng y băn khoăn về tình hình của World Enterprises, hiện tại y hoàn toàn bị cắt đứt liên lạc với công ty. Farnsworth có đang điều hành World Enterprises không? Newton không nhận được lá thư hay cuộc gọi nào. Trong phòng khách có một chiếc điện thoại, nhưng nó không bao giờ đổ chuông, và y không được phép dùng nó để gọi đi. Chiếc điện thoại có màu lam nhạt, nằm trên bàn làm bằng gỗ gụ. Y đã thử vài lần, nhưng mỗi khi nhắc điện thoại lên, đáp lại luôn là một giọng nói, hình như là đã được

ghi âm sẵn: “Chúng tôi rất lấy làm tiếc nhưng chiếc điện thoại này bị hạn chế.” Chất giọng khá dễ nghe, nữ tính, nhân tạo. Nó không bao giờ nói điện thoại bị hạn chế làm gì. Đôi lúc, khi cô đơn, hoặc hơi say - y không còn uống nhiều như trước vì giờ đây, áp lực đã vơi đi phần nào - y sẽ nhắc ống nghe lên chỉ để nghe tiếng nói, “Chúng tôi rất lấy làm tiếc nhưng chiếc điện thoại này bị hạn chế.” Giọng nói trơn tuột, gợi lên sự lịch thiệp vô hạn và có chút kim khí.

Vị bác sĩ vẫn đến đúng giờ như mọi lần, bảo vệ cho ông ta vào đúng mười một giờ. Bác sĩ xách theo một chiếc cặp và đi cùng một cô y tá với vẻ mặt cố tình vô cảm. Vẻ mặt như muốn nói: “Tôi không quan tâm làm sao anh chết, tôi chỉ làm thật tốt phần việc của mình”. Đó là một cô gái tóc vàng và theo tiêu chuẩn nhân loại là rất xinh đẹp. Bác sĩ tên là Martinez, một nhà sinh lí học.

“Chào buổi sáng, Bác sĩ.” Newton nói. “Tôi có thể giúp gì cho ông?”

Vị bác sĩ nở nụ cười công nghiệp. “Một xét nghiệm khác, thưa ông Newton. Một xét nghiệm đơn giản khác.” Giọng nói hơi có khẩu âm Tây Ban Nha. Newton khá thích vị bác sĩ này, ông ta ít hình thức hơn hầu hết những người mà y phải tiếp xúc.

“Tôi cho rằng hiện tại các ông đã biết tất cả những gì mình muốn.” Newton nói. “Các ông đã chụp X-quang, lấy mẫu máu và bạch huyết, ghi lại sóng não, đo lường và lấy mẫu trực tiếp từ xương, gan và thận của tôi. Tôi không nghĩ ra tôi còn gì để làm các ông bất ngờ nữa.”

Bác sĩ Martinez lắc đầu và cười lấy lệ với Newton. “Có Chúa mới biết chúng tôi thấy ông... thú vị đến nhường nào. Ông có một

bộ nội tạng khá... phi tự nhiên.”

“Tôi là kẻ quái đản mà bác sĩ.”

Vị bác sĩ lại cười nhưng tiếng cười khá gượng ép. “Tôi không rõ chúng tôi sẽ làm gì nếu ông bị viêm ruột thừa hay bệnh gì đó. Chúng tôi sẽ không biết phải khám ở đâu.”

Newton mỉm cười. “Ông không cần bận tâm. Tôi không có ruột thừa.” Y ngả người ra ghế. “Nhưng tôi đoán ông vẫn sẽ tiến hành phẫu thuật. Ông chắc sẽ rất vui khi được mổ phanh tôi ra và xem còn có thể tìm thấy cái gì hay ho.”

“Ồ, tôi không biết đâu.” Vị bác sĩ nói. “Thật ra, một trong những điều đầu tiên chúng tôi biết được về ông, sau khi đếm số ngón chân của ông, là ông không có ruột thừa. Thực tế thì nhiều bộ phận ông không có. Ông biết đấy, chúng tôi sử dụng trang thiết bị khá tiên tiến.” Bỗng ông ta đột ngột quay sang cô y tá. “Cô Griggs, làm ơn chuẩn bị Nembucaine cho ông Newton.”

Newton nhăn mặt. “Bác sĩ, trước đây tôi đã nói với ông rồi. Thuốc tê không có tác dụng gì đối với hệ thần kinh của tôi mà chỉ làm tôi bị đau đầu. Nếu ông định làm đau tôi thì cứ việc, nhưng không cần phải đau thêm đâu, vô nghĩa lắm.”

Cô y tá hoàn toàn không để ý đến y và bắt đầu chuẩn bị ống tiêm dưới da. Martinez nở một nụ cười chiếu cố mà rõ ràng là dành cho các bệnh nhân đang vụng về cố hiểu các nghi thức y học. “Chắc là ông không biết cái này sẽ đau đến mức nào nếu không dùng thuốc gây tê.”

Newton bắt đầu cảm thấy bức. Cảm giác là một con người thông minh bị xúm quanh bởi những con khỉ hiếu kì và vênh vang

ngày càng trở nên rõ rệt trong những tuần qua. Chỉ có điều là y ở trong lồng, trong khi những con khỉ đến và đi, quan sát y và cố tỏ ra khôn ngoan. “Bác sĩ, ông chưa xem kết quả các bài kiểm tra trí tuệ của tôi à?” Y nói.

Vị bác sĩ mở chiếc cặp trên bàn làm việc và lấy ra các biểu mẫu. Mỗi tờ đều được đóng dấu rõ ràng, Tuyệt Mật. “Các bài kiểm tra trí tuệ không thuộc chuyên môn của tôi, thưa ông Newton. Và có thể ông đã biết, tất cả những thông tin đó đều được bảo mật nghiêm ngặt.”

“Đúng. Nhưng ông có biết.”

Bác sĩ Martinez hắng giọng. Ông ta bắt đầu điền một trong các biểu mẫu: Ngày, loại xét nghiệm... “Chà, tin đồn vu vơ ấy mà.”

Lúc này Newton thực sự tức giận. “Tôi đoán là có. Tôi cũng đoán rằng ông biết chỉ số thông minh của tôi cao gấp đôi ông. Sao ông không thể tin là tôi biết thuốc gây tê cục bộ có tác dụng đối với mình hay không?”

“Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng cấu trúc hệ thần kinh của ông. Có vẻ là chẳng có lí do gì mà Nembucaine không tác dụng lên ông như... như những người khác.”

“Có thể ông không biết nhiều về hệ thần kinh như ông nghĩ.”

“Cũng có thể.” Vị bác sĩ đã hoàn thành biểu mẫu và đặt bút chì chặn giấy. Hành động hoàn toàn không cần thiết, vì không có cửa sổ hay gió. “Cũng có thể. Nhưng xin nhắc lại một lần nữa, cái đấy không thuộc chuyên môn của tôi.”

Newton liếc nhìn cô y tá với kim tiêm đã sẵn sàng. Cô ta dường như đang nỗ lực tỏ ra không nghe thấy cuộc tranh luận. Trong đầu y thoáng qua câu hỏi, chính phủ sẽ làm thế nào để những người như vậy giữ im lặng về tù nhân đầy bí ẩn của họ, tránh xa phóng viên hoặc không đi đánh bài cầu với bạn bè. Có thể chính phủ đã cách li tất cả những người làm việc liên quan tới y. Nhưng như vậy sẽ rất khó khăn và rắc rối. Dù sao đi nữa, họ rõ ràng đang bỏ ra cả núi công sức đối với y. Y suýt nữa thì bật cười khi nghĩ mình hẳn là cơ hội để họ, số ít người biết về sự khác thường của y, thả bay trí tưởng tượng.

“Chuyên môn của ông là gì, thưa Bác sĩ?” Y hỏi.

Bác sĩ Martinez nhún vai. “Hầu hết là về xương và cơ.”

“Nghe khá hay.”

Vị bác sĩ cầm lấy ống tiêm từ tay nữ y tá. Newton đành cam chịu và bắt đầu xắn tay áo sơ mi của mình lên. “Ông có thể cởi hẳn áo ra.” Bác sĩ Martinez nói. “Lần này chúng tôi sẽ khám phần lưng của ông.”

Y không phản đối mà bắt đầu cởi cúc áo sơ mi. Cởi được một nửa thì y nghe tiếng thở gấp của cô y tá. Y ngược nhìn cô ta. Rõ ràng họ đã không tiết lộ nhiều nhận gì lắm, bởi cô đang cố gắng không nhìn chăm chăm vào lồng ngực thiếu lông và núm vú của y. Tất nhiên, họ đã phát hiện ra đồ ngực trang của y từ sớm nên y chẳng việc gì phải dùng nữa. Y tự hỏi cô y tá sẽ phản ứng như thế nào nếu đến đủ gần và xem kỹ đồng tử trong mắt y.

Sau khi y cởi áo xong, cô y tá tiêm vào cơ ở hai bên cột sống y. Mặc dù cô ta đã cố nhẹ tay nhưng y vẫn rất đau. Lúc đỡ đau một

chút, y hỏi: “Bây giờ ông định làm gì?”

Vị bác sĩ ghi lại thời gian tiêm trên biểu mẫu rồi nói, “Đầu tiên, tôi sẽ đợi hai mươi phút để Nembucaine... có tác dụng. Sau đó, tôi sẽ lấy mẫu tủy sống của ông.”

Newton im lặng nhìn ông ta rồi cất tiếng, “Ông chưa biết à? Trong xương của tôi không có tủy. Nó rỗng tuếch.”

Bác sĩ Martinez chớp mắt. “Thôi nào, phải có tủy xương. Hồng cầu trong máu...”

Newton không quen ngắt lời mọi người, nhưng lần này thì y phải ngắt. “Tôi không biết về hồng cầu và tủy. Tôi chắc chắn cũng hiểu nhiều về sinh lí học như ông. Nhưng không có tủy trong xương của tôi. Và tôi không thể nói rằng tôi rất vui sướng tuân theo các thử nghiệm đau đớn kinh khủng chỉ để thỏa mãn sự tò mò của ông, hoặc cấp trên của ông, với... những đặc thù của tôi. Tôi đã bảo các ông cả chục lần rằng tôi là một dị nhân bị đột biến gen. Những lời tôi nói với các ông chẳng có ý nghĩa gì sao?”

“Xin lỗi.” Vị bác sĩ nói, ra vẻ hối lỗi.

Newton nhìn chăm chăm qua đầu bác sĩ Martinez một lúc, xem chăm chú một bản sao tồi bức tranh *Người phụ nữ Arles* của Van Gogh. Chính phủ Hoa Kỳ thì có liên quan gì tới một phụ nữ ở Arles? “Ngày nào đó, tôi muốn gặp cấp trên của ông.” Y nói. “Và trong khi đợi thứ thuốc Nembucaine vô tích sự của ông phát huy tác dụng, tôi muốn thử một loại thuốc gây tê của riêng mình.”

Vị bác sĩ mặt không biểu cảm.

“Gin.” Newton nói. “Rượu gin và nước. Ông có muốn uống cùng tôi không?”

Bác sĩ Martinez máy móc mỉm cười. Mọi bác sĩ giỏi đều mỉm cười trước sự dí dỏm của bệnh nhân, kể cả những nhà nghiên cứu sinh lí học đã được kiểm tra bảo mật kĩ lưỡng. “Xin lỗi, tôi đang trong giờ làm việc.”

Newton không ngờ mình có thể tức giận đến vậy. Vậy mà y đã nghĩ mình thích bác sĩ Martinez. “Thôi nào, Bác sĩ. Tôi chắc chắn rằng ông là một bác sĩ rất đắt giá trong... trong lĩnh vực chuyên môn của ông. Hẳn là ông có một quầy bar bằng gỗ gụ trong văn phòng. Tôi đảm bảo là sẽ không chuốc ông say đến mức run tay khi khám cột sống của tôi đâu.”

“Tôi không có văn phòng.” Vị bác sĩ nói. “Tôi làm việc trong phòng thí nghiệm. Bình thường chúng tôi không uống rượu trong giờ làm việc.”

Vì một lí do nào đó không thể giải thích được, Newton nhìn ông ta chăm chú. “Phải rồi, tôi cũng nghĩ ông sẽ không uống.” Y nhìn cô y tá, rõ ràng đang rất bối rối. Nhưng khi cô ta mở miệng định nói, y cất tiếng: “Đúng, đúng là như vậy. Còn có các qui định.” Sau đó, y đứng lên và nhìn xuống, mỉm cười với họ. “Tôi sẽ uống một mình.” Cao hơn họ thật tuyệt. Y bước đến quầy bar trong góc và rót cho mình một ly gin đầy. Y quyết định không thêm nước vào rượu vì thấy cô y tá đã trải bàn và bày lên đó một bộ dụng cụ. Có vài mũi kim, một con dao nhỏ, mấy loại kẹp, tất cả đều bằng thép không gỉ. Chúng lấp lánh khá đẹp mắt...

* * *

Sau khi vị bác sĩ và nữ y tá rời đi, y nằm sấp trên giường hơn một giờ. Y không mặc lại áo và lưng vẫn để trần, ngoại trừ phần bị băng bó. Y cảm thấy hơi lạnh, một cảm giác bất thường với y, nhưng cũng không động tay kéo chăn lên. Cơn đau dữ dội kéo dài tới vài phút. Mặc dù đã đỡ hơn, y kiệt sức cả vì cơn đau lẫn nỗi sợ trước khi cảm thấy nó. Từ ngày thơ bé, y vẫn luôn sợ hãi khi lường trước cơn đau.

Y chợt nhận ra có lẽ họ biết cơn đau khủng khiếp đến thế nào, có khả năng người ta đang tra tấn y theo lối tẩy não tùy tiện nào đó với hi vọng làm y phát điên. Ý nghĩ này thật đáng sợ, vì nếu đúng thì mọi thứ chỉ mới bắt đầu. Nhưng khả năng ấy không khả dĩ lắm. Bất chấp cuộc chiến tranh lạnh đang diễn ra và vào những thời điểm như thế này, các hành động chuyên chế thường được dung thứ trong nhà nước dân chủ - việc tránh tội vẫn rất khó khăn. Năm nay còn là năm bầu cử nữa. Đã có những bài phát biểu vận động tranh cử ám chỉ đến sự độc đoán của đảng cầm quyền. Trong một bài như vậy có nhắc đến tên y. Từ “che giấu” đã được sử dụng nhiều lần.

Lí do phù hợp duy nhất cho các loại xét nghiệm kinh khủng này hẳn là một trò tò mò quan liêu. Có lẽ họ chỉ muốn chứng minh chắc chắn rằng y không phải là nhân loại, đúng như những gì họ đã nghi ngờ. Nghi ngờ nhưng lại không thể thừa nhận vì quá phi lí. Nếu đó là cách họ nghĩ, mà nhiều khả năng là vậy, rõ ràng họ đã sai ngay từ đầu. Bởi vì bất kể có tìm thấy những thuộc tính phi nhân loại nào, việc y là một con người có thể chất khác biệt, một

dạng đột biến, biến dị, một dị nhân... sẽ luôn có vẻ hợp lí hơn là y đến từ hành tinh khác. Ấy thế mà đám người ấy hình như không xét đến khó khăn này. Họ hi vọng có thể tìm ra chi tiết gì của thứ mà họ còn chưa biết khái quát? Và họ có thể chứng minh điều gì? Cuối cùng, họ có thể làm gì nếu sự thật vượt quá sức tưởng tượng?

Thế nhưng y mặc kệ, mặc kệ họ có phát hiện ra điều gì về y, thậm chí mặc kệ chuyện gì xảy ra với kế hoạch cũ kĩ đã thai nghén từ hai mươi năm trước ở một phần khác của hệ mặt trời. Y không nghĩ nhiều mà kết luận rằng kế hoạch đại khái đã thất bại. Y cảm thấy thật nhẹ nhõm. Bây giờ y chỉ quan tâm khi nào họ sẽ xong xuôi việc thí nghiệm, các cuộc kiểm tra, thẩm vấn ghê tởm và để y yên. Đối với Newton, tình trạng bị cầm tù như hiện tại là không đáng lo. Về nhiều mặt, y đã quen và thỏa mãn với lối sống như vậy hơn là được tự do.

7.

Những người ở FBI giữ thái độ lịch sự và nhã nhặn chừng mực, nhưng sau suốt hai ngày bị dò hỏi những câu vô nghĩa, Bryce đã mệt rũ rượi, gã thậm chí còn chẳng thấy tức giận trước thái độ khinh miệt ẩn đằng sau vẻ ngoài của họ mà gã có thể cảm nhận được. Nếu họ không thả gã ra vào ngày thứ ba, chắc là gã đã đổ gục tới nơi. Tuy nhiên, họ đã không gây ra sức ép căng thẳng đáng kể nào cho gã. Thực tế thì họ hầu như còn chẳng xem gã là nhân vật quan trọng.

Vào buổi sáng ngày thứ ba, như thường lệ, một người đàn ông lại đến đón gã ở Hội Thanh niên Cơ đốc, hắt lái xe chở gã đi ngang qua bốn dãy nhà để đến Tòa nhà Liên bang ở dưới phố Cincinnati. Hội Thanh niên Cơ đốc cũng là một yếu tố góp phần khiến gã mệt mỏi. Nếu gã nghĩ là FBI đã vẽ ra mọi chuyện, hẳn gã sẽ đổ tội cho họ là đã cố tình làm gã chán nản khi lưu gã ở lại Hội Thanh niên Cơ đốc bằng không khí vui tươi gượng gạo tràn ngập khắp những căn phòng sinh hoạt chung với mấy đồ trang trí bằng gỗ sồi đầy bụi bẩn, hàng hà sa số những cuốn sách khổ nhỏ về đạo Cơ đốc chưa ai đọc.

Lần này, người đàn ông kia dẫn gã đến căn phòng mới trong Tòa nhà Liên bang, trông giống như phòng khám nha khoa. Có một tay chuyên viên tiêm cho gã, rồi đo nhịp tim, huyết áp, thậm chí là còn chụp hình X-quang xương sọ của gã nữa. Khi mọi việc xong xuôi, có một người giải thích rằng đó là “thủ tục nhận dạng thông thường”. Bryce chẳng thể hình dung nổi là nhịp tim của gã

thì đóng vai trò gì trong việc nhận dạng, nhưng cũng biết tốt hơn là đừng nên hỏi. Thế rồi đột nhiên, họ hoàn tất thủ tục, người đàn ông đã hộ tống gã tới đây bảo với gã rằng, chừng nào FBI còn nhúng tay, chừng đó gã còn có quyền tự do đi lại. Bryce nhìn đồng hồ. Lúc đó là mười giờ rưỡi sáng.

Khi gã rời phòng rồi đi xuống hành lang dẫn ra cửa chính, có chuyện khiến gã ngỡ ngàng thêm lần nữa. Bà y tá đang dẫn thêm một người khác đến căn phòng gã vừa rời khỏi, không ai khác là Betty Jo. Cô mỉm cười nhìn gã mà không nói gì, bà y tá thúc cô đi lướt qua gã để vào căn phòng. Gã phải lấy làm ngạc nhiên trước phản ứng của chính mình. Mặc dù quá đổi mệt mỏi, gã vẫn cảm giác da dầy nhộn nhạo, một kiểu nhộn nhạo vì vui mừng khi nhìn thấy cô - thậm chí gã còn bị kích thích hơn khi nhìn thấy khuôn mặt bộc trực, dáng người mũm mĩm của cô trong dãy hành lang có phần đơn điệu, buồn tẻ chán ngắt của Cục Điều tra Liên bang.

Gã ngồi trên bậc thang bên ngoài tòa nhà để chờ cô dưới ánh nắng tháng Mười Hai lạnh lẽo. Mãi đến gần trưa cô mới được ra ngoài, lê bước ngượng ngùng ngồi xuống bên cạnh gã. Không khí lạnh dờng như còn khiến mùi hương của cô ấm áp hơn, nồng nàn hơn, ngọt ngào hơn. Một thanh niên nhanh nhẹn, tay cầm cặp táp sỏi bước lên những lối đi vờ như không thấy họ đang ngồi đó. Bryce quay người sang nhìn Betty Jo và ngạc nhiên khi thấy mắt cô sưng húp, như thể cô vừa mới khóc. Gã bồn chồn liếc nhìn cô. “Họ đã giam giữ cô ở đâu vậy?”

“Ở Hội Nữ Thanh niên Cơ đốc.” Cô nhún vai. “Nhưng tôi chẳng quan tâm mấy đâu.”

Họ giam cô ở đó là cũng hợp lí thôi nhưng gã chẳng buồn nghĩ ngợi. “Còn tôi thì ở cái hội còn lại. Ở Hội Nam. Họ đối đãi với cô như thế nào? Ý tôi là mấy người ở FBI đó.” Dùng những kí tự viết tắt để gọi tên các tổ chức này nghe có vẻ ngớ ngẩn làm sao: HNTNCD (Hội Nữ Thanh niên Cơ đốc), FBI.

“Tôi nghĩ là cũng tốt.” Cô hết lắc đầu rồi lại liếm môi. Bryce thích điệu bộ ấy. Môi cô đầy đặn, dù không dùng son môi nhưng lại đang đỏ ửng vì tiết trời lạnh giá. “Nhưng mà họ đã hỏi tôi nhiều lắm. Toàn mấy câu về Tommy.”

Không hiểu sao mà việc đề cập đến Newton lại khiến gã thấy ngượng ngùng. Lúc này, gã không muốn nhắc đến tay người Anthea đó.

Cô dường như nhận ra sự ngượng ngùng của gã hoặc là cũng có cảm giác tương tự. Sau một khoảng tư lự, cô nói: “Ông có muốn đi ăn trưa không?”

“Ý hay đó.” Gã đứng dậy, choàng lại áo khoác. Sau đó, gã lại cúi người xuống, nắm cả hai tay cô để giúp cô đứng lên.

Họ may mắn tìm được một nhà hàng ổn, yên tĩnh, cả hai đều ăn rất nhiều. Tất cả đều là thức ăn tự nhiên không có chất tổng hợp, thậm chí ăn xong còn có cà phê thật để nhắm nháp dù giá một ly đến tận ba mươi lăm xu. Nhưng cả hai đều có thừa tiền.

Trong lúc ăn, họ có nói chuyện dăm ba câu nhưng đều không đề cập đến Newton. Gã hỏi cô có kế hoạch gì không rồi phát hiện là cô chẳng hề có. Khi họ đã ăn xong, gã hỏi: “Bây giờ ta làm gì nữa đây?”

Bây giờ trông cô đã ổn hơn, điềm tĩnh hơn, vui hơn. “Sao mình không đi sở thú?” Cô đề nghị.

“Được chứ.” Có vẻ là một ý hay. “Mình có thể bắt taxi.” Có lẽ vì bây giờ đang vào mùa Giáng Sinh nên rất ít người đến sở thú, điều đó lại càng hợp ý Bryce. Những con thú đều bị nhốt trong chuồng, có hai con đi thơ thẩn qua lại chỗ này chỗ kia, dường như đang tán gẫu thoải mái với nhau. Gã thích những giống mèo lớn, có vẻ ngông nghênh, đặc biệt là mấy con báo, cô thì lại thích chim chóc, mấy con lông sáng màu. May là cô không thích khỉ, gã vui lắm vì gã cũng không thích khỉ - đối với gã, chúng là những sinh vật nhỏ thó tục tũu - gã hẳn sẽ thất vọng nếu cô thấy mấy con khỉ dễ thương, vui nhộn giống như những người đàn bà khác. Gã không thấy khỉ thì có gì là vui nhộn cả.

Gã cũng vui là có thể mua bia ở một chỗ quầy bán ngay trước cổng vào khu hải dương học. Dù rõ ràng bên ngoài có biển cấm, họ vẫn mang theo bia vào rồi ngồi yên vị dưới ánh sáng tù mù trước một bể cá lớn. Bên trong bể có một con cá trê khổng lồ, vẻ tự tại, có râu giống kiểu Trung Hoa, lớp da dày màu xám. Nó buồn rầu nhìn hai người đang uống bia.

Sau khi ngồi im lặng ngắm cá trê một lúc, Betty Jo nói: “Ông nghĩ họ sẽ làm gì Tommy?”

Gã chợt nhận ra mình đang chờ cô đề cập đến chủ đề này. “Tôi cũng không biết. Tôi không nghĩ là họ sẽ làm tổn thương anh ấy hay gì đâu.”

Betty Jo nhấp một ngụm bia. “Họ nói anh ấy không phải... không phải là một người Mỹ.”

“Đúng đó.”

“Ông có biết anh ấy là ai không, Tiến sĩ Bryce?”

Gã định bảo cô gọi gã là Nathan, nhưng dường như lúc này chưa phải là thời điểm thích hợp. “Tôi nghĩ là họ nói đúng.” Gã nói, tự nhủ là họ làm quái gì trục xuất nổi y nếu đã phát hiện ra.

“Ông có nghĩ là họ sẽ giam giữ anh ấy lâu không?”

Gã nhớ lại bản phim X-quang bộ xương của Newton và sự kỷ lưỡng của FBI khi kiểm tra gã ở phòng khám nha khoa bé tí kia, đột nhiên gã đã hiểu ra lí do tại sao họ lại kiểm tra mình. Họ muốn xác minh rằng gã không phải là một người Anthea giống y. “Có.” Gã nói. “Tôi nghĩ là họ sẽ giam giữ anh ấy lâu đấy. Cho đến khi nào họ còn có thể.”

Cô chẳng hề hồi đáp lại tiếng nào nên gã quay sang nhìn cô. Cô đang cầm cốc giấy đặt trên đùi bằng cả hai tay, nhìn chăm chăm vào trong cốc như thể đang nhìn xuống một cái giếng. Ánh sáng nhạt nhòa, tản mát từ bể cá trên chầng in chút bóng nào trên khuôn mặt cô, vẻ mộc mạc không tô điểm trên nét mặt và dáng điệu điềm đạm, bất động trên băng ghế khiến cô giống như một bức tượng vững chắc, toàn vẹn. Gã lặng lẽ ngắm nhìn cô trong khoảng thời gian dường như khá lâu.

Và rồi cô quay sang nhìn gã, lúc này gã đã hiểu rõ lí do tại sao cô lại khóc ban nãy. “Tôi nghĩ là cô sẽ nhớ anh ấy rất nhiều.” Gã nói rồi nốc cạn bia.

Biểu cảm của cô vẫn không thay đổi. Cô cất giọng yếu ớt. “Tôi chắc sẽ rất nhớ anh ấy. Hãy đi ngắm nốt mấy con cá còn lại.”

Họ đã ngắm hết những con cá khác, nhưng chẳng có con nào gã thích giống như con cá trê già cả.

Khi đến lúc phải bắt taxi về lại khu phố, gã mới nhận ra mình chẳng có địa chỉ nào để đưa tài xế, chẳng có nơi nào đặc biệt cho gã đến cả. Gã quay sang nhìn Betty Jo đang đứng bên cạnh dưới ánh nắng chiếu rọi: “Cô định ở đâu?”

“Tôi cũng không biết nữa.” Cô nói. “Tôi không có người quen ở gần Cincinnati.”

“Cô có thể quay về với gia đình ở... đâu nhỉ?”

“Ở Irvine. Không xa lắm.” Cô buồn bã nhìn gã. “Nhưng tôi không muốn về. Tôi đâu có hợp với cha.”

Gã buột miệng nói mà hầu như không suy nghĩ đến ẩn ý điều mình thốt ra. “Cô có muốn ở với tôi không? Có thể là ở khách sạn? Hoặc nếu cô muốn thì mình có thể tìm một căn hộ.”

Cô thoáng có vẻ sửng sốt, gã lo sợ mình đã vô tình xúc phạm cô. Nhưng rồi cô tiến một bước đến gần gã và thốt lên: “Trời ơi, được chứ. Tôi nghĩ là ta nên ở cạnh nhau, Tiến sĩ Bryce à.”

8.

Y lại bắt đầu uống bí tử trong suốt tháng thứ hai bị giam giữ mà hoàn toàn không hiểu nổi nguyên cớ. Chắc hẳn không phải do cô đơn vì giờ y đã tự thú với chính mình, như đã từng với Bryce, rằng y thậm mong mỗi tìm người bầu bạn. Y cũng không còn thấy căng thẳng dữ dội vì đã lao động cật lực nhiều năm trời nữa, hiện tại những vấn đề đã trở nên đơn giản hơn và trách nhiệm hầu như không còn tồn tại nữa. Y chỉ còn một vấn đề trọng đại duy nhất có thể lấy ra làm cớ cho việc rượu chè, đó là liệu y có nên tiếp tục kế hoạch này hay không, liệu chính phủ có bao giờ chấp nhận cho y làm như thế. Tuy nhiên, y không mấy khi tự làm khó mình, say rượu hay tỉnh táo thì cũng như nhau, bởi lẽ khả năng y có lựa chọn nào khác trong vấn đề này dường như quá xa vời.

Y vẫn đọc cực kì nhiều và bắt đầu hứng thú với dòng văn học thể nghiệm, đặc biệt là thơ có niêm luật nghiêm ngặt đăng trên những tờ tạp chí nhỏ, các thể loại thơ như *sestina*²⁸, *villanelle*²⁹, *ballade*³⁰ mặc dù có phần yếu về ý tưởng và nội hàm, nhưng lại thường hấp dẫn về mặt ngôn ngữ. Y thậm chí còn thử tự làm một bài thơ thuộc thể loại *sonnet*³¹ của Ý theo phong cách Alexandrine, nhưng rồi tự nhận thấy điều đáng buồn là y chẳng có chút năng khiếu làm thơ nào vì viết đến dòng thứ tám là đã rất vật vờ. Y nghĩ rằng một lúc nào đó y sẽ thử làm thơ lại ở Anthea.

Y cũng đọc nhiều sách về lĩnh vực khoa học và lịch sử. Những người giam cầm y rất hào phóng cấp cho y sách vở, rượu gin. Y

chưa bao giờ phải chờ đến nổi nhú mảy hay đợi hơn một ngày vì họ luôn đem đến cho y bất cứ thứ gì y yêu cầu. Đám quản gia làm công việc lo cho y ăn, dọn chỗ y ở. Họ phục vụ y điều luyện đến đáng ngưỡng mộ. Có một lần, để thử mức độ phục vụ của họ, y đòi bản dịch tiếng Ả Rập của tiểu thuyết *Cuốn theo chiều gió*, và vị quản gia chẳng chút nao núng, đã đem đến cho y cuốn sách này trong vòng năm tiếng đồng hồ. Vì y không biết tiếng Ả Rập và cũng chẳng chuộng đọc tiểu thuyết nên đã dùng nó làm sách chặn trên một cái kệ. Nó nặng trĩu.

Y chỉ cảm ghét tột độ việc bị giam cầm mỗi khi thỉnh thoảng lại nhớ cảm giác ở bên ngoài, và mỗi khi muốn gặp Betty Jo hoặc Nathan Bryce, hai người duy nhất trên hành tinh này mà y có thể xem là bạn. Y cũng có chút gì đó nhớ nhung về Anthea - y có vợ con ở Anthea - nhưng cảm giác ấy thật mơ hồ. Y không còn nghĩ về quê nhà quá đỗi thường xuyên nữa. Căn tính của y đã biến mất.

Đến cuối tháng thứ hai, họ dường như đã hoàn thành hết những bài kiểm tra thể chất, còn đọng lại trong y là một vài kí ức khó chịu và cơn đau lưng nhẹ nhẹ cứ tái đi tái lại. Những cuộc thẩm vấn đến thời điểm này cứ lặp lại theo một mô thức nhàm chán. Rõ ràng là họ đã hết chuyện để hỏi. Thế mà chẳng có ai đặt cho y những câu hỏi hiển nhiên nhất, không một ai hỏi rằng liệu có phải y đến từ hành tinh khác không. Y đoán chắc rằng đến lúc này họ đã nghi ngờ điều đó, nhưng lại chẳng có ai hỏi trực tiếp. Có phải họ sợ bị chê cười, hay đây chỉ là một phần trong chiến thuật tâm lý nào đó tinh vi hơn? Có những lúc suýt nữa là y kể họ nghe toàn bộ sự thật mà đằng nào thì họ chắc cũng chẳng tin. Hoặc là y cứ

khăng khăng mình từ sao Hỏa hay sao Kim tới cho đến khi họ kết luận rằng y đã hóa điên. Nhưng họ không thể ngốc đến như thế.

Thế rồi đến một buổi chiều, họ đột nhiên thay đổi cách tiếp cận. Ban đầu y khá ngạc nhiên nhưng cuối cùng lại thở phào nhẹ nhõm.

Cuộc thẩm vấn khai mào theo lối thường lệ. Người thẩm vấn y là ông Bowen vốn đã làm công việc này từ lúc bắt đầu đầu giờ, đều đặn mỗi tuần ít nhất một lần. Dù chẳng có ai trong số viên chức ở đây tiết lộ thân phận với y, nhưng Bowen luôn gây cho Newton ấn tượng rằng ông ta là một nhân vật quan trọng hơn những người còn lại. Thư kí của ông dường như làm việc năng suất hơn một chút, đồ ông mặc dường như đắt tiền hơn một chút, dưới đôi mắt ông dường như cũng có quầng thâm rõ hơn một chút. Có lẽ ông là thứ trưởng hoặc một người nào đó trong CIA. Ông rõ ràng cũng là một người khá thông minh.

Khi vừa đến, ông thân tình chào hỏi Newton rồi ngồi yên vị trên một chiếc ghế bành và đốt thuốc. Newton không thích mùi thuốc lá nhưng đã từ lâu rồi y không còn muốn kháng cự họ. Bên cạnh đó, căn phòng này cũng đã được điều hòa nhiệt độ. Tay thư kí lúc này đang ngồi lên chiếc bàn của Newton. May mắn là hắn không hút thuốc. Newton chào hỏi cả hai theo phép lịch sự vừa phải. Tuy nhiên, y không ngồi hẳn dậy để chào hỏi khi họ bước vào phòng. Y nhận ra rằng trong tất cả chuỗi hành động này có tiềm ẩn kiểu trò chơi mèo vờn chuột tầm thường, nhưng y không căm ghét việc tham gia trò chơi.

Bowen vội vã vào thẳng chủ đề như thường lệ. Ông ta nói: “Ông Newton ơi, tôi phải thú nhận rằng ông vẫn còn khiến chúng tôi

hoang mang hơn bao giờ hết. Chúng tôi vẫn không biết ông là ai hay ông từ đâu đến.”

Newton nhìn thẳng mặt ông ta. “Tôi là Thomas Jerome Newton, ở Idle Creek, bang Kentucky. Tôi khác thường về mặt thể chất. Ông đã thấy hồ sơ khai sinh của tôi ở tòa án Hạt Bassett rồi mà. Tôi sinh ở đó năm 1918.”

“Như vậy thì ông phải bảy mươi tuổi rồi. Nhưng ông lại trông cứ như bốn mươi.”

Newton nhún vai. “Thì tôi đã nói tôi lập dị rồi mà. Một dị nhân. Có thể là thuộc một chủng mới. Nhưng tôi không nghĩ điều này có gì là bất hợp pháp cả, đúng không nào?” Y đã từng nói tất cả những ý này nhưng cũng chẳng bận tâm nhiều nếu có phải lặp lại toàn bộ.

“Không có gì bất hợp pháp cả. Nhưng chúng tôi cho rằng giấy tờ khai sinh của ông đã bị giả mạo. Và như thế thì bất hợp pháp.”

“Ông có thể chứng minh được không?”

“Có lẽ là không. Ông đã làm tốt lắm, ông Newton. Nếu ông đã có thể sáng chế ra phim chụp ảnh màu thì tôi đồ rằng ông cũng có thể giả mạo hồ sơ dễ dàng. Hồ sơ từ năm 1918 vốn khó kiểm chứng. Chẳng ai làm từ thời đó còn sống cả. Và vẫn còn vấn đề là chúng tôi không thể tìm ra ai quen biết ông lúc ông còn nhỏ. Điều kì lạ hơn là chúng tôi cũng không tìm ra được ai quen ông cách đây hơn năm năm.” Bowen dụi mắt rồi gãi tai như thể tâm trí ông giờ đã trôi dạt ở đâu đó. “Ông kể cho tôi biết lí do tại sao lại như thế được chứ, ông Newton?” Newton thắc mắc vu vơ rằng những người thẩm vấn liệu có được đào tạo trong những ngôi

trường đặc biệt để học các thủ thuật, chẳng hạn như gãi tai, hay là họ bắt chước từ phim ảnh.

Y đưa ra câu trả lời giống như trước đây. “Bởi vì tôi là một người khác thường, ông Bowen à. Mẹ tôi hầu như chẳng dám cho ai gặp tôi cả. Như ông cũng đã để ý, tôi không phải là kiểu người phát cáu lên khi bị giam giữ. Vào thời đó, việc giam giữ một đứa trẻ cũng không phải là quá khó. Đặc biệt, vùng đó ở Kentucky lại càng dễ.”

“Ông chưa từng đến trường?”

“Chưa bao giờ.”

“Vậy mà ông lại là người học rộng nhất tôi từng biết.” Và trước khi y kịp đáp lời, ông nói tiếp. “Tất nhiên là tôi biết tâm trí ông cũng không kém phần lập dị.” Bowen ngáp một hơi. Ông ta trông có vẻ rất chán chường.

“Đúng là như thế.”

“Và ông trốn trong tháp ngà ở Kentucky, nơi nào đó ít người biết cho đến tận năm sáu mươi lăm tuổi, còn trước đó thì chưa từng có ai nhìn thấy hay nghe đến danh ông?” Bowen nhìn y, cười mệt mỏi.

Tất nhiên, việc đó nghe có vẻ vô lí nhưng y còn biết làm gì khác hơn. Rõ ràng là chỉ có kẻ ngốc mới tin được chuyện ấy, nhưng y buộc lòng phải có một câu chuyện kiểu như thế. Y có thể chịu nhiều gian khổ hơn để làm một số giấy tờ, hối lộ một vài quan chức để tạo ra quá khứ thuyết phục hơn cho bản thân. Thế nhưng toàn bộ kế hoạch này đã được quyết định từ lâu trước khi y rời Anthea, bởi lẽ làm như thế sẽ mạo hiểm hơn mà cũng không đáng.

Ngay cả chuyện tìm một chuyên gia để giả mạo giấy tờ khai sinh cũng đã là một công việc khó khăn và nguy hiểm rồi.

“Đúng vậy,” Y mỉm cười. “Không ai biết tôi cả cho đến khi tôi sáu mươi lăm tuổi, ngoại trừ một vài người họ hàng đã qua đời từ lâu rồi.”

Đột nhiên Bowen thốt ra một điều vẫn còn mới mẻ cho đến lúc này. “Và rồi ông quyết định đem nhẫn đi bán ở khắp các thị trấn?” Giọng ông ta trở nên khó chịu. “Từ những nguyên liệu địa phương, ông đã tự làm ra, tôi cho là khoảng một trăm chiếc nhẫn vàng giống hệt nhau. Và ở tuổi sáu lăm, ông đột nhiên quyết định đem đi bán?”

Đối với y, câu hỏi này bật ra thật bất ngờ. Họ chưa từng đề cập vụ mấy chiếc nhẫn trước đây dù y cứ đinh ninh rằng họ biết rồi. Newton mỉm cười khi nghĩ đến lời giải thích vô lí mà y sắp sửa trình bày. “Đúng vậy.” Y nói.

“Tôi còn đồ rằng ông đã đào vàng ở sân nhà rồi làm ra mấy viên ngọc với bộ dụng cụ kim hoàn, ông còn tự tay khắc chữ bằng kim băng nữa đúng không? Tất cả những việc đó là để ông có thể bán ra mấy chiếc nhẫn với mức giá còn thấp hơn giá trị thật của riêng viên ngọc thôi, cho các cửa hàng trang sức nhỏ.”

Newton không thể kiềm nổi sự phẫn khích. “Tôi cũng là người quái đản mà, ông Bowen.”

“Ông không quái đản đến mức đó.” Bowen nói. “Chẳng ai quái đản như thế cả.”

“Vậy thì ông giải thích chuyện đó như thế nào đây?”

Bowen dừng lại châm một điếu thuốc khác. Dù tất cả mọi dáng điệu của ông cho thấy sự bất rút, nhưng cử động đôi tay thì vẫn vững vàng hoàn hảo. Rồi ông nói: “Tôi nghĩ là ông đã đem mấy cái nhẫn đó theo trên một chiếc tàu vũ trụ.” Ông chậm chậm nhú mày. “Tôi đoán như thế thì ông thấy sao?”

Newton không khỏi ngỡ ngàng, nhưng y cố gắng để không biểu hiện ra ngoài. “Thú vị đấy.” Y nói.

“Vâng, hẳn thế. Có chuyện này còn thú vị hơn nữa nếu ông biết là chúng tôi đã tìm ra tàn tích của một con tàu khác thường cách thị trấn ông bán chiếc nhẫn đầu tiên khoảng tám cây số. Có lẽ ông vẫn chưa biết điều này, ông Newton à, phần thân tàu ông bỏ lại đó vẫn còn phóng xạ ở tần số thích hợp. Nó phóng xạ xuyên qua Vành đai bức xạ Van Allen³².”

“Tôi không hiểu ông đang nói cái gì nữa.” Newton nói. Nghe có vẻ thiếu thuyết phục nhưng y không còn biết nói gì khác. Hóa ra FBI biết nhiều điều hơn y tưởng. Một khoảng lặng kéo dài. Rồi Newton nói: “Nếu tôi đến đây bằng tàu vũ trụ thì tôi phải có cách nào đó kiếm tiền hay hơn cách bán mấy chiếc nhẫn chứ đúng không?” Dầu đôi lúc Newton đã nghĩ rằng y sẽ chẳng mấy bận tâm nếu họ có phát hiện ra chân tướng của y, nhưng y vẫn ngỡ ngàng khi nhận ra bản thân mình cảm thấy không thoải mái trước những câu hỏi mới mẻ này, và cả trước sự thẳng thắn của họ nữa.

“Ông sẽ làm gì?” Bowen nói, “Nếu ông đến từ, giả dụ như là sao Kim, và cần tiền?”

Lần đầu tiên trong đời, Newton nhận ra y khó mà giữ được giọng nói bình thản. “Nếu người Sao Kim có thể chế tạo tàu vũ trụ, tôi cho là họ cũng có thể làm tiền giả.”

“Ở trên sao Kim, ông tìm đâu ra tờ mười đô để sao chép?”

Newton không trả lời, Bowen lục trong túi áo khoác, lôi ra một vật nhỏ rồi đặt lên bàn để bên cạnh y. Tay thư kí ngẩng đầu lên trong chốc lát, chờ xem có ai nói gì không, rõ ràng là để hẳn có thể ghi chép lại. Newton chớp mắt. Vật để trên bàn chính là hộp đựng thuốc aspirin.

“Tiền giả đã soi lỗi cho chúng tôi đến một vấn đề khác nữa cơ, ông Newton.”

Y biết Bowen định nói gì, nhưng thực sự cũng không biết phải làm gì để đối phó. “Ông lấy cái đó ở đâu vậy?” Y hỏi.

“Một người trong chúng tôi đã bắt gặp vật này khi anh ta tìm kiếm trong phòng khách sạn ông từng trọ ở Louisville. Chuyện này đã cách đây hai năm rồi, ngay sau khi ông bị gãy chân trong thang máy.”

“Ông lùng những căn phòng tôi từng trọ được bao lâu rồi?”

“Cũng lâu rồi, ông Newton.”

“Vậy hẳn là ông đã có lí do bắt tôi từ rất lâu trước đây rồi. Sao ông không bắt tôi lúc đó?”

“À, lẽ tự nhiên là trước tiên chúng tôi muốn tìm hiểu xem ông đã làm gì. Rồi còn con tàu ông đang chế tạo ở Kentucky nữa. Và hẳn là ông cũng nhận thức được toàn bộ chuyện này có chút phức tạp. Ông Newton ơi, ông đã trở thành một người rất giàu có nên

chúng tôi chẳng thể tùy tiện bắt giam người siêu giàu mà không bị xử phạt - đặc biệt là khi chúng tôi lại đang vận hành một chính phủ mà mọi người cho là có đường lối ôn hòa. Cáo buộc duy nhất của chúng tôi với người đàn ông giàu có đó lại chỉ là việc ông ta đến từ một nơi nào đó tương tự như sao Kim.” Ông ngả người về phía trước, giọng mềm mỏng hơn. “Mà chỗ đó là Sao Kim đúng không ông Newton?”

Newton mỉm cười đáp lại Bowen. Hóa ra thông tin cũng chẳng thay đổi sự tình cho mấy. “Tôi chưa từng nói nó ở một nơi nào khác ngoại trừ Idle Creek, bang Kentucky cả.”

Bowen trầm tư nhìn xuống hộp thuốc aspirin. Ông cầm hộp thuốc lên, đong đo trọng lượng trong lòng bàn tay rồi cất lời: “Tôi chắc là ông đã biết rằng chiếc hộp này làm bằng bạch kim, phải thừa nhận rằng trông rất ấn tượng. Xét về mặt chất lượng của nguyên liệu và tay nghề gia công thì đây là bản mô phỏng rất lạc quẻ so với nguyên mẫu gốc là hộp thuốc Aspirin của hãng Bayer. Này nhé, nó quá to và màu sắc cũng bị lệch nữa. Chưa kể là phần bản lề cũng không giống lối công ty Bayer làm.” Ông nhìn Newton. “Không phải là một bản lề tốt hơn, chỉ khác biệt thôi.” Ông lại mỉm cười. “Nhưng có lẽ điều ấn tượng nhất là không hề có hoa văn nào in trên chiếc hộp cả, ông Newton à - dù chỉ là những đường kẻ mờ trông giống họa tiết cũng không có.”

Newton cảm thấy khó chịu và tức giận chính mình vì đã không hủy đi chiếc hộp. “Và từ đó ông kết luận ra điều gì?” Y nói, nhận thức rất rõ rằng họ đã kết luận được điều gì.

“Chúng tôi kết luận rằng có ai đó đã làm giả chiếc hộp này cho giống với mẫu mà anh ta trông thấy ở quảng cáo trên ti vi.” Ông

bật cười trong chốc lát. “Chiếc ti vi đó chắc là ở vùng rìa của một ngoại ô.”

“Idle Creek.” Newton nói. “Là vùng rìa của một ngoại ô.”

“Sao Kim cũng thế thôi. Họ bán mấy hộp thuốc aspirin của hãng Bayer, có đầy đủ aspirin hần hoi, trong hiệu thuốc ở Idle Creek, giá chỉ một đô la. Ông chẳng cần phải tự chế tạo ở Idle Creek làm gì cho mệt cả.”

“Kể cả khi tôi là một tay quái đản lập dị, có những ám ảnh kì lạ cũng không được phép tự làm sao?”

Bowen vẫn có vẻ thích thú - dường như ông ta đang tự đắc. “Khả năng không cao lắm. Thực tế là tôi cũng có thể kết thúc cuộc tranh luận này tại đây.” Ông nhìn Newton dò xét. “Một trong những điều thú vị là một... một người thông minh như ông mà lại có thể mắc nhiều sai lầm ngớ ngẩn. Tại sao ông cho rằng chúng tôi sẽ bắt ông khi ông ở Chicago? Ông đã có hai tháng để suy nghĩ rồi đó.”

“Tôi không biết.” Newton nói.

“Đó là ý tôi muốn nói. Rõ ràng ông là người Anthea có đúng không? Thế nên ông không có cách tư duy theo lối giống như chúng tôi. Tôi tin rằng bất kì người bình thường nào, một tay độc giả thích đọc truyện trinh thám trên tạp chí đến đây thì cũng đều ngờ ngợ rằng hẳn là chúng tôi đã lắp một chiếc micro trong phòng ông ở Chicago, lúc ông tự giải thích hết tất cả với Tiến sĩ Bryce.”

Y sững sờ đến nỗi cảm lạnh mất cả phút. Sau cùng, y thốt lên: “Không, ông Bowen ạ, hiển nhiên là người Anthea không có lối suy

nghe giống các ông. Nhưng chúng tôi sẽ không giam cầm một người trong suốt hai tháng chỉ để hỏi anh ta những câu mà chúng tôi đã biết đáp án.”

Bowen nhún vai. “Chính phủ hiện đại luôn hành động theo lối khó hiểu. Tuy nhiên, việc bắt giam ông không phải là ý tưởng của tôi. Đó là của FBI. Có ai đó ở cấp trên cao cực kì hoảng loạn. Họ sợ ông tính chuyện làm nổ tung trái đất bằng phi thuyền của ông. Thực ra thì đó cũng là suy đoán của họ về ông ngay từ lúc bắt đầu. Giám điệp của họ đã trình ra những báo cáo về dự án và những tay trợ lí giám đốc thì cố đoán xem khi nào thì ông sẽ phóng phi thuyền xuống Washington hoặc New York.” Ông lắc đầu trong vẻ buồn bã giấu cợt. “Kể từ thời Edgar Hoover, FBI đang dần trở thành đơn vị tự đào mồ chôn chính mình.”

Newton đột ngột đứng dậy để đi pha một cốc rượu cho mình. Bowen nhờ y làm luôn ba cốc. Thế rồi ông cũng đứng dậy, bỏ tay vào túi áo, mắt nhìn chăm chăm xuống đôi giày của mình một lúc trong khi Newton đang pha rượu.

Lúc chuyển cốc cho Bowen và tay thư kí - hẳn né tránh ánh mắt y lúc nhận cốc rượu - Newton chợt lóe lên một suy nghĩ. “Nhưng một khi FBI đã nghe bản ghi âm của ông, tôi đoán là ông có ghi âm lại, họ hẳn đã thay đổi suy nghĩ về mục đích của tôi.”

Bowen nhấp rượu. “Thực ra thì ông Newton ơi, chúng tôi chưa bao giờ cho FBI biết là có tồn tại mấy bản ghi âm. Chúng tôi chỉ đơn thuần yêu cầu họ ra chỉ thị bắt giam. Mấy cuộn băng ghi âm chưa bao giờ bị tuồn ra khỏi văn phòng tôi.”

Lại thêm một điều bất ngờ nữa. Nhưng những bất ngờ đến liên tiếp với tốc độ quá nhanh đến nỗi y đã quen rồi. “Nhưng lỡ họ đòi

ông mấy cuộn băng thì sao?”

“À, hẳn là ông cũng biết tôi may mắn được làm giám đốc cho CIA. Thế có nghĩa là tôi ở cấp cao hơn FBI.”

“Vậy thì ông hẳn là... tên gì nhỉ, Van Brugh? Tôi đã từng nghe qua danh ông.”

“Chúng tôi là một nhóm khó ai đụng tới ở CIA,” Bowen hay Van Brugh nói. “Dù sao thì khi đã có cuộn băng, chúng tôi đều đã biết được những gì mình muốn biết về ông rồi. Từ những lời thú nhận của ông, chúng tôi cũng đoán chắc rằng nếu FBI bắt ông - mà tôi có kể với ông rằng họ sắp sửa làm việc đó rồi - chắc là ông sẽ tuôn ra hết toàn bộ câu chuyện cho họ biết mất thôi. Chúng tôi không muốn chuyện đó xảy ra bởi vì chúng tôi không tin FBI. Có những thời điểm rất nguy hiểm, ông Newton ạ. Họ hẳn là sẽ giải quyết vấn đề mà chúng tôi đang làm rất chặt vật đây bằng cách giết ông cho xong.”

“Thế ông không có ý định giết tôi ư?”

“Với chúng tôi thì chắc chắn là không. Dù ông có nguy hiểm thế nào, tôi cũng sẽ không bao giờ xuống tay với ông vì nếu làm thế thì khác nào giết con ngỗng đẻ trứng vàng.”

Newton đã uống cạn cốc nên y lại rót đầy thêm. “Ông nói thế nghĩa là sao?” Y hỏi.

“Ngay bây giờ, ở Bộ Quốc phòng, chúng tôi đã lập ra nhiều kế hoạch chế tạo vũ khí tối tân nhờ những dữ kiện ăn cắp từ tài liệu của ông rò rỉ suốt ba năm. Như tôi đã nói, có những thời điểm rất nguy hiểm, có nhiều cách để chúng tôi tận dụng ông lắm. Tôi

hình dung là người Anthea các ông biết rất nhiều về việc chế tạo vũ khí.”

Newton dừng một lúc, đắm chiêu nhìn cốc nước. Rồi y điềm tĩnh. “Nếu ông đã nghe tôi nói chuyện với Bryce thì hẳn là ông cũng đã biết người Anthea chúng tôi dùng vũ khí để làm gì. Tôi không có ý định biến nước Mỹ trở thành một siêu cường quốc. Mà thực tế thì tôi cũng chẳng làm được điều đó nếu tôi có muốn đi chẳng nữa. Tôi không phải là nhà khoa học. Tôi được chọn đi chuyến này chỉ vì khả năng chịu đựng về mặt thể chất thôi, không phải vì kiến thức. Tôi biết rất ít về vũ khí - tôi nghĩ rằng có lẽ còn ít hơn ông nữa.”

“Nhưng hẳn là ông đã từng nhìn thấy, hay nghe qua về vũ khí lúc còn ở Anthea chứ.”

Bây giờ, Newton đã lấy lại được sự điềm tĩnh, có lẽ là nhờ vào mấy cốc rượu. Y không còn cảm thấy phải phòng thủ nữa. “Ông đã nhìn thấy xe ô tô rồi đúng không ông Van Brugh. Ông có thể giải thích trực tiếp cho một người châu Phi sống hoang dã cách làm được không? Với chỉ những nguyên liệu có sẵn ở chỗ của họ?”

“Không. Nhưng tôi có thể giải thích về động cơ đốt trong cho một người hoang dã nếu tôi có thể tìm thấy một người hoang dã ở châu Phi hiện đại. Và nếu anh ta là một người hoang dã thông minh, anh ta sẽ có khả năng làm được gì đó với kiến thức ấy.”

“Có thể là tự sát đấy.” Newton nói. “Dù như thế nào, tôi cũng không có ý định kể cho ông nghe thêm bất cứ điều gì có giá trị cho ông đâu.” Y lại uống cạn hết một cốc nước. “Chắc là ông sắp sửa tra tấn tôi phải không.”

“Tôi e rằng như thế thì chỉ lãng phí thời gian thôi,” Van Brugh nói. “Ông chắc đã hiểu lí do tại sao chúng tôi cứ hỏi ông những câu ngớ ngẩn trong suốt hai tháng qua, đó là vì chúng tôi đang tiến hành một dạng liệu pháp phân tâm học. Chúng tôi có nhiều máy quay ở đây thu lại tần suất chớp mắt và những thứ tương tự như thế. Chúng tôi đã kết luận rằng tra tấn không có tác dụng với ông. Ông sẽ dễ phát điên khi bị đau trong khi chúng tôi vẫn chưa kịp hiểu hết về tâm lí của ông, những thứ như tội lỗi hay lo âu, đại loại thế; mà đã không hiểu thì làm sao tẩy não ông được. Chúng tôi cũng đánh thuốc ông bằng nhiều loại - nào là thuốc ngủ, thuốc mê - nhưng đều không có hiệu quả.”

“Vậy ông còn định làm gì nữa? Bắn tôi à?”

“Không. Tôi e là chúng tôi không thể nếu Tổng thống không cho phép, mà ông ấy sẽ không chịu đâu.” Van Brugh mỉm cười buồn bã. “Ông thấy đấy, ông Newton, sau tất cả các yếu tố có tầm vũ trụ được xem xét, yếu tố cuối cùng hóa ra là một vấn đề thực tiễn, đó là chính trị của nhân loại.”

“Chính trị ư?”

“Bây giờ là năm 1988. Mà 1988 là năm bầu cử. Tổng thống đang lên chiến dịch cho nhiệm kì thứ hai, theo một nguồn tin đáng tin cậy thì ông ấy sẽ tái đắc cử. Ông có biết là sau vụ Watergate thì chẳng có gì thay đổi không? Chẳng có gì thay đổi cả. Tổng thống đã lợi dụng chúng tôi, những người trong CIA, để theo dõi các đảng khác. Đảng Cộng hòa đang dự định gây chấn động toàn bộ vụ này tương tự như vụ Dreyfus nếu như chúng tôi không cung cấp đủ bằng chứng buộc tội ông hoặc không thả ông ra mà không rồi rít xin lỗi.”

Đột nhiên, Newton bật cười. “Nếu ông bắn tôi thì Tổng thống sẽ thua trong cuộc bầu cử đúng không?”

“Đảng Cộng hòa có mối quan hệ khăng khít với những nhà tư bản công nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam. Chắc ông cũng biết là những quý ông đó rất có sức ảnh hưởng. Họ cũng muốn bảo vệ quyền lợi của mình chứ.”

Newton lại càng cười rũ rượi hơn. Đó là lần đầu tiên trong đời y thực sự cười to. Không phải là cười khúc khích, cười thầm thì, cười khì khì: Y cười to và sảng khoái. Khi đã định thần lại, y hỏi: “Vậy là ông sẽ phải thả tôi đi?”

Van Brugh cười khổ sở. “Ngày mai. Chúng tôi sẽ để ông đi vào ngày mai.”

9.

Hơn một năm nay, y ngày càng khó biết bản thân mình cảm thấy như thế nào về nhiều thứ. Đây không phải là một điều khó khăn trong đặc điểm tính cách của dân tộc y, mà bằng cách nào đó y lại thẩm thấu vấn đề này. Suốt mười lăm năm ấy, y đã học tiếng Anh, học cách cài khuy, thắt dây, học đánh bóng chày ở mức trung bình, học thương hiệu của những hãng ô tô, và hằng hà sa số những mảnh thông tin khác, quá nhiều đến nỗi đâm ra không cần thiết. Trong suốt quãng thời gian ấy, y chưa từng ngờ vực bản thân, chưa từng đặt nghi vấn về kế hoạch y được chọn để thực hiện. Vậy mà bây giờ, sau năm năm thực sự sống với con người, y lại không thể diễn tả được mình cảm thấy như thế nào trước một việc quá rõ ràng dễ hiểu là y được trả lại tự do. Xét ở góc độ kế hoạch cho đại cục, y không biết phải nghĩ gì, hậu quả là y hầu như không có suy nghĩ về việc đó nữa. Y đã trở nên rất giống con người.

Buổi sáng, y được trao trả lại mấy món đồ ngụy trang. Y cảm thấy chút lạ lẫm khi phải mặc những thứ này lần nữa trước khi quay trở về thế giới bình thường, việc này bây giờ cũng thật ngớ ngẩn vì y có còn phải che giấu bản thân mình với ai nữa đâu? Tuy nhiên, y rất hồ hởi khi lại được đeo kính sát tròng, cặp kính này giúp mắt y trông giống con người hơn. Bộ lọc ánh sáng cũng làm dịu mắt y trước cường độ ánh sáng mà thậm chí dù y có đeo kính râm liên tục thì mắt cũng không thể được bảo vệ giống như thế.

Khi y đeo kính vào rồi tự nhìn mình trong gương, y cảm thấy nhẹ nhõm vì lại trông giống con người.

Một người đàn ông mà y chưa từng gặp trước đây đưa y ra khỏi phòng, dẫn y xuống hành lang đang sáng rực vì có những tấm phát sáng được làm theo bằng sáng chế của tập đoàn W. E. Tiếp đến là những người lính mang súng hộ tống y. Họ bước vào một thang máy.

Ánh sáng trong thang máy chói lòa bức bối. Y đeo thêm kính râm. “Các anh sẽ kể lại với báo chí về vụ này như thế nào?” Y hỏi mà không thực sự quan tâm. Người đàn ông vẫn im lặng cho đến giờ hóa ra lại rất nhã nhặn. Hắn thấp người, tướng chắc nịch, nước da không được hồng hào. “Đó không phải là phần việc nằm trong bộ phận của tôi.” Hắn vui vẻ trả lời. “Nhưng tôi nghĩ rằng họ sẽ nói là ông được canh gác bảo vệ vì lí do an ninh. Những việc ông làm có tầm quan trọng trong công cuộc bảo vệ quốc gia. Đại loại thế.”

“Có phóng viên nào chờ sẵn không? Khi tôi ra ngoài?”

“Tôi nghĩ là chẳng có ai đâu.” Thang máy dừng lại. Cửa mở ra một lối đi qua hành lang kín đáo khác. “Chúng tôi lên đưa ông ra ngoài qua cửa sau mà.”

“Ngay bây giờ ư?”

“Khoảng hai tiếng nữa. Có một số thủ tục cần phải làm trước. Chúng tôi phải dẫn ông ra khỏi chỗ này đã. Đó là lí do tôi đến đây.” Họ tiếp tục băng qua hành lang rất dài và cũng rất sáng lòa giống như các nơi khác trong tòa nhà. “Kể tôi nghe đi.” Người đàn ông hỏi. “Sao mà ông bị bắt vậy?”

“Anh không biết ư?”

“Những thông tin kiểu này được giữ khá kín đáo ở đây.”

“Ông Van Brugh không cung cấp cho anh những thông tin ấy à?”

Người đàn ông mỉm cười. “Van Brugh chẳng kể ai nghe cái gì đâu, trừ khi Tổng thống thì may ra, nhưng ông ấy cũng chỉ kể cho Tổng thống nghe những gì mình muốn kể thôi.”

Ở cuối hành lang - hay có thể gọi là đường hầm, y không chắc gọi cái nào thì chính xác hơn - là một cánh cửa dẫn đến căn phòng có vẻ giống như phòng khám nha khoa nhưng lại hơi to. Căn phòng lát gạch màu vàng nhạt sạch tinh tươm. Ở đó có một cái ghế loại giống bác sĩ nha khoa thường dùng, bao quanh là vô số máy móc còn mới tinh, trông có vẻ cồng kềnh. Hai người phụ nữ và một người đàn ông đang đứng đợi, mỉm cười lịch sự, họ mặc áo blouse có màu vàng rất hợp với màu gạch. Y đã tưởng là sẽ gặp Van Brugh, y không rõ lí do tại sao Van Brugh không có mặt trong phòng. Người đàn ông đã hộ tống y tới đây dẫn y ngồi lên chiếc ghế. Hắn cười nhản nhở. “Tôi biết là nhìn thì có vẻ đáng sợ nhưng họ sẽ không làm gì tổn thương ông đâu. Máy cái kiểm tra theo thủ tục thôi, chủ yếu là để nhận dạng.”

“Ôi trời.” Newton thốt lên. “Các người kiểm tra tôi còn chưa đủ hay sao?”

“Không phải chúng tôi, ông Newton à. Tôi xin lỗi nếu như có bị trùng lặp quá trình mà CIA đã làm. Nhưng chúng tôi là FBI, chúng tôi phải lấy những thông tin này vào hồ sơ của mình. Ông biết đấy, những thông tin kiểu như nhóm máu, vân tay, điện não đồ.”

“Được rồi.” Y cam chịu ngồi lên chiếc ghế. Van Brugh đã nói chính phủ hiện hành động theo lối khó hiểu. Dù sao thì việc này cũng sẽ không mất quá nhiều thời gian.

Họ chọc kim vào người y, rồi dùng thiết bị chụp ảnh và nhiều công cụ cơ khí khác nhau để kiểm tra y mất một lúc. Họ chụp tấm điện cực lên đầu y để đo sóng não, rồi gắn điện cực lên cổ tay để đo nhịp tim. Y biết rằng một số kết quả thu được sẽ khiến họ bất ngờ, nhưng họ lại chẳng biểu hiện chút ngạc nhiên nào. Giống như người đàn ông ở FBI đã nói, tất cả chỉ là vấn đề thủ tục.

Thế rồi sau khoảng một tiếng đồng hồ, họ đẩy một cỗ máy đến trước mặt y ở khoảng cách rất gần, yêu cầu y tháo kính ra. Cỗ máy này có hai thấu kính, đặt ở vị trí trông giống như một cặp mắt, dường như nó đang nhìn y hiếu kì. Có một cái vòng bằng cao su đen giống như vành mắt bao quanh mỗi ống kính.

Y lập tức hoảng sợ. Nếu như họ không biết điểm khác thường ở đôi mắt y thì... “Mấy người định làm gì vậy?”

Tay chuyên viên kĩ thuật mặc áo choàng màu vàng lôi từ trong túi áo sơ mi ra một cây thước nhỏ rồi cầm lấy để đo chiều dài sống mũi của Newton. Giọng hần bình thản. “Chúng tôi chỉ đang định chụp một vài tấm phim thôi. Sẽ không đau đâu.”

Một người phụ nữ nở nụ cười theo kiểu chuyên nghiệp, với tay định tháo kính râm của y. “Thưa ông, bây giờ ông cho phép chúng tôi tháo kính này ra một lúc nhé...”

Y nghiêng đầu đi để né cô ta, úp một tay che mặt. “Chờ chút đã. Chụp phim gì vậy?”

Tay chuyên viên thoáng lưỡng lự. Hắn liếc nhìn qua tay FBI bây giờ đã ngồi yên vị ở gần bức tường. Tay FBI gật đầu niềm nở. Tay chuyên viên mặc áo choàng vàng trả lời: “Thưa ông, thực tế là sẽ chụp hai loại ảnh cùng lúc. Một là loại nhận dạng vồng mạc để lấy mẫu mạch máu. Đây là phương pháp nhận dạng tốt nhất hiện nay. Loại còn lại là ảnh X-quang. Chúng tôi muốn thấy được những đường gờ bên trong xương chẩm - phần phía sau hộp sọ của ông.”

Newton cố thoát ra khỏi chiếc ghế. “Không!” Y nói. “Mấy người không biết là mấy người đang làm cái quái gì đâu.”

Thế rồi chưa gì tay FBI thân thiện đã đứng ngay sau y với tốc độ nhanh hơn y tưởng, kéo y ngồi trở lại ghế. Y không thể cử động. Có lẽ tay FBI không nhận thức được là ngay cả một người phụ nữ cũng có thể dễ dàng giữ chặt y. “Tôi xin lỗi ông,” giọng hân vọng từ phía sau y. “Nhưng chúng tôi phải chụp được những bức ảnh này.”

Y cố tự trấn tĩnh mình. “Chẳng lẽ ông chưa được ai báo thông tin về tôi? Chẳng lẽ không có ai nói cho ông nghe mắt của tôi như thế nào sao? Họ chắc chắn là biết được mắt của tôi như thế nào.”

“Mắt ông bị sao ư?” Tay mặc áo choàng vàng hỏi. Hắn dường như mất kiên nhẫn.

“Mắt tôi rất nhạy cảm với tia X-quang. Mà thiết bị đó thì...”

“Không có mắt ai nhìn thấy được tia X-quang cả.” Hắn mím môi, rõ là đang phát cáu. “Không ai có thể nhìn thấy ánh sáng ở tần số đó cả.” Hắn gật đầu ra hiệu cho người phụ nữ, cô cười

gương rồi tháo kính của y ra. Ánh sáng trong phòng làm y chớp mắt.

“Tôi thấy mà.” Y vừa nói vừa đảo mắt. “Tôi nhìn thấy mọi thứ theo lối hoàn toàn khác các anh. Hãy để tôi chỉ cho các anh thấy đôi mắt của tôi được cấu tạo như thế nào. Nếu các anh thả tôi ra, tôi sẽ tự tháo... kính sát trùng đang đeo.”

Tay FBI vẫn không buông y ra. “Kính sát trùng ư?” Tay chuyên viên hỏi. Hắn nghiêng người lại gần, nhìn chăm chú vào mắt Newton mất một lúc lâu. Rồi hắn lui lại. “Ông đâu có đeo kính sát trùng.”

Y bỗng trỗi dậy một thứ cảm giác lâu rồi y chưa từng trải qua: Hoảng sợ. Ánh sáng trong căn phòng đã trở nên ngọt ngào, nó dường như đang rung lắc xung quanh với cường độ bằng nhịp tim của y. Lời y nói ra nghe khản đặc giống như người say rượu. “Đó là một... loại trùng mới. Một lớp màng nhầy, không phải plastic. Thả tôi ra một chút đi, tôi sẽ chỉ cho ông thấy.”

Tay chuyên viên vẫn mím môi. “Làm gì có thứ nào giống vậy.” Hắn nói. “Tôi có kinh nghiệm hai mươi năm làm kính sát trùng mà...”

Tay FBI ở sau y bỗng thốt ra lời hay ý đẹp. “Để ông ấy thử đi, Arthur.” Hắn nói, đột nhiên buông lỏng cánh tay y. “Dù sao thì ông ấy cũng là người đóng thuế mà.”

Newton thở hắt ra rồi nói: “Tôi cần một tấm gương.” Y bắt đầu mò mẫm trong túi áo của mình rồi bất thành linh lại hoảng loạn. Y không đem theo chiếc nhíp nhỏ, loại được thiết kế đặc biệt để gấp lớp màng nhầy ra... “Tôi xin lỗi,” y nói chung chung cho tất cả bọn

họ nghe. “Tôi xin lỗi nhưng mà tôi phải có một dụng cụ. Có lẽ nó còn ở trong phòng tôi...”

Tay FBI vẫn nhẵn nại cười. “Ôi, thôi nào ông ời. Ta đâu có thời gian cả ngày. Mà tôi cũng không thể quay lại căn phòng đó cho dù có muốn giúp ông đi chẳng nữa.”

“Được rồi.” Newton nói. “Vậy thì ở đây có chiếc nhíp nhỏ nào không? Có lẽ tôi dùng cái đó cũng được.”

Tay chuyên viên nhăn mặt. “Chờ chút.” Hắn còn nói lầm bầm gì đó nữa rồi mới đi đến tủ kéo. Trong vòng một phút, hắn đã tập hợp được một bộ dụng cụ bóng loáng, đáng sợ: Nhíp, đồ hơi giống nhíp, và vài dụng cụ trông giống nhíp nhưng không rõ chức năng. Hắn đặt tất cả lên chiếc bàn bên cạnh ghế nha khoa.

Một trong hai người phụ nữ đưa cho Newton chiếc gương tròn. Y nhặt lấy một chiếc nhíp nhỏ đầu cùn ở trên bàn. Nó trông không giống lắm cái y thường dùng, nhưng có lẽ vẫn hiệu quả. Y thử nhấp mấy lần. Có lẽ nó hơi lớn nhưng không còn cách nào khác hơn.

Thế rồi y nhận ra tay y không thể cầm chắc gương. Y nhờ người phụ nữ đã đưa gương cho y cầm giùm. Cô bước đến gần hơn để lấy gương nhưng lại chìa gương vào quá gần mặt y. Y bảo cô lùi lại một chút, sau đó còn bắt cô điều chỉnh góc đứng để y có thể nhìn thấy rõ ràng. Y vẫn không ngừng đảo mắt. Tay mặc áo choàng vàng bắt đầu nhíp chân trên sàn. Nhíp chân của hắn dường như đồng bộ với nhịp dao động của ánh sáng trong phòng.

Khi y đưa tay cầm nhíp lại gần mắt, những ngón tay bắt đầu run rẩy không kiểm soát được. Y vội vàng rút tay lại. Y thử lại lần

nữa, nhưng vẫn không thể đưa vật đó lại gần mắt. Lần này, tay y rung còn dữ dội hơn. “Tôi xin lỗi.” Y nói. “Chờ thêm chút nữa nhé...” Tay y cứ vô thức rút lại, có lẽ vì sợ dụng cụ đó, sợ những ngón tay cứ run lẩy bẩy không thể kiểm soát của y. Chiếc nhíp trong tay y rơi tuột xuống đùi. Y lóng ngóng dò dẫm tìm, rồi thở dài nhìn tay FBI, khuôn mặt hắn vẫn vô cảm. Y tăng hắng cổ họng, vẫn đảo mắt liên tục. Tại sao đèn lại sáng đến thế? “Ông có nghĩ rằng,” y hỏi, “tôi cần uống một ngụm nước không? Gin chẳng hạn?”

Bất thành linh, hắn bật cười. Nhưng lần này, tràng cười không còn có vẻ thân thiện nữa. Âm thanh nghe sắc lạnh, tàn nhẫn. Tiếng cười vang vọng khắp trong căn phòng lát gạch ấy.

“Thôi nào,” hắn nói, mỉm cười vẻ độ lượng. “Thôi nào.”

Lúc bấy giờ đã vô cùng tuyệt vọng, y chộp lấy chiếc nhíp. Giá mà y có thể lấy một chiếc màng nhầy ra dù có phải làm hỏng một con mắt đi chăng nữa, khi đó thì họ sẽ tin y... Nhưng tại sao Van Brugh không đến kể cho họ biết? Y tự làm hỏng một mắt sẽ tốt hơn là giao nộp hết cả hai cho cỗ máy đó, cho hai ống kính muốn nhìn sâu soi vào hộp sọ y vì lí do thật ngu ngốc: Đếm từ bên trong xem có bao nhiêu đường gờ ở phía sau hộp sọ của y, đếm thông qua mắt y, đôi mắt nhạy cảm của y.

Đột nhiên, bàn tay của tên FBI lại kẹp chặt cổ tay và cánh tay y - đôi cánh tay quá yếu ớt nào có thể đấu lại sức mạnh của con người nên lần nữa lại bị kéo ra sau lưng y và giữ chặt ở đó. Thế rồi có ai đó tròng lên đầu y một tấm điện cực, siết chặt lại ở hai bên thái dương. “Không!” y thốt lên, giọng run rẩy, yếu ớt. “Không!” Y không thể nhắc đầu được.

“Tôi xin lỗi.” Tay chuyên viên nói. “Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi phải giữ chặt đầu ông để làm kiểm tra.” Trong giọng nói của hắn, nghe chẳng có gì giống như là muốn xin lỗi cả. Hắn đẩy cổ máy trực diện về phía khuôn mặt Newton. Rồi hắn vặn một núm xoay để đưa ống kính và hai vòng cao su úp lên đôi mắt của Newton giống như hai ống nhòm.

Và lần thứ hai trong hai ngày liên tiếp, Newton đã bật phát làm một điều mới mẻ với y, một điều rất giống con người. Y thét lên. Lúc đầu, y hét lên vô thanh rồi sau đó y nhận ra tiếng thét của mình đã thành lời từ lúc nào. “Mấy người không biết rằng tôi không phải là con người à? Tôi không phải là con người!” Chiếc vòng đã chặn hết mọi luồng ánh sáng. Y không thể thấy bất cứ cái gì, bất cứ ai. “Tôi không phải là con người một chút nào cả!”

“Thôi nào.” Giọng nói của tay FBI vọng từ phía sau y.

Rồi sau đó, Newton nhìn thấy một tia sáng bạc chói lòa còn hơn cả ánh nắng giữa trưa của một mùa Hè rực rỡ chiếu vào người đàn ông vừa bước ra từ căn phòng tối và tự ép mình phải nhìn chăm chăm vào tia sáng ấy, mở to mắt, cho đến khi mắt anh ta tối sầm. Thế rồi y cảm nhận sức ép trên khuôn mặt đã biến mất, tự hiểu rằng họ đã đẩy cổ máy đi.

Chỉ sau khi y bị ngã hai lần, họ mới kiểm tra lại mắt của y và phát hiện rằng y đã bị mù.

10.

Y bị biệt giam trong một bệnh viện công khoảng sáu tuần, những bác sĩ ở đó cũng chẳng thể làm được gì giúp y. Các tế bào cảm nhận ánh sáng trong võng mạc của y đã gần như hoàn toàn bị tổn thương, không còn khả năng phân biệt thị giác và cũng chẳng khác gì một tấm phim bị phơi dư sáng quá độ. Sau vài tuần, y có thể lờ mờ phân biệt được sáng tối, có thể biết được khi nào có một vật thể lớn, chắn sáng đặt trước mặt y, và vật thể đó đúng nghĩa là lớn, chắn sáng. Nhưng chỉ đến thế thôi, còn màu sắc và hình dáng thì y không nhìn ra.

Trong suốt khoảng thời gian đó, y lại bắt đầu nghĩ về Anthea. Đầu tiên, y hồi tưởng những kí ức xưa cũ và rời rạc, hầu hết là về thời thơ bé. Y nhớ về một trò chơi nào đó tương tự như cờ vua mà y từng rất thích chơi hồi nhỏ. Đó là trò chơi có mấy khối lập phương trong suốt đặt trên một cái bàn tròn, y nhận ra mình vẫn còn nhớ được những luật chơi phức tạp, chẳng hạn như khối lập phương màu xanh lá sẽ được quyền đi trước khối màu xám khi các khối xanh lá hợp thành hình đa giác. Y nhớ những nhạc cụ đã từng học, những cuốn sách đã từng đọc, đặc biệt là các sách sử, thế rồi tuổi thơ của y đã kết thúc bằng hôn nhân ở tuổi ba mươi hai theo thời gian trên Anthea, hoặc bốn mươi lăm nếu xét theo cách tính của con người. Y không tự chọn vợ, dù đôi khi điều này cũng được phép, mà để gia đình chọn. Cuộc hôn nhân mẫu mực mang lại cho y cảm giác khá thoải mái. Đời sống sau khi đã kết hôn không có chút nào nồng nhiệt, nhưng người Anthea cũng

không phải là giống loài nồng nhiệt. Bây giờ mắt đã mù lòa, thân trong bệnh viện Mĩ, y mới nhận ra mình nghĩ về vợ còn triu mến hơn trước đây. Y nhớ nàng và ước gì nàng ở đây với y. Đôi lúc y còn bật khóc.

Vì không thể xem ti vi nên nhiều lúc y lại nghe đài. Y biết được là chính phủ đã không thể giữ bí mật nổi chuyện y bị mù. Đảng Cộng hòa đang tận dụng hình ảnh của y khá đáng kể cho chiến dịch của họ. Họ gọi những gì đã xảy ra với y là một minh chứng cho sự chuyên chế và vô trách nhiệm của chính quyền.

Sau tuần đầu tiên, y đã không còn cảm giác căm ghét họ nữa. Làm sao y có thể hờn dỗi trẻ con? Van Brugh nói lời xin lỗi y rằng ông vô cùng xấu hổ, tất cả là một sự nhầm lẫn. Ông không biết rằng FBI chưa được báo tin về những đặc điểm dị thường của Newton. Y nhận thấy rằng Van Brugh không thực sự quan tâm y, thứ duy nhất ông lo lắng chỉ là liệu y, Newton, sẽ nói gì với cánh báo chí, những cái tên nào y sẽ liệt kê ra. Newton chán nản trấn an ông rằng y sẽ không nói gì, chỉ nói rằng tất cả là một tai nạn không thể tránh khỏi. Không phải lỗi ai cả, một tai nạn thôi.

Thế rồi một ngày, Van Brugh bảo y rằng ông đã hủy cuộn băng. Ông nói ngay từ đầu ông đã biết rằng cũng sẽ chẳng có ai tin chuyện này đâu. Họ sẽ nghĩ đây là chuyện bịa đặt, hoặc Newton đã hóa điên, bất cứ cái gì ngoại trừ chuyện chịu tin đây là sự thật.

Newton hỏi ông có tin đây là sự thật không.

“Đương nhiên, tôi tin chứ” Van Brugh lặng lẽ nói. “Ít nhất đã có sáu người biết chuyện và tin. Tổng thống là một trong số đó, rồi

có Bộ trưởng Ngoại giao nữa. Nhưng chúng ta tiêu hủy những bản ghi âm.”

“Sao lại làm vậy?”

“À thì,” Van Brugh cười lạnh nhạt, “chúng tôi không muốn lịch sử ghi lại rằng chúng tôi đã tập hợp những kẻ điên cuồng nhất để lãnh đạo đất nước này.”

Newton bỏ xuống quyển sách chữ nổi y đang cầm để tập đọc. “Vậy thì tôi có thể quay lại làm việc không? Ở Kentucky ấy?”

“Cũng có thể. Tôi không chắc. Chúng tôi sẽ giám sát ông từng phút trong suốt phần đời còn lại của ông. Nhưng nếu Đảng Cộng hòa nhúng tay vào, tôi sẽ bị thay thế. Tôi cũng không biết nữa.”

Newton lại cầm quyển sách lên. Sau suốt nhiều tuần, lần đầu tiên y đã có cảm giác lấy lại hứng thú với những gì đang diễn ra xung quanh trong phút chốc. Nhưng sự hứng thú đó đến nhanh mà đi cũng nhanh, không để lại chút dấu vết nào. Y mỉm cười nhẹ nhàng. “Thú vị đấy.”

* * *

Khi y được một nữ y tá dẫn ra khỏi bệnh viện, đã có một đám đông chờ sẵn bên ngoài tòa nhà. Dưới ánh dương rực rỡ, y có thể lơ mơ thấy những cái bóng và nghe giọng nói của họ. Một lối đi trong đám đông đã được mở sẵn dành cho y, có lẽ là do cảnh sát mở lối, nữ y tá dẫn y đến chỗ xe hơi đã chờ sẵn thông qua lối đó. Y nghe có một tràng vỗ tay nhỏ. Y bị vấp hai lần nhưng không ngã. Nữ y tá dìu y rất có nghề, cô sẽ chăm sóc y theo thời gian

tính bằng tháng hay bằng năm, cho đến khi nào y còn cần cô. Cô tên là Shirley và y cũng biết là tướng cô béo.

Đột nhiên y bị ai đó kéo tay, nắm nhẹ. Một người to cao đang đứng trước mặt y. “Thật vui khi ông đã quay trở lại, ông Newton.” Là giọng của Farnsworth.

“Cảm ơn ông, Oliver.” Y cảm thấy rất mệt. “Ta có chuyện cần phải bàn.”

“Vâng. Ông có biết là ông đang xuất hiện trên truyền hình không, ông Newton.”

“Ồ, tôi không biết.” Y nhìn quanh, cố dò tìm bóng dáng máy quay nhưng bất thành. “Máy quay ở đâu vậy?”

“Bên phải ông đó.” Farnsworth nói, giọng thì thầm.

“Ông làm ơn xoay giúp người tôi sang phía đó được không. Có ai muốn hỏi tôi điều gì à?”

Một giọng nói, rõ ràng là của một phóng viên truyền hình, đang vang lên từ hướng khuỷu tay y. “Ông Newton, tôi là Duane Whitely ở đài truyền hình CBS. Ông có thể nói cho tôi biết ông cảm thấy như thế nào khi lại được ra ngoài không?”

“Không.” Newton nói. “Tôi vẫn chưa thể nói được.” Người phóng viên không có vẻ gì là ngạc nhiên, y hỏi tiếp: “Ông có dự định gì cho tương lai? Nhất là sau những chuyện ông vừa trải qua.”

Cuối cùng Newton cũng tìm được hướng máy quay, bây giờ y đang nhìn thẳng vào nó, gần như hoàn toàn không ý thức về những con người đang lắng nghe y, cả những ai đang ở đây - ở

Washington này và những ai theo dõi qua truyền hình trên khắp đất nước này. Y đang nghĩ về một nhóm đối tượng khác. Y khẽ mỉm cười. Với những nhà khoa học ở Anthea? Với vợ y? “Như các bạn đã biết, tôi hiện đang thực hiện dự án thám hiểm không gian. Công ty tôi đang thực hiện khối lượng công việc khá lớn, chúng tôi phóng một chiếc máy bay vào hệ thống năng lượng mặt trời để đo các bức xạ đã khiến việc du hành giữa các hành tinh trở nên bất khả thi cho đến hiện nay.” Y dừng một chút để lấy hơi rồi mới nhận ra là đầu và vai đang đau nhói. Có lẽ lại do vấn đề trọng lực sau khoảng thời gian dài y nằm liệt giường. “Sau thời gian bị giam giữ, vốn cũng không hề khó chịu, tôi đã có cơ hội để suy nghĩ.”

“Vâng?” Người phóng viên nói để lấp khoảng lặng.

“Phải.” Y mỉm cười dịu dàng, nụ cười chứa đầy hàm ý, thậm chí có cả nét hạnh phúc khi nhìn hướng về máy quay, về quê nhà của y. “Tôi đã nhận ra là dự án này quá tham vọng. Tôi quyết định từ bỏ.”

1985:

Icarus chết chìm

1.

Nathan Bryce lần đầu tiên phát hiện ra tung tích của Thomas Jerome Newton qua một cuộn giấy. Gã lại phát hiện ra y lần nữa qua một bản ghi âm. Gã phát hiện ra nó cũng tình cờ như khi phát hiện ra cuộn giấy, nhưng thông điệp từ bản ghi - ít nhất là một phần nào đó - lại ngay lập tức rõ ràng hơn rất nhiều so với cuộn giấy. Chuyện này diễn ra vào tháng Mười năm 1990, ở một hiệu thuốc Walgreen tại Louisville, cách căn hộ mà Bryce và Betty Jo Mosher sống chung một vài dãy nhà. Lúc đó là khoảng bảy tháng sau thời điểm Newton nói lời từ biệt ngắn gọn trên ti vi.

Cả Bryce và Betty Jo đều tiết kiệm được phần lớn lương của họ ở World Enterprises, Bryce thực sự không quá cần phải đi làm để kiếm sống, ít nhất là trong một, hai năm. Tuy nhiên, gã đã nhận lời làm cố vấn cho một xí nghiệp sản xuất đồ chơi khoa học, một công việc giúp gã cảm thấy thỏa mãn phần nào đó vì đã khiến sự nghiệp trong lĩnh vực hóa học của gã được trọn vẹn. Một buổi chiều, khi đang trên đường tan ca trở về nhà thì gã tạt qua hiệu thuốc. Mục đích của gã là mua một bộ dây cột giày, nhưng rồi gã lại dừng ở lối ra vào khi nhìn thấy một chiếc giỏ lớn làm bằng kim loại, bên trong đựng những bản ghi âm, bên dưới có một tấm biển đề dòng chữ *Xả kho, giá 89 xu*. Bryce lúc nào cũng thích săn hàng giá rẻ. Gã lướt qua một vài bản ghi âm, cũng xem chơi một, hai cái hơi kĩ, rồi chợt bắt gặp một cái có vẻ nghiệp dư nhưng tiêu đề của nó ngay lập tức khiến gã giật mình. Kể từ thời đĩa hát chuyển sang hình thức quả cầu bi, nhà sản xuất thường đóng gói quả cầu

trong những hộp nhựa nhỏ, rồi buộc chặt một tấm thẻ nhựa lớn dính kèm bên ngoài. Trên thẻ có in ảnh nghệ thuật, thường kèm theo lời bình có phần ngớ ngẩn kế thừa từ thời album còn sản xuất theo hình thức đĩa kiểu cũ. Nhưng thẻ trên cái này lại chỉ đơn thuần là một miếng bìa cứng, không có ảnh gì cả. Bản ghi không hề có tón kém để đạt yêu cầu về tính nghệ thuật, tiêu đề được in đơn giản bằng công nghệ cũ. Đó là dòng chữ: *Những bài thơ từ ngoài không gian*. Ở mặt còn lại của tấm thẻ thì là dòng chữ: *Chúng tôi đoán chắc rằng dù không hiểu được ngôn ngữ này, bạn vẫn sẽ ước giá mà mình có thể! Bảy bài thơ không-thuộc-về-thế-giới-này là sáng tạo của một người đàn ông mà chúng tôi gọi là “khách viếng”*.

Không hề lưỡng lự, Bryce cầm bản ghi đến quây nghe thử, đặt quả cầu bi vào rãnh rồi bật công tắc. Ngôn ngữ phát ra quả thực rất kì lạ: Buồn bã, du dương, nguyên âm kéo dài, lên xuống với cao độ khác thường, hoàn toàn không thể hiểu được. Nhưng giọng nói thì không còn nghi ngờ gì nữa, chính là của T. J. Newton.

Gã tắt công tắc. Ở cuối tấm thẻ có in dòng chữ: THU TẠI “THỜI PHỤC HƯNG ĐỆ TAM,” SỐ 23 ĐƯỜNG SULLIVAN, NEW YORK...

“Thời Phục hưng đệ tam” nằm trong một gác xép. Nhân viên văn phòng chỉ có duy nhất một người, đó là một thanh niên da đen bảnh bao để bộ ria mép rậm rạp. May mắn thay, khi Bryce ghé vào văn phòng, người này đang có tâm trạng thoải mái nên vui vẻ kể lại rằng “khách viếng” của bản ghi âm là tay giàu có gàn dở tên là Tom hay-gì-đó sống ở nơi-nào-đó trong làng. Có vẻ như tay này đã tự mình tiếp cận thiết bị ghi âm và đứng ra bảo lãnh cả chi phí thực hiện lẫn chi phí phân phối bản ghi âm. Hẳn thường

đến một quán nhậu ở gần góc đường có tên là Chìa khóa và Dây xích...

Chìa khóa và Dây xích được tân trang lại từ một quán cà phê cũ vốn đã dẹp tiệm từ thập niên bảy mươi. Nhờ có một số thay đổi, kết hợp với việc bố trí thêm quầy bar và bán mấy loại rượu rẻ tiền mà quán sống sót được. Ở đây không có những buổi chơi trống bongo hay đọc thơ - thời của các loại hình này đã qua đi từ rất lâu rồi - nhưng có vài bức tranh nghiệp dư treo trên tường, mấy chiếc bàn gỗ rẻ tiền đặt lung tung khắp phòng, có vài khách vắng lai đến đây thường cố ý ăn mặc như những người vô công rồi nghề. Thomas Jerome Newton không phải là một trong số đó.

Bryce tự gọi một li whiskey và soda ở quầy bar rồi uống thật chậm, định bụng là sẽ chờ ở đây ít nhất vài tiếng đồng hồ. Nhưng gã chỉ vừa uống đến li thứ hai là Newton đến. Thoạt đầu, Bryce không nhận ra y. Newton hơi khòm lưng và đi lại nặng nề hơn trước. Y vẫn đeo kính râm quen thuộc, nhưng bây giờ lại còn mang thêm một cây gậy trắng, đội chiếc mũ phớt màu xám trông không hợp. Một y tá phốp pháp mặc đồng phục đỡ cánh tay, dìu y bước đi. Cô dìu y đến một cái bàn tách biệt ở góc phòng, đỡ y ngồi xuống ghế rồi rời đi. Newton hướng mặt về phía quầy bar, cất tiếng: “Chào buổi chiều, anh Elbert.” Người pha chế đáp lại: “Tôi sẽ mang rượu đến cho ông ngay.” Thế rồi anh ta mở nắp một chai rượu gin hiệu Gordon, đặt lên khay kèm với chai rượu đắng Angostura và một cái cốc, rồi bưng khay đến bàn Newton. Newton lấy ra một tờ hóa đơn từ trong túi áo sơ mi đưa cho người pha chế, mỉm cười nói: “Anh cứ giữ tiền thừa đi nhé.”

Bryce chăm chú quan sát y từ phía bên kia quầy bar khi y dò dẫm tìm rồi với được cốc, tự đổ đầy rượu gin vào phân nửa cốc, sau đó thêm vào một chút rượu đắng. Y không bỏ đá và cũng không khuấy nước mà nhấp rượu uống ngay lập tức. Đột nhiên Bryce bắt đầu tự hỏi, gần như hơi hoảng loạn rằng không biết gã nên nói gì với Newton khi giờ đây gã đã tìm ra y. Gã liệu có thể cầm trong tay li whiskey và soda, chạy qua phía bên kia quầy bar rồi nói: “Năm vừa rồi đã khiến tôi thay đổi suy nghĩ. Tôi muốn người Anthea cứ tiến hành kế hoạch. Qua thời gian theo dõi báo chí, bây giờ tôi lại muốn người Anthea tiến hành kế hoạch.” Mọi thứ dường như có vẻ quá đổi phi lí khi ngay lúc này đây, gã lại gặp người Anthea lần nữa. Và bây giờ, Newton dường như đã trở thành một sinh vật đáng thương. Lần trò chuyện chấn động đến ngỡ ngàng ở Chicago dường như đã diễn ra trong một giấc mơ, hoặc ở một hành tinh khác.

Gã nhìn chăm chăm người Anthea một lúc có lẽ là khá lâu, nhớ lại lần cuối cùng nhìn thấy Dự Án, con tàu của Newton, bên dưới chiếc máy bay Air Force đã chở gã cùng với Betty Jo và năm mươi người khác từ một địa phận ở Kentucky.

Suy nghĩ về việc đó khiến gã gần như quên mất mình đang ở đâu trong thoáng chốc. Gã nhớ về con tàu đẹp đẽ, to lớn phi lí mà họ đã cùng dựng xây ở Kentucky, nhớ về niềm khoái cảm của gã khi bắt tay vào việc đó, gã đã có được khoảng thời gian say sưa giải quyết những vấn đề liên quan đến kim loại, gốm sứ, nhiệt độ và áp suất, đến độ gã cảm thấy rằng cuộc đời mình thực sự gắn liền với một thứ gì đó quan trọng, thứ gì đó đáng bỏ công. Có lẽ đến thời điểm này thì nhiều phần của con tàu đã bắt đầu gỉ sét -

nếu như FBI chưa niêm phong toàn bộ bằng nhựa dẻo và chuyển xuống tầng hầm của Lầu Năm Góc. Nhưng dù có bất cứ chuyện gì xảy ra, chắc chắn nó sẽ không phải là phương tiện đầu tiên được người ta nghĩ đến để tìm cách cứu chữa.

Khi dòng suy tư chạm đến điểm này, gã chợt nghĩ chết tiệt, rồi đứng dậy, bước đến bàn của Newton, ngồi xuống và nói, giọng gã thật điềm tĩnh, khoan thai. “Xin chào, ông Newton.”

Giọng nói của Newton cũng điềm tĩnh giống như gã. “Nathan Bryce à?”

“Vâng.”

“Ồ.” Newton uống cạn rượu trong cốc. “Tôi rất vui vì ông đã đến. Tôi đã nghĩ là thế nào ông cũng đến.”

Không hiểu vì lí do nào mà âm điệu lãnh đạm thường có trong giọng nói của Newton giờ đây lại khiến Bryce cảm thấy bồn chồn. Gã đột nhiên cảm thấy lúng túng. “Tôi đã tìm thấy bản ghi âm của ông. Những bài thơ.”

Newton thoáng mỉm cười. “Thế ư? Ông có thích không?”

“Không thích lắm.” Gã cố gắng tỏ vẻ cứng cỏi khi nói như thế, nhưng rồi lại cảm thấy hình như mình chỉ ra chiều gắt gỏng. Gã tăng hăng. “Tại sao ông phải làm cách đó?”

Newton vẫn mỉm cười. “Thật ngạc nhiên khi mọi người không nghĩ ra được nguyên nhân,” y nói. “Đó là điều mà một người ở CIA đã nói với tôi.” Y bắt đầu tự rót thêm một cốc rượu gin nữa, Bryce để ý thấy tay y rung lên khi làm động tác rót rượu. Tay y lại tiếp tục chao đảo khi đặt bình rượu xuống bàn. “Bản ghi âm không hề

là những bài thơ của người Anthea. Đúng hơn thì nó giống như một bức thư.”

“Thư gửi cho ai?”

“Cho vợ tôi, ông Bryce ạ. Cho một số người thông minh ở quê nhà đã huấn luyện tôi để tôi chuẩn bị cho... cho cuộc sống này. Tôi hi vọng một lúc nào đó, đài FM có thể phát sóng nó. Ông biết mà, chỉ có sóng của đài FM mới đi xuyên hành tinh. Nhưng theo tôi được biết thì người ta vẫn chưa phát sóng nó.”

“Thông điệp là gì vậy?”

“Ồ, là *Tạm biệt. Đi chết đi*. Đại loại như thế.”

Bryce cảm thấy ngày càng khó chịu. Trong một thoáng, gã ước gì mình đã dẫn Betty Jo đi cùng. Betty Jo có khả năng phi thường trong việc hồi phục lại trạng thái đầu óc minh mẫn, giúp mọi việc trở nên dễ hiểu hơn, thậm chí là dễ chấp nhận hơn. Nhưng vào thời điểm đó, không hiểu sao mà Betty Jo lại nghĩ rằng mình đã yêu T. J. Newton, chuyện đó thậm chí còn kì khôi hơn cả chuyện này nữa. Gã im lặng, không biết phải nói gì nữa.

“Ông Nathan à, tôi nghĩ là ông sẽ không cảm thấy phiền nếu tôi gọi ông là Nathan đúng không. Bây giờ ông đã tìm thấy tôi rồi, ông muốn điều gì ở tôi?” Y mỉm cười, nụ cười ẩn giấu sau cặp kính và chiếc mũ lông bạch. Nụ cười ấy dường như cũng già cỗi tựa mặt trăng, hầu như không phải là nụ cười của con người một chút nào cả.

Bryce đột nhiên cảm thấy ngượng ngùng khi đối diện với nụ cười đó, với âm điệu trầm buồn, mệt mỏi, kiệt quệ trong giọng nói của Newton. Gã tự rót cho mình thêm một cốc rượu trước khi trả

lời, vô tình để miệng chai va phải cốc kêu keng một tiếng. Rồi gã uống trong lúc chăm chú nhìn Newton, nhìn vào cặp kính phẳng lì, không phản quang có màu xanh lá của Newton. Gã cầm cốc rượu đã uống sạch bằng cả hai tay, chống khuỷu tay lên bàn rồi nói: “Tôi muốn ông cứu thế giới, ông Newton à.”

Nụ cười của Newton vẫn không thay đổi, y trả lời ngay lập tức: “Có đáng để cứu không, Nathan?”

Gã không đến đây để đổi chác sự mĩa mai. “Có” gã nói. “Tôi nghĩ là đáng. Dù sao đi nữa, tôi cũng muốn sống hết mình.”

Đột nhiên, Newton rướn người về phía quầy bar. “Anh Elbert, anh Elbert ới.”

Người pha chế là một gã nhỏ con, khuôn mặt u buồn, xanh xao, ngẩng đầu lên thoát khỏi cơn mơ màng. “Dạ, ông cần chi?” Anh ta hỏi, giọng nhỏ nhẹ.

“Anh Elbert,” Newton nói, “anh có nhận ra tôi không phải là con người không? Anh có biết tôi đến từ hành tinh khác tên là Anthea, và tôi đến đây bằng tàu vũ trụ không?”

Người pha chế nhún vai. “Tôi đã từng nghe qua,” anh nói.

“Là tôi đấy,” Newton nói, “tôi thực sự đã từng như thế.” Y ngừng lại, Bryce nhìn y chăm chăm, bị chấn động không phải vì những gì Newton vừa nói, mà là vì âm điệu trẻ con non dại ngờ nghệch trong giọng nói của y. Họ đã làm gì y? Họ chỉ làm y bị mù thôi ư?

Newton lại hỏi người pha chế. “Anh Elbert, anh có biết tại sao tôi lại đến thế giới này không?”

Lần này, người pha chế thậm chí còn không buồn ngẩng đầu lên. “Không ạ, tôi chưa từng nghe qua.”

“À, tôi đến để cứu anh đấy.” Giọng Newton nghe rành rọt, mỉa mai, nhưng lại phảng phất chút kích động. “Tôi đến để cứu tất cả các anh.”

Bryce có thể nhìn thấy người pha chế đang khe khẽ cười. Thế rồi, anh ta nói khi vẫn ở sau quầy bar. “Ông làm tốt lắm. Chúng ta cần sự cứu giúp sớm càng tốt.”

Newton cúi đầu. Bryce không thể phân biệt được đó là do y thấy xấu hổ, tuyệt vọng hay mệt mỏi. “Quả đúng là như vậy.” Y nói nhỏ, gần giống như lời thì thầm. “Chúng ta cần sự cứu giúp càng sớm càng tốt.” Rồi y ngẩng đầu lên và mỉm cười với Bryce. “Anh có gặp Betty Jo không?” Y hỏi.

Câu hỏi đó khiến gã gỡ bỏ hết lớp phòng thủ. “Có...”

“Cô ấy như thế nào rồi? Betty Jo như thế nào rồi?”

“Cô ấy vẫn ổn. Cô ấy nhớ ông. Giống như anh Elbert nói, ‘Chúng ta cần sự cứu giúp càng sớm càng tốt.’ Ông có thể làm điều đó không?”

“Không thể. Tôi xin lỗi.”

“Không còn cơ hội nào sao?”

“Không. Tất nhiên là không. Chính phủ đã biết mọi điều về tôi...”

“Ông kể cho họ nghe à?”

“Tôi suýt nữa là kẻ, dù cũng không cần thiết. Họ dường như đã biết từ rất lâu rồi. Tôi nghĩ là chúng ta đã quá ngây thơ.”

“Ai? Ông và tôi ư?”

“Ông. Tôi. Những người dân ở quê nhà của tôi, những con người thông minh của tôi...” Y cất tiếng nhỏ nhẹ. “Chúng tôi đã quá ngây thơ, anh Elbert ạ.”

Giọng Elbert đáp lại cũng nhỏ nhẹ. “Đó là sự thật hả ông?” Anh ta có vẻ thực sự quan tâm, như thể trong thoáng chốc thực sự tin những điều Newton đang nói.

“Ông đã đi được cả một quãng đường dài.”

“Ồ, đúng là thế. Còn đi trên tàu nhỏ nữa. Cứ đi, cứ đi, cứ đi... Chuyến đi rất dài, Nathan ạ, nhưng trong khoảng thời gian đó, tôi cũng đọc nhiều.”

“Vâng. Nhưng ý tôi không phải như vậy. Ý tôi là ông đã đi được một chặng đường dài từ lúc hạ cánh xuống đây. Kiếm tiền, rồi xây con tàu mới...”

“Ồ, đúng là tôi đã kiếm rất nhiều tiền. Tôi vẫn còn đang kiếm nhiều mà. Nhiều hơn bao giờ hết. Tôi có tiền ở Louisville, tiền ở New York, năm trăm đô la trong túi và khoản tiền trợ cấp cho người già của chính phủ nữa. Bây giờ tôi đã là một công dân, Nathan à. Họ đã cấp phép cho tôi làm một công dân. Có lẽ, tôi còn có thể rút tiền bảo hiểm thất nghiệp nữa cơ. World Enterprises vẫn đang vận hành mà không cần có tôi, Nathan ơi. World Enterprises.”

Bryce kinh hoàng trước vẻ ngoài và cung cách nói năng kì lạ của Newton, gãi khó lòng nhìn y được nữa nên đành cúi đầu nhìn xuống bàn. “Ông có thể hoàn thành con tàu được không?”

“Ông nghĩ là họ sẽ cho tôi làm à?”

“Ông có thừa tiền mà...”

“Ông nghĩ tôi có muốn không?”

Bryce ngược nhìn y. “VẬY, ông có muốn không?”

“Không.” Đột nhiên, khuôn mặt Newton bỗng già cỗi hơn, điềm tĩnh, ra vẻ con người hơn. “Hoặc là có, tôi nghĩ là tôi cũng muốn Nathan à. Nhưng ước muốn không đủ. Không đủ.”

“VẬY còn dân tộc ông thì sao? Gia đình ông thì sao?”

Newton lại nở nụ cười dị thường đó lần nữa. “Tôi hình dung là tất cả họ rồi cũng sẽ chết. Nhưng có lẽ, họ sẽ sống lâu hơn ông.”

Bryce rất ngạc nhiên trước những lời y nói. “Họ có hủy tâm trí ông khi họ hủy đi đôi mắt ông không vậy, ông Newton?”

Biểu cảm của Newton không hề thay đổi. “Ông chẳng hiểu gì về tâm trí của tôi cả, ông Nathan ơi. Đó là bởi vì ông là một con người.”

“Ông đã thay đổi rồi, ông Newton.”

Newton cười nhạt. “Thành cái gì hả, Nathan? Tôi đã thay đổi thành cái gì đó mới, hay quay trở về cái cũ?”

Bryce không biết phải trả lời thế nào nên gãi im lặng.

Newton tự rót một ít rượu cho mình rồi đặt lên bàn. Y nói: “Thế giới này rồi sẽ bị diệt vong như thành phố Sodom, mà tôi cũng

chẳng làm được gì đâu.” Y ngập ngừng. “Phải, một phần tâm trí của tôi đã bị hủy hoại.”

Bryce vẫn đang tìm kiếm sự phản kháng, gã nói: “Con tàu...”

“Con tàu vô dụng rồi. Nó phải được hoàn thành đúng thời điểm, mà bây giờ không còn đủ thời gian nữa. Những hành tinh của chúng ta không ở khoảng cách đủ gần trong vòng bảy năm nữa. Chúng đã di chuyển tách xa nhau. Nước Mĩ sẽ không bao giờ cho tôi đóng tàu đâu. Nếu có đóng được thì họ cũng không bao giờ cho tôi phóng đi. Mà nếu tôi có phóng đi được thì họ cũng sẽ bắt giữ những người Anthea quay trở về trên con tàu đó thôi, rồi có lẽ là còn làm họ mù nữa. Và hủy hoại tâm trí của họ...”

Bryce đã uống cạn cốc của gã. “Ông nói là ông có vũ khí.”

“Phải, tôi đã nói như thế. Thực ra là nói dối. Tôi chẳng có vũ khí nào cả.”

“Tại sao ông lại nói dối?”

Newton rướn người về phía trước, chậm rãi đặt khuỷu tay lên bàn. “Nathan à. Nathan ơi. Tôi đã e sợ ông khi đó. Bây giờ tôi cũng còn e sợ. Tôi sợ hãi tất cả mọi thứ trong từng khoảnh khắc sống trên hành tinh này, trên hành tinh khổng lồ, xinh đẹp, đáng sợ này, một hành tinh đầy rẫy những sinh vật kì lạ, còn nguồn nước thì dồi dào, sợ luôn cả những con người ở đây nữa. Bây giờ tôi cũng còn e sợ. Tôi sợ mình sẽ chết ở đây.”

Y ngừng lại, và khi thấy Bryce vẫn không nói gì, y lại bắt đầu nói. “Nathan ơi, hãy cứ thử nghĩ là ông đang sống chung với lũ khỉ suốt sáu năm đi. Hoặc là sống với côn trùng, sống với đàn kiến bóng nhẫy, loi nhoi, vô tri.”

Sau vài phút, tâm trí Bryce dần trở nên cực kì sáng rõ. “Tôi nghĩ là ông đang nói dối, ông Newton à. Chúng tôi không phải là côn trùng đối với ông. Có thể ban đầu thì là như thế, nhưng bây giờ không phải vậy nữa.”

“Ồ vâng, chắc chắn là tôi yêu các người. Một vài người trong số các người. Nhưng dù sao thì các người cũng là côn trùng thôi. Tuy nhiên, có lẽ tôi giống ông hơn là giống chính mình.” Y mỉm nụ cười già nua, gượng gạo. “Dẫu sao thì các người cũng là đề tài nghiên cứu của tôi, nhân loại các người. Tôi đã mất cả đời mình nghiên cứu các người.”

Đột nhiên người pha chế gọi họ. “Các ông có cần cốc sạch không ạ?”

Newton hớp cạn cốc của y. “Sao cũng được,” y nói. “Đem ra cho chúng tôi hai cốc sạch đi, anh Elbert.”

Khi Elbert đang dùng miếng giẻ rách màu cam hơi lớn để lau bàn thì Newton nói: “Anh Elbert ơi. Rốt cuộc, tôi đã quyết định sẽ không cố gắng giải cứu chúng ta nữa.”

“Thế thì buồn quá,” Elbert nói. Anh đặt mấy chiếc cốc sạch lên cái bàn còn ẩm ướt. “Tôi rất tiếc khi nghe vậy.”

“Đáng tiếc phải không?” Y mò mẫm tìm chai rượu gin mới đặt trên bàn, khi đã tìm được rồi thì rót rượu vào cốc. Trong lúc rót, y hỏi: “Ông có gặp Betty Jo thường xuyên không, Nathan?”

“Có. Bây giờ cô Betty Jo và tôi đang sống chung.”

Newton nhấp một ngụm rượu. “Như người yêu à?”

Bryce khẽ cười. “Phải, như người yêu, ông Newton à.”

Khuôn mặt của Newton không biểu lộ gì cả, Bryce biết kiểu không biểu lộ này chính là lớp mặt nạ để che giấu cảm xúc của y. “Thì cuộc sống phải tiếp diễn thôi.”

“Thế chứ ông còn mong đợi cái gì nữa?” Bryce nói. “Tất nhiên cuộc sống thì phải tiếp diễn mà.”

Đột nhiên Newton bật cười. Bryce sửng sờ, gã chưa bao giờ nghe y cười trước đây. Trong lúc vẫn còn run rẩy vì tròng cười thì Newton nói: “Đó là điều tốt mà. Bây giờ cô ấy sẽ không còn cô đơn nữa. Cô ấy ở đâu?”

“Ở nhà tại Louisville, sống cùng mấy con mèo. Có lẽ giờ đang say xỉn.”

Giọng Newton lại điềm tĩnh. “Ông có yêu cô ấy không?”

“Ông sao thế,” Bryce nói. Gã không thích tiếng cười của Newton. “Cô ấy là một người phụ nữ tuyệt vời. Tôi sống hạnh phúc với cô ấy.”

Bây giờ Newton lại mỉm cười dịu dàng. “Đừng hiểu lầm tiếng cười của tôi nhé, Nathan. Tôi nghĩ đó là một điều tốt, cho cả hai. Hai người đã kết hôn chưa?”

“Chưa. Nhưng tôi đang có dự tính.”

“Bằng mọi giá cũng phải cưới cô ấy nhé. Cưới rồi cùng đi tuần trăng mật. Ông có cần tiền không?”

“Đó không phải là nguyên nhân tôi vẫn chưa cưới cô ấy. Nhưng đúng là có thể tôi cần phải dùng đến một số tiền. Ông có muốn cho tôi tiền không?”

Newton lại bật cười. Y dường như cực kì vui sướng. “Ồi được chứ. Ông cần bao nhiêu?”

Bryce nhấp một ngụm rượu. “Một triệu đô.”

“Tôi sẽ viết cho ông một ngân phiếu,” Newton mò mẫm trong túi áo sơ mi rồi lấy ra một tập ngân phiếu, đặt lên bàn. Đó là tập ngân phiếu của ngân hàng Chase Manhattan. “Tôi đã từng xem một chương trình về tờ ngân phiếu một triệu đô trên ti vi.” Y nói. “Hồi còn ở quê nhà.” Y đẩy tờ ngân phiếu về phía Bryce. “Ông điền vào đây rồi tôi sẽ kí tên.”

Bryce lấy cây viết bi từ trong túi ra rồi viết tên gã và con số 1.000.000 đô lên tờ ngân phiếu. Gã lại viết cẩn thận bằng chữ. Một triệu đô. Gã đẩy tập ngân phiếu về phía bên kia chiếc bàn. “Tôi viết xong rồi đó,” gã nói.

“Ông phải chỉ tay cho tôi nữa.”

Thế là Bryce đứng dậy, đi vòng qua chiếc bàn, dúi cây bút vào tay Newton rồi nắm bàn tay y trong lúc người Anthea viết. Cái tên Thomas Jerome Newton, được viết bằng nét chữ rõ ràng, cứng cáp.

Bryce cất tờ ngân phiếu vào ví của mình. “Ông có nhớ một bộ phim chiếu trên truyền hình có tên là *Thư gửi ba người vợ*³³ không?” Newton hỏi.

“Không.”

“À, tôi học viết chữ tiếng Anh từ ảnh chụp lại bức thư đó, cách đây hai mươi năm ở Anthea. Chúng tôi thu được hình ảnh rõ ràng của bộ phim đó từ rất nhiều kênh khác nhau.”

“Nét chữ viết tay của ông rất dễ đọc.”

Newton mỉm cười. “Tất nhiên là thế. Chúng tôi thực hiện tất cả mọi thứ cực kì tốt. Không có việc nào là xem nhẹ, tôi đã rất nỗ lực để có thể bắt chước làm một con người.” Y ngẩng mặt lên nhìn Bryce như thể y thực sự thấy được gã. “Và tất nhiên là tôi đã thành công.”

Bryce không nói gì, chỉ quay trở lại ghế của gã. Gã cảm thấy mình nên tỏ ra đồng cảm, hay một biểu hiện gì đó tương tự, nhưng gã lại chẳng có chút cảm giác nào cả. Thế nên gã vẫn im lặng.

“Ông và Betty sẽ đi đâu? Với số tiền đó?”

“Tôi không biết nữa. Có thể là băng qua Thái Bình Dương, đến Tahiti. Có lẽ sẽ mang theo một cái máy điều hòa nữa.”

Newton lại bắt đầu nở nụ cười như ánh trăng, một nụ cười dị thường của người Anthea.

“Rồi uống cho say nữa đúng không, Nathan?”

Bryce cảm thấy không thoải mái. “Chúng tôi có lẽ sẽ làm như thế.” Gã nói. Gã thực sự không biết mình sẽ dùng số tiền một triệu đô vào việc gì. Mọi người hẳn là sẽ tự hỏi bản thân rằng họ sẽ làm gì nếu được ai đó cho một triệu đô, nhưng gã thì chưa bao giờ tự hỏi chính mình như vậy. Có thể họ sẽ thực sự đến Tahiti rồi say khướt trong một túp lều, nếu ở Tahiti còn lều. Không thì họ có thể trọ ở khách sạn Tahiti Hilton.

“Ừm, tôi chúc ông thượng lộ bình an.” Newton nói. “Tôi rất vui vì mình có thể dùng tiền để làm điều gì đó có ý nghĩa. Tôi có nhiều tiền khủng khiếp.”

Bryce đứng dậy để rời đi, cảm thấy mệt nhừ và hơi say. “Chẳng lẽ không còn cơ hội nào sao?”

Newton ngẩng đầu lên mỉm cười với gã theo lối còn dị thường hơn cả trước đây: Khuôn miệng ẩn dưới mũi, kính nhìn giống như đường cong vụng về trong bức tranh của một đứa trẻ vẽ nụ cười. “Tất nhiên, Nathan,” y nói. “Tất nhiên là còn cơ hội.”

“Ừm, cảm ơn ông đã cho tôi tiền.” Bryce nói.

Vì cặp kính râm nên Bryce không thể nhìn thấy đôi mắt của Newton, nhưng với gã thì dường như Newton đang dõi mắt nhìn khắp nơi. “Dễ đến thì cũng dễ đi, Nathan à,” Y nói. “Dễ đến thì cũng dễ đi.” Newton bắt đầu run rẩy. Cơ thể gầy nhom của y ngã về phía trước, chiếc mũ phớt lạng lẽ rơi xuống bàn để lộ ra mái đầu bạc trắng của y. Thế rồi, mái đầu Anthea gục ngã xuống cánh tay Anthea khẳng khiu và Bryce thấy y đang khóc.

Bryce đứng im lặng, chăm chú nhìn y một lúc. Rồi gã đi vòng qua cái bàn, quỳ xuống, vòng cánh tay qua thân người Newton, dịu dàng ôm lấy y, cảm nhận được cơ thể nhẹ bẫng ấy đang run lên trong vòng tay của gã như cơ thể của một loài chim thanh nhã, đang run rẩy, đang thống khổ.

Người pha chế lúc này đã tiến đến và khi Bryce ngẩng đầu lên nhìn thì anh ta nói: “Tôi e là ông bạn đây cần được giúp đỡ.”

“Phải.” Bryce nói. “Phải, tôi cũng nghĩ là ông ấy cần được giúp đỡ.”

HẠ PHÀM

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc **BÙI TUẤN NGHĨA**

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập **VŨ THỊ QUỲNH LIÊN**

Biên tập: **Phan Cao Hoài Nam**

Trình bày: **Thảo Phương**

Sửa bài: **Đắc Quý, Bảo Trung**

In và gia công 2.000 bản - Khổ (14x20.5)cm, tại Công ty TNHH
MTV Lê Quang Lộc,

Địa chỉ: 161 Lý Chính Thắng, Q.3, TP.HCM.

SỐ XNĐKXB: 44-2023/CXBIPH/113-03/KĐ cấp ngày 06 tháng 01
năm 2023.

Quyết định xuất bản số: 10/QĐKĐCN cấp ngày 10/02/2023.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2023

ISBN 978-604-2-28257-4

CHÚ THÍCH

[1] Cân Anh, hay *pound*, một cân Anh nặng khoảng 0,45 kí-lô-gam.

[2] Hay “nhịp hơi nhanh”, nhanh hơn nhịp *andante* nhưng không nhanh bằng nhịp *allegro*.

[3] Mauricio Leib Lasansky (1914 – 2012) là một họa sĩ và nhà sư phạm người Argentina, có công cải tiến kĩ thuật in khắc lõm.

[4] Theo thần thoại Hi Lạp, Icarus là con trai của Daedalus, một người thợ cả tài ba. Daedalus được vua Minos cho vời đến xây mê cung nhốt quái vật Minotaur nửa người nửa bò. Nhưng người hùng Theseus lại giết được Minotaur và thoát khỏi mê cung. Tức giận, vua Minos ra lệnh giam cầm Daedalus và con trai ông. Sau đó, Daedalus nghĩ ra cách dùng lông vũ, chỉ và sáp làm thành đôi cánh để vượt ngục. Trước khi lên đường, Daedalus đã căn dặn Icarus chớ có bay lên quá cao, vì sức nóng của mặt trời sẽ làm sáp tan chảy, cũng chớ có sà xuống thấp vì bọt nước sẽ thấm ướt khiến đôi cánh trĩu nặng. Icarus quên lời cha, bay đến gần mặt trời khiến đôi cánh tan rã, chàng rơi tõm xuống biển, mất mạng.

[5] Pieter Bruegel Cha (khoảng từ năm 1525 đến 1530 – 1569) là một danh họa Hà Lan có tầm ảnh hưởng lớn.

[6] Wystan Hugh Auden (1907 – 1973) là một nhà thơ Mĩ gốc Anh. Những dòng thơ trên được trích từ bài “Bảo tàng Mĩ thuật” (1938) do ông sáng tác sau khi thăm bảo tàng ở Brussels, Bỉ, và

được ngắm nhiều tác phẩm của các danh họa cổ điển, trong đó có Bruegel Cha.

[7] Tập thơ thiếu nhi xuất bản năm 1885, gồm 64 bài, của nhà thơ, nhà văn nổi tiếng người Scotland Robert Louis Stevenson (1850-1894).

[8] J. Robert Oppenheimer (1904 – 1967) là một nhà vật lý người Mỹ, một trong những nhà khoa học khai sinh ra bom nguyên tử.

[9] Wamsutta (khoảng 1634 – 1662), hay Alexander Pokanoket, là chiến binh da đỏ, con trai của tù trưởng Sachem Vĩ Đại (khoảng 1581 – 1661), vị tù trưởng lãnh đạo tộc Wampanoag.

[10] Một loại nhạc cụ có dây, khá giống đàn tranh. Số lượng dây mỗi loại đàn zither khác nhau, từ một đến năm mươi dây.

[11] Ezra Weston Loomis Pound (1885 – 1972) là một thi sĩ, nhà phê bình văn chương người Mỹ.

[12] Một phong cách nghệ thuật và thiết kế nội thất của Pháp thế kỷ 18.

[13] Một dòng họ các điêu khắc gia người Pháp, có danh tiếng trong việc chế tác ra những đồ nội thất theo phong cách Rococo cầu kì, hoa mỹ.

[14] Một chương trình phát hàng tuần vào các tối Chủ Nhật ở Mỹ, lên sóng từ năm 1937 tới năm 1968.

[15] Johann Baptist Strauss II (1825 – 1899) là một nhà soạn nhạc người Áo.

[16] Tác phẩm được nhà soạn nhạc Áo Franz von Suppé (1819 – 1895) sáng tác năm 1846.

[17] Paul Klee (1879 – 1940) là một danh họa gốc Đức.

[18] Một trò chơi bài sử dụng bộ bài tiêu chuẩn 52 lá, trong đó bốn người chơi chia làm hai đội để đấu với nhau, phổ biến ở Anh.

[19] Diễn viên, tác giả, nhà viết kịch và nhà làm phim người Anh đã thành công ở Hoa Kỳ. Ông thắng giải Oscar Nam chính với phim *Disraeli* (1929).

[20] Tên đầy đủ là Hernán Cortés, một trong những người mở đường cho công cuộc thuộc địa hóa châu Mỹ của Tây Ban Nha vào thế kỷ 16.

[21] Nhân vật hư cấu trong truyện ngắn *Truyện thuyết bóng ma không đầu* của Washington Irving, được miêu tả là một cá thể to lớn, cao lêu nghêu.

[22] Sinh vật siêu nhiên có hình dáng như con người, nhưng tí hon, trong thần thoại và văn hóa dân gian của nhóm sắc tộc German.

[23] Người khổng lồ độc ác là nhân vật trong nhiều truyện thần thoại Bắc Âu.

[24] Nhóm người gốc Phi sống ở vùng Lowcountry, Hoa Kỳ, gồm các bang Georgia, Florida, vùng ven biển và Quần đảo Biển của bang Nam Carolina. Họ đã phát triển một nền văn hóa mang ảnh hưởng châu Phi.

[25] Một tác phẩm âm nhạc nhiều chương có cấu trúc chặt chẽ.

[26] Một thể loại thanh nhạc thể tục phát triển vào thời kỳ Phục Hưng đến thời kỳ đầu Baroque.

[27] Bản nhạc được soạn cho thanh nhạc, có hình thức và phong cách đa dạng.

[28] Thể thơ bao gồm sáu khổ, mỗi khổ sáu dòng.

[29] Thể thơ mười chín dòng.

[30] Thể loại thơ ca thời Trung cổ và Phục hưng của Pháp, thường bao gồm ba khổ thơ tám dòng.

[31] Thể thơ có nguồn gốc từ Ý, gồm mười bốn dòng với luật gieo vần nghiêm ngặt và cấu trúc nhất định.

[32] Một vùng không gian ngoài Trái Đất, vị trí tương đối là phía trên vùng biển Nam Đại Tây Dương, có độ cao từ khoảng 500 đến 58.000 km.

[33] Bộ phim truyền hình hài - lãng mạn của Mỹ năm 1949, kể về một người phụ nữ gửi thư cho ba người phụ nữ, nói với họ rằng cô ấy đã rời thị trấn với chồng của một trong số họ, nhưng không nói là người nào.